

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 1+ 2

BÀI 1

**CHƯƠNG I:
TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?**

LỊCH SỬ LÀ GÌ?

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được các khái niệm *lịch sử* và môn *Lịch sử*.
- Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.
- Giải thích được vì sao cần học lịch sử.
- Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu.
(hs tự học)

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được ý kiến, sản phẩm của nhóm, đánh giá các sản phẩm của các bạn trong nhóm hoặc của nhóm khác; có thái độ hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm
- Giải quyết vấn đề sáng tạo: phân tích, tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: thông qua quan sát, sưu tầm tư liệu, bước đầu nhận diện và phân biệt được các khái niệm lịch sử và khoa học lịch sử, các loại hình và dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử.
- Biết cách đặt các câu hỏi để khai thác tư liệu lịch sử
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Hiểu được lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ
 - + Nêu được khái niệm Lịch sử và môn Lịch sử
 - + Giải thích được vì sao cần học lịch sử.
- Vận dụng:
 - + Vận dụng kiến thức đã học để giải thích một vấn đề thực tiễn hiện nay.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước:
 - + Tôn trọng quá khứ, có ý thức bảo vệ các di sản của thế hệ đi trước để lại
- Trách nhiệm: Có thái độ đúng đắn khi tham quan các di tích, bảo tàng...

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Máy tính
- Một số tranh ảnh được phóng to, một số mẫu chuyện lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

2. Học sinh:

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, vấn đáp gợi mở, hợp tác

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động: khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho hs, kết nối với bài học mới

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hãy mô tả lớp học của mình ở thời điểm hiện tại (HS có thể miêu tả bằng nhiều cách khác nhau như vẽ tranh, vẽ biếm họa, viết đoạn văn miêu tả,...)

Câu hỏi: Theo em, những miêu tả của các em có giống nhau không? Vì sao?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày cá nhân theo quan điểm và hiểu biết của từng học sinh

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu lịch sử và môn lịch sử.

a. Mục tiêu: Nêu được các khái niệm *lịch sử* và môn *Lịch sử*.

- Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ

b. Tổ chức hoạt động:

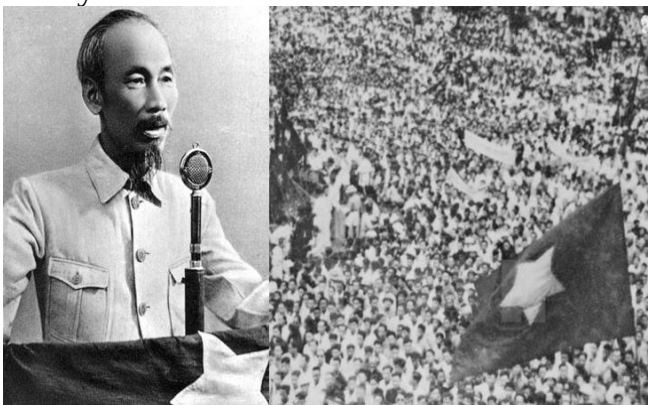
<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Lịch sử là gì? Em hãy nêu 1 ví dụ cụ thể về Lịch sử 2. Quan sát hình 1.1 (rồng đá trước thềm điện Kính Thiên), em hãy đặt những câu hỏi giúp em tìm hiểu về quá khứ khi quan sát bức ảnh? 3. Đọc Phần Em có biết và nêu những yếu tố cơ bản khi tìm hiểu về một chuyện đã xảy ra trong quá khứ là gì? Bước 2: thực hiện trao đổi cặp đôi, kỹ thuật Think-pair-share, thời gian 5 phút - Think: HS làm việc cá nhân, thời gian 2 phút - Pair: Sau đó, HS trao đổi cặp đôi (bạn bên cạnh), thời gian 2 phút - Share: HS được mời chia sẻ, GV gọi ngẫu nhiên theo STT, HS nêu ý kiến không trùng lặp với ý kiến của HS khác, thời gian 1 phút Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả sau khi đã trao đổi với bạn cùng bàn.	1. Lịch sử là gì? - Lịch sử là tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ, bao gồm mọi hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến nay. - Môn Lịch sử là môn khoa học tìm hiểu về lịch sử loài người, bao gồm những hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ.

- Những yếu tố cơ bản về một chuyện xảy ra trong quá khứ: thời gian, không gian xảy ra và con người liên quan tới sự kiện đó. - Tự đặt ra và trả lời những câu hỏi như: + Việc đó xảy ra khi nào? Ở đâu? + Xảy ra như thế nào? Vì sao lại xảy ra? + Ai liên quan đến việc đó? Việc đó có ý nghĩa và giá trị gì đối với ngày nay Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, kết luận - - Gv chuyển ý sang mục 2	
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu vì sao phải học lịch sử?

a. Mục tiêu: Giải thích được vì sao cần học lịch sử.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát đoạn video (hoặc tranh ảnh) sự kiện: Chủ tịch HCM đọc tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình (2/9/1945) và hình ảnh và câu nói của Hồ Chí Minh (SGK Tr10); thảo luận nhóm theo kĩ thuật “Khăn trải bàn”; thời gian 5 phút; theo yêu cầu sau:  Hình ảnh Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập <table border="1"> <thead> <tr> <th>Yêu cầu</th><th>Sản phẩm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Câu 1: Đây là sự kiện gì; diễn ra ở đâu? vào thời gian nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Câu 2: Sự kiện này có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Việt Nam?</td><td></td></tr> <tr> <td>Câu 3: câu nói: “<i>Dân ta phải biết sử ta/Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam</i>”. Em hiểu gì về từ “gốc</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1: Đây là sự kiện gì; diễn ra ở đâu? vào thời gian nào?		Câu 2: Sự kiện này có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Việt Nam?		Câu 3: câu nói: “ <i>Dân ta phải biết sử ta/Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam</i> ”. Em hiểu gì về từ “gốc		<u>2. Vì sao phải học lịch sử?</u> - Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước, hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước ngày nay. - Học lịch sử để đúc kết những bài học kinh nghiệm của quá khứ nhằm phục vụ cho hiện tại và tương lai.
Yêu cầu	Sản phẩm								
Câu 1: Đây là sự kiện gì; diễn ra ở đâu? vào thời gian nào?									
Câu 2: Sự kiện này có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Việt Nam?									
Câu 3: câu nói: “ <i>Dân ta phải biết sử ta/Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam</i> ”. Em hiểu gì về từ “gốc									

tích” trong câu thơ của chủ tịch Hồ Chí Minh? Nêu ý nghĩa của hai câu thơ trên.	
Câu 4: Qua những ví dụ trên, em hãy cho biết: vì sao phải học lịch sử?	
Bước 2: Các nhóm hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào bảng phụ Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả (GV mời 2 nhóm treo lên bảng, các nhóm còn lại treo sản phẩm xung quanh lớp học) Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý). - GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý) Câu hỏi: Có ý kiến cho rằng: Lịch sử là những gì đã qua, không thể thay đổi được nên không cần thiết phải học môn Lịch sử. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Tại sao? (HS sẽ có nhiều ý kiến trái chiều, GV có thể từ đó chia lớp thành 2 nhóm với 2 quan điểm khác nhau, HS sẽ tham gia tranh luận để bảo vệ ý kiến của nhóm mình, GV hướng dẫn HS đến câu trả lời chính xác)	

Hoạt động 3: Tìm hiểu khám phá quá khứ từ các nguồn sử liệu

a.Mục tiêu:

Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản , ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu

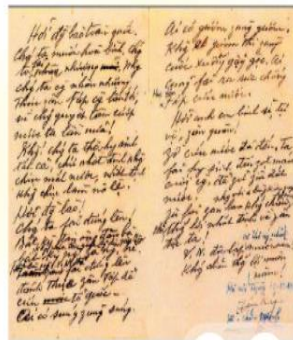
b. Tổ chức thực hiện :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao NV học tập - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, đọc thông tin về các nguồn sử liệu và quan sát Hình 1.3 đến Hình 1.6 và trả lời câu hỏi: + Kể tên , Trình bày đặc điểm của các nguồn sử liệu? Nguồn sử liệu nào có giá trị lịch sử xác thực nhất, tại sao?	3. Khám phá quá khứ từ các nguồn sử liệu - Có nhiều nguồn tư liệu khác nhau như tư liệu truyền miệng, tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết... - Đặc điểm của các nguồn sử liệu : + Tư liệu gốc: liên quan trực tiếp đến sự kiện phản ánh sự kiện lịch sử đó-> đáng tin cậy nhất

+ Hãy cho biết các hình từ Hình 1.3 đến Hình 1.6 hình nào là tư liệu gốc?



1.3. Tư liệu gốc được lưu giữ dưới nhiều dạng khác nhau



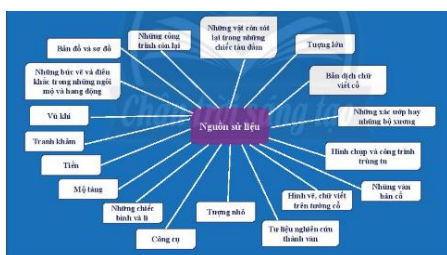
Bước 2:

HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.
- GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi HS trả lời câu hỏi.
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV mở rộng kiến thức, cho HS quan sát sơ đồ tư duy nguồn sử liệu:



Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ Tư liệu truyền miệng: truyền thuyết, thần thoại, ca dao, dân ca,... được truyền từ đời này qua đời khác.

+ Tư liệu chữ viết : gồm các bản chữ khắc trên xương, mai rùa, vỏ cây, đá, các bản chép tay hay in trên giấy...

+ Tư liệu hiện vật là những dấu tích vật chất của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất như các công trình kiến trúc, các tác phẩm nghệ thuật, đồ gốm,...

3. Hoạt động :Luyện tập

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ của bài tập

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: Nhà chính trị nổi tiếng của La Mã cổ đại Xi-xê-rông đã nói: “Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống”. Em có đồng ý với nhận xét đó không? Vì sao?

Câu 2: Hãy cùng chia sẻ với cả lớp về cách học lịch sử của bản thân mình (học qua các nguồn, hình thức nào, học như thế nào, em thấy cách học nào hiệu quả nhất...)

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1:

- Đồng ý với ý kiến vì:

+ Lịch sử cho ta biết về quá khứ của một dân tộc, nền văn hóa và truyền thống của một dân tộc, chủ quyền của đất nước. Qua đó nhắc nhở ta hãy nhớ về quá khứ của dân tộc mình, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và hơn hết nhắc nhở ta đấu tranh bảo vệ đất nước.

+ Lịch sử còn để đúc kết những bài học kinh nghiệm về sự thành công và thất bại của quá khứ để phục vụ hiện tại và xây dựng cuộc sống mới trong tương lai. Chính vì vậy lịch sử xứng đáng được coi là thầy dạy của cuộc sống.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động: Vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

Cửa Bắc, một kiến trúc cổ, nằm trên phố Phan Đình Phùng, Hà Nội ngày nay. Trên tường vẫn còn nguyên dấu vết đạn pháo của thực dân Pháp khi đánh chiếm thành Hà Nội năm 1882. Có ý kiến cho rằng nên trùng tu lại mặt thành, xóa đi những vết đạn pháo đó, em có đồng ý với ý kiến đó không? Tại sao?



H1.7 Cửa Bắc (Hà Nội)

Bước 2: HS thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

(HS trả lời tùy theo quan điểm cá nhân, nhưng cần hướng HS đến việc xóa bỏ những dấu tích lịch sử là không nên và giải thích)

Việc trùng tu lại khu kiến trúc là điều tốt nhưng việc xóa bỏ những vết đạn pháo là không nên. Những dấu vết đó là minh chứng lịch sử hùng hồn, minh chứng cho lịch sử chiến đấu kiên cường của dân tộc nên việc xóa bỏ nó cũng như là chính chúng ta đang xóa bỏ lịch sử của dân tộc vậy.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 3

BÀI 2: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết được một số khái niệm về thời gian trong lịch sử.
- Biết được 1 số cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, âm lịch, dương lịch, Công lịch, trước Công nguyên, Công nguyên, dương lịch, âm lịch,...;

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được ý kiến, sản phẩm của nhóm, đánh giá các sản phẩm của các bạn trong nhóm hoặc của nhóm khác; có thái độ hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: Quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Nêu được một số khái niệm về thời gian trong lịch sử.
 - + Biết được 1 số cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, âm lịch, dương lịch, Công lịch, trước Công nguyên, Công nguyên, dương lịch, âm lịch,...;
 - + Giải thích vì sao vì sao phải xác định được thời gian trong lịch sử.
- Vận dụng:
 - + Biết vận dụng cách tính thời gian trong học tập lịch sử; vẽ được biểu đồ thời gian, tính được các mốc thời gian.
 - + Sắp xếp các sự kiện lịch sử theo trình tự thời gian

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Biết quý trọng thời gian, sắp xếp thời gian 1 cách hợp lí trong cuộc sống và sinh hoạt bản thân.
- Chăm chỉ: có cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập,

- Bảng hoạt động nhóm, sưu tầm và chọn lọc tư liệu dạy học.
- Tranh ảnh, tài liệu liên quan

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, hợp tác, sử dụng sơ đồ
- Kỹ thuật: 321, phòng tranh, trò chơi, đóng vai, khăn trải bàn...

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho hs, kết nối với bài mới

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS quan sát H1. Một tờ lịch treo tường (hoặc tờ lịch HS chuẩn bị);
- HS đọc các thông tin trong tờ lịch và trả lời các câu hỏi:

1/ Em hãy ghi lại các mốc thời gian có trong tờ lịch.

2/Giải thích vì sao trong tờ lịch lại có hai hệ thống ngày, tháng, năm khác nhau?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả: HS trình bày cá nhân theo quan điểm và hiểu biết của từng học sinh

Bước 4: Giáo viên dẫn vào bài mới:

2. Hoạt động : Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu âm lịch và dương lịch

a. Mục tiêu: Biết được một số khái niệm về thời gian trong lịch sử.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>		<u>Nội dung ghi bảng</u>
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Theo dõi đoạn vi đeo sau đây và trả lời câu hỏi: ?Người xưa sáng tạo ra lịch dựa trên cơ sở nào? ?Thế nào là Âm lịch? Dương lịch? 2. Câu đồng dao <i>“...Mười rằm trăng nấu</i> <i>Mười sáu trăng treo”</i> Thể hiện cách tính thời gian của người xưa theo âm lịch hay dương lịch? 3.Hs quan sát ảnh đồng hồ Mặt trời và trả lời câu hỏi : Tại sao lại gọi đây là đồng hồ Mặt trời? Bước 2: HS thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ, Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả Dự kiến sản phẩm:		1. Âm lịch và dương lịch: - - Âm lịch là cách tính thời gian theo chu kỳ chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất. - Dương lịch là cách tính thời gian theo chu kỳ chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.
Yêu cầu	Sản phẩm	
Câu 1:	- Người xưa sáng tạo ra lịch trên cơ sở theo dõi chu kỳ	

?Người xưa sáng tạo ra lịch dựa trên cơ sở nào? ?Thế nào là Âm lịch? Dương lịch?	chuyển động của Mặt Trăng quanh TĐ và của TĐ quanh MT - Âm lịch là cách tính thời gian theo chu kì chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất. - Dương lịch là cách tính thời gian theo chu kì chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.	
Câu 2: . Câu đồng dao “...Mười rằm trăng nấu Mười sáu trăng treo” Thể hiện cách tính thời gian của người xưa theo âm lịch hay dương lịch?	Câu đồng dao miêu tả hình dạng của Mặt Trăng theo chu kì các ngày trong tháng -> đây là cách tính tg theo âm lịch	
Câu 3 : Tại sao lại gọi đây là đồng hồ Mặt trời?	Đồng hồ này sử dụng cách đo thời gian dựa trên bóng nắng của Mặt Trời -> đây là gọi là đồng hồ mặt trời (nếu ban đêm thì đồng hồ Mt có sử dụng đc ko?)	
Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (HS khác nhận xét theo kĩ thuật 321: cho 3 lời khen, 2 hạn chế, 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi) - GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý) ?Theo em, thời gian có quan trọng không? Vì sao? Em sẽ làm gì để không lãng phí thời gian?		

Hoạt động 2: Tìm hiểu cách tính thời gian trong lịch sử

a. Mục tiêu:

- - Biết được 1 số cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, âm lịch, dương lịch, Công lịch, trước Công nguyên, Công nguyên, dương lịch, âm lịch,...;

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS quan sát H2.3; sơ đồ H2.4 và đọc tư liệu SGK (Tr16); hoạt động cặp đôi, kĩ thuật Think-pair-share, thời gian 5 phút - Think: HS làm việc cá nhân, thời gian 2 phút - Pair: Sau đó, HS trao đổi cặp đôi (bạn bên cạnh), thời gian 2 phút	<u>2. Cách tính thời gian:</u> -Lịch chung của thế giới là Công lịch, lấy năm chúa Giêsu ra đời là năm 1 của Công nguyên. + Trước năm 1 là trước Công nguyên.

- Share: HS được mời chia sẻ, GV gọi ngẫu nhiên theo STT, HS nêu ý kiến không trùng lặp với ý kiến của HS khác, thời gian 1 phút

- Thập kỉ = 10 năm; thế kỉ = 100 năm; thiên niên kỉ = 1000 năm.

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Lịch dùng chung trên thế giới là lịch nào? Cách tính thời gian theo lịch đó? Điền vị trí các đơn vị thời gian trên sơ đồ trục thời gian: công nguyên, trước công nguyên, thiên niên kỉ	
Câu 2: Em hãy giải thích các khái niệm sau: Trước công nguyên Công nguyên Thập kỉ Thế kỉ Thiên niên kỉ	

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 2: Lịch chính thức của thế giới hiện nay là gì?	Lịch chung của thế giới là Công lịch, lấy năm chúa Giêsu ra đời là năm 1 của Công nguyên. + Trước năm 1 là trước Công nguyên.
Câu 2: Em hãy giải thích các khái niệm sau: Trước công nguyên Công nguyên Thập kỉ Thế kỉ Thiên niên kỉ	- Trước Công nguyên là trước năm 1 (Ví dụ 179,111) - Công nguyên : tính từ năm chúa Giê-su ra đời từ năm 1 trở đi. (Năm 544 CN, năm 938 CN). - Một thập kỉ là 10 năm. Một thế kỉ là 100 năm (Năm 544 là thế kỉ VI Công nguyên). Một thiên niên kỉ là 1000 năm (từ năm 1 đến năm 938 là gần 1 thiên niên kỉ).

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (HS khác nhận xét theo kĩ thuật 321: cho 3 lời khen, 2 hạn chế, 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi)

- **Nhiệm vụ 2:**

Bước 1:

Hs làm bài tập nhanh

Bài tập 1:

-Năm 2021 thuộc thế kỉ nào ? Thiên niên kỉ thứ mấy?	
-Bạn A sinh năm 2001, vậy bạn A sinh vào thế kỉ nào?	
-Nhà nước Âu Lạc thành lập năm 179 TCN, vậy sự kiện đó cách ngày nay bao nhiêu năm?	

Bài tập 2:

Em hãy sắp xếp các sự kiện sau đây theo thứ tự sự kiện nào xảy ra trước thì ghi trước, sự kiện nào xảy ra sau thì ghi sau:

Khởi nghĩa Hai Bà Trưng , nhà nước Âu Lạc thành lập, Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long, Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời.

? Qua đó cho biết việc sắp xếp thời gian trong lịch sử có ý nghĩa quan trọng như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Hs thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo-thảo luận

Đại diện các nhóm báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm

-Năm 2021 thuộc thế kỉ nào ? Thiên niên kỉ thứ mấy?	Thế kỉ 21, thiên niên kỉ thứ 3
-Bạn A sinh năm 2001, vậy bạn A sinh vào thế kỉ nào?	Thế kỉ 21
-Nhà nước Âu Lạc thành lập năm 179 TCN, vậy sự kiện đó cách ngày nay bao nhiêu năm?	2021+ 179

Bài tập 2:

1.	nhà nước Âu Lạc thành lập (179 TCN)
2.	Khởi nghĩa Hai bà Trưng(40)
3.	Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938)
4.	Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long (1010)
5.	Đảng cộng sản VN ra đời (1930)
6.	Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập (1945)

Việc sắp xếp tg trong lịch sử có ý nghĩa vô cùng quan trọng vì nó giúp ta biết được sự kiện nào xảy ra trước, sự kiện nào xảy ra sau

3. Hoạt động Luyện tập

a. Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức bài học để thực hiện nhiệm vụ trong bài tập

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em hãy xác định từ thời điểm xảy ra các sự kiện trên sơ đồ đến hiện tại là bao nhiêu năm? Bao nhiêu thập kỉ, thế kỉ?

Năm	Cách thời điểm hiện tại
179 TCN	
111 TCN	
544	
938	

Bài tập 2:

Câu 1. Chọn các dữ kiện điền vào chỗ trống.

- | | |
|---------------|--------------|
| a. quy luật | b. quan sát |
| c. dương lịch | d. một năm |
| e. âm lịch | f. thời gian |
| g. một tháng | h. một vòng |
| i. Trái Đất | |

Dựa vàovà tính toán, người xưa đã phát hiện di chuyển của Mặt Trăng,, Mặt Trời để tính và làm ra lịch.

.....là cách tính thời gian theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất. Thời gian Mặt Trăng chuyển động hếtquanh Trái Đất là.....

.....là cách tính thời gian theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời. Thời gian Trái Đất chuyển động hết một vòng quanh Mặt Trời là.....

Bước 2: hs làm việc cá nhân hoàn thành bài tập

Bước 3: hs báo cáo kết quả

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động vận dụng:

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 2: Sinh nhật của em là ngày nào? Nó được tính theo âm lịch hay dương lịch	
Câu 3: Ở Việt Nam sử dụng những loại lịch nào? Có nên bỏ âm lịch để theo hoàn toàn dương lịch hay không? Tại sao?	

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
---------	----------

Câu 1: Sinh nhật của em là ngày nào? Nó được tính theo âm lịch hay dương lịch	- HS trả lời theo cá nhân
Câu 2: Ở Việt Nam sử dụng những loại lịch nào? Có nên bỏ âm lịch để theo hoàn toàn dương lịch hay không? Tại sao?	- Việt Nam sử dụng cả hai loại lịch : âm lịch, dương lịch - Cơ sở tính âm lịch dựa vào sự di chuyển Mặt Trăng quanh Trái Đất, cách tính này có liên quan chặt chẽ đến thời vụ của sản xuất nông nghiệp. Nước ta là một nước có nền kinh tế nông nghiệp từ lâu đời. Vì vậy, lịch ghi cả ngày, tháng âm lịch để nông dân thực hiện sản xuất nông nghiệp theo đúng thời vụ. Ngoài ra, còn liên quan đến văn hóa cổ truyền của dân tộc. - Không nên chỉ ghi 1 loại lịch là dương lịch.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết :4+ 5

CHƯƠNG 2: **XÃ HỘI NGUYÊN THỦY**



NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Giới thiệu sơ lược quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người trên Trái Đất.
- Xác định được những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á.
- Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của Người tối cổ trên đất nước Việt Nam.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được ý kiến, sản phẩm của nhóm, đánh giá các sản phẩm của các bạn trong nhóm hoặc của nhóm khác

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Giới thiệu sơ lược về quá trình tiến hóa từ Vượn người thành người trên trái đất.
 - + Xác định được những dấu tích của Vượn người, người tối cổ ở Đông Nam Á.
 - + Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của Vượn người, người tối cổ ở Đông Nam Á.

- Vận dụng
- + Liên hệ với thực tế cuộc sống ngày nay, vận dụng 1 số kiến thức trong bài để giải quyết 1 số vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong các hoạt động cá nhân, nhóm; việc bảo vệ môi trường sống, tình cảm đối với tự nhiên và nhân loại
- Chăm chỉ: có cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, sưu tầm và chọn lọc tư liệu dạy học.
- Lược đồ dấu tích của quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á (treo tường).
- Một số hình ảnh công cụ đồ đá, răng hoá thạch, các dạng người trong quá trình tiến hoá phóng to, một số mẫu chuyện lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, vấn đáp, hợp tác
- Kỹ thuật: phòng tranh, trò chơi, khăn trải bàn, động não...

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động :Khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho hs, kết nối vào bài mới

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân:
- Người châu Phi, châu Á và châu Âu có màu da như thế nào? Theo em, họ có chung một nguồn gốc không? Nếu có thì loài người có nguồn gốc từ đâu?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả: HS trình bày cá nhân theo quan điểm và hiểu biết của từng học sinh

Giáo viên dẫn vào bài mới

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu quá trình tiến hóa từ Vượn người thành người

a. Mục tiêu: Giới thiệu sơ lược quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người trên Trái Đất.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát H3.1,H3.2,H3.3 kết hợp tư liệu SGK (Tr18-19);	<u>1. Quá trình tiến hóa từ Vượn người thành người.</u> Quá trình tiến hóa từ vượn người thành người trải qua 3 giai đoạn + Vượn người: xuất hiện cách ngày nay khoảng 6 triệu năm

1. Việc phát hiện các bộ xương hóa thạch (H3.2;H3.3) có ý nghĩa như thế nào trong việc giải thích nguồn gốc và quá trình tiến hóa của loài người?
hoàn thành vào bảng phụ theo mẫu:

	Vượn người	Người tối cổ	Người tinh khôn
Thời gian xuất hiện			
Địa điểm tìm thấy hóa thạch sớm nhất			
Đặc điểm não			
Đặc điểm vận động			
Công cụ lao động			

Bước 2: HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào PHT số 1 (bảng phụ)

Bước 3: HS các nhóm trình bày và báo cáo kết quả (Các nhóm treo sản phẩm lên bảng và xung quanh lớp học)

Dự kiến sản phẩm:

	Vượn người	Người tối cổ	Người tinh khôn
Thời gian xuất hiện	Cách đây khoảng 6 triệu đến 5 năm triệu năm	Cách đây khoảng 4 triệu năm	Cách đây khoảng 150.000 năm
Địa điểm tìm thấy hóa thạch sớm nhất	Châu Phi	Đông Nam Á	Khắp các châu lục

+Người tối cổ : Cách ngày nay khoảng 4 triệu năm, một nhánh của loài Vượn cổ đã phát triển thành Người tối cổ.

+ Người tinh khôn : Cách ngày nay khoảng 15 vạn năm, người Tối cổ đã tiến hóa thành Người tinh khôn

Đặc điểm não, hình dạng bên ngoài	Cơ thể của loài vượn cổ này được bao phủ bởi một lớp lông dày, đã có thể đứng và đi bằng hai chân, bàn tay bước đầu được giải phóng dùng để cầm, nắm.	Đi bằng hai chân; đầu nhỏ, trán thấp và bợt ra sau, hàm nhô về phía trước, cơ thể còn bao phủ bởi một lớp lông mỏng, Thở tích não từ 850- 1100cm ³ , người đứng thẳng	trán cao, hàm không nhô về phía trước, lớp lông mỏng không còn Thở tích não 1450cm ³ , cấu tạo cơ thể cơ bản giống người ngày nay
Đặc điểm vận động	Leo trèo	Đứng thẳng trên mặt đất, đi bằng hai chân	Đứng thẳng trên mặt đất, đi bằng hai chân
Công cụ lao động	Chưa có công cụ lao động	Biết ghè đẽo làm công cụ lao động	Công cụ lao động sắc bén hơn

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS các nhóm khác nhận xét theo kỹ thuật 321: 3 lời khen, 2 lời hạn chế, 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi)

- GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý)

Các em có biết tại sao có người da vàng, có người da đen, có người da trắng không ?

Dự kiến sản phẩm:

Đó là kết quả của sự thích nghi lâu dài của con người với các hoàn cảnh tự nhiên khác nhau, không phải sự khác nhau về trình độ hiểu biết. Người ở vùng nào có ánh sáng chiếu nhiều (vùng xích đạo) là da sẫm màu hơn; vì da có chất melanin sản xuất vitamin D, ánh sáng chiếu vào khiến da đổi màu sẫm hơn.

- Hiện nay, việc phân biệt sắc tộc vẫn diễn ra ở nhiều nước trên thế giới giữa người da trắng với người da đen và da màu ở các nước tư bản, giáo dục HS nhận thức khách quan và gắn kết bạn bè trong nước, tinh thần đoàn kết quốc tế không phân biệt màu da....

Hoạt động 2: Tìm hiểu những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á.

a. Mục tiêu:

- Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của Người tối cổ trên đất nước Việt Nam.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>		<u>Nội dung ghi bảng</u>
Yêu cầu	Sản phẩm	2. Dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á. ⇒ Đông Nam Á là một trong những chiếc nôi của loài người - Ở Việt Nam: Núi Đọ (Thanh Hóa), An Khê (Gia Lai), Xuân Lộc (Đồng Nai), Thảm Khuyên, Thảm Hai (Lạng Sơn) -> VN là một trong những chiếc nôi của loài người -> Quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra liên tục.
Câu 1: Dựa vào thông tin và hình 3, 4, 5 trong SGK, việc phát hiện ra công cụ đá và răng hoá thạch của Người tối cổ ở Việt Nam chứng tỏ điều gì?		
Câu 2: Em hãy xác định và đọc tên các địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ ở Việt Nam?		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS quan sát H3.4 và H3.5 kết hợp tư liệu SGK (Tr19,20); hoạt động cặp đôi, kĩ thuật Think-pair-share và hoàn thành vào PHT 2, thời gian 5 phút Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào PHT Bước 3: HS các nhóm trình bày và báo cáo kết quả Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS các nhóm khác nhận xét theo kĩ thuật 321: 3 lời khen, 2 lời hạn chế, 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi)		

3. Hoạt động :Luyện tập:

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức bài học để giải quyết nhiệm vụ của bài tập

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1. Loài vượn cổ xuất hiện cách ngày nay khoảng

A. 5 – 6 triệu năm. B. 4 triệu năm.

C. 15 vạn năm. D. 4 vạn năm

Câu 2. Người tối cổ xuất hiện cách ngày nay khoảng

A. 5 – 6 triệu năm. B. 4 triệu năm. C. 15 vạn năm. D. 4 vạn năm.

Câu 3: Cách ngày nay khoảng 15 vạn năm, dạng người nào đã xuất hiện

A. người vượn. B. Người tối cổ. C. người khéo léo. D. Người tinh khôn.

Câu 4:

Những dấu tích nào của người tối cổ được tìm thấy tại Đông Nam Á?

A. Công cụ và vũ khí bằng đồng. B. Di cốt hóa thạch và công cụ bằng đá.

C. Di cốt hóa thạch và vũ khí bằng sắt. D. Đồ gốm và vũ khí bằng đồng thau

Câu 5: Nội dung nào dưới đây **không đúng** khi mô tả đặc điểm hình thể của Người tinh khôn?

- A. Cấu tạo cơ thể cơ bản giống với con người hiện nay.
- B. Thể tích hộp sọ lớn hơn so với Người tối cổ.
- C. Trán thấp, bợt ra sau, u mày nổi lên cao.
- D. Trên cơ thể chỉ còn một lớp lông mỏng.

Câu 6: Tại hang Thẩm Khuyên (Lạng Sơn, Việt Nam), các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu tích nào của Người tối cổ?

- A. Công cụ và vũ khí bằng sắt.
- B. Răng hóa thạch.
- C. Bộ xương hóa thạch.
- D. Công cụ và vũ khí bằng đồng.

Bước 2: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động vận dụng:

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: (HS về nhà làm)

Câu 1: Hãy sưu tầm tư liệu (chữ viết, hình ảnh) và giới thiệu quá trình phát triển của người nguyên thủy trên thế giới hoặc ở Việt Nam.

Câu 2: Lấy chủ đề chiếc rìu đá đầu tiên của nhân loại, hãy phát biểu cảm nghĩ của em về óc sáng tạo, tinh thần lao động cần mẫn, kiên trì của người tối cổ



Rìu đá A-sơ-lin (Pháp, khoảng 1,8 triệu năm trước)



Rìu đá An Khê (Việt Nam, khoảng 800.000 năm trước)

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Gợi ý: Qua hình ảnh chiếc rìu đá, em nhận thấy, Người tối cổ đã có óc sáng tạo trong việc vận dụng đá để làm công cụ sinh hoạt săn bắt, hái lượm, trồng trọt... Mặc dù, các công cụ còn nhiều thô sơ nhưng cho thấy Người tối cổ đã có những bước tiến bộ ban đầu.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 6+7

BÀI
4

XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

I. MỤC TIÊU:

1. Yêu cầu cần đạt:

- Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.
- Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của xã hội nguyên thủy trên thế giới và Việt Nam.
- Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như xã hội loài người.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được ý kiến, sản phẩm của nhóm, đánh giá các sản phẩm của các bạn trong nhóm hoặc của nhóm khác; có thái độ hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Mô tả sơ lược các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy
 - + Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.
 - + Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy và xã hội loài người.
- Vận dụng:
 - + Phân biệt được rìu tay với hòn đá tự nhiên.
 - + Giả định trải nghiệm cách sử dụng công cụ lao động.
 - + Sử dụng kiến thức về vai trò của lao động đối với sự tiến triển của xã hội loài người thời nguyên thủy để liên hệ với vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội.
 - + Vận dụng kiến thức trong bài học để giải quyết 1 số vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Biết ơn con người thời xa xưa đã phát minh ra lửa, lương thực...
- Chăm chỉ: Ý thức được tầm quan trọng của lao động đối với bản thân và xã hội có cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, sưu tầm và chọn lọc tư liệu dạy học.
- Bản đồ treo tường các di chỉ thời đại đồ đá và đồng ở Việt Nam.

- Một số tranh ảnh vẽ công cụ, đồ trang sức, ... của người nguyên thủy.

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan

- Kỹ thuật: KWL, động não, trao đổi, phản biện...

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động : Khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo không khí hứng khởi để HS bắt đầu một tiết học mới. Từ đó, giáo viên dẫn vào bài mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nếu cuộc sống hiện đại biến mất, không có điện, không có ti vi, không có phương tiện để di chuyển,...em sẽ sinh sống như thế nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

GV dẫn vào bài mới:

Trong xã hội nguyên thủy, con người đã sống như thế nào ? có giống với chúng ta tưởng tượng không ?

Phần lớn thời kì nguyên thủy, con người có cuộc sống lệ thuộc vào tự nhiên. Có những điều tưởng chừng thật đơn giản với chúng ta ngày nay như dùng lửa để nấu chín thức ăn, chế tạo các công cụ, thuần dưỡng động vật,... nhưng với người nguyên thủy thực sự đó là những bước tiến lớn trong đời sống.

2. Hoạt động : Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy.

a. Mục tiêu: - Mô tả được sơ lược các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>						
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát H4.1 và thông tin SGK; hoạt động cặp đôi, thời gian 3 phút, hoàn thành PHT số 1 <table border="1" data-bbox="162 1608 957 2000"> <thead> <tr> <th data-bbox="162 1608 632 1653">Yêu cầu</th><th data-bbox="632 1608 957 1653">Sản phẩm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="162 1653 632 1825">Câu 1: Xã hội nguyên thủy bắt đầu và kết thúc vào thời gian nào? Trong thời gian bao lâu?</td><td data-bbox="632 1653 957 1825"></td></tr> <tr> <td data-bbox="162 1825 632 2000">Câu 2: Dựa vào sơ đồ bên, em hãy mô tả sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy</td><td data-bbox="632 1825 957 2000"></td></tr> </tbody> </table> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào PHT số 1 Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả	Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1: Xã hội nguyên thủy bắt đầu và kết thúc vào thời gian nào? Trong thời gian bao lâu?		Câu 2: Dựa vào sơ đồ bên, em hãy mô tả sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy		1. Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy. - xã hội nguyên thủy kéo dài hàng triệu năm, từ khi con người mới xuất hiện đến khi xã hội có giai cấp và nhà nước được hình thành - xã hội nguyên thủy tiến triển qua các giai đoạn: + Bầy người nguyên thủy: gồm vài gia đình có phân công lao động + Thị tộc: gồm các gia đình có chung dòng máu. Đứng đầu là Tộc trưởng + Bộ lạc: Gồm các thị tộc sinh sống cùng địa bàn. Đứng đầu là tù trưởng.
Yêu cầu	Sản phẩm						
Câu 1: Xã hội nguyên thủy bắt đầu và kết thúc vào thời gian nào? Trong thời gian bao lâu?							
Câu 2: Dựa vào sơ đồ bên, em hãy mô tả sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy							

Dự kiến sản phẩm:	
Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Xã hội nguyên thủy bắt đầu và kết thúc vào thời gian nào? Trong thời gian bao lâu?	- Xã hội nguyên thủy bắt đầu từ khi con người xuất hiện trên trái đất đến khi xã hội có giai cấp và nhà nước được hình thành. - Kéo dài hàng triệu năm.
Câu 2: Xã hội nguyên thủy trải qua những giai đoạn phát triển nào?	- 3 giai đoạn phát triển: + Bầy người nguyên thủy: gồm vài gia đình sinh sống cùng nhau; có sự phân công lao động giữa nam và nữ. + Công xã thị tộc: gồm các gia đình có quan hệ huyết thống sinh sống cùng nhau. Đứng đầu là tộc trưởng. + Bộ lạc gồm nhiều thị tộc sống cạnh nhau, có quan hệ họ hàng, gắn bó với nhau hợp thành bộ lạc. Đứng đầu là tù trưởng.
Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi)	

Hoạt động 2: Tìm hiểu đời sống vật chất của người nguyên thủy

a. Mục tiêu:

- Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất của xã hội nguyên thủy trên thế giới và Việt Nam.
- Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như xã hội loài người.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV-HS		Nội dung ghi bảng
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Đời sống vật chất của người nguyên thủy bao gồm những lĩnh vực nào? 2. Hoàn thành bài tập sau: quan sát các hình từ H4.2 đến 4.7 và thông tin trong SGK (Tr22,23);		<u>II. Đời sống vật chất của người nguyên thủy.</u> <u>a. Lao động và công cụ lao động.</u> - Công cụ lao động: công cụ đá: rìu đá, lưỡi cuốc đá..., biết dùng lửa, tạo ra lửa, lao, cung tên, làm đồ gốm - Vai trò của lao động: giúp đôi tay khéo léo, cơ thể biến đổi, trí não phát
Yêu cầu	Sản phẩm	
Câu 1: Em hãy cho biết tên các công cụ lao động của người nguyên thủy? Nó dùng để làm gì?		
Câu 2: / Công cụ lao động đã được cải tiến như thế nào?		

Câu 3: Quan sát hình 4.4, em hãy cho biết người nguyên thủy dùng cách nào để biến những cục đá, xương thú thành vật sắc bén để hoạt động ?		triển-> thúc đẩy sự tiến hóa
Câu 4: / <i>Quá trình lao động và cải tiến công cụ lao động có vai trò như thế nào đối với sự tiến hóa của người nguyên thủy?</i>		
Câu 5: Tại sao lửa được coi là phát minh quan trọng nhất của người tối cổ?		
Bước 2: HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV		
Bước 3: HS các nhóm trình bày và báo cáo kết quả.		
Dự kiến sản phẩm:		
Yêu cầu	Sản phẩm	
Câu 1: Em hãy cho biết tên các công cụ lao động của người nguyên thủy? Nó dùng để làm gì?	rìu đá, lưỡi cuốc đá, bàn mài và rìu đá mài, cành cây....dùng để chặt, ghe đẽo...	
Câu 2: / Công cụ lao động đã được cải tiến như thế nào?	Công cụ đá được mài gọn sắc hơn -có thêm các công cụ bằng cành cây, xương...	
Câu 3: Quan sát hình 4.4, em hãy cho biết người nguyên thủy dùng cách nào để biến những cục đá, xương thú thành vật sắc bén để hoạt động ?	Ghe hai hòn đá cho sắc bén, dùng đá vót nhọn cành cây	
Câu 4: / <i>Quá trình lao động và cải tiến công cụ lao động có vai trò như thế nào đối với sự tiến hóa của người nguyên thủy?</i>	Giúp cho đôi tay khéo léo, bộ não phát triển hơn, thông minh hơn	
Câu 5: Tại sao lửa được coi là phát minh quan trọng nhất của người tối cổ?	Nhờ có lửa con người có thể nấu chín thức ăn, cải thiện vóc dáng, tạo ra các công cụ lao động mới	
Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi)		
- GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi (gợi ý)		

Câu hỏi: Quan sát hình 4.7, em có đồng ý với ý kiến: bức vẽ trong La-xco mô tả những con vật là đối tượng săn bắt của người nguyên thủy khi họ đã có cung tên? Tại sao?

Dự kiến sản phẩm:

-trong bức tranh là hình ảnh của rất nhiều những con vật chạy nhanh chính vì thế việc săn bắt chúng rất là khó. Sự ra đời của cung tên là bước đệm giúp cho con người dễ dàng săn bắt được chúng .Chính vì thế bức tranh được đánh giá là những người nguyên thủy săn bắt khi đã có cung tên. (GV mở rộng phần *Em có biết*)

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS quan sát H4.8 và H4.9, kết hợp với tư liệu SGK (Tr23,24) hoạt động nhóm, kĩ thuật Khăn trải bàn, hoàn thành vào PHT , thời gian 5 phút

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Quan sát Hình 4.8 kết hợp thông tin SGK. Cho biết những nét chính về đời sống của người nguyên thủy ở Việt Nam (cách thức lao động, vai trò của lửa trong đời?)	
Câu 2: Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy những dấu vết, dấu tích gì của nguyên thủy, những dấu tích đó ở đâu tại Việt Nam?	
Câu 3: Quan sát Hình 4.9 kết hợp thông tin SGK. Cho biết những chi tiết nào thể hiện con người đã biết thuần dưỡng động vật?	

Bước 2: HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV

Gv hướng dẫn hs quan sát và khai thác nội dung tranh vẽ

Bước 3: HS các nhóm trình bày và báo cáo kết quả (Có thể trình bày kết hợp với tranh ảnh trên máy chiếu; HS các nhóm treo sản phẩm lên bảng và xung quanh lớp học)

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Quan sát Hình 4.8 kết hợp thông tin SGK. Cho biết những nét chính về đời sống của	- Cách thức lao động: + Người nguyên thủy sống theo bầy đàn lệ thuộc vào tự nhiên. Họ di chuyển đến những khu rừng để tìm kiếm thức ăn. Phụ nữ và trẻ em hái

người nguyên thủy ở Việt Nam (cách thức lao động, vai trò của lửa trong đời?	lượm các loại quả. Đàn ông săn bắt thú rừng. - Vai trò của lửa: Người nguyên thủy sử dụng lửa để sưởi ấm và nướng thức ăn, xua đuổi thú dữ
Câu 2: Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy những dấu vết, dấu tích gì của nguyên thủy, những dấu tích đó ở đâu tại Việt Nam?	- Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu vết những hạt thóc, vỏ trấu, hạt gạo cháy, có cả bàn nghiền hạt và chày. Chúng tỏ họ đã biết làm nông nghiệp từ rất sớm. Những dấu tích của họ ở nhiều vùng khác nhau như Bàu Tró (Quảng Bình), Cái Bèo, Hạ Long (Quảng Ninh), Quỳnh Văn (Nghệ An).
Câu 3: Quan sát Hình 4.9 kết hợp thông tin SGK. Cho biết những chi tiết nào thể hiện con người đã biết thuần dưỡng động vật?	- Những chi tiết thể hiện con người đã biết thuần dưỡng động vật: + Hình ảnh con người cười trên lưng thú và nhiều gia súc như bò, dê. + Hình ảnh con người và động vật sống gần nhau. + con người cắm lều trại để ở

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi)

- **GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi (gợi ý)**

Câu 1: Quan sát H4.3 và cho biết Người nguyên thủy tạo ra lửa bằng cách nào? Việc chế tạo ra lửa có ý nghĩa như thế nào?

Câu 2: Hãy tưởng tượng em đang ở trong một khu rừng già, xa xôi, hoang vắng, chỉ có cây cối, hang đá và thú rừng; không có các vật dụng hiện tại như bật lửa, quẹt diêm, lương thực, áo mưa... Làm thế nào để em tồn tại ?

Câu 3: Qua bức vẽ trên vách hang Hình 4.9, em hình dung như thế nào về hoang mạc Xa-ha-ra cách đây 10.000 năm? Sự thay đổi của vùng đất này gợi cho em suy nghĩ gì?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Người nguyên thủy tạo ra lửa bằng cách ghè đẽo hai mảnh đá với nhau (Đây là phát minh quan trọng của người nguyên thủy. Tạo ra lửa giúp con người có thể sử dụng hiệu quả lửa như nguồn năng lượng để sưởi ấm, nấu nướng và chế tác vật dụng, đồng thời là vũ khí chống lại các động vật khác. ... Khả năng sử dụng lửa được cho là dẫn đến sự hình thành xã hội nguyên thủy và thúc đẩy sản

2. Từ hái lượm, săn bắt đến trồng trọt, chăn nuôi:

-Ban đầu, người nguyên thủy sống lệ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên (săn bắt, hái lượm)

-Sau đó, họ bắt đầu biết nuôi dưỡng, thuần hóa động vật, biết trồng trọt

- Người nguyên thủy ở Việt Nam biết làm nông nghiệp từ thời văn hoá Hoà Bình (10.000 năm); sau đó định cư ở nhiều nơi như Cái Bèo, Hạ Long, Bàu Tró...

xuất của cải vật chất. (GV có thể liên hệ đến công dụng của lửa trong đời sống hiện nay).

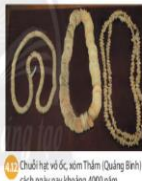
Câu 2: HS trả lời theo quan điểm của cá nhân (Dựa vào nội dung vừa học)

Câu 3: Chứng tỏ Sahara từng là vùng đất màu mỡ cách ngày nay 10 000 năm, nhưng ngày nay là một sa mạc lớn trên thế giới, không thuận tiện cho con người sinh sống. Những dấu vết để lại từ 10. 000 năm trước qua những bức vẽ còn lại trong hang đá cảnh báo chúng ta về biến đổi khí hậu, nên chúng ta phải có trách nhiệm với thiên nhiên, môi trường sống.

Hoạt động 3: Tìm hiểu đời sống tinh thần của người nguyên thủy

a. Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về đời sống tinh thần và tổ chức xã hội của xã hội nguyên thủy trên thế giới và Việt Nam.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV-HS		Nội dung ghi bảng								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS quan sát H4.10 và H4.12, kết hợp với tư liệu SGK (Tr25) hoạt động cặp đôi, kĩ thuật Think-pair-share, hoàn thành vào PHT , thời gian 5 phút  10 Chân dung cá gù được chạm khắc bằng ngà voi, 26 000 năm tuổi, phát hiện ở Tây Nam nước Pháp ngày nay.  431 Hình khắc trong hang Đồng Nội (Hà Bình, Việt Nam)  10 Chuỗi hạt vỏ ốc xim Trầm (Quảng Bình) cách ngày nay khoảng 4000 năm		III. Đời sống tinh thần của người nguyên thủy. - Có tục chôn cất người chết. Nhiều mộ táng có chôn theo cả công cụ lao động. - Biết sử dụng đồ trang sức, biết dùng màu, vẽ lên người để hoá trang hay làm đẹp. - Họ đã biết quan sát cuộc sống xung quanh và thể hiện ra bằng hình ảnh. => Đời sống tinh thần của người nguyên thủy phong phú, tiến bộ.								
<table><tr><th>Yêu cầu</th><th>Sản phẩm</th></tr><tr><td>Câu 1: Quan sát H4.11 và cho biết người nguyên thủy đã khắc hình gì trong hang Đồng Nội?</td><td></td></tr><tr><td>Câu 2: Quan sát H4.10, H4.12 và thông tin SGK, Trình bày về đời sống tinh thần của người nguyên thủy?</td><td></td></tr><tr><td>Câu 3: Em có nhận xét gì về đời sống tinh thần của người nguyên thủy?</td><td></td></tr></table>		Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1: Quan sát H4.11 và cho biết người nguyên thủy đã khắc hình gì trong hang Đồng Nội?		Câu 2: Quan sát H4.10, H4.12 và thông tin SGK, Trình bày về đời sống tinh thần của người nguyên thủy?		Câu 3: Em có nhận xét gì về đời sống tinh thần của người nguyên thủy?		
Yêu cầu	Sản phẩm									
Câu 1: Quan sát H4.11 và cho biết người nguyên thủy đã khắc hình gì trong hang Đồng Nội?										
Câu 2: Quan sát H4.10, H4.12 và thông tin SGK, Trình bày về đời sống tinh thần của người nguyên thủy?										
Câu 3: Em có nhận xét gì về đời sống tinh thần của người nguyên thủy?										
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả (Có thể trình bày kết hợp với tranh ảnh trên máy chiếu) Dự kiến sản phẩm: <table><tr><th>Yêu cầu</th><th>Sản phẩm</th></tr></table>		Yêu cầu	Sản phẩm							
Yêu cầu	Sản phẩm									

Câu 1: Quan sát H4.11 và cho biết người nguyên thủy đã khắc hình gì trong hang Đồng Nội?	- Người nguyên thủy đã khắc hình các trang sức đội đầu trong hang Đồng Nội	
Câu 2: Quan sát H4.10, H4.12 và thông tin SGK, Trình bày về đời sống tinh thần của người nguyên thủy?	- Đời sống tâm linh: có tục chôn cất người chết. Nhiều mộ táng có chôn theo cả công cụ lao động. - Nghệ thuật: Biết sử dụng đồ trang sức, biết dùng màu, vẽ lên người để hoá trang hay làm đẹp. - Họ đã biết quan sát cuộc sống xung quanh và thể hiện ra bằng hình ảnh.	
Câu 3: Em có nhận xét gì về đời sống tinh thần của người nguyên thủy?	Đời sống tinh thần của người nguyên thủy phong phú, tiến bộ	
Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi) - GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi (gợi ý) Theo em, những phong tục và loại hình nghệ thuật nào của người nguyên thủy còn tồn tại đến ngày nay? Dự kiến sản phẩm: Những phong tục và loại hình nghệ thuật nào của người nguyên thủy còn tồn tại đến ngày nay: tục chôn người chết, biết sử dụng đồ trang sức, làm đẹp, điêu khắc.... GV nhấn mạnh: Người nguyên thủy đã có đời sống tinh thần phong phú, trong đó nổi bật là đời sống tâm linh và nghệ thuật.		

3. Hoạt động Luyện tập

a. Mục tiêu: hs vận dụng kiến thức bài học để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo. (có thể chọn 1 trong 2 câu hỏi)

Câu 1: Em hãy nêu sự tiến triển về công cụ lao động, cách thức lao động của người nguyên thủy

Câu 2: Em hãy hoàn thành bảng dưới đây:

Nội dung	Người tối cổ	Người tinh khôn
----------	--------------	-----------------

Đặc điểm cơ thể		
Công cụ và phương thức lao động		
Tổ chức xã hội		

Bước 2: HS hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1:

Nội dung	Người tối cổ	Người tinh khôn
Công cụ lao động	sử dụng hòn đá được ghè đẽo thô sơ	rìu đá mài lưỡi, cung tên, lao
Cách thức lao động	săn bắt	trồng trọt và chăn nuôi

Câu 2:

Nội dung	Người tối cổ	Người tinh khôn
Đặc điểm cơ thể	- Hầu như có thể đi, đứng bằng hai chân. - Đầu nhỏ, trán thấp và bẹt ra sau, hàm nhô về phía trước,... - Trên cơ thể còn bao phủ bởi một lớp lông mỏng.	- Dáng đứng thẳng (như người ngày nay). - Thê tích hộp sọ lớn hơn, trán cao, hàm không nhô về phía trước như Người tối cổ. - Lớp lông mỏng không còn.
Công cụ và phương thức lao động	sử dụng hòn đá được ghè đẽo thô sơ để săn bắt	rìu đá mài lưỡi, cung tên, lao để trồng trọt, chăn nuôi
Tổ chức xã hội	sống theo bầy hay còn gọi là bầy người nguyên thủy, bao gồm vài gia đình sinh sống cùng nhau, xã hội sự phân công lao động giữa nam và nữ	xã hội được chia thành thị tộc, bộ lạc. Thị tộc gồm vài chục gia đình có quan hệ huyết thống mà đứng đầu là tộc trưởng. Bộ lạc gồm nhiều thị tộc cư trú trên cùng bản địa, người đứng đầu là tù trưởng.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động Vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi; HS có thể lựa chọn 1 trong 2 câu sau:

: Vận dụng kiến thức bài học, em hãy sắp xếp các bức vẽ minh họa đời sống lao động của người nguyên thủy bên dưới theo 2 chủ đề:



+ Chủ đề 1: Cách thức lao động của người tối cổ

+ Chủ đề 2: Cách thức lao động của người tinh khôn

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 2: Sắp xếp như sau:

Chủ đề 1: Cách thức lao động của người tối cổ: 1, 2, 4

Chủ đề 2: Cách thức lao động của người tinh khôn: 2,3,6

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 8 + 10



SỰ CHUYỂN BIẾN VÀ PHÂN HÓA CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.
- Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã
- Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.
- Nêu và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông
- Nêu được 1 số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam trong quá trình tan rã.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được ý kiến, sản phẩm của nhóm, đánh giá các sản phẩm của các bạn trong nhóm hoặc của nhóm khác; có thái độ hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.
 - + Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã
 - + Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.
 - + Nêu và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông
 - + Nêu được 1 số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam trong quá trình tan rã.
- Vận dụng:
 - + Vận dụng kiến thức để mô tả 1 số hiện tượng trong cuộc sống.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: có cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.
- Trung thực: có tính chính xác, trung thực trong quá trình học tập và cuộc sống
- Trách nhiệm: Ý thức được tầm quan trọng của lao động đối với bản thân và xã hội
- Yêu nước: Biết ơn con người thời xa xưa đã phát minh ra lửa, lương thực...

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, sưu tầm và chọn lọc tư liệu dạy học.

- Một số hình ảnh công cụ bằng đồng, sắt của người nguyên thủy trên thế giới và ở Việt Nam, một số mẫu chuyện lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, phát vấn, nhận xét, phân tích, so sánh, thảo luận nhóm
- Kỹ thuật: kỹ thuật 321, động não, XYZ; Think-pair-share....

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động: khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo sự tò mò, không khí hứng khởi để HS bắt đầu một tiết học mới. Từ đó, giáo viên dẫn vào bài mới.

b. Tổ chức thực hiện :

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- *Đọc thông tin về người băng và quan sát Hình 5.1*

Tại sao chúng ta có thể biết người băng Otzi sống vào đầu thời kì đồ đồng - khi kim loại bắt đầu xuất hiện?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

GV dẫn vào bài mới:

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự xuất hiện của công cụ lao động bằng kim loại.

a. Mục tiêu: Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV và hs	Nội dung bài học
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát H5.2,5.3,5.4 và tư liệu SGK, hoạt động cặp đôi, thời gian 5 phút, hoàn thành PHT số 1 1: Kim loại được phát hiện như thế nào? 2: HS quan sát H5.2; H5.3; H5.4 kể tên các công cụ có trong hình. Cho biết công cụ và vật dụng bằng kim loại có điểm gì khác biệt về hình dáng, chủng loại so với công cụ bằng đá? 3. Theo em người nguyên thủy sử dụng kim loại để làm gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Hs thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi của gv Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. (Yêu cầu HS thực hiện kỹ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi) Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Hs thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi của gv Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả	1. Sự xuất hiện của công cụ lao động bằng kim loại. Con người tình cờ phát hiện ra kim loại khi khai thác đá vào khoảng thiên niên kỉ IV TCN - Công cụ lao động bằng kim loại dần thay thế công cụ đá. Nhiều ngành sản xuất mới xuất hiện: luyện kim, chế tạo công cụ, vũ khí Năng suất lao động tăng, xuất hiện sản phẩm dư thừa

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi)

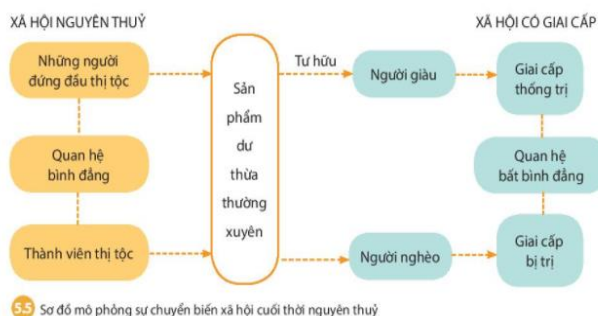
Hoạt động 2: Tìm hiểu sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam

a. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.
- Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp
- Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã.
- Nêu và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát H5.5 và kết hợp tư liệu Tr 28,29); Quan sát sơ đồ mô phỏng sự chuyển biến xã hội cuối thời nguyên thủy: + Diễn giải lại nd sơ đồ theo ý hiểu của em? + Nguyên nhân dẫn đến sự phân hóa xã hội thành người giàu và người nghèo? ? Mối quan hệ giữa người với người như thế nào trong xã hội có sự phân hóa giàu nghèo? Bước 2: thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động thảo luận nhóm, - Cách thức thực hiện: + Mỗi nhóm 6 người, mỗi người viết 3 ý kiến trên một tờ giấy và tiếp tục chuyển cho người bên cạnh; tiếp tục như vậy cho đến khi tất cả mọi người đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác. (thời gian 3 phút) + Sau khi thu thập ý kiến thì tiến hành thảo luận, đánh giá các ý kiến và thống nhất nội dung ghi vào bảng phụ. (thời gian 4 phút)	II. Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy: - xã hội có sự phân hóa giàu nghèo -> hình thành xã hội có giai cấp



Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả (Dựa trên sơ đồ mô phỏng sự chuyển biến xã hội cuối thời nguyên thủy) Bước 4: HS các khác nhận xét đánh giá kết quả: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi) GV nhận xét, đánh giá và kết luận	
---	--

Ngày dạy:

Hoạt động 3: Tìm hiểu Việt Nam cuối thời nguyên thủy

a. Mục tiêu: Nêu được 1 số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam trong quá trình tan rã.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Quan sát các hình ảnh 5.6, 5.7, 5.8 và trả lời các câu hỏi: - Các công cụ này xuất hiện khi nào? Ở đâu? - Các công cụ này được chế tạo bằng gì? Để làm gì? 2. Cuối thời nguyên thủy, người Việt Cổ đã có những công cụ và những ngành nghề sản xuất nào? 3. Nêu những nét cơ bản của xã hội nguyên thủy Việt Nam trong quá trình tan rã? Xác định địa điểm các nền văn hóa ở nước ta cuối thời nguyên thủy trên lược đồ? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - Thảo luận nhóm (theo tổ) thực hiện nhiệm vụ 1 - Thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ 2 Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi 3 Bước 3: HS các trình bày và báo cáo kết quả Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả GV nhận xét, đánh giá và kết luận GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi, thảo luận (gợi ý) Câu 1: Theo em điểm giống nhau giữa các nền văn hóa đồ đồng ở Việt Nam là gì? Điều này chứng tỏ gì? Câu 2: Hiện nay, đồ đồng còn được sử dụng phổ biến không? Vì sao? Dự kiến sản phẩm: Câu 1: Điều tìm thấy rất nhiều những hiện vật bằng đồng như mẫu gỉ đồng, đục, dùi, cán dao, lưỡi câu, mũi tên, giáo, rìu ... được làm bằng đồng. Chứng tỏ, đồ đồng được sử dụng phổ biến, rộng rãi ở Việt Nam từ thời văn hóa Phùng Nguyên Câu 2: Hiện nay, đồ đồng ít được sử dụng (chủ yếu dùng để sản xuất các dây điện, que hàn, tranh trang trí, làm đồ	<u>III. Việt Nam cuối thời kì nguyên thủy:</u> - Cách đây hơn 4000 năm, ở các nền văn hóa Phùng Nguyên (Phú Thọ), Đồng Đậu (Vĩnh Phúc), Gò Mun (Phú Thọ), con người đã chế tạo công cụ, vũ khí bằng đồng + Phạm vi cư trú mở rộng xuống đồng bằng, định cư ven sông. + Làm nông nghiệp trồng lúa nước, nung gốm... bản làng xuất hiện. Sản xuất phát triển, có sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội. -> Đây là cơ sở cho sự xuất hiện các quốc gia sơ kì đầu tiên ở Việt Nam

thời cúng như: lư đồng, đỉnh đồng, hạc đồng..) vì giá cả đắt đỏ, nguyên liệu ít dần, dễ bị oxi hóa, khó bảo quản, khối lượng nặng, hiệu quả không cao (vũ khí)...	
---	--

3. Hoạt động : Luyện tập:

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa và hoàn thiện về nội dung kiến thức đã được tìm hiểu ở hoạt động hình thành kiến thức mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Nhiệm vụ 2: Em hãy nêu những chuyển biến về kinh tế- xã hội vào cuối thời nguyên thủy. Phát minh quan trọng nào của người nguyên thủy tạo nên những chuyển biến này?

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ:

Hs viết nhanh khoảng 2-3 phút.

Bước 3: Gv gọi 1 hs đọc nội dung bài làm

Dự kiến sản phẩm: Những chuyển biến về kinh tế, xã hội vào cuối thời nguyên thủy:

- Về kinh tế: chuyển biến thay đổi khi công cụ bằng kim loại ra đời khiến năng suất lao động tăng, nhiều ngành nghề ra đời như luyện kim, nông nghiệp, khai thác mỏ, chế tạo vũ khí,... ra đời

- Về xã hội: đời sống xã hội của người nguyên thủy có sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội giai cấp.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: (GV hướng dẫn, HS về nhà hoàn thành)

Câu 1: Quan sát công cụ lao động và những vật dụng của người nguyên thủy giai đoạn Phùng Nguyên, Đông Đậu Gò Mun, em hãy viết một đoạn văn ngắn mô tả cuộc sống của họ

Câu 2: Em hãy kể tên một số vật dụng bằng kim loại mà con người ngày nay vẫn thừa hưởng từ những phát minh của người nguyên thủy

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 9: KIỂM TRA GIỮA KÌ I
(Thời gian thực hiện : 60 phút, kết hợp với Địa lí)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1- Kiến thức: Củng cố, khắc sâu nội dung kiến thức đã học về thời gian trong lịch sử, nguồn gốc loài người, xã hội nguyên thủy; bản đồ, Trái Đất

2-Năng lực:

a. năng lực chung

-Tự chủ - tự học : Tự giác ôn tập để làm bài tốt

- Giải quyết vấn đề- sáng tạo: Biết thực hiện các thao tác tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp.

b. Năng lực địa lí:

-Xác định được tọa độ địa lí của một điểm,tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ

-Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ mới trong đề thi

3.Phẩm chất :

- Trung thực: Nghiêm túc, tự giác làm bài

II. CHUẨN BỊ

1. Gv: Ma trận, bảng đặc tả, Đề bài, đáp án
2. HS: Ôn bài, chuẩn bị dụng cụ học tập

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1.Hoạt động: Mở đầu: Gv nêu yêu cầu đối với giờ kiểm tra: nghiêm túc, trật tự.

2..Bài kiểm tra

2.1.Mục đích đề kiểm tra

Đánh giá kết quả học tập của hs thông qua các chủ đề :Thời kì nguyên thủy, bản đồ, Trái Đất

-Đánh giá năng lực : giải quyết vấn đề,sáng tạo, xác định tọa độ địa lí,tính khoảng cách dựa vào tỉ lệ bản đồ, xác định phương hướng....

-Đánh giá khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống

-Điều chỉnh quá trình dạy học một cách kịp thời

2.2> Hình thức đề kiểm tra: câu hỏi TNKQ

2.3. ma trận đề kiểm tra

3.Hoạt động : Luyện tập:

Gv nhận xét giờ kiểm tra

4.Hoạt động :Vận dụng

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 11+ 12:

CHƯƠNG 3: XÃ HỘI CỔ ĐẠI



AI CẬP CỔ ĐẠI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (sông ngòi, đất đai) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập cổ đại.)
- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước ở Ai Cập cổ đại.
- Nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Ai Cập cổ đại.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được ý kiến, sản phẩm của nhóm, đánh giá các sản phẩm của các bạn trong nhóm hoặc của nhóm khác; có thái độ hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm
- Giải quyết vấn đề sáng tạo: phân tích, tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Nói chính xác, đúng ngữ điệu, nhịp điệu, trình bày được nội dung của sản phẩm....

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (sông ngòi, đất đai) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập cổ đại.
 - + Trình bày được quá trình thành lập nhà nước ở Ai Cập cổ đại.
 - + Nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Ai Cập cổ đại.
- Vận dụng: Vận dụng kiến thức lịch sử trong bài học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn. (Vai trò của các thành tựu của Ai Cập cổ đại đối với ngày nay; thực hiện phép tính theo cách của người Ai Cập).

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: có cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.
- Trung thực: có tính chính xác, trung thực trong quá trình học tập và cuộc sống
- Trách nhiệm: Ý thức được tầm quan trọng của các thành tựu văn hóa của người Ai Cập; có trách nhiệm để giữ gìn, bảo vệ...

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, sưu tầm và chọn lọc tư liệu dạy học.

- Lược đồ Ai Cập cổ đại phóng to, tranh ảnh...
- Video về một số nội dung trong bài học.

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, nhận xét, phân tích, thảo luận nhóm, cá nhân, cặp đôi...
- Kỹ thuật: kỹ thuật 321, động não, khăn trải bàn, phòng tranh, XYZ, 3 lần 3....

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo không khí hứng khởi cho HS, dẫn dắt vào bài mới.

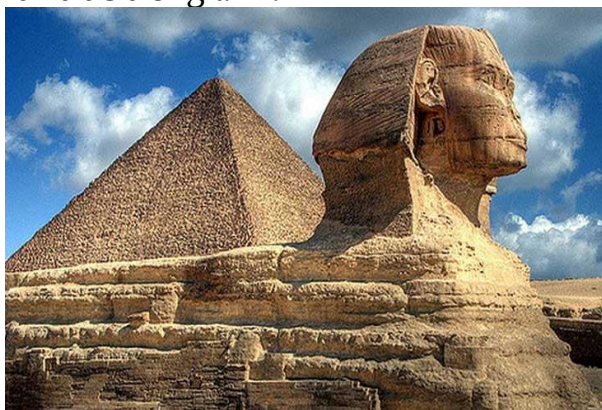
b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đưa tranh ảnh (H1 đến H4), HS quan sát tranh (Hoặc chiếu video)

1. Đặt tên cho bức ảnh?

2. Đặt 3 câu hỏi để tìm hiểu những điều xảy ra trong quá khứ liên quan đến công trình kiến trúc trong ảnh?



Hình 1



Hình 2

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Các câu hỏi có thể đặt ra:

Kim Tự Tháp này ở đâu? được xây khi nào?

Ai là người xây? Xây để làm gì? Bằng cách nào? Nó có ý nghĩa gì/.....

Bước 4: Gv nhận xét hoạt động của hs, dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên

a. Mục tiêu: Nêu được những tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập cổ đại

b. Tổ chức thực hiện

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát H6.1, H6.2; H6.3 và tư liệu SGK, hoạt động cặp đôi, hoàn thành PHT số 1	I. Điều kiện tự nhiên: - Ai Cập là vùng đất nằm dọc hai bên bờ sông Nin.

Câu 1: Quan sát bản đồ các nước châu Phi, xác định vị trí của Ai Cập trên bản đồ châu Phi?

Câu 2: Quan sát hình 6.1 cho biết : Ai Cập cổ đại được hình thành từ hai khu vực nào? Mô tả những đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên ở Ai Cập cổ đại?

Câu 3: Quan sát Hình 6.2 và tư liệu SGK. Cho biết: Sông Nin đã đem lại những thuận lợi gì cho người Ai Cập cổ đại?

Bước 2:

- Gv hướng dẫn hs khai thác lược đồ 6.1: đọc chú giải để hiểu các kí hiệu trên lược đồ, Khai thác ảnh 6.2: hoạt động sản xuất của cư dân Ai Cập bên dòng sông Nin

- hs thảo luận theo bàn hoàn thành phiếu học tập số 1

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: xác định vị trí của Ai Cập trên bản đồ châu Phi?	- Ai Cập nằm ở khu vực Đông Bắc Phi, phía Bắc giáp với Địa Trung Hải, phía Đông giáp Biển Đỏ, dọc bên dòng sông Nin
Câu 2: Quan sát hình 6.1 cho biết : Ai Cập cổ đại được hình thành từ hai khu vực nào? Mô tả những đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên ở Ai Cập cổ đại?	- HS xác định hai khu vực Thượng Ai Cập (phía Nam) và Hạ Ai Cập (phía Bắc), thượng Ai Cập có địa hình cao hơn hạ Ai Cập - Ai Cập là một thung lũng hẹp và dài nằm dọc theo lưu vực sông Nin , phía Đông và phía tây giáp vùng sa mạc rộng lớn. Do vậy sông Nin có thể coi là nguồn sống đối với cư dân Ai cập
Câu 3: Quan sát Hình 6.2 và tư liệu SGK. Cho biết: Sông Nin đã đem lại những thuận lợi gì cho người Ai Cập cổ đại?	- Sông Nin dài khoảng 6400km, đoạn chảy qua Ai Cập dài 700km - Nguồn nước, phù sa dồi dào của sông Nin thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. - Sông Nin còn là tuyến đường giao thông chủ yếu giữa các vùng.

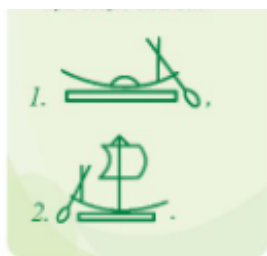
- Sông Nin mang đến thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và trở thành tuyến giao thương chính, thúc đẩy thương mại phát triển.

=> ***Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin.***

Bước 4: HS khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kỹ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi)

GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi, thảo luận (gợi ý)

Câu 1: Quan sát Hình 6.1 và Hình 6.3, em hãy cho biết chữ nào trong hai chữ tượng hình dưới đây được dùng để diễn tả hoạt động đi thuyền từ Thượng Ai Cập xuống Hạ Ai Cập. Lý giải sự lựa chọn của em?



6.3 Tranh tường lăng mộ Nê-ba-mun (Nebamun), The-bơ (Thebes), 1350 TCN. Thuyền đi xuôi theo dòng sông Nin, hai bờ là những bụi cây pa-pi-rút (papyrus).

Câu 2: Tại sao sông Nin biến Ai Cập từ một “đồng cát bụi” trở thành “một vườn hoa”? hoặc Tại sao “Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin”?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1:

- Hình 1 diễn tả hoạt động đi thuyền từ Thượng Ai Cập xuống Hạ Ai Cập.

- Lý giải sự lựa chọn:

+ Chữ tượng hình 1 diễn tả hoạt động đi thuyền từ Thượng Ai Cập đến Hạ Ai Cập vì dòng chảy sông Nin từ nam đến bắc - từ Thượng Ai Cập xuống Hạ Ai Cập và đổ ra Địa Trung Hải. Như vậy thuyền đi xuôi dòng, dùng sức nước, không dùng buồm.

+ Chữ tượng hình 2 diễn tả hoạt động đi thuyền từ Hạ Ai Cập đến Thượng Ai Cập vì hướng gió thổi trên sông Nin là từ bắc đến nam, gió thổi từ Địa Trung Hải vào, thuyền sẽ căng buồm để lợi dụng sức gió. Nếu thuyền không căng buồm sẽ đi ngược dòng chảy, làm việc đi lại khó khăn.

Câu 2: Vì nước sông Nin lên xuống theo mùa: mùa khô là mùa cạn và mùa mưa nước dâng cao. Vào mùa khô, khi nước cạn, cát sa mạc (vùng Mem-phít, nơi có nhiều kim tự tháp là vùng cát sa mạc) và đất phù sa pha cát bị gió cuốn lên thành một “đồng cát bụi”. Khi mùa mưa đến và cũng là mùa hè, cây cối thay nhau đâm hoa kết trái, là mùa thu hoạch lúa chín trông như “một vườn hoa”. Đây cũng chính là gợi ý cho nhận định của Hê-rô-đốt: Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin.

GV nhấn mạnh vai trò của sông Nin : bồi đắp phù sa (chỉ cần công cụ gỗ, đá cũng có thể trồng cấy được); cung cấp nước tưới (rất dồi dào, nhưng lại theo mùa lũ nên phải làm thủy lợi, kênh, mương tưới tiêu,...); đường giao thương buôn bán, vận chuyển hàng hóa (sông là đường giao thông chính giữa các vùng). GV có thể mở rộng thêm cho HS về vai trò là đường giao thông chính của các dòng sông ở Ai Cập bằng việc tổ chức cho HS kể một số câu chuyện mà các em đã từng đọc trong truyện cổ tích *Nghìn lẻ một đêm* (*A-la-đanh và cây đèn thần, Thủy thủ Sin-ba, A-li-ba-ba và bốn mươi tên cướp,...*). Từ đó, GV đi đến kết luận: **Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin.**

Hoạt động 1: Tìm hiểu Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại.

a. Mục tiêu:

- HS nêu được quá trình hình thành nhà nước của người Ai Cập cổ đại.
- HS hiểu được về bản chất nhà nước của người Ai Cập cổ đại.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS quan sát H6.4 và tư liệu SGK (Tr34) và mục <i>Em có biết</i> HS hoạt động thảo luận nhóm, kỹ thuật Khăn trải bàn; thời gian 5 phút; hoàn thành PHT số 2  H6.4 Phiến đá Na-mơ <table border="1" data-bbox="197 1697 965 2130"> <thead> <tr> <th data-bbox="197 1697 794 1783">Yêu cầu</th><th data-bbox="794 1697 965 1783">Sản phẩm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="197 1783 794 1868">Câu 1: Cư dân Ai Cập cổ đại cư trú ở đâu?</td><td data-bbox="794 1783 965 1868"></td></tr> <tr> <td data-bbox="197 1868 794 2042">Câu 2: Họ sống riêng lẻ từng gia đình hay trong một cộng đồng? Họ tập hợp thành hai vùng cư trú chủ yếu là vùng nào?</td><td data-bbox="794 1868 965 2042"></td></tr> <tr> <td data-bbox="197 2042 794 2130">Câu 3: Nhà nước Ai Cập ra đời như thế nào?</td><td data-bbox="794 2042 965 2130"></td></tr> </tbody> </table>	Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1: Cư dân Ai Cập cổ đại cư trú ở đâu?		Câu 2: Họ sống riêng lẻ từng gia đình hay trong một cộng đồng? Họ tập hợp thành hai vùng cư trú chủ yếu là vùng nào?		Câu 3: Nhà nước Ai Cập ra đời như thế nào?		2. Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại. - Khoảng năm 3000 TCN, vua Na-mơ hay Mê-nét thống nhất Ai Cập. Nhà nước Ai Cập ra đời. - Nhà nước do vua (pha-ra-ông) đứng đầu và có quyền lực tối cao, sở hữu toàn bộ đất đai, của cải, có quân đội riêng. - Năm 30 TCN, người La Mã xâm chiếm Ai Cập, nhà nước Ai Cập cổ đại sụp đổ.
Yêu cầu	Sản phẩm								
Câu 1: Cư dân Ai Cập cổ đại cư trú ở đâu?									
Câu 2: Họ sống riêng lẻ từng gia đình hay trong một cộng đồng? Họ tập hợp thành hai vùng cư trú chủ yếu là vùng nào?									
Câu 3: Nhà nước Ai Cập ra đời như thế nào?									

Câu 4: Quá trình thống nhất Ai Cập cổ đại bằng chiến tranh được thể hiện như thế nào trên phiến đá Na-mơ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào PHT số 2

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Cư dân Ai Cập cổ đại cư trú ở đâu?	- Cư dân Ai Cập cổ đại cư trú ở vùng lưu vực sông Nin.
Câu 2: Họ sống riêng lẻ từng gia đình hay trong một cộng đồng? Họ tập hợp thành hai vùng cư trú chủ yếu là vùng nào?	- Họ sống theo từng công xã, gọi là Nôm. Từ thiên niên kỉ IV, các Nôm miền Bắc hợp thành Hạ Ai Cập, các Nôm miền Nam hợp thành Thượng Ai Cập.
Câu 3: Nhà nước Ai Cập ra đời như thế nào?	- Khoảng năm 3000 TCN, vua Na-mơ, hay vua Mê-nét đã thống nhất Thượng và Hạ Ai Cập. Nhà nước Ai Cập ra đời.
Câu 4: Quá trình thống nhất Ai Cập cổ đại bằng chiến tranh được thể hiện như thế nào trên phiến đá Na-mơ?	- Vua Na-mơ đội cả hai vương miện (vương miện ở Thượng Ai Cập màu trắng, ở Hạ Ai Cập màu đỏ). - Hình ảnh người đàn ông chỉ tay vào một người đang quỳ xuống bên dưới - mặt 1, hình ảnh người đàn ông dẫn đầu một hàng quân có vũ khí - mặt 2.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

GV nhấn mạnh:

- Na-mơ và những người kế vị đã cai trị Ai Cập theo hình thức cha truyền con nối. Đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là các pha-ra-ông (Kẻ ngự trong cung điện), có quyền lực tối cao, sở hữu toàn bộ đất đai, của cải, có quân đội riêng. (Nhà nước quân chủ chuyên chế là chính thể mà quân chủ nắm thực quyền. Hiến pháp không tồn tại hoặc không hề có tác

dụng trong chế độ này. Chế độ quân chủ chuyên chế đã có mặt từ thời cổ đại và phát triển mạnh tại các quốc gia phong kiến phương Đông. Có thể cho HS liên hệ đến Việt Nam.) - Năm 30 TCN, người La Mã xâm chiếm Ai Cập, nhà nước Ai Cập cổ đại sụp đổ.	
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của người Ai Cập cổ đại.

a. Mục tiêu: HS nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Ai Cập cổ đại và hiểu được giá trị của các thành tựu đó với ngày nay.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - 1. Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ai Cập cổ đại? 2. Em ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao? 3. Tại sao hình học lại phát triển ở Ai Cập cổ đại? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hs vẽ sơ đồ theo nhóm ở nhà Nhiệm vụ 1: hs chuẩn bị ở nhà, làm bài trên padlet Nhiệm vụ 2: hs trình bày ý kiến cá nhân trên lớp Nhiệm vụ 3: hs thảo luận nhóm thống nhất ý kiến chung Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm thuyết trình ngắn gọn về sơ đồ của nhóm mình - các nhóm nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhau Nhiệm vụ 3: Gv chỉ định 1-2 hs nêu ý kiến giải thích GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi, tranh luận (gợi ý) Câu 3: Kể tên 1 số thành tựu mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ các phát minh của người Ai Cập cổ đại. Dự kiến sản phẩm: Câu 1: Người Ai Cập rất giỏi về hình học vì: - Ai Cập phát triển nền kinh tế nông nghiệp từ rất sớm. Việc canh tác nông nghiệp phụ thuộc vào nước sông Nin. Mà mực nước sông thì lên xuống theo lượng mưa cũng như theo vị trí so với bờ sông. Vì vậy, họ cần tính toán về những miếng đất canh tác, tính toán về mực nước sông,... - Hơn nữa, họ còn tính toán đất đai để phân phong cho các quý tộc, địa chủ. Tính toán xây dựng Kim tự tháp, xây dựng kiến trúc trong lòng hang động (khu lăng mộ	3. Những thành tựu văn hóa chủ yếu. - Chữ viết: phát minh ra giấy, chữ tượng hình; - Toán học: giỏi về hình học - Kiến trúc và điêu khắc: có nhiều công trình kiến trúc và điêu khắc nổi tiếng như: Các kim tự tháp; tượng bán thân nữ hoàng Nê-phéc-ti-ti, phiến đá Na-mơ... - Y học : Kỹ thuật ướp xác: giỏi về giải phẫu và biết rõ các bộ phận của con người => Đây là những thành tựu văn hóa rất quan trọng, đóng góp to lớn đối với nền văn minh nhân loại.

hoàng gia trong núi), xây dựng đền đài, cung điện, nghiên cứu thiên văn...	
Bước 4: Gv đánh giá, kết luận	

3. Hoạt động: Luyện tập:

a. Mục tiêu: củng cố, hệ thống hóa nội dung kiến thức đã được tìm hiểu ở hoạt động hình thành kiến thức mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

? Sự ra đời của nhà nước Ai Cập cổ đại dựa trên cơ sở nào?

Bước 2: HS hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 2:

- Điều kiện tự nhiên thuận lợi: Sông Nin cung cấp nguồn nước dồi dào cho sinh hoạt và sản xuất. Hằng năm mùa lũ, các sông bồi đắp phù sa phục vụ sản xuất. Ngoài ra, đây còn là con đường giao thông chính kết nối các vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế Ai Cập

- Xã hội, con người:

Mới đầu họ chỉ là những thổ dân của châu Phi kết hợp với tộc người Ha-mít từ Tây Á xâm nhập vào vùng lưu vực sông Nin, sống theo từng công xã (Nôm)

Đếm khoảng năm 3200 TCN, vua Na-mơ theo huyền thoại đã thống nhất các Nôm lại thành một vương quốc

=> Ai Cập ra đời

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động: Vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

Giả sử lớp học em có chiều cao 3m, em hãy cùng các bạn trong lớp tìm hiểu xem chiều cao của Kim tự tháp Kê-ốp gấp bao nhiêu lần chiều cao lớp học?

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

+ Chiều cao của Kim tự tháp Kê-ốp là 147m.

+ Chiều cao của lớp học là 3m

+ Chiều cao của Kim tự tháp Kê-ốp gấp 49 lần chiều cao lớp học. ($147:3=49$)

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

5. Phụ lục:

- Kim tự tháp Kê-ốp (Ai Cập) hay còn gọi với tên kim tự tháp Giza, hay Ku-phu; là một trong bảy kì quan thế giới cổ đại còn tồn tại. Các khối đá thạch cao tuyết hoa, mài nhẵn bề mặt rồi xếp chồng lên nhau. Bên cạnh Kim tự tháp là bức tượng Nhân sư huyền bí, là bức tượng nguyên khối lớn nhất hiện nay, tượng trưng cho trí tuệ và sức

mạnh quyền lực của các pha-ra-ông Ai Cập. Hình ảnh Kim tự tháp và tượng Nhân sư trở thành biểu tượng cho văn minh Ai Cập tồn tại mãi mãi với thời gian
Sơ đồ tư duy về những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ai Cập cổ đại.



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 13



LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (sông ngòi, đất đai) đối với sự hình thành nền văn minh Lương Hà cổ đại.
- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Lương Hà cổ đại.
- Nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Lương Hà cổ đại.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: Tích cực trao đổi, trình bày ý kiến, lắng nghe và phản hồi tích cực trong thảo luận nhóm

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Phân tích được tác động của điều kiện tự nhiên (sông ngòi, đất đai) đối với sự hình thành nền văn minh Lương Hà cổ đại.
 - + Trình bày được quá trình thành lập nhà nước ở Lương Hà cổ đại.
 - + Nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Lương Hà cổ đại.
- Vận dụng: Tìm kiếm, sưu tầm tư liệu phục vụ cho bài học
- + Vận dụng kiến thức lịch sử trong bài học để đánh giá vai trò của các thành tựu của Lương Hà đối với ngày nay

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm : Trân trọng những di sản của nền văn minh Lương Hà cổ đại để lại cho nhân loại, có trách nhiệm để giữ gìn, bảo vệ...
- Chăm chỉ: có cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm,
- Sưu tầm và chọn lọc tư liệu dạy học.
- Lược đồ Lương Hà cổ đại phóng to, tranh ảnh...
- Video về một số nội dung trong bài học.

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, nhận xét, phân tích, so sánh, thảo luận nhóm, cá nhân...
- Kỹ thuật: trực qua, kỹ thuật 321, động não, khăn trải bàn,

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động :Khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo không khí, tâm thế hứng khởi để HS bắt đầu một tiết học mới. Từ đó, giáo viên dẫn vào bài mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đưa tranh ảnh, HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: (Hoặc GV chỉ vào đồng hồ treo tường của lớp học, đồng hồ đeo tay...)

Câu 1: Cho biết đây là gì?

Câu 2: Cho biết đồng hồ chạy 1 tiếng bao nhiêu phút? 1 phút bao nhiêu giây?

Câu 3: Em có biết được cư dân nào trên thế giới đã phát minh ra hệ thống số đếm lấy số 60 làm cơ sở để chia 1 giờ thành 60 phút, 1 phút thành 60 giây hay không?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Bước 4: Gv nhận xét, kết luận

2. Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Phân tích điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà

a.Mục tiêu: Nêu được những tác động của điều kiện tự nhiên với sự hình thành nền văn minh cổ đại Lưỡng Hà

b.Tổ chức thực hiện

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát H7.1, H7.2 và tư liệu SGK, hoàn thành PHT số 1 1. Quan sát bản đồ khu vực Tây Nam Á, cho biết Lưỡng hà cổ đại hình thành trên khu vực nào của châu Á ngày nay? 2. Quan sát hình 7.1 và lược đồ 7.1 và 7.2 kết hợp với kiến thức đã học, em hãy chỉ ra điểm khác nhau về điều kiện tự nhiên giữa Ai Cập cổ đại và Lưỡng Hà cổ đại	1. Điều kiện tự nhiên: - Lưỡng Hà cổ đại nằm ở lưu vực các dòng sông lớn (Ơ-phơ-rát và Ti-gơ-ơ), là một vùng bình nguyên rộng lớn, bằng phẳng. - Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm, họ biết trồng chà là, ngũ cốc.... Nền văn minh Lưỡng Hà được hình thành rất sớm. - Các dòng sông trở thành những tuyến giao thương chính, thúc đẩy

2. Tại sao nhiều người Lưỡng Hà lại trở thành thương nhân ?

Bước 2: HS thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào PHT số 1

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Quan sát bản đồ khu vực Tây Nam Á, cho biết Lưỡng Hà cổ đại hình thành trên khu vực nào của châu Á ngày nay	- Lưỡng Hà cổ đại hình thành trên vùng đất Tây Nam Á ngày nay, nằm giữa hai con sông Ti-gơ-rơ và Ơ-phrát, người Hy Lạp cổ đại gọi là Mê-dô-pô-ta-mi có nghĩa là “vùng đất giữa hai con sông”, giáp sa mạc A-ra-bi-an và vịnh Ba Tư (còn gọi là vịnh Péc-xích). Sông Ơ-phơ-rát và Ti-gơ-rơ bắt nguồn từ vùng núi thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, chảy qua I-rắc và đổ ra vịnh Ba Tư. - Các quốc gia ngày nay nằm trên vùng đất Lưỡng Hà : (Lưỡng Hà: I-rắc, đông Syria, đông nam Thổ Nhĩ Kỳ...)
Câu 2: Chỉ ra điểm khác nhau về điều kiện tự nhiên giữa Ai Cập cổ đại và Lưỡng Hà cổ đại	- Ai Cập cổ đại gần như bị bao bọc bởi các hoang mạc nên khá cô lập với xung quanh - Lưỡng Hà là vùng bình nguyên rộng mở, tương đối bằng phẳng, không có biên giới thiên nhiên hiểm trở nên cư dân Lưỡng Hà đi lại dễ dàng, tiếp giáp vịnh biển lớn -> hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa với những vùng xung quanh khá phát triển
Câu 3: Điều kiện tự nhiên đó đã mang lại những thuận lợi gì cho cư dân Lưỡng Hà cổ đại?	- Nông nghiệp phát triển: trồng chà là, ngũ cốc, rau củ, thuần dưỡng động vật. - Nhiều người Lưỡng Hà trở thành thương nhân do việc đi lại dễ dàng, họ đi khắp

thương mại phát triển, nhiều người Lưỡng Hà trở thành thương nhân.

=> **Lưỡng Hà là tặng phẩm của những dòng sông.**

	Tây Á với những đàn lạc đà chất đầy hàng hóa trên lưng.	
Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi) GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi, thảo luận (gợi ý) ? Em có nhận xét gì về vai trò của hai dòng sông Ô-phơ-rát và Ti-gơ-rơ đối với hình thành nền văn minh Lưỡng Hà? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành yêu cầu Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả Dự kiến sản phẩm: Câu 2: Hai dòng sông Ô-phơ-rát và Ti-gơ-rơ mang phù sa màu mỡ bồi đắp, biến cửa sông thành đồng bằng,... Giống như sông Nin, có hai mùa nước lên xuống trong năm, mang lượng phù sa khổng lồ bồi đắp cho vùng châu thổ và đặc biệt là vùng cửa sông, mở rộng vùng đất này ra biển tới 200km. khẳng định vai trò to lớn và quan trọng của hai dòng sông đối với việc phát triển kinh tế, trồng trọt...tạo nên nền văn minh Lưỡng Hà. Bước 4: HS các nhóm khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. GV nhấn mạnh vai trò của những dòng sông như bồi đắp phù sa (chỉ cần công cụ gỗ, đá cũng có thể trồng cấy được); cung cấp nước tưới (rất dồi dào, nhưng lại theo mùa lũ nên phải làm thủy lợi, kênh, mương tưới tiêu,...); đường giao thương buôn bán, vận chuyển hàng hóa (sông là đường giao thông chính giữa các vùng). GV có thể mở rộng thêm cho HS về vai trò là đường giao thông chính của các dòng sông ở Lưỡng Hà bằng việc tổ chức cho HS kể một số câu chuyện mà các em đã từng đọc trong truyện cổ tích <i>Nghìn lẻ một đêm (A-la-đanh và cây đèn thần, Thủy thủ Sin-ba, A-li-ba-ba và bốn mươi tên cướp,...)</i>. Nếu HS không kể được thì GV có thể kể khái lược cho HS nghe, sau đó khuyến khích HS về nhà tự tìm đọc. Từ đó, GV đi đến kết luận: Lưỡng Hà là tặng phẩm của những dòng sông.		

Hoạt động 2: Tìm hiểu quá trình thành lập nhà nước Lưỡng Hà cổ đại.

a. Mục tiêu: Trình bày được quá trình hình thành nhà nước Lưỡng Hà cổ đại

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung												
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS quan sát H7.2 và tư liệu SGK tr 38; hoàn thành PHT số 2 <table border="1" data-bbox="183 367 868 714"> <thead> <tr> <th data-bbox="183 367 564 414">Yêu cầu</th><th data-bbox="564 367 868 414">Sản phẩm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="183 414 564 539">Câu 1: Trình bày quá trình thành lập nhà nước Lương Hà cổ đại?</td><td data-bbox="564 414 868 539"></td></tr> <tr> <td data-bbox="183 539 564 714">Câu 2: Kể tên những thành thị gắn với những nhà nước ra đời sau giai đoạn Xu-me</td><td data-bbox="564 539 868 714"></td></tr> </tbody> </table> Bước 2: HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào PHT số 2 Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả Dự kiến sản phẩm: <table border="1" data-bbox="183 887 893 2002"> <thead> <tr> <th data-bbox="183 887 469 934">Yêu cầu</th><th data-bbox="469 887 893 934">Sản phẩm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="183 934 469 1744">Câu 1: Trình bày quá trình thành lập nhà nước Lương Hà cổ đại?</td><td data-bbox="469 934 893 1744"> - Người Xu-me là nhóm người đến cư trú sớm nhất ở Lương Hà. Khoảng 3500 năm TCN, họ xây dựng những quốc gia thành thị, Đó là những nhà nước đầu tiên của người Lương Hà. Mỗi quốc gia thành thị bao gồm một thành phố và vùng đất xung quanh lệ thuộc vào nó, tập trung chủ yếu ở lưu vực hai con sông. - Sau người Xu-me, nhiều tộc người khác thay nhau làm chủ vùng đất này và lập nên những vương quốc, những đế chế hùng mạnh. </td></tr> <tr> <td data-bbox="183 1744 469 2002">Câu 2: Kể tên những thành thị gắn với những nhà nước ra đời sau giai đoạn Xu-me</td><td data-bbox="469 1744 893 2002"> - Ma-ri, At-sua, Ba-bi-lon, U-rúc, Um-ma... </td></tr> </tbody> </table> Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức	Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1: Trình bày quá trình thành lập nhà nước Lương Hà cổ đại?		Câu 2: Kể tên những thành thị gắn với những nhà nước ra đời sau giai đoạn Xu-me		Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1: Trình bày quá trình thành lập nhà nước Lương Hà cổ đại?	- Người Xu-me là nhóm người đến cư trú sớm nhất ở Lương Hà. Khoảng 3500 năm TCN, họ xây dựng những quốc gia thành thị, Đó là những nhà nước đầu tiên của người Lương Hà. Mỗi quốc gia thành thị bao gồm một thành phố và vùng đất xung quanh lệ thuộc vào nó, tập trung chủ yếu ở lưu vực hai con sông. - Sau người Xu-me, nhiều tộc người khác thay nhau làm chủ vùng đất này và lập nên những vương quốc, những đế chế hùng mạnh.	Câu 2: Kể tên những thành thị gắn với những nhà nước ra đời sau giai đoạn Xu-me	- Ma-ri, At-sua, Ba-bi-lon, U-rúc, Um-ma...	<u>2. Quá trình thành lập nhà nước Lương Hà cổ đại.</u> - Người Xu-me là nhóm người đến cư trú sớm nhất ở Lương Hà. Khoảng 3500 TCN, họ đã xây dựng những quốc gia thành thị. Nhà nước đầu tiên của người Lương Hà. - Sau người Xu-me nhiều tộc người khác thay nhau làm chủ vùng đất này và lập nên những vương quốc, đế chế hùng mạnh. Nhiều thành thị mới ra đời, nổi tiếng nhất là thành Ba-bi-lon. - Năm 539 TCN, người Ba Tư xâm lược Lương Hà. Nhà nước Lương Hà cổ đại kết thúc.
Yêu cầu	Sản phẩm												
Câu 1: Trình bày quá trình thành lập nhà nước Lương Hà cổ đại?													
Câu 2: Kể tên những thành thị gắn với những nhà nước ra đời sau giai đoạn Xu-me													
Yêu cầu	Sản phẩm												
Câu 1: Trình bày quá trình thành lập nhà nước Lương Hà cổ đại?	- Người Xu-me là nhóm người đến cư trú sớm nhất ở Lương Hà. Khoảng 3500 năm TCN, họ xây dựng những quốc gia thành thị, Đó là những nhà nước đầu tiên của người Lương Hà. Mỗi quốc gia thành thị bao gồm một thành phố và vùng đất xung quanh lệ thuộc vào nó, tập trung chủ yếu ở lưu vực hai con sông. - Sau người Xu-me, nhiều tộc người khác thay nhau làm chủ vùng đất này và lập nên những vương quốc, những đế chế hùng mạnh.												
Câu 2: Kể tên những thành thị gắn với những nhà nước ra đời sau giai đoạn Xu-me	- Ma-ri, At-sua, Ba-bi-lon, U-rúc, Um-ma...												

đã hình thành cho học sinh. (Yêu cầu HS thực hiện kỹ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý)

GV nhấn mạnh: Quá trình hình thành nhà nước của người Ai Cập và Lưỡng Hà: người Xu-me, Ác-cát, Át-xi-ri, Ba-bi-lon,... đã thành lập vương triều và thay nhau làm chủ vùng đất này đến khi bị Ba Tư xâm lược. (nhiều tộc người thay nhau thành lập các nhà nước ở Lưỡng Hà)

Hoạt động 3: Tìm hiểu những thành tựu văn hóa chủ yếu của người Lưỡng Hà cổ đại.

a. Mục tiêu:

- HS nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Lưỡng Hà cổ đại.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV-HS		Nội dung ghi bảng								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát H7.3, đến 7.7 và tư liệu SGK, (Hoặc chiếu video) hoạt động nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn; thời gian 7 phút, hoàn thành bảng phụ với nội dung sau: <table><tr><th>Yêu cầu</th><th>Sản phẩm</th></tr><tr><td>Câu 1: Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của Lưỡng Hà cổ đại</td><td></td></tr><tr><td>Câu 2: Em có nhận xét gì về những thành tựu văn hóa của Lưỡng Hà cổ đại</td><td></td></tr><tr><td>Câu 3: Em ấn tượng nhất về thành tựu nào của Lưỡng Hà cổ đại? Vì sao?</td><td></td></tr></table>		Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1: Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của Lưỡng Hà cổ đại		Câu 2: Em có nhận xét gì về những thành tựu văn hóa của Lưỡng Hà cổ đại		Câu 3: Em ấn tượng nhất về thành tựu nào của Lưỡng Hà cổ đại? Vì sao?		3. Những thành tựu văn hóa chủ yếu. - Chữ viết và văn học: + Chữ hình nêm + Bộ sử thi Gin-ga-mét, xây dựng dựa trên hình tượng 1 vị vua có thật của người Xu-me. - Luật pháp: năm 1750 TCN, ban hành bộ luật Ha-ma-ra-bi, quy định những nguyên tắc trong đời sống. - Toán học: rất giỏi về số học nên có nhiều phương pháp đếm khác nhau, nổi bật là hệ thống đếm lấy số 60 làm cơ sở; - Kiến trúc, điêu khắc: + Các công trình kiến trúc nổi tiếng như vườn treo Ba-bi-lon (thế kỉ VI TCN) + Một số tác phẩm điêu khắc như Sư tử gầm-gạch men... => Đây là những thành tựu văn hóa rất quan trọng, đóng góp to lớn đối với nền văn minh nhân loại.
Yêu cầu	Sản phẩm									
Câu 1: Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của Lưỡng Hà cổ đại										
Câu 2: Em có nhận xét gì về những thành tựu văn hóa của Lưỡng Hà cổ đại										
Câu 3: Em ấn tượng nhất về thành tựu nào của Lưỡng Hà cổ đại? Vì sao?										
Bước 2: HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào bảng phụ Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả (dán sản phẩm trên bảng và xung quanh lớp học) Dự kiến sản phẩm: <table><tr><th>Yêu cầu</th><th>Sản phẩm</th></tr><tr><td>Câu 1: Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của Lưỡng Hà cổ đại</td><td> - Chữ viết và văn học: + Chữ hình nêm (hình dạng giống như chiếc đinh hay góc nhọn nên được gọi là hình nêm hay hình góc). + Bộ sử thi Gin-ga-mét, xây dựng dựa trên hình tượng 1 vị vua có thật của người Xu-me. </td></tr></table>		Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1: Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của Lưỡng Hà cổ đại	- Chữ viết và văn học: + Chữ hình nêm (hình dạng giống như chiếc đinh hay góc nhọn nên được gọi là hình nêm hay hình góc). + Bộ sử thi Gin-ga-mét, xây dựng dựa trên hình tượng 1 vị vua có thật của người Xu-me.					
Yêu cầu	Sản phẩm									
Câu 1: Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của Lưỡng Hà cổ đại	- Chữ viết và văn học: + Chữ hình nêm (hình dạng giống như chiếc đinh hay góc nhọn nên được gọi là hình nêm hay hình góc). + Bộ sử thi Gin-ga-mét, xây dựng dựa trên hình tượng 1 vị vua có thật của người Xu-me.									

	- Luật pháp: năm 1750 TCN, ban hành bộ luật Ha-ma-ra-bi, quy định những nguyên tắc trong đời sống. - Toán học: rất giỏi về số học nên có nhiều phương pháp đếm khác nhau, nổi bật là hệ thống đếm lấy số 60 làm cơ sở; - Kiến trúc, điêu khắc: + Các công trình kiến trúc nổi tiếng như vườn treo Ba-bi-lon (thế kỉ VI TCN) + Một số tác phẩm điêu khắc như Sư tử gầm-gạch men...	
Câu 2: Em có nhận xét gì về những thành tựu văn hóa của Lưỡng Hà cổ đại	- Đây là những thành tựu văn hóa rất quan trọng, nổi bật trong số đó có nhiều thành tựu còn tồn tại và có giá trị đến ngày nay, đóng góp to lớn đối với nền văn minh nhân loại. -> Văn minh Lưỡng Hà là một trong số những nền văn minh rực rỡ nhất nhân loại	

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi)

GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi, tranh luận (gợi ý)

Câu 1: Quan sát Hình 7.3, em hãy cho biết tại sao người Xu-me không dùng dụng cụ đầu hình tròn hay lông mềm để khắc chữ trên những phiến đất sét?

Câu 2: Đọc tư liệu Hình 7.4, em hãy cho biết vua Ha-mu-ra-bi ban hành bộ luật để làm gì?

Câu 3: Kể tên 1 số vật dụng hay lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ các phát minh của người Lưỡng Hà cổ đại.

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Không thể dùng dụng cụ đầu hình tròn hay lông mềm để khắc chữ trên những phiến đất sét vì không viết được như vậy. Người Lưỡng Hà dùng dụng cụ có đầu hình nhọn để khắc chữ viết có hình dạng giống như những chiếc đinh hay góc nhọn.

Câu 2: Vua ban hành bộ luật để phát huy chính nghĩa ở đời, diệt trừ kẻ gian ác, không tuân theo luật pháp, làm cho kẻ mạnh không hà hiếp kẻ yếu.

Câu 3: Một số vật dụng hay lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ các phát minh của người Lưỡng Hà cổ đại.

- Hệ đếm 60 và 1 giờ có 60 phút: Người dân Lưỡng Hà sử dụng hệ thống số đếm 60. Từ đó, người Lưỡng Hà phân chia 1 giờ thành 60 phút và 1 phút gồm 60 giây. Cũng chính nhờ vào cơ số 60, vòng tròn được chia thành 360 độ.

- Toán học: Từ xưa, người Lưỡng Hà cổ đại biết cách làm 4 phép tính cộng trừ nhân chia, biết phân số, lũy thừa, căn số bậc hai và căn số bậc 3.

- Lịch: Những nhà thiên văn học người Babylon (một bộ phận của nền văn minh Lưỡng Hà) có thể dự đoán các kỳ nhật nguyệt thực và các điểm chí trong năm. Cũng chính họ đưa ra ý tưởng lịch 12 tháng dựa trên chu kỳ Mặt Trăng. Đây là cơ sở cho loại lịch âm dương mà chúng ta sử dụng ngày nay.

- Bánh xe và xe kéo: Người Lưỡng Hà trong những năm 3.000 TCN là những cư dân đầu tiên chế tạo một phương tiện di chuyển nhờ vào sức kéo động vật.

GV nhấn mạnh: Ngoài những thành tựu nổi bật trên, người Lưỡng Hà còn phát minh ra bánh xe, ngày nay được ứng dụng trong lĩnh vực làm bánh xe ô tô, xe máy,... phát minh ra lịch, chia 1 năm thành 12 tháng, mỗi tháng có 29 hoặc 30 ngày. Có thể nói rằng những thành tựu, phát minh của người Lưỡng Hà cổ đại là những thành tựu văn hóa rất quan trọng, nổi bật trong số đó có nhiều thành tựu còn tồn tại và có giá trị đến ngày nay, đóng góp to lớn đối với nền văn minh nhân loại.

3. Hoạt động : Luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức bài học để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b. Tổ chức hoạt động:

Câu 1: Kể tên những đồ vật xung quanh em có ứng dụng thành tựu toán học của người Lưỡng Hà cổ đại

Bước 2: HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 2: Đồng hồ, đo độ, compa, la bàn cơ học, bánh xe...

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động : Vận dụng:

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- thiết kế sơ đồ tư duy thể hiện các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Lưỡng Hà cổ đại?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà

5. Phụ lục : Vườn treo Ba-bi-lon nhất. Đây là công trình kiến trúc được liệt vào hàng kiệt tác của nhân loại, luôn luôn gắn liền với tên của một phụ nữ, đó là vườn treo Ba-bi-lon. Vườn treo từng được coi là một trong bảy kì quan của thế giới cổ đại. Vườn treo là một khoảng xanh tươi mát, là niềm hi vọng và điểm định hướng cho những đoàn lạc đà hành trình trên sa mạc mênh mông và nóng bỏng.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 14+ 15

BÀI 8: AN ĐỘ CỔ ĐẠI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng và ảnh hưởng của nó đến sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ(hs tự học)
- Trình bày được những đặc điểm chính của chế độ xã hội của Ấn Độ thời cổ đại.
- Nêu được những thành tựu văn hoá của Ấn Độ thời cổ đại.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ, tự học: chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin; hiểu rõ nhiệm vụ của cá nhân, nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao .
- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết đặt câu hỏi trao đổi phản biện; phân tích tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau

b. Năng lực lịch sử:

- Tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được những thông tin, hiện vật, tranh ảnh có trong bài.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.
 - + Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng và ảnh hưởng của nó đến sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ.
 - + Trình bày được những đặc điểm chính của chế độ xã hội của Ấn Độ thời cổ đại.
 - + Nêu được những thành tựu văn hoá của Ấn Độ thời cổ đại.
- Vận dụng: Vận dụng 1 số kiến thức trong bài học với cuộc sống ngày nay.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá của các dân tộc trên thế giới.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, sưu tầm và chọn lọc tư liệu dạy học.
- Lược đồ Ấn Độ cổ đại, ngày nay phóng to, tranh ảnh...
- Video về lịch sử Ấn Độ cổ đại

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, hợp tác, trực quan
- Kỹ thuật: kỹ thuật 321, động não, khăn trải bàn, phòng tranh, phân tích video

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo sự tò mò, ham học hỏi cho hs và kết nối với bài mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giới thiệu hình ảnh về biểu tượng quốc huy của Ấn Độ và cột đá Asoka nổi tiếng:

1. Cột đá Asoka do ai xây dựng?

2. Tại sao hình ảnh cột đá Asoka lại được sử dụng làm biểu tượng quốc huy của Ấn Độ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Bước 4: GV dẫn vào bài mới: Cột đá Asoka không chỉ là tác phẩm điêu khắc tuyệt đẹp của Ấn Độ cổ đại mà nó còn là biểu tượng cho quan niệm tôn giáo về lòng từ bi bác ái của vua Asoka. Vậy, xã hội Ấn Độ cổ đại được hình thành ra sao, họ đã đạt được những thành tựu văn hóa nổi bật nào?

2. Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên

a. Mục tiêu: Nêu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng ảnh hưởng đến sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs		Nội dung bài:
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát H2 và tư liệu SGK, thực hiện kỹ thuật Think-pair-share; thời gian 5 phút, hoàn thành PHT số 1 - Think: HS làm việc cá nhân, thời gian 3 phút - Pair: Sau đó, HS trao đổi cặp đôi (bạn bên cạnh), thời gian 2 phút - Share: HS được mời chia sẻ, GV gọi ngẫu nhiên theo STT, HS nêu ý kiến không trùng lặp với ý kiến của HS khác, thời gian 1 phút		I. Điều kiện tự nhiên: - Vị trí địa lý: Ấn Độ là 1 bán đảo ở Nam Á, có ba mặt giáp biển, nằm trên trục đường biển từ Tây sang Đông. - điều kiện tự nhiên: + đồng bằng sông Ấn, sông Hằng màu mỡ, phù sa. - Khí hậu: khô nóng, ở lưu vực sông Hằng có mưa nhiều, cây cối tươi tốt. - Kinh tế: nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi).
Yêu cầu	Sản phẩm	
Câu 1: xác định vị trí địa lý và mô tả điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi) của Ấn Độ cổ đại.		
Câu 2: Sông Ấn và sông Hằng có vai trò như thế nào đối với sự hình thành nền văn minh Ấn Độ cổ đại?		

Câu 3: Quan sát lược đồ H8.1 em hãy cho biết sông Ấn và sông Hằng chảy qua những quốc gia nào ngày nay?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào PHT số 1

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả (share- chia sẻ)

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: xác định vị trí địa lí và mô tả điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi) của Ấn Độ cổ đại.	- Vị trí địa lí: là bán đảo ở Nam Á, có ba mặt giáp biển, nằm trên trục đường biên từ Tây sang Đông. Phía bắc được bao bọc bởi dãy Hi-ma-lay-a- một vòng cung khổng lồ. Địa hình: + đồng bằng sông Ấn, sông Hằng lớn vào loại bậc nhất thế giới, được phù sa màu mỡ của hai con sông này bồi tụ. + Miền Trung và miền Nam là cao nguyên Đê-can với núi đá hiểm trở, đất đai khô cằn. + Vùng cực Nam và dọc hai bờ ven biển là những đồng bằng nhỏ hẹp. - Khí hậu: Lưu vực sông Ấn khí hậu khô nóng, ít mưa. Ở lưu vực sông Hằng có gió mùa nên lượng mưa nhiều do tác động của gió mùa và không có sa mạc. -Sông ngòi: 3 con sông lớn: sông Ấn và sông Hằng, Bramaput
Câu 2: Sông Ấn và sông Hằng có vai trò như thế nào đối với sự hình thành nền văn minh Ấn Độ cổ đại?	-Hai con sông bồi đắp phù sa tạo thành các đồng bằng màu mỡ, cung cấp nước tưới cho trồng trọt và chăn nuôi. Từ đó nền văn minh được hình thành sớm ở Bắc Ấn Độ
Câu 3: Quan sát lược đồ H8.1 em hãy cho biết sông Ấn chảy qua những quốc gia nào ngày nay?	Pa-ki-xtan , Ấn Độ, Băng -la- đét

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá.

GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi (gợi ý)

Câu 1: Dựa vào vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên, hãy cho biết vùng nào của Ấn Độ thích hợp nhất để định cư? Vì sao?

Câu 2: Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống với Ai Cập và Lưỡng Hà?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Vùng thích hợp để định cư là Bắc Ấn, đồng bằng giáp dãy Himalaya, Trung và Nam Ấn là đồi núi hiểm trở => nửa kín nửa hở, khá giống với nước Ai Cập có địa hình cũng nửa kín nửa hở (Ai Cập thông với bên ngoài bởi eo Suez). Hai con sông tạo thành hai đồng bằng rộng lớn ở phía bắc Ấn Độ để cư dân trồng trọt và chăn nuôi. Vì thế cư dân sống nhiều nhất ở Bắc Ấn.

Câu 2: Giống nhau: Đều có những dòng sông lớn (sông Nin, sông Ti-gơ-rơ, sông Ô-phơ-rát, sông Ấn, sông Hằng) bồi tụ nên các đồng bằng rộng lớn, nhiều phù sa, khí hậu thuận lợi cho phát triển nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi)

GV nhấn mạnh: về vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên và những tác động của nó đến việc hình thành nền văn minh Ấn Độ và có thể liên hệ đến Ai Cập và Lưỡng Hà. Từ đó, rút ra kết luận: các nền văn minh trên thế giới đều được hình thành trên lưu vực những dòng sông lớn. Ở những bài học tiếp theo chúng ta sẽ tiếp tục chứng minh điều này.

Hoạt động 2: Tìm hiểu xã hội ở Ấn Độ cổ đại

a. Mục tiêu: Trình bày được những đặc điểm chính của chế độ xã hội của Ấn Độ thời cổ đại.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của Gv và Hs		Nội dung bài
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Hs quan sát lược đồ Ấn Độ cổ đại và lược đồ khu vực Nam Á, cho biết + Ấn Độ cổ đại nằm ở khu vực nào của châu Á hiện nay? GV yêu cầu HS quan sát H8.2 (chú ý về màu sắc của sơ đồ) và tư liệu (tr.42) để hoàn thành PHT số 2; HS hoạt động cá nhân, thời gian 5 phút		II. Xã hội ở Ấn Độ cổ đại: - Khoảng năm 2500 TCN người Đra-vi -đa đã xây dựng những thành thị đầu tiên bên bờ sông Ấn -Giữa thiên niên kỉ II TCN, người A-ri-a xâm nhập, xua đuổi người Đra-vi -đa mở ra thời kì xã hội có giai cấp và nhà nước. - Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp Vac-na, chia xã hội Ấn Độ thành 4 đẳng cấp + Su-đra + Vai-si-a + Ksa-tri-a + Bra-man
Yêu cầu	Sản phẩm	
Câu 1: Hãy đọc đoạn tư liệu truyện tranh và cho biết tại sao lại xuất hiện và tồn tại sự phân biệt đẳng cấp ở Ấn Độ cổ đại?		
Câu 2: Chế độ đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ Cổ đại được phân chia dựa trên cơ sở nào ?		

Câu 3: Theo em, người Dravida sẽ được xếp vào đẳng cấp nào?

Câu 4: Tham khảo thông tin trong tư liệu, Em có nhận xét gì về sự phân chia xã hội theo chế độ đẳng cấp Vac-na ở Ấn Độ cổ đại

3. Dựa vào nd sgk để hoàn thiện sơ đồ chế độ đẳng cấp Vac-na và vẽ lại vào vở.



Hình 7.3. Sơ đồ các đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào PHT số 2

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Hãy đọc đoạn tư liệu truyện tranh và cho biết tại sao lại xuất hiện và tồn tại sự phân biệt đẳng cấp ở Ấn Độ cổ đại?	Người Aria di cư từ trung Á xuống, không chế người Đra-vi-a bằng vũ khí và mở rộng quyền lực. Họ phân chia đẳng cấp nhằm bảo vệ quyền lực của người Aria
Câu 2: Chế độ đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ Cổ đại được phân chia dựa trên cơ sở nào?	Dựa trên cơ sở sự phân biệt chủng tộc
Câu 3: Theo em, người Dravida sẽ được xếp vào đẳng cấp nào?	Người Đra-vi-a sẽ được xếp vào đẳng cấp những người thấp kém
Câu 4: Tham khảo thông tin trong tư liệu, Em có nhận xét gì về sự phân chia xã hội theo chế độ đẳng cấp Vac-na ở Ấn Độ cổ đại	Thể hiện sự bất công, bất bình đẳng trong xã

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá, kết luận

GV nhấn mạnh: Người Đra-vi-đa được biết đến là chủ nhân của nền văn minh ven bờ sông Ấn - nền văn

minh cổ xưa nhất ở Ấn Độ. Ngày nay, họ là những tộc người thiểu số cư trú ở miền Nam bán đảo Ấn Độ. Sự xâm nhập của người A-ri-a vào miền Bắc Ấn, mở ra thời kì chuyển biến sang xã hội có giai cấp và nhà nước. Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp Vác-na, chia xã hội Ấn Độ thành bốn đẳng cấp dựa trên sự khác biệt về tộc người và màu da, mỗi đẳng cấp có bổn phận, nghĩa vụ khác nhau. Ở đẳng cấp thứ tư thì tầng lớp thấp kém nhất là Pa-ri-a (sự không thừa nhận) và năm 1922, Nguyễn Ái Quốc đã dùng từ “Pariah” để đặt tên cho tờ báo Le Paria (Người cùng khổ) nói về đời sống của các dân tộc bị áp bức.

Ngày dạy:

Hoạt động 3: Tìm hiểu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại

a. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu văn hoá của Ấn Độ thời cổ đại.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>Em hãy kể tên các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại và giới thiệu cụ thể ít nhất một thành tựu em ấn tượng?</i> Bước 2: thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ theo nhóm: thiết kế sản phẩm giới thiệu về thành tựu văn hóa mà em thấy ấn tượng nhất (bài trình chiếu ảnh, video, kể chuyện, làm thơ...) Bước 3: các nhóm trình bày sản phẩm (dán sản phẩm trên bảng và xung quanh lớp học) Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Sử dụng kĩ thuật 321 để yêu cầu HS các nhóm cho 3 ưu điểm, 2 hạn chế và 1 lời góp ý) (bám theo các tiêu chí trogn bảng tiêu chí đánh giá) GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi (gợi ý) Câu 1: Theo em, thành tựu tôn giáo nào của Ấn Độ quan niệm mọi người đều bình đẳng? Câu 2: Thành tựu văn hóa nào của người Ấn Độ cổ đại vẫn được sử dụng hoặc bảo tồn đến ngày nay? Câu 3: Theo em, trong số những thành tựu văn hóa trên của Ấn Độ cổ đại, thành tựu có ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam là gì? Dự kiến sản phẩm: Câu 1: Phật giáo ở Ấn Độ theo chủ trương mọi người đều bình đẳng.	<u>III. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu:</u> - Tôn giáo: đạo Bà La Môn, đạo Phật. - Chữ viết: chữ Phạn - Văn học: hai bộ sử thi <i>Ma-ha-bha-ra-ta</i> và <i>Ra-ma-y-a-na</i>. - KHTN: + Toán học là thành tựu nổi bật : tạo ra hệ số có 10 chữ số, đặc biệt phát minh ra số 0. + Y học: sử dụng thuốc tê, thuốc mê khi phẫu thuật, biết sử dụng thảo mộc trong chữa bệnh. - Kiến trúc, điêu khắc: chủ yếu là kiến trúc tôn giáo với những công trình kì vĩ. => Đây là những thành tựu văn hóa rất quan trọng, đóng góp to lớn đối với nền văn minh nhân loại.

Câu 2: Thành tựu văn hóa của người Ấn Độ cổ đại vẫn được sử dụng hoặc bảo tồn đến ngày nay:

+ Phật giáo và Ấn Độ giáo đã vượt ra khỏi phạm vi lãnh thổ Ấn Độ, trở thành 2 trong những tôn giáo có số lượng tín đồ đông đảo nhất trên thế giới.

+ Hai bộ sử thi: *Mahabharata* và *Ramayana* vẫn có sức sống lâu bền trong tâm thức người Ấn Độ. Mặt khác, 2 tác phẩm này cũng được truyền bá ra bên ngoài, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của văn học Đông Nam Á.

+ Các chữ số (do người Ấn Độ sáng tạo ra) được sử dụng rộng rãi trên thế giới.

+ Các công trình kiến trúc, như: chùa hang A-gian-ta; cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi... vẫn được bảo tồn và trở thành địa điểm du lịch nổi tiếng.

Câu 3: Thành tựu có ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam: Phật giáo (HS có thể dẫn chứng như đạo Phật được phổ biến ở Việt Nam, chùa chiền xây dựng nhiều nơi, văn học, điêu khắc....)

GV nhấn mạnh một số thành tựu tiêu biểu của người Ấn Độ cổ đại như:

- Ấn Độ cổ đại là quê hương của các tôn giáo lớn trên thế giới

+ Đạo Bà la Môn là tôn giáo cổ xưa nhất của người Ấn Độ, sau được cải biến thành đạo Hin-đu (Ấn Độ giáo), đề cao sức mạnh của các vị thần. Hin-đu giáo quan niệm thần Sáng tạo (Brahma) sinh ra các đẳng cấp và con người phải tuân theo sự sắp đặt này.

+ Phật giáo do Thích ca Mâu Ni sáng lập. Nội dung căn bản của Phật giáo là quy luật nhân quả. Theo đó, con người sẽ chịu tác động từ những việc làm tốt hoặc xấu của mình. Phật giáo quan niệm tất cả mọi người đều bình đẳng (điều này trái ngược với đạo Bà La Môn).

- Chữ viết: có từ rất sớm. Đó là chữ Phạn (dùng để viết các tác phẩm tôn giáo lớn như kinh Vê-đa và các tác phẩm văn học, tiêu biểu là hai bộ sử thi *Ma-ha-bha-rata* (gồm 110.000 câu thơ đôi, phản ánh đời sống của người Ấn Độ cổ đại) và *Ra-ma-y-a-na* (gồm 24.000 câu thơ đôi, mô tả cuộc tình giữa hoàng tử Ra-ma và nàng Xi-ta)

- Toán học: là thành tựu nổi bật của người Ấn Độ cổ đại. Họ phát minh các số từ 0-9 (quan trọng nhất là việc sáng tạo ra chữ số 0)

- Kiến trúc: đều chịu ảnh hưởng của 1 tôn giáo nhất định, nổi bật là kiến trúc Phật giáo và Hin-đu giáo

-> Khẳng định những thành tựu, phát minh của người Ấn Độ cổ đại là những thành tựu văn hóa rất quan trọng, nổi bật trong số đó có nhiều thành tựu còn tồn tại và có giá

trị đến ngày nay, đóng góp to lớn đối với nền văn minh nhân loại.	
---	--

3. Hoạt động :Luyện tập

a. Mục tiêu: hs vận dụng kiến thức bài học để giải quyết nhiệm vụ trong bài tập

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

1. Em hãy cho 1 ví dụ về các phép toán có sử dụng thành tựu số 0 của người Ấn Độ cổ đại.
2. Hs tham gia trò chơi Quizzi

Bước 2: HS hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: HS cần phân tích được các biểu hiện của sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại thông qua chế độ đẳng cấp Vác-na:

- + Vì sao gọi là Vác-na.
- + Nguồn gốc của chế độ Vác-na.
- + Nội dung biểu hiện: Xã hội bất bình đẳng, quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của các đẳng cấp thể hiện sự phân biệt, áp bức khắc nghiệt.

Câu 2: $0+9=9$; $10-0=10$; $0 \times 9=0$; $100:10=10$

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động :Vận dụng:

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: (GV hướng dẫn, HS về nhà hoàn thành)

Câu 1: Đóng vai là 1 hướng dẫn viên du lịch. Em hãy giới thiệu về 1 công trình kiến trúc ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của Phật giáo Ấn Độ cổ đại

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

Câu 1: HS có thể chọn 1 công trình kiến trúc chịu ảnh hưởng của Phật giáo Ấn Độ cổ đại như: chùa Một Cột, Thánh Địa Mỹ Sơn, chùa Thiên Mụ....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT 16,17,18: BÀI 9:

TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Trình bày được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc thời cổ đại
- Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.
- Xây dựng được đường thời gian từ Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự, tự học: Tự đặt mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện, chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe, phản hồi tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được những thông tin, hiện vật, tranh ảnh có trong bài.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc thời cổ đại.
 - + Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.
 - + Xây dựng được đường thời gian từ Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.
 - + Nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.
- Vận dụng:
 - + Vận dụng kiến thức bài học để đánh giá tác động của các thành tựu văn minh TQ cổ đại đối với đời sống hiện tại

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm:
 - + Có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá của các dân tộc trên thế giới; học hỏi những cái hay cái đẹp trong văn hóa của các dân tộc khác.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, sưu tầm và chọn lọc tư liệu dạy học.
- Lược đồ Trung Quốc cổ đại, ngày nay phóng to, tranh ảnh...
- Video về một số nội dung trong bài học.

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, hợp tác, trò chơi
- Kỹ thuật: kỹ thuật 321, động não, Think-pair-share

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo sự tò mò, hứng thú cho hs, kết nối vào bài mới.

b.. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đưa tranh, HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi sau:

Hs tham gia trò chơi lật mảnh ghép

Sau khi lật mảnh ghép, hãy nêu chủ đề bài học. Em đã biết điều gì về chủ đề bài học hôm nay?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Bước 4: Gv giới thiệu bài mới:

2. Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại (hs tự học)

a.Mục tiêu: Trình bày được những đặc điểm tự nhiên của Trung quốc thời cổ đại

b.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Đọc thông tin sgk, quan sát hình 9.1 và lược đồ 9.2, em hãy: Xác định vùng cư trú chủ yếu của cư dân TQ thời cổ đại? Cho biết sông Hoàng Hà và sông Trường Giang đã tác động như thế nào đến cuộc sống của cư dân TQ thời cổ đại? Bước 2: Hs làm việc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ Gv hướng dẫn hs khai thác lược đồ 9.2 và hình 9.1 để thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Gv mời 1 hs lên trình bày điều kiện tự nhiên của TQ trên lược đồ Cả lớp theo dõi, nhận xét Bước 4: Gv nhận xét, chốt nd kiến thức	-Đồng bằng hạ lưu sông rộng lớn, màu mỡ -Khí hậu ẩm áp, thuận lợi cho cây trồng phát triển -Sông Hoàng Hà, Trường Giang bồi đắp phù sa, cung cấp nước tưới

Hoạt động 2: Tìm hiểu về quá trình thống nhất và xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng

a. Mục tiêu: Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. quan sát H9.3 và tư liệu (tr.48-49) trình bày quá trình Tần Thủy Hoàng thống nhất lãnh thổ Trung Quốc?	<u>II. Quá trình thống nhất và xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng.</u>

2. Quan sát h 9.4, cho biết Tần Thủy Hoàng đã làm gì để thống nhất toàn diện đất nước Trung Quốc?

3. dựa vào h 9.3,9.4 và nội dung sgk mục II, hoàn thành phiếu học tập 5W1H

Yêu cầu	Sản phẩm
WHERE: nước nào đã thống nhất TQ?	
WHO: ai đã thống nhất TQ	
WHEN: nước TQ được thống nhất vào khoảng tg nào?	
WHAT: Tần Thủy Hoàng đã thi hành những chính sách gì để thống nhất toàn diện TQ	
WHY: Tại sao TTH thống nhất được TQ	
HOW: Nhà tần có vai trò ntn đối với Lịch sử TQ	

Bước 2: HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi 1,2

Hs thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ hoàn thành nội dung vào PHT số 2

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
WHERE: nước nào đã thống nhất TQ?	Nước Tần
WHO: ai đã thống nhất TQ	Tần Thủy Hoàng
WHEN: nước TQ được thống nhất vào khoảng tg nào?	Năm 221 TCN
WHAT: Tần Thủy Hoàng đã thi hành những chính sách gì để thống nhất toàn diện TQ	Thống nhất lãnh thổ, thống nhất đơn vị đo lường, thống nhất tiền tệ, chữ viết
WHY: Tại sao TTH thống nhất được TQ	Chính sách bẻ dũa từng chiếc
HOW: Nhà tần có vai trò ntn đối với Lịch sử TQ	Thống nhất TQ, xác lập chế độ phong kiến

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá và kết luận

GV mở rộng kiến thức: Giới thiệu với HS một vài nét về Tần Thủy Hoàng: Tần Thủy Hoàng (259 TCN-210 TCN). Ông là vị vua thứ 36 của nước Tần, đồng thời là Hoàng đế đầu tiên thống nhất Trung Hoa sau khi tiêu diệt các nước chư hầu, chấm dứt thời kỳ Chiến Quốc vào năm 221 TCN. Ông lên ngôi Tần vương năm 13 tuổi và

a. Sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ của nhà Tần

- Thời cổ đại ở Trung Quốc kéo dài khoảng 2000 năm, gắn liền với ba triều đại: Hạ, Thương, Chu
- Năm 221 TCN, Tần Thủy Hoàng thống nhất lãnh thổ, tự xưng là hoàng đế.
- Quân sự: chấm dứt chiến tranh, thống nhất lãnh thổ và mở rộng lãnh thổ.
- Kinh tế: thống nhất hệ thống đo lường, hệ thống tiền tệ tạo điều kiện lưu thông hàng hóa.
- Văn hoá: thống nhất chữ viết tạo thuận lợi cho giao lưu tiếp xúc giữa các vùng miền.

trở thành Hoàng đế năm 38 tuổi. Thay vì tiếp tục xưng vương như các vị vua thời nhà Thương và nhà Chu, để đánh dấu mốc cho việc thống nhất Trung Hoa và chứng tỏ nhà Tần còn vĩ đại hơn các triều đại trước, ông tự tạo ra một danh hiệu mới là "Hoàng đế" và tự gọi mình là Thủy Hoàng đế.

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS quan sát H9.5 và tư liệu (tr.49) HS hoạt động cặp đôi, thời gian 5 phút

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Xã hội cổ đại TQ gồm những giai cấp nào?	
Câu 2: Xã hội phong kiến gồm những giai cấp nào? Các giai cấp đó được hình thành từ những giai cấp nào trong xã hội cổ đại?	- Xã hội phong kiến Trung Quốc gồm giai cấp: + Địa chủ được hình thành từ giai cấp quý tộc quan lại (do chiếm được nhiều ruộng đất) và một bộ phận nông dân công xã (do giàu có). + Nông dân lĩnh canh (tá điền) được hình thành từ giai cấp nông dân công xã (do bị mất ruộng đất, phải nhận ruộng để canh tác).
Câu 3: Quan hệ giữa hai giai cấp cơ bản của xã hội phong kiến dựa trên cơ sở nào?	- Quan hệ giữa hai giai cấp cơ bản của xã hội phong kiến dựa trên cơ sở bóc lột bằng nạt tô

GV nhấn mạnh: Như vậy, Nhà Tần đã thống nhất chấm dứt tình trạng chiến tranh liên biên giữa các tiểu quốc và lập ra triều đại phong kiến đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, thực thi nhiều chính sách, đặt nền móng cho sự thống nhất và phát triển lâu dài của Trung Quốc.

b. Những giai cấp mới trong xã hội phong kiến Trung Quốc:

- Địa chủ được hình thành từ giai cấp quý tộc Địa chủ : nhiều ruộng đất, giàu có

- Nông dân lĩnh canh (tá điền) : bị mất ruộng đất, phải nhận ruộng để canh tác).

-> Quan hệ giữa hai giai cấp dựa trên cơ sở bóc lột bằng nạt tô.

Hoạt động 3: Tìm hiểu Trung Quốc từ thời Hán đến thời nhà Tùy (206 TCN – thế kỷ VII)

a. Mục tiêu: - Xây dựng được đường thời gian từ Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
-----------------------------------	---------------------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS quan sát H9.6 và tư liệu SGK Tr50; hoạt động cá nhân, thời gian 3 phút



Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Em hãy kể tên các triều đại phong kiến Trung Quốc từ nhà Hán đến nhà Tùy. Triều đại nào kéo dài nhiều nhất? Triều đại nào tồn tại ngắn nhất?	
Câu 2: Đặc điểm nổi bật của thời kì này là gì?	

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Em hãy kể tên các triều đại phong kiến Trung Quốc từ nhà Hán đến nhà Tùy. Triều đại nào kéo dài nhiều nhất? Triều đại nào tồn tại ngắn nhất?	- Từ sau thời nhà Tần, xã hội Trung Quốc thời kì này gắn liền với những triều đại: Hán, Tam quốc, Tấn, Nam - Bắc triều, Tùy. - Triều đại kéo dài nhiều nhất: nhà Hán. - Triều đại tồn tại ngắn nhất: nhà Tùy.
Câu 2: Đặc điểm nổi bật của thời kì này là gì?	- Đặc điểm nổi bật của thời kì này: Trung Quốc bước vào thời kì loạn lạc, thống nhất xen kẽ chia rẽ. Các triều đại phong kiến liên tiếp mở những cuộc chiến tranh xâm lược để mở rộng lãnh thổ.

Bước 4: HS khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Sử dụng kĩ thuật 321 : 3 lời khen, 2 góp ý và 1 câu hỏi)

GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi (gợi ý):

1.Không sử dụng tài liệu hãy sắp xếp các triều đại phong kiến Trung Quốc trên đường thời gian theo đúng theo đúng trình tự ?

3. Trung Quốc từ thời Hán đến thời nhà Tùy (206 TCN – thế kỉ VII):

- Sau nhà Tần là các triều đại: Hán, Tam Quốc, Tấn, Nam-Bắc triều, Tùy.
- Đây là thời kì thống nhất xen kẽ chia rẽ.
- Lãnh thổ Trung Quốc tiếp tục được mở rộng.

Câu 1: Các triều đại Trung Quốc đã thực hiện chính sách gì để mở rộng lãnh thổ? Câu 2: Em hãy liên hệ đến 1 vài sự kiện lịch sử Vn xảy ra cùng thời kì với các triều đại TQ nói trên? Dự kiến sản phẩm: Câu 1: Liên tiếp mở những cuộc chiến tranh xâm lược các nước láng giềng Câu 2: - Nhà Triệu; nhà Hán, nhà Nam Hán; - Nhà Hán đô hộ nước ta, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa.	
--	--

Hoạt động 4: Tìm hiểu một số thành tựu văn minh tiêu biểu của Trung Quốc trước thế kỉ VII

a. Mục tiêu: HS nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII và hiểu được giá trị của các thành tựu đó với ngày nay.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>												
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát H9.7; H9.8; H9.9; H9.10 và tư liệu SGK, thiết kế sơ đồ tư duy thể hiện các thành tựu văn hóa Trung Quốc từ thời cổ đại đến TK VII <table border="1"> <thead> <tr> <th>Yêu cầu</th><th>Sản phẩm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Câu 1: Nêu những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung Quốc thời cổ đại.</td><td></td></tr> <tr> <td>Câu 2: Em có nhận xét gì về những thành tựu của văn minh Trung Quốc cổ đại?</td><td></td></tr> <tr> <td>Câu 3: Em ấn tượng nhất về thành tựu nào của văn minh Trung Quốc cổ đại? Vì sao?</td><td></td></tr> </tbody> </table> Bước 2: hs thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm, báo cáo trên lớp Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả (dán sản phẩm trên bảng và xung quanh lớp học) Dự kiến sản phẩm: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Yêu cầu</th><th>Sản phẩm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Câu 1: Nêu những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung Quốc thời cổ đại.</td><td> - Tư tưởng: Nho gia là trường phái tư tưởng nổi bật nhất Trung Quốc, nhấn mạnh tôn ti trật tự, bốn phân phục tùng tuyệt đối của kẻ dưới với bề trên. - Chữ viết: chữ tượng hình. Chữ được khắc trên mai rùa, xương thú </td></tr> </tbody> </table>	Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1: Nêu những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung Quốc thời cổ đại.		Câu 2: Em có nhận xét gì về những thành tựu của văn minh Trung Quốc cổ đại?		Câu 3: Em ấn tượng nhất về thành tựu nào của văn minh Trung Quốc cổ đại? Vì sao?		Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1: Nêu những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung Quốc thời cổ đại.	- Tư tưởng: Nho gia là trường phái tư tưởng nổi bật nhất Trung Quốc, nhấn mạnh tôn ti trật tự, bốn phân phục tùng tuyệt đối của kẻ dưới với bề trên. - Chữ viết: chữ tượng hình. Chữ được khắc trên mai rùa, xương thú	<u>4. Thành tựu văn minh tiêu biểu của Trung Quốc trước thế kỉ VII.</u> - Tư tưởng : Nho giáo -Chữ viết: Chữ tượng hình khắc trên xương, đỉnh đồng, trên thẻ tre trúc -Văn học- sử học : Kinh thi, Sử kí Tư Mã Thiên -Y học : dùng thảo dược, phương pháp bấm huyệt -Kĩ thuật: thiết bị đo động đất, dệt tơ lụa, làm giấy - Kiến trúc – điêu khắc: Vạn lý Trường thành, cung điện, chùa, tháp.... - Kiến trúc: như Vạn Lý Trường Thành, Lăng Ly Sơn...
Yêu cầu	Sản phẩm												
Câu 1: Nêu những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung Quốc thời cổ đại.													
Câu 2: Em có nhận xét gì về những thành tựu của văn minh Trung Quốc cổ đại?													
Câu 3: Em ấn tượng nhất về thành tựu nào của văn minh Trung Quốc cổ đại? Vì sao?													
Yêu cầu	Sản phẩm												
Câu 1: Nêu những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung Quốc thời cổ đại.	- Tư tưởng: Nho gia là trường phái tư tưởng nổi bật nhất Trung Quốc, nhấn mạnh tôn ti trật tự, bốn phân phục tùng tuyệt đối của kẻ dưới với bề trên. - Chữ viết: chữ tượng hình. Chữ được khắc trên mai rùa, xương thú												

	(giáp cốt), sau khắc trên chuông, đỉnh đồng (kim văn) và phổ biến là viết trên các thẻ tre, trúc. - Văn học: Kinh Thi là tập thơ cổ nhất ở Trung Quốc, gồm nhiều sáng tác dân gian, được Khổng Tử sưu tập và chỉnh lí. - Y học: cách chữa bệnh bằng thảo dược châm cứu, bấm huyệt. - Khoa học-kỹ thuật: phát minh ra thiết bị đo động đất sớm nhất thế giới (gọi là địa động nghi) và 4 phát minh quan trọng là kỹ thuật làm giấy, thuốc nổ, la bàn và kỹ thuật in sau này. - Kiến trúc: những công trình kiến trúc đồ sộ như Vạn Lý Trường Thành, Lăng Ly Sơn...	
Câu 2: Em có nhận xét gì về những thành tựu của văn minh Trung Quốc cổ đại?	- Đây là những thành tựu văn hóa rất quan trọng, nổi bật trong số đó có nhiều thành tựu còn tồn tại và có giá trị đến ngày nay, đóng góp to lớn đối với nền văn minh nhân loại. -> Văn minh Trung Quốc là một trong số những nền văn minh rực rỡ nhất nhân loại	
Câu 3: Em ấn tượng nhất về thành tựu nào của văn minh Trung Quốc cổ đại? Vì sao?	- HS tự do viết ý tưởng và giải thích ngắn gọn (Vạn Lý Trường Thành, La bàn....)	
Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Sử dụng kỹ thuật 321 để yêu cầu HS các nhóm cho 3 ưu điểm, 2 hạn chế và 1 lời góp ý) GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi (gợi ý) Câu 2: Thành tựu nào của văn minh Trung Quốc cổ đại vẫn được sử dụng hoặc bảo tồn đến ngày nay? Câu 3: Nêu một số dẫn chứng cho thấy sự ảnh hưởng của văn minh Trung Quốc đến văn hóa Việt Nam? Dự kiến sản phẩm: Câu 2: Thành tựu của văn minh Trung Quốc cổ đại vẫn được sử dụng hoặc bảo tồn đến ngày nay: Kiến trúc (Vạn Lý Trường Thành, Lăng Ly Sơn), đạo phật, lịch... Câu 3: Thành tựu có ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam: chữ viết (Nôm), Phật giáo (Bắc Tông), hệ tư tưởng Nho giáo,		

Đạo giáo; văn học (Kinh Thi), lịch (âm lịch và dương lịch), kiến trúc có sự pha trộn phong cách kiến trúc của Trung Hoa như Văn Miếu – Quốc Tử Giám, hoàng thành Thăng Long, thành nhà Hồ và một số công trình đền đài, tượng điêu khắc, tứ linh (long, ly, quy, phượng); hội họa có sự tiếp thu và có những thành tựu riêng đó là Tranh Đông Hồ, Hàng Trống mang những nét khác. Ngoài ra, các thành tựu về khoa học tự nhiên như bàn tính, lịch can chi, chữa bệnh bằng châm cứu... đều có tác động sâu rộng đến nền văn minh nước ta trong quá khứ và hiện tại.....

Gv nhận xét, kết luận

3. Hoạt động :Luyện tập :

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức bài học để hoàn thành nhiệm vụ của bài tập.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1: Hoàn thành sơ đồ về quá trình thống nhất Trung Quốc:



Câu 2: Khổng Tử là một nhà tư tưởng lớn của Trung Quốc thời cổ đại. Nhiều tư tưởng về giáo dục của ông đến nay vẫn còn giá trị. Trong đó, có quan điểm “Tiên học lễ, hậu học văn”. Em có đồng ý với quan điểm này không? Vì sao?

Bước 2: HS hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: (GV hướng dẫn, HS về nhà hoàn thành)

Câu 1: Em hãy viết một đoạn văn ngắn làm rõ vai trò của giấy đối với sự phát triển của xã hội hiện nay.

Câu 2: Đóng vai là 1 hướng dẫn viên du lịch. Em hãy giới thiệu về 1 thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm: (HS có thể lựa chọn 1 trong những thành tựu trên)

Câu 1 Giấy có rất nhiều công dụng: Giấy in báo, giấy dùng để viết, in âm, giấy vệ sinh, giấy ăn, bìa sổ, bìa tập, giấy làm bìa carton, giấy than, giấy nỉ, giấy dán tường, túi giấy, ... Ngày nay để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa nhiều đơn vị, con người đã sáng tạo ra những vật dụng bằng giấy như ống hút giấy, tô giấy, hộp giấy, ... Giấy là loại vật liệu không thể thiếu trong cuộc sống hiện nay đặc biệt là tại các văn phòng, trường học chính vì thế chúng ta hãy sử dụng giấy tiết kiệm đúng cách để bảo vệ môi trường.

Câu 2:

Vạn lý trường thành được UNESCO công nhận là di sản văn hóa TG năm 1987, là 1 trong 7 kì quan của thế giới cổ đại

- Thành được xây dựng Để bảo vệ Trung Quốc khỏi những cuộc tấn công của người Hung Nô, Mông Cổ, người Turk và những bộ tộc du mục khác đến từ những vùng hiện thuộc Mông Cổ và Mãn Châu.
- Kiểm soát biên giới, cho phép áp đặt thuế đối với hàng hóa vận chuyển theo con đường tơ lụa, quy định hoặc khuyến khích thương mại và kiểm soát xuất nhập cảnh.

Quá trình xây dựng Vạn Lý Trường Thành mất nhiều thời gian, công sức, tiền bạc, cả mồ hôi, xương máu của người dân. Nhiều gia đình bị ly tán, nhiều công nhân đã chết và mai táng như một phần của công trình này. Công nhân được huy động khắp nơi từ lính, nông dân, phiên quân. Sử dụng các loại vật liệu như đá, đất, cát, gạch và hoàn toàn sử dụng các phương tiện thô sơ trong xây dựng và vận chuyển bằng tay, dây thừng, giỏ đeo.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết :19,20



HY LẠP CỔ ĐẠI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC :

1. Kiến thức:

- Nêu và nhận xét được những tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp cổ đại.
- Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp cổ đại.
- Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp cổ đại.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ , tự học: Tự giác chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe, phản hồi tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin

- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: thực hiện các thao tác tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp để tìm hiểu vấn đề lịch sử

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử:

+ Quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử

+ Nêu được một số thành tựu văn hoá của Hy Lạp cổ đại

- Nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Nêu và nhận xét được những tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển của Hy Lạp cổ đại.

+ Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang Hy Lạp.

+ Nêu được 1 số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp.

- Vận dụng: vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm:

+ Có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá của văn minh Hy Lạp cổ đại để lại cho nhân loại; học hỏi những cái hay cái đẹp trong văn hóa của các dân tộc khác.

- Chăm chỉ: cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, video (nếu có)...

- Lược đồ Hy Lạp cổ đại, ngày nay phóng to, tranh ảnh...

- Một số thuật ngữ, khái niệm khó

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học

- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, hợp tác, dự án

- Kỹ thuật: kỹ thuật 321, kỹ thuật 5W1 H

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động/ mở đầu:

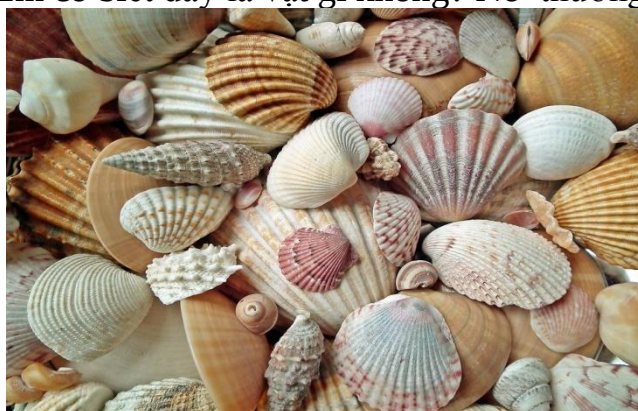
a. Mục tiêu: Tạo sự tò mò, hứng thú cho hs, kết nối vào bài mới

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi sau:

Em có biết đây là vật gì không? Nó thường được con người sử dụng để làm gì?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

GV nêu vấn đề và dẫn vào bài mới: Những vỏ sò thường được dùng làm đồ trang sức, làm hoa, tranh, làm đồ vật để trang trí... Nhưng các em có biết rằng ở đất nước Hy Lạp cổ đại người ta dùng vỏ sò để bỏ phiếu, một trong những biểu hiện của nền dân chủ A-ten, được đánh giá là đỉnh cao nhất của nền dân chủ cổ đại phương Tây. Nền dân chủ đó được xây dựng trên những nền tảng nào? Văn minh phương Tây đã sản sinh ra những thành tựu gì cho nhân loại? Đó là những nội dung sẽ được đề cập đến trong Bài 10: Hy Lạp cổ đại.

2. Hoạt động : Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên của Hy Lạp cổ đại

a. Mục tiêu: Giới thiệu và nhận xét được tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành và phát triển của Hy Lạp cổ đại.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>			<u>Nội dung ghi bảng</u>						
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát H10.1; H10.2 và tư liệu SGK, mục “<i>Em có biết</i>” thực hiện hoạt động trao đổi cặp đôi; thời gian 5 phút, hoàn thành PHT số 1 Câu 1: Hãy xác định vị trí của Hy Lạp trên bản đồ thế giới Nhiệm vụ 2: <table><tr><th>Nhóm 1</th><th>Nhóm 2</th><th>Nhóm 3</th></tr><tr><td>Nêu tóm tắt đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên Hy Lạp .</td><td>Điều kiện tự nhiên tác động như thế nào đến sự phát triển của Hy Lạp cổ đại ?</td><td>Xác định vị trí và nêu vai trò của cảng biển Pirê đối với sự phát triển của kinh tế Hy Lạp cổ đại.</td></tr></table>			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nêu tóm tắt đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên Hy Lạp .	Điều kiện tự nhiên tác động như thế nào đến sự phát triển của Hy Lạp cổ đại ?	Xác định vị trí và nêu vai trò của cảng biển Pirê đối với sự phát triển của kinh tế Hy Lạp cổ đại.	<u>1. Điều kiện tự nhiên:</u> - Vị trí: Chủ yếu nằm ở phía nam bán đảo Ban-căng - Có nhiều khoáng sản: đồng, sắt, vàng, đá cẩm thạch ... - Đất đai khô cằn, chỉ thuận lợi trồng nho, ôliu => Phát triển nghề luyện kim, buôn bán bằng đường biển
Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3							
Nêu tóm tắt đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên Hy Lạp .	Điều kiện tự nhiên tác động như thế nào đến sự phát triển của Hy Lạp cổ đại ?	Xác định vị trí và nêu vai trò của cảng biển Pirê đối với sự phát triển của kinh tế Hy Lạp cổ đại.							
Bước 2: HS thảo luận nhóm hoàn thành nội dung vào PHT số 1 Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả Dự kiến sản phẩm: <table><tr><th>Nhóm 1</th><th>Nhóm 2</th><th>Nhóm 3</th></tr><tr><td>Địa hình chủ yếu là đồi núi, đất đai khô cằn. Đường bờ biển dài Nhiều khoáng sản.</td><td>Tác động: - Phát triển kinh tế, - Ổn định sinh hoạt văn hoá của người dân)</td><td>Vai trò của cảng biển Pirê: Là trung tâm buôn bán của các thành bang của Hi Lạp thời bấy giờ.</td></tr></table>			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Địa hình chủ yếu là đồi núi, đất đai khô cằn. Đường bờ biển dài Nhiều khoáng sản.	Tác động: - Phát triển kinh tế, - Ổn định sinh hoạt văn hoá của người dân)	Vai trò của cảng biển Pirê: Là trung tâm buôn bán của các thành bang của Hi Lạp thời bấy giờ.	
Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3							
Địa hình chủ yếu là đồi núi, đất đai khô cằn. Đường bờ biển dài Nhiều khoáng sản.	Tác động: - Phát triển kinh tế, - Ổn định sinh hoạt văn hoá của người dân)	Vai trò của cảng biển Pirê: Là trung tâm buôn bán của các thành bang của Hi Lạp thời bấy giờ.							

Khí hậu ẩm áp		
HS khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bạn : cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi) Bước 4: Gv đánh giá, chốt Kt Gv giới thiệu thêm về cây ô liu - Giá trị về kinh tế: Ô liu là cây trồng phổ biến nhất ở Hy Lạp. Có thành phần dinh dưỡng cao, dầu ô liu để chế biến thức ăn, làm đẹp, dùng để chữa bệnh.... - Giá trị về văn hóa: Cành lá ô liu tượng trưng cho vinh quang, chiến thắng và hoà bình. Các cây ô liu cổ thụ mọc hoang được coi là linh thiêng và luật ở Athens cổ đại quy định: kẻ nào dám đốn một cây ô liu mọc hoang sẽ bị xử tội chết (đến thế kỉ IV TCN giảm nhẹ thành lưu đày hoặc nộp phạt). Những vòng lá ô liu trao cho người chiến thắng trong các kì thi Olympia bắt buộc phải lấy từ các cây cổ thụ mọc hoang.		

Hoạt động 2: Tìm hiểu về tổ chức nhà nước thành bang

a. Mục tiêu: Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang ở Hy Lạp.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Dựa vào sơ đồ dưới đây và thông tin trong phần “em có biết”, Em hãy trình bày cơ cấu tổ chức nhà nước thành bang A-ten? Cơ quan nào có quyền lực cao nhất? <pre> graph TD A[Đại hội nhân dân] --> B[Hội đồng 500 người] A --> C[Toà án 6000 thẩm phán] A --> D[Hội đồng 10 tướng lĩnh] </pre> Nhiệm vụ 2:. Quan sát h 10.3 và trả lời các câu hỏi : 1. Em hãy miêu tả những gì em thấy trong hình 10.3? 2. Theo em, nền dân chủ của nhà nước A-ten được thể hiện như thế nào? 3. Em hiểu thế nào là nhà nước thành bang? Bước 2: HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ 1 Hs thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ 2 Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả (HS chia sẻ với các HS khác) Cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung Dự kiến sản phẩm: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="text-align: center;">Yêu cầu</td><td style="text-align: center;">Sản phẩm</td></tr> </table>	Yêu cầu	Sản phẩm	2. Tổ chức nhà nước thành bang: - Hy Lạp cổ đại gồm nhiều thành bang độc lập. Tiêu biểu nhất là nhà nước dân chủ A-ten - Nhà nước A-ten gồm 4 cơ quan chính: Đại hội nhân dân, Hội đồng 10 tướng lĩnh, Hội đồng 500 và Toà án 6000 người - -> mang tính dân chủ cao
Yêu cầu	Sản phẩm		

Câu 1: Trình bày cơ cấu tổ chức của nhà nước thành bang A-ten.	Cơ cấu tổ chức của nhà nước A-ten: gồm 4 cơ quan chính: Đại hội nhân dân, Hội đồng 10 tướng lĩnh, Hội đồng 500 và Tòa án 6.000 người.
Câu 2: Miêu tả nội dung ảnh	Nền dân chủ của nhà nước A-ten được thể hiện qua bức tranh: Pê-ri-clét đang đứng trên bục diễn thuyết của cuộc họp Đại hội công dân. Nhiều công dân tham dự, có người đang nằm, đang ngồi, đang làm việc riêng (nói chuyện, uống rượu, nấu ăn,...). Nhiều người chăm chú nghe bài diễn thuyết của nhưng có những người phản đối (giơ tay đòi đuổi ông xuống), vị trí ông đứng trên quảng trường cũng không phải ở vị trí cao nhất.
Câu 3: Quan sát H10.3, theo em nền dân chủ của nhà nước A-ten được thể hiện như thế nào?	Đại hội nhân dân có quyền bầu cử, giám sát, bãi miễn các viên chức trong bộ máy nhà nước, người nghèo cũng có thể tham gia chính quyền->thể hiện tính dân chủ
Câu 4: Qua phần khai thác kiến thức và tư liệu SGK, em hiểu thế nào là thành bang?	Là những nhà nước nhỏ, có một thành thị là trung tâm, xung quanh là vùng đất trồng trọt. Trong mỗi thành bang có phố xá, lâu đài, đền thờ, sân vận động, nhà hát, bến cảng. Mỗi thành bang có bộ máy quyền lực riêng, luật pháp riêng và tài chính riêng.
Bước 4: GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh và kết luận GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi (gợi ý) Ưu điểm, hạn chế của tổ chức nhà nước thành bang Aten là gì? * Ưu điểm: - Nhà nước thành bang A-ten được thành lập trên cơ sở liên minh tự nguyện, bình đẳng do đó không có sự áp bức của bộ lạc này đối với bộ lạc kia. - Tổ chức nhà nước A-ten là một thể chế dân chủ hết sức đề cao và bảo đảm những quyền lợi kinh tế, chính trị của những công dân tự do. Do đó mức độ dân chủ được phát huy cao nhất trong các thành bang của Hy Lạp là chế độ	

chiếm nô điển hình thời cổ đại. Vì thế, người ta cho rằng, dân chủ là sản phẩm của người Hy Lạp.

* Hạn chế: Nền dân chủ này chỉ dành cho một bộ phận dân cư và dựa trên cơ sở là sự bóc lột nô lệ - lực lượng đông đảo trong xã hội. Chỉ có 1 bộ phận người dân được hưởng quyền công dân, còn đa số nô lệ không có quyền)

Ngày dạy:

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp cổ đại

a. Mục tiêu: HS nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Hy Lạp cổ đại

b. Tổ chức hoạt động:

* **Khởi động :** Gv cho hs tham gia trò chơi lật mảnh ghép, có 6 mảnh ghép tương ứng các câu hỏi Kt bài cũ. Hs trả lời đúng sẽ lật mở dc các mảnh ghép và thấy được hình ảnh chủ đề: đền Pác-tê-nông

Gv nêu câu hỏi : đây là công trình kiến trúc nào của Hy Lạp cổ đại? ngoài thành tựu về kiến trúc, người Hy Lạp cổ đại còn tạo ra những giá trị văn hóa nào?

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS tìm hiểu các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp theo PP dạy học dự án với tên dự án “Hy Lạp – trung tâm văn hóa phương Tây cổ đại”; chia lớp thành 3 nhóm. Mỗi nhóm sẽ thiết kế sản phẩm giới thiệu những thành tựu văn hóa của Hy Lạp cổ đại <table border="1" data-bbox="162 1227 944 1444"> <thead> <tr> <th>Nhóm</th><th>Nhiệm vụ</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Tìm hiểu thành tựu về chữ viết, văn học</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Tìm hiểu thành tựu về khoa học, sử học</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Tìm hiểu thành tựu về kiến trúc, điêu khắc</td></tr> </tbody> </table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs làm việc theo tổ, thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Nhóm trưởng theo dõi và đánh giá mức độ làm việc tích cực của các thành viên Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả Cả lớp theo dõi, dựa vào bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm để nhận xét: 3 lời khen, 2 góp ý, 1 câu hỏi Bước 4: Nhận xét , góp ý sản phẩm của các nhóm, chốt kiến thức GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi (gợi ý) Câu 1: Tại sao Hi Lạp cổ đại lại đạt được nhiều thành tựu văn hóa rực rỡ? Câu 2: Quan sát bản chữ cái cổ của Hy Lạp và bảng chữ cái Latin, hãy chỉ ra những kí tự giống nhau? Dự kiến sản phẩm: Câu 1: Nguyên nhân:	Nhóm	Nhiệm vụ	1	Tìm hiểu thành tựu về chữ viết, văn học	2	Tìm hiểu thành tựu về khoa học, sử học	3	Tìm hiểu thành tựu về kiến trúc, điêu khắc	<u>4. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu:</u> - Chữ viết: sáng tạo ra hệ thống chữ viết gồm 24 chữ cái. - Văn học: sử thi I-li-at và Ô-đi-xê, nhiều vở kịch... - Khoa học: quê hương của nhiều nhà khoa học nổi tiếng về toán học, sử học, triết học... - Kiến trúc và điêu khắc: Đền Pác-tê-nông, nhà hát Đê-ô-ni-xốt của A-ten; tượng thần Dớt, tượng Vệ nữ thành Mi-lô, kiệt tác những bình gốm...
Nhóm	Nhiệm vụ								
1	Tìm hiểu thành tựu về chữ viết, văn học								
2	Tìm hiểu thành tựu về khoa học, sử học								
3	Tìm hiểu thành tựu về kiến trúc, điêu khắc								

+ sự sáng tạo của người Hi Lạp
 + nền kinh tế phát triển tạo điều kiện cho khoa học được coi trọng và phát triển rực rỡ
 + quá trình giao thương rộng rãi giúp họ tiếp thu được tinh hoa của các nền văn minh khác

Câu 2: một số kí tự giống nhau: K, M, A, Y, P...

Gv mở rộng: hệ chữ cái Hy Lạp vẫn được sử dụng trong các ngành khoa học hiện đại: VD: anpha (mở đầu), omega (kết thúc), delta,...

Các tiên đề của Ơ-cơ-lit, định lí talet, Pitago hay các định luật của Acsimet về nguyên lí đòn bẩy, lực đẩy của nước... sẽ được tìm hiểu trong các môn vật lí, toán học của chương trình THCS

- **Đền Pác-tê-nông:** là một ngôi đền thờ thần A-tê-na, được xây dựng vào thế kỷ 5 TCN. Đây là công trình xây dựng nổi tiếng nhất còn lại của Hy Lạp cổ đại, và đã được ca ngợi như là thành tựu của kiến trúc Hy Lạp. Các điêu khắc trang trí của ngôi đền bằng từ đá cẩm thạch trắng, được coi như là đỉnh cao của nghệ thuật Hy Lạp cổ đại. Đền Pác-tê-nông là biểu tượng của sự kết thúc Hy Lạp cổ đại và của nền dân chủ A-ten, được đánh giá như là một trong những công trình văn hóa vĩ đại nhất thế giới.

- **Thế vận hội (Olympic):** là cuộc tranh tài trong nhiều môn thể thao giữa các quốc gia trên toàn thế giới. Đây là một đại hội thể thao không chỉ là đua sức thể lực mà còn mang ý nghĩa biểu trưng cho tinh thần đoàn kết, hòa bình của toàn nhân loại. Thế vận hội bắt nguồn từ các cuộc thi đấu thể thao thời Hy Lạp cổ đại từ năm 776 TCN. (Liên hệ ngày nay). Ở Việt Nam, gần đây các cuộc thi chạy Marathon đã trở nên phong phú.....

3. Hoạt động :Luyện tập

a. Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập 1: Theo ước tính, vào thế kỉ V TCN, ở thành A-ten có khoảng 400000 dân, trong đó đàn ông có quyền tự do có quyền công dân chỉ khoảng 30 000 người. Em hãy tính xem có bao nhiêu phần trăm dân số có quyền công dân trong nhà nước dân chủ A-ten

Bước 2: HS làm việc cá nhân và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Dân số có quyền công dân trong nhà nước dân chủ A-ten chiếm:

$$30\ 000 : 400\ 000 \times 100 = 7,5\% \text{ trong nhà nước dân chủ}$$

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động : Vận dụng:

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: (GV hướng dẫn, HS về nhà hoàn thành)

Câu 1: Quan sát logo của tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO), em hãy cho biết: Logo đó được lấy ý tưởng từ công trình kiến trúc nổi tiếng nào của Hy Lạp cổ đại.



Câu 2: Em hãy kể tên một vài định lý, định luật của các nhà toán học, vật lý học Hy Lạp cổ đại vẫn được giảng dạy trong các trường học ngày nay

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: UNESCO sử dụng hình ảnh mô phỏng mặt tiền của Đền Thờ Parthenon (Pác-tê-nông) làm biểu tượng của Tổ chức này.

Câu 2: Một vài định lý, định luật của các nhà toán học, vật lý học Hy Lạp cổ đại vẫn được giảng dạy trong các trường học ngày nay như: Định lý Ta-let; Định lý Pitago; Định luật Ac-si-met...

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 21+ 22

**BÀI
11**

LA MÃ CỔ ĐẠI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC :

1. Kiến thức:

- Giới thiệu và nhận xét được những tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh La Mã cổ đại.
- Trình bày được tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã.
- Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ , tự học: Tự giác chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe, phản hồi tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin
- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết thực hiện các thao tác tư duy phân tích so sánh, tổng hợp để giải quyết vấn đề

b. Năng lực lịch sử:

- Tìm hiểu lịch sử:
 - + Quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử
 - + Nêu được một số thành tựu văn hoá của La Mã cổ đại
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Nêu và nhận xét được những tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển của La Mã cổ đại.
 - + Trình bày được tổ chức nhà nước đế chế La Mã.
 - + Nêu được 1 số thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã.
- Vận dụng: vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

3. Phẩm chất:

- + Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các nhân vật và sự kiện lịch sử.
- Chăm chỉ: cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.
- Trung thực: có tính chính xác, trung thực trong quá trình học tập và cuộc sống

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm,
- Vi deo: https://www.youtube.com/watch?v=F_pTQN12OEA
- Lược đồ La Mã cổ đại, lược đồ khu vực Nam Âu , tranh ảnh...

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng phương tiện trực quan...
- Kỹ thuật: kĩ thuật 321, động não, khăn trải bàn, phòng tranh, Think-pair-share

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động :Khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho hs . giáo viên kết nối vào bài mới.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Gv nêu vấn đề :

Tại sao ngàn năm cổ lại nói “Mọi con đường đều dẫn đến thành Roma”; “Vinh quang thuộc về Hy Lạp và sự vĩ đại thuộc về La Mã ”

Bước 2: HS thảo luận cặp đôi thực hiện ý kiến

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

Vào thế kỷ thứ 4 khi tái thiết thành phố Byzantium thành kinh đô mới của đế quốc La Mã, ngài Constantinus Đại đế đã đổi tên nơi đây thành Constantinopolis, mọi người thường hay gọi là Nova Roma (Tân La Mã). Từ kế hoạch tái thiết này đã tạo ra vô vàn những công trình kiến trúc đẹp và đồ sộ. Một trong những công trình kiến trúc tinh xảo nhất là “Khải hoàn môn”, bên trong Khải hoàn môn có một cột mốc bằng vàng ròng mang tên Milion. Mọi khoảng cách di chuyển trong Đế quốc La Mã đều được tính từ cột mốc này với số liệu khắc trên mặt đá cẩm thạch của nó (cột mốc số 0)

GV dẫn vào bài mới: Người La Mã vẫn tự nhận họ là học trò của người Hy Lạp khi họ chiến thắng và chiếm đóng Hy Lạp vào thế kỉ I TCN. La Mã có những điểm tương đồng gì với Hy Lạp về điều kiện tự nhiên, lịch sử và văn hoá? Tại sao ngàn năm cổ lại nói “Mọi con đường đều đổ về Rô-ma”; “Vinh quang thuộc về Hy Lạp và sự vĩ đại thuộc về La Mã”? Chúng ta hãy bắt đầu cuộc hành trình khám phá một trong những nhà nước hùng mạnh nhất thời cổ đại của nhân loại trong bài học ngày hôm nay – Bài 11 - La Mã cổ đại.

2. Hoạt động : Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên của La Mã cổ đại

a. Mục tiêu: Giới thiệu và nhận xét được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành và phát triển của nền văn minh La Mã cổ đại.

d. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
----------------------------	--------------------------

Nhiệm vụ 1:**Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- 1. Dựa vào lược đồ 11.2, 11.2 và lược đồ tự nhiên Nam Âu, em hãy mô tả vị trí và đặc điểm tự nhiên của La Mã cổ đại?

2. Điều kiện đó tác động như thế nào đến sự phát triển của văn minh La Mã?

Bước 2: HS thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ**Bước 3:** HS trình bày và báo cáo kết quả**Dự kiến sản phẩm:**

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Quan sát H11.1; H11.2 và tư liệu SGK tìm hiểu về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của La Mã có đặc điểm gì nổi bật?	- Nhà nước La Mã cổ đại được hình thành trên bán đảo I-ta-li-a, một bán đảo lớn, dài và hẹp hình chiếc ủng (ở Nam Âu) ở trung tâm Địa Trung Hải. - Điều kiện tự nhiên: + Có vùng đồng bằng màu mỡ ở thung lũng sông Pô và sông Ti-bơ, nhiều đồng cỏ, khoáng sản + Đường bờ biển dài, nhiều vịnh. <i>(HS xác định vị trí và trình bày trên lược đồ)</i>
Câu 2: Điều kiện đó tác động như thế nào đến sự phát triển của văn minh La Mã?	- Thuận lợi cho trồng trọt, chăn nuôi, luyện kim, buôn bán bằng đường biển, dễ dàng chinh phục những vùng lãnh thổ mới

Cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và kết luận

GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi (gợi ý)

Câu hỏi: So sánh điểm giống và khác nhau về điều kiện tự nhiên của Hy Lạp và La Mã cổ đại. *(HS có thể trao đổi cặp đôi)*

Dự kiến sản phẩm:

- Giống nhau: đều có đường bờ biển dài, có nhiều đảo, nhiều vũng vịnh tạo điều kiện phát triển thương nghiệp, giao thương hàng hóa khắp nơi. Ngoài ra cả hai còn có nhiều khoáng sản, trong lòng đất chứa nhiều đồng chì thúc đẩy phát triển các ngành thủ công nghiệp.

- Khác nhau

Hy Lạp	La Mã
---------------	--------------

1. Điều kiện tự nhiên:

- Vị trí : Hình thành trên bán đảo I-ta-li-a, trung tâm của Địa Trung Hải (Nam Âu)

- Điều kiện tự nhiên : Có đồng bằng màu mỡ, nhiều đồng cỏ, khoáng sản

- bờ biển dài, nhiều vịnh

-> Thuận lợi cho trồng trọt, chăn nuôi, luyện kim, buôn bán bằng đường biển, dễ dàng chinh phục những vùng lãnh thổ xung quanh

- Địa hình bị chia cắt, các vùng đồng bằng nhỏ hẹp đất đai canh tác ít, không màu mỡ nên không thuận lợi cho nông nghiệp trồng lương thực.	- Địa hình đa dạng hơn Hy Lạp với 3 loại địa hình: đồng bằng, đồi núi, bờ biển, không bị chia cắt thành những vùng biệt lập. Ở đây có khá nhiều đồng bằng màu mỡ, phân bố đều ở cả đất liền và hải đảo thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và chăn nuôi.	
GV nhấn mạnh: So với Hy Lạp, La Mã có điều kiện phát triển toàn diện về mọi mặt kinh tế, xã hội và văn hoá. Đặc biệt, đường bờ biển với các cảng thị và thuyền buôn to lớn không chỉ tiện lợi cho buôn bán mà còn có thể chinh phục những vùng đất mới (gọi là các thuộc địa).		

Hoạt động 2: Tìm hiểu về tổ chức nhà nước La Mã cổ đại**a. Mục tiêu:** Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang ở Hy Lạp.**b. Tổ chức hoạt động:**

<u>Hoạt động của GV-HS</u>		<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Dựa vào lược đồ 11.2 kết hợp với thông tin sgk mục I: <i>1. Em hãy xác định địa bàn ban đầu của La Mã cổ đại và phạm vi của La Mã thời đế chế trên lược đồ.</i> <i>2. Quá trình mở rộng của đế quốc La Mã được thực hiện bằng hình thức nào?</i> <i>3. Trình bày cơ cấu tổ chức và hoạt động của nhà nước đế chế ở La Mã cổ đại.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào PHT số 2 Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả (HS chia sẻ với các HS khác) HS khác nhận xét, đánh giá kết quả; (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi) Dự kiến sản phẩm:		<u>2. Tổ chức nhà nước La Mã cổ đại:</u> - Đầu thế kỉ II TCN, nhà nước La Mã đã dần mở rộng lãnh thổ và trở thành đế quốc rộng lớn. - Ban đầu La Mã thiết lập hình thức cộng hòa, quyền lực tập trung trong tay của Viện Nguyên Lão. - Từ năm 27 TCN, dưới thời vua Ốc-ta-vi-út, La Mã chuyển sang hình thức nhà nước đế chế, Viện nguyên lão chỉ là hình thức, không có quyền hành.
<u>Yêu cầu</u>	<u>Sản phẩm</u>	
<i>1. Em hãy xác định địa bàn ban đầu của La Mã cổ đại và phạm vi của La Mã thời đế chế trên lược đồ</i>	Ban đầu của La Mã cổ đại: Khi mới thành lập, La Mã chỉ là một thành bang nhỏ bé ở miền Trung bán đảo I-ta-li-a. - Vào đầu thế kỉ II, lãnh thổ của đế chế La Mã bao gồm toàn bộ vùng đất	

	xung quanh Địa Trung Hải, vùng ven bờ Đại Tây Dương và quần đảo Anh
2.Quá trình mở rộng của đế quốc La Mã được thực hiện bằng hình thức nào?	thông qua chiến tranh, lãnh thổ La Mã không ngừng được mở rộng và trở thành một đế chế rộng lớn
. Trình bày cơ cấu tổ chức và hoạt động của nhà nước đế chế ở La Mã cổ đại.	Thời kì cộng hòa: thiết lập hình thức nhà nước cộng hoà không có vua, cai trị dựa trên luật pháp và mọi chức vụ phải được bầu ra. Tuy nhiên, thực chất quyền lực nằm trong tay 300 thành viên của Viện Nguyên lão, thuộc các gia đình giàu có nhất của giới chủ nô La Mã. - Thời kì đế chế: vẫn duy trì như thời cộng hoà nhưng hoàng đế thu tóm tất cả quyền lực. Viện Nguyên lão chỉ còn là hình thức, không còn quyền hành trong thời kì đế chế.

Bước 4: Gv nhận xét, đánh giá, kết luận

GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi (gợi ý)

Câu 1: Em hiểu thế nào là nhà nước đế chế?

Câu 2: Nhà nước thành bang Hy Lạp và nhà nước đế chế La Mã có điểm gì khác nhau?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1:

+ Đế chế: một nước trong đó vua hay hoàng đế xâm lược và chiếm lãnh thổ các nước khác, tạo ra một lãnh thổ rộng lớn hơn.

Câu 2:

Hy Lạp cổ đại	La Mã cổ đại
- Đứng đầu là vua (không nắm toàn bộ quyền hành). Cơ quan quyền lực cao nhất: Đại hội nhân dân - Tổ chức nhà nước Hy Lạp gồm 4 cơ quan chính. Trong đó, cơ quan quyền lực tối cao là Đại hội nhân dân gồm toàn bộ công dân nam từ 18 tuổi trở lên; có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả những vấn đề hệ trọng của đất nước) -> Tiêu biểu cho chế độ dân chủ cổ đại	- Hoàng đế là người đứng đầu nhà nước đế chế và thu tóm tất cả các quyền lực. (quyền lực tập trung trong tay 1 người) - Viện nguyên lão: cơ quan quyền lực tối cao, quyết định hầu hết các công việc quan trọng của người La Mã. - Đại hội nhân dân chỉ mang tính hình thức chứ không có quyền lực. -> Có xu hướng độc quyền

GV nhấn mạnh: Từ một thành bang nhỏ bé ở miền Trung bán đảo I-ta-li-a. Nhà nước La Mã đã dần mở rộng lãnh thổ và trở thành đế quốc rộng lớn vào thế kỉ I TCN. Ban đầu, La Mã thiết lập hình thức nhà nước cộng hòa không có vua, cai trị dựa trên luật pháp và mọi chức vụ phải được bầu ra. Tuy nhiên, thực chất quyền lợi nằm trong tay thành viên của Viện nguyên lão, thuộc gia đình giàu có nhất của giới chủ nô La Mã. Từ năm 27 TCN, dưới thời vua Ốc-ta-vi-út (<i>mục nhân vật lịch sử</i>) La Mã chuyển sang hình thức nhà nước đế chế. Cơ cấu nhà nước vẫn duy trì như thời cộng hòa nhưng Hoàng đế là người thu tóm mọi quyền lực. Viện nguyên lão chỉ còn là hình thức và không có quyền hành. Tuy nhiên, đến năm 476 (TK V), La Mã bị người Giéc-man xâm lược. Đế chế La Mã sụp đổ	
---	--

Ngày dạy:

Hoạt động 3: Tìm hiểu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã.

a. Mục tiêu: HS nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Hy Lạp, La Mã cổ đại.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Nêu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của LA Mã cổ đại? 2. Thiết kế sản phẩm giới thiệu về 1 lĩnh vực thành tựu của văn minh La Mã mà em ấn tượng nhất? Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ thiết kế sản phẩm theo nhóm, chuẩn bị ở nhà Bước 3: Báo cáo- thảo luận: -hs báo cáo sản phẩm. Cả lớp theo dõi, nhận xét sản phẩm của mỗi nhóm theo bảng tiêu chí gv đưa ra Dự kiến sản phẩm: - Người La Mã kế thừa thành tựu của người Hy Lạp để sáng tạo ra mẫu tự La-tinh (bao gồm 26 chữ cái) là nền tảng cho hơn 200 ngôn ngữ và chữ viết hiện nay; Họ còn tạo ra hệ thống chữ số 7 chữ cái cơ bản, gọi là chữ số La Mã. - Hệ thống luật La Mã được coi là tiên bộ nhất thời cổ đại. - Phát minh ra bê tông hệ thống cầu cống, đường sá..., xây dựng nhiều công trình kiến trúc đồ sộ như đấu trường Cô-li-đê; đền Pan-tên-ông... Bước 4: Gv đánh giá, kết luận GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi (gợi ý) Câu 1: Tại sao Cô-li-sê được ví như “con đường đến với địa ngục”?	III. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu: - Chữ viết- số: sáng tạo ra mẫu tự La-tinh (bao gồm 26 chữ cái); hệ thống chữ số La Mã (I, II, III, IV,...). - Hệ thống luật La Mã được coi là tiên bộ nhất thời cổ đại. - Phát minh ra bê tông hệ thống cầu cống, đường sá..., xây dựng nhiều công trình kiến trúc đồ sộ như đấu trường Cô-li-đê; đền Pan-tên-ông... => Đây là những thành tựu văn hóa rất quan trọng, đóng góp to lớn đối với nền văn minh nhân loại.

Câu 2: Đóng vai là 1 cư dân La Mã. Em hãy biểu diễn phép tính toán đơn giản để giải quyết bài toán: $350 + 270$. Em có nhận xét gì về cách biểu diễn phép tính này

Câu 3: Thành tựu nào của văn La Mã cổ đại vẫn được sử dụng hoặc bảo tồn đến ngày nay?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: HS suy nghĩ và trả lời theo quan điểm của bản thân

Câu 2:

- Viết theo số La Mã là: CCCL + CCLXX = DCXX.

- Nhận xét: tính toán bằng chữ số La Mã rất phức tạp, công kênh, nhất là với phép tính nhiều con số.

Câu 4: Thành tựu nào của văn La Mã cổ đại vẫn được sử dụng hoặc bảo tồn đến ngày nay:

GV nhấn mạnh: một số thành tựu tiêu biểu như chữ viết,

Lĩnh vực	Thành tựu	Vận dụng ngày nay
Chữ viết và chữ số	- Chữ La tinh. - Chữ số La Mã.	- Cơ sở của 200 ngôn ngữ và chữ viết trên thế giới. - Chữ La tinh ngày nay vẫn là ngôn ngữ quốc tế; vẫn dùng phổ biến trong y dược học. - Chữ số ngày nay vẫn dùng đánh số các đề mục lớn; đánh số trên đồng hồ, những trang nằm trước phần chính của một quyển sách, đánh số cho một số hoạt động nào đó (ví dụ đại hội Đảng,...).
Kiến trúc	Mái vòm	Xây dựng các nhà thờ, công trình công cộng
Kỹ thuật	Xi măng, bê tông, xây dựng đường sá, cầu cống.	Xây dựng nhà cửa, công trình công cộng, đường sá, cầu cống, quy hoạch đô thị.

chữ số La-tinh, khoa học, điêu khắc, kiến trúc...

- **Bảng chữ số La Mã:** Số La Mã hay chữ số La Mã là hệ thống chữ số cổ đại do người La Mã sáng tạo. Hệ thống này dựa trên một số ký tự La-tinh nhất định. Hiện nay, chữ số La Mã vẫn còn được sử dụng trong việc đánh số trên mặt đồng hồ, để gán vị trí hợp âm trong âm nhạc, các sự kiện lớn và đánh dấu thứ tự những người lãnh đạo chính trị (Sác-lơ I, Sác-lơ II,...)

- **Đấu trường La Mã** (Cô-li-dê), là một đấu trường lớn ở thành phố Roma. Công suất chứa lúc mới xây xong là 50 000 khán giả. Đấu trường được sử dụng cho các võ sĩ giác đấu và nô lệ có nguồn gốc tù binh chiến tranh thi đấu và trình diễn

công chúng. Đầu trường được xây dựng khoảng năm 70-80 SCN. - Người La Mã đã sáng tạo ra loại bê tông siêu bền từ cao su, vôi sống, cát, tro bụi núi lửa. Để xây dựng hệ thống đường sá mà nay vẫn còn sử dụng được, họ đào sâu xuống 3m, rồi lót các tảng đá lớn, sau đó đổ đầy cát sỏi, lấp các lỗ hổng. Trên mặt đường, họ ốp những phiến đá lớn, có các rãnh để thoát nước khi trời mưa. Trên dọc tuyến đường đều có đánh số km kể từ km số 0 ở Quảng trường La Mã toả đến các tỉnh trong đế chế (câu thành ngữ: “mọi con đường đều đổ về Rô-ma” là vì thế). -Những thành tựu, phát minh của người La Mã cổ đại là những thành tựu văn hóa rất quan trọng, nổi bật trong số đó có nhiều thành tựu còn tồn tại và có giá trị đến ngày nay, đóng góp to lớn đối với nền văn minh nhân loại.	
---	--

3. Hoạt động Luyện tập

a. Mục tiêu: Ha vận dụng kt bài học để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong bài tập.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: Vai trò của Viện Nguyên lão trong thời kì đế chế khác thời kì cộng hòa như thế nào?

Câu 2: Viết 1 đoạn văn ngắn, giới thiệu 1 công trình kiến trúc hoặc điêu khắc nổi tiếng của La Mã cổ đại

Bước 2: HS hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Thời cộng hoà, Viện Nguyên lão có quyền tối thượng. Sang thời đế chế, sự khác biệt lớn nhất là Viện Nguyên lão chỉ có danh nghĩa, không có quyền hành thực tế, hoàng đế thu tóm mọi quyền lực.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động :Vận dụng:

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: (GV hướng dẫn, HS về nhà hoàn thành)

Câu hỏi: Có ý kiến cho rằng: Người Hy Lạp và La Mã cổ đại đạt được những thành tựu văn hoá rực rỡ là do tiếp thu những thành tựu của người phương Đông cổ đại. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

- Đồng ý với ý kiến trên. Vì:

- So với Phương Đông nền văn minh Phương Tây ra đời chậm hơn đến cả thiên niên kỷ. Khi Phương Đông đã gặt hái được những thành tựu rực rỡ của văn minh thì Phương Tây đang đắm chìm trong lạc hậu và dã man. Họ đã tiếp thu những thành tựu văn minh

của người phương Đông thông qua người Ả Rập để làm giàu thêm kho tàng tri thức của mình. Những phát minh vĩ đại của người Phương Đông (Trung Quốc) đã được người phương Tây sử dụng một cách hiệu quả cho sự phát triển. Kỹ thuật làm giấy và kỹ thuật in thay vì dùng để in lá bùa, chú... phục vụ cho cúng bái của người Trung Quốc đã được người phương Tây sử dụng phục vụ để in tài liệu phổ biến khoa học và in sách giáo khoa phục vụ cho giáo dục nhà trường. Trường học ra đời sớm và giáo dục phát triển là một trong những nguyên nhân làm cho xã hội Tây Âu vào thời hậu kỳ trung đại và thời cận đại đã bứt phá một cách ngoạn mục để lại phương Đông trì trệ ở đằng sau.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 23

LÀM BÀI TẬP LỊCH SỬ: THÀNH TỰU VĂN HÓA CỔ ĐẠI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC :

1. Kiến thức:

- Trình bày, đánh giá được những thành tựu của văn hóa cổ đại.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ , tự học: Tự giác chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe, phản hồi tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin
- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết phân tích, so sánh , tổng hợp kiến thức về thành tựu của các nền văn hóa cổ đại

b. Năng lực lịch sử:

- Tìm hiểu lịch sử:
 - + Khai thác và sử dụng được thông tin của một số loại tư liệu lịch sử dưới sự hướng dẫn của Gv
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của các nền văn hóa cổ đại
 - + Đánh giá được những giá trị của các thành tựu văn hóa cổ đại
- Vận dụng: vận dụng kiến thức về thành tựu văn hóa cổ đại để giải thích, mô tả những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

3. Phẩm chất:

- + Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các nhân vật và sự kiện lịch sử.
- Chăm chỉ: cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.
- Trung thực: có tính chính xác, trung thực trong quá trình học tập và cuộc sống

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm,

2. Học sinh:

- chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV(sưu tầm thông tin, tranh ảnh về thành tựu của các nền văn hóa cổ đại)
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KĨ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy...
- Kĩ thuật: kĩ thuật 321, động não, khăn trải bàn, phòng tranh

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động :Khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho hs . giáo viên kết nối vào bài mới.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

1.Hãy quan sát các hình ảnh và cho biết mỗi ảnh thể hiện thành tựu của nền văn minh cổ đại nào?(mỗi nền văn minh lấy 1 hình ảnh tiêu biểu)

Bước 2: HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

1.Bình gốm -Hi Lạp; 2-đầu trường Co-li-dê: La Mã, 3. Chữ Phạn: Ấn Độ, 4.Địa động nghi: TQ, 5.Bánh xe: Lưỡng Hà, 6. Tượng nữ thần Ne-phec-ti-ti: Ai Cập

Bước 4: Kết luận

Gv nhận xét hoạt động của hs và kết nối vào bài: nêu nhiệm vụ giờ học

2.Hoạt động :Hình thành kiến thức:

Ôn tập về thành tựu các nền văn hóa cổ đại

a.Mục tiêu:

- Trình bày, đánh giá được những thành tựu của văn hóa cổ đại.

b.Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giao nhiệm vụ

1.Em hãy kể tên các quốc gia cổ đại đã được học ?

2.Em hãy hoàn thành bảng sau

Tên quốc gia cổ đại/ Thành tựu văn hóa	Chữ viết- văn học	Luật pháp	Khoa học tự nhiên- toán học	Kiến trúc- điều khắc	Các thành tựu khác
AI CẬP	Chữ tượng hình		- giỏi về hình học	Kim tự tháp, tượng nhân sư, điều khắc...	Y học : ướp xác
LƯỠNG HÀ					
ẤN ĐỘ					
TRUNG QUỐC					
HI LẠP					

LA MÃ					
--------------	--	--	--	--	--

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Hs thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ

Gv theo dõi, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo-thảo luận

-Gv gọi đại diện 1 nhóm báo cáo sản phẩm

Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung theo kỹ thuật 3-2-1

3 lời khen, 2 góp ý, 1 câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

Tên quốc gia cổ đại/ Thành tựu văn hóa	Chữ viết- văn học	Luật pháp	Khoa học tự nhiên- toán học	Kiến trúc- điều khắc	Các thành tựu khác
AI CẬP	Chữ tượng hình		- giỏi về hình học	Kim tự tháp, tượng nhân sư, điều khắc...	Y học : ướp xác
LUÔNG HÀ	chữ hình nêm (hình góc) -sử thi Gin-ga-met	Luật Ha-mu-ra-bi	-hệ thống đếm lấy số 60 làm cơ sở -giỏi về số học	Vườn treo Ba-bi-lon...	
ÁN ĐỘ	chữ Phạn - sử thi Ramyana, Ma-ha-bha-ra-ta		phát minh số đếm từ 0-9	chùa hang, đại bảo tháp San-chi..	Dùng thảo mộc chữa bệnh
TRUNG QUỐC	Chữ tượng hình -Kinh thi, sử kí Tư Mã Thiên		Thiết bị đo động đất, kĩ thuật dệt lụa, làm giấy,	Vạn Lý trường thành, các cung điện, đền đài...	Tư tưởng Nho giáo . -chữa bệnh bằng thảo mộc, châm cứu...
HI LẠP	Hệ thống chữ viết gồm 24 chữ cái - sử thi , kịch		- Toán học ,vật lí, triết học, sử học .. Phát triển rực rỡ	đền pa-tê-nông, tượng điều khắc, bình gốm	
LA MÃ	Hệ thống chữ viết gồm 26 chữ cái - hệ thống số đếm La Mã	Hệ thống luật La Mã	- Phát minh ra bê tông	- Quảng trường Rô-ma, đấu trường Cô-li-dê	

Bước 4: kết luận- nhận định

Gv nhận xét hoạt động của hs, kết luận

3.Hoạt động :Luyện tập

a.Mục tiêu:

Hs vận dụng kiến thức bài học để thực hiện nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b.Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Gv chia sẻ link bài tập Quizzi

Bước 2; Thực hiện nhiệm vụ:

Hs thi trực tuyến

Bước 3: Gv chia sẻ kết quả, nhận xét những câu hỏi có tỉ lệ sai nhiều

Bước 4: Gv tổng kết trò chơi, đánh giá cho điểm

4.Hoạt động : Vận dụng:

a. Mục tiêu:

Hs vận dụng kiến thức bài học để giải quyết tình huống nhiệm vụ mới

b.Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các thành tựu của văn hóa cổ đại
2. Em hãy đóng vai 1 nhà nghiên cứu lịch sử, sưu tầm và biên tập 1 đoạn thông tin về 1 thành tựu văn hóa cổ đại mà em thấy ấn tượng nhất?

(nội dung: không quá 10 câu, có thể sử dụng ngoại ngữ)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

1.Hs thực hiện nhiệm vụ 1 tại lớp

2.Hs thực hiện nhiệm vụ 2 ở nhà

Gv cung cấp tiêu chí đánh giá với nhiệm vụ 2:

Tiêu chí đánh giá:

Nội dung	Hình thức	Điểm thưởng
_ giới thiệu được những nét chính về thành tựu: + ra đời ở đâu + ra đời khi nào? + nhằm mục đích gì + được tạo nên như thế nào? + Ai là người tạo ra + Tại sao em lại ấn tượng nhất	-Hành văn mạch lạc, khúc chiết, rõ ràng theo hình thức 1 bài nghiên cứu nhỏ	Thưởng 1 đ nếu hình thức trình bày bằng ngoại ngữ.

Bước 3: Báo cáo- thảo luận:

Gv gọi 1-2 hs nhanh nhất trình bày sản phẩm sơ đồ tư duy

Cả lớp theo dõi, nhận xét

Bước 4: Kết luận- nhận định:

Gv nhận xét, đánh giá hoạt động của hs

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 24

ÔN TẬP HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC :

1. Kiến thức:

Củng cố, khắc sâu và hệ thống hóa các kiến thức đã học trong chương 2 và chương 3
+ Thời kì nguyên thủy

+ xã hội cổ đại

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự giác chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe, phản hồi tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin
- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết phân tích, so sánh, tổng hợp kiến thức về thành tựu của các nền văn hóa cổ đại

b. Năng lực lịch sử:

- Tìm hiểu lịch sử:
 - + Khai thác và sử dụng được thông tin của một số loại tư liệu lịch sử dưới sự hướng dẫn của Gv
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Trình bày được những nét chính về xã hội nguyên thủy, về sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp
 - + Trình bày được những đặc điểm cơ bản về xã hội các quốc gia cổ đại, nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của từng quốc gia
- Vận dụng: vận dụng kiến thức đã học trong chương 2 và 3 để giải thích, mô tả những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

3. Phẩm chất:

- + Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các nhân vật và sự kiện lịch sử.
- Chăm chỉ: cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.
- Trung thực: có tính chính xác, trung thực trong quá trình học tập và cuộc sống

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm,

2. Học sinh:

- chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV: thiết kế sơ đồ tư duy/ hoặc bảng tổng hợp về các quốc gia cổ đại
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy...
- Kỹ thuật: kỹ thuật 321, động não, khăn trải bàn, phòng tranh

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động :Khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho hs. giáo viên kết nối vào bài mới.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

1.Trong vòng 1 phút, em hãy nhắc lại những nội dung đã được học trong chương trình học kì I.

2.Em hứng thú nhất với nội dung nào?

Bước 2: HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: GV gọi 2 HS trình bày và báo cáo kết quả

Bước 4: Kết luận

Gv nhận xét hoạt động của hs và kết nối vào bài: nêu nhiệm vụ giờ ôn tập.

2. Hoạt động : Hình thành kiến thức:**Hoạt động 1: Ôn tập thời kì nguyên thủy****a. Mục tiêu:**

-Củng cố, khắc sâu và hệ thống hóa các kiến thức đã học về thời kì nguyên thủy

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và Hs	Nội dung
Bước 1: Giao nhiệm vụ 1. Vẽ sơ đồ đường thời gian thể hiện quá trình tiến hóa của loài người và xã hội nguyên thủy ? 2. Trình bày tóm tắt những nét chính về đời sống vật chất- tinh thần của người nguyên thủy 3. Con người phát hiện và sử dụng công cụ kim loại vào thời gian nào? Nêu ý nghĩa của việc tìm ra kim loại?	1. Thời kì nguyên thủy - loài người tiến hóa từ vượn người- người tối cổ- người tinh khôn - xã hội nguyên thủy tiến triển từ bầy người nguyên thủy-> thị tộc-> bộ lạc -Việc tìm ra kim loại giúp năng suất lao động tăng lên, có của cải dư thừa và bắt đầu hình thành xã hội có giai cấp
Bước 2; Thực hiện nhiệm vụ Hs thảo luận bàn thực hiện nhiệm vụ	
Bước 3: Báo cáo- thảo luận Gv gọi đại diện mỗi nhóm trả lời 1 câu hỏi Cả lớp lắng nghe, theo dõi và nhận xét, bổ sung	
Bước 4: kết luận- nhận định: Gv nhận xét hoạt động của Hs và kết luận	

Dự kiến sản phẩm:**1. Quá trình tiến hóa của loài người và xã hội nguyên thủy**

Thời gian	Cách đây 6-5 triệu năm	Khoảng 4 triệu năm trước	Khoảng 150.000 năm trước
Sự tiến hóa của loài người	Vượn người xuất hiện	Người tối cổ xuất hiện	Người tinh khôn xuất hiện
Quá trình tiến triển của xã hội	Bầy người nguyên thủy: -gồm vài gia đình, có sự phân công lao động giữa nam- nữ		Thị tộc -vài chục gia đình có quan hệ huyết thống - đứng đầu là tộc trưởng Bộ lạc -Gồm các thị tộc sống trên cùng địa bàn - Đứng đầu là tù trưởng

Câu 2: Những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy	Đời sống vật chất: -Công cụ lao động: công cụ đá : rìu đá, lưỡi cuốc đá..., biết dùng lửa, tạo ra lửa, lao, cung tên, làm đồ gốm - hình thức kiếm sống: hái lượm-săn bắt -> trồng trọt, chăn nuôi
	Đời sống tinh thần: Tâm linh: chôn cất người chết cùng công cụ lao động Nghệ thuật: Làm đồ trang sức, biết vẽ, chạm khắc + Có tình cảm gắn kết cộng đồng
Câu 3: Con người phát hiện và sử dụng kim loại	Khoảng thiên niên kỉ IV TCN (cách đây khoảng 6000 năm), con người tình cờ phát hiện ra đồng đỏ. Khoảng đầu thiên niên

dụng công cụ kim loại vào thời gian nào? Nêu ý nghĩa của việc tìm ra kim loại?	kỉ thứ II (cách đây khoảng 4000 năm, con người đã luyện được đồng thau và sắt Ý nghĩa: Con người đã có thể khai phá những vùng đất mới , cày sâu, cuốc bẫm, có thể xẻ gỗ đóng thuyền đi biển, xẻ đá làm lâu đài,... - năng suất lao động tăng lên, có sản phẩm dư thừa thường xuyên. - Đời sống văn hóa, tinh thần được cải thiện: con người biết dùng đồ trang sức hoa tai, vòng tay,... bằng kim loại.
--	--

Hoạt động 2: Ôn tập xã hội cổ đại

a.Mục tiêu:

-Củng cố, khắc sâu và hệ thống hóa các kiến thức đã học về xã hội cổ đại

b.Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và Hs	Nội dung
Bước 1: Giao nhiệm vụ Thiết kế sơ đồ tư duy/ bảng tổng hợp về các quốc gia cổ đại + Nối hình thành- thời gian hình thành + tổ chức xã hội + những thành tựu văn hóa	2.Xã hội cổ đại Các quốc gia cổ đại + Ai Cập + Lưỡng Hà + Ấn Độ + Trung Quốc + Hi Lạp + La Mã
Bước 2; Thực hiện nhiệm vụ Hs thực hiện nhiệm vụ theo nhóm ở nhà	
Bước 3: Báo cáo- thảo luận Các nhóm trưng bày sản phẩm (hoặc gửi lên padlet) Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung: 3 lời khen, 2 góp ý, 1 câu hỏi	
Bước 4: Gv nhận xét, đánh giá hoạt động của hs và kết luận	

3.Hoạt động :Luyện tập

a.Mục tiêu:

-Hs vận dụng kiến thức bài ôn tập để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b.Tổ chức thực hiện

Bước 1: giao nhiệm vụ:

- Gv gửi link bài tập Quizzzi

Bước 2; thực hiện nhiệm vụ:

Hs tham gia chơi trực tuyến

Bước 3: Báo cáo- thảo luận:

Gv cho hs xem lại nd câu hỏi, chú ý những câu có tỉ lệ sai nhiều

Bước 4: Gv nhận xét, tổng kết trò chơi

4.Hoạt động: Vận dụng:

a.mục tiêu: hs vận dụng kiến thức bài ôn tập để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong tình huống học tập mới

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Gv hướng dẫn nội dung ôn tập kiểm tra học kì I

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ:

Hs thực hiện nhiệm vụ ở nhà, sau giờ học

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT 24: KIỂM TRA CUỐI KÌ I
(Thời gian thực hiện : 60 phút, kết hợp với Địa lí)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1- Kiến thức: Củng cố, khắc sâu nội dung kiến thức đã học về Trái đất- các vận động của Trái Đất., cấu tạo của TĐ , vỏ TĐ, lớp vỏ khí ; về các nền văn minh cổ đại

2-Năng lực:

a. năng lực chung

-Tự chủ - tự học : Tự giác ôn tập để làm bài tốt

- Giải quyết vấn đề- sáng tạo: Biết thực hiện các thao tác tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp.

b. Năng lực địa lí:

-Xác định được tọa độ địa lí của một điểm,tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ

-Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ mới trong đề thi

3.Phẩm chất :

- Trung thực: Nghiêm túc, tự giác làm bài

II. CHUẨN BỊ

1.Gv: Ma trận, bảng đặc tả, Đề bài, đáp án

2.HS: Ôn bài, chuẩn bị dụng cụ học tập

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1.Hoạt động: Mở đầu: Gv nêu yêu cầu đối với giờ kiểm tra: nghiêm túc, trật tự.

2..Bài kiểm tra

2.1.Mục đích đề kiểm tra

Đánh giá kết quả học tập của hs thông qua các chủ đề :bản đồ, Trái Đất, xã hội nguyên thủy

-Đánh giá năng lực : giải quyết vấn đề,sáng tạo, xác định tọa độ địa lí,tính khoảng cách dựa vào tỉ lệ bản đồ, xác định phương hướng....

-Đánh giá khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống

-Điều chỉnh quá trình dạy học một cách kịp thời

2.2> Hình thức đề kiểm tra: câu hỏi TNKQ

2.3. ma trận đề kiểm tra

3.Hoạt động : Luyện tập:

Gv nhận xét giờ kiểm tra

4.Hoạt động :Vận dụng

Hướng dẫn chuẩn bị bài 12

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Chương IV

ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X

BÀI
12

TIẾT 25+ 26: CÁC VƯƠNG QUỐC Ở ĐÔNG NAM Á TRƯỚC THẾ KỈ X

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Trình bày được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.
- Trình bày được quá trình xuất hiện của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á trước thế kỉ VII.
- Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự, tự học: Tự giác, chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin.
- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết đặt câu hỏi trao đổi phản biện; phân tích tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

b. Năng lực Lịch sử:

- Tìm hiểu lịch sử: khai thác các thông tin từ các tư liệu hình ảnh, đọc bản đồ xác định mối liên hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á thời cổ với các nước Đông Nam Á hiện tại.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Nêu được vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á.
 - + Miêu tả được sự xuất hiện của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á
 - + Giải thích được cơ sở sự hình thành và phát triển ban đầu của các quốc gia Đông Nam Á.
 - + Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X:
 - + Vận dụng kiến thức đã học để sưu tầm, giới thiệu, liên hệ về 1 vương quốc Đông Nam Á.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước:
 - + Trân trọng những di sản của văn hóa Đông Nam Á (trong đó có VN) để lại cho nhân loại.
- Trách nhiệm:
 - + Có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá của khu vực Đông Nam Á; học hỏi những cái hay cái đẹp trong văn hóa của các dân tộc khác.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, sưu tầm và chọn lọc tư liệu dạy học.
- các lược đồ: các vương quốc cổ Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến TK VII
 - + lược đồ các quốc gia ĐNA ngày nay
 - + Lược đồ tự nhiên ĐNA

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu, chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của Gv
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, vấn đáp, hợp tác
- Kỹ thuật: động não, trao đổi, phản biện...

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động :Khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo không khí hứng khởi cho HS, giáo viên dẫn vào bài mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em hãy quan sát hình ảnh và xác định tên của các quốc gia Đông Nam Á qua quốc kì



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

Brunei	Thái Lan	VN	Lào	Malai-xia	Philippin	Mian ma	Xinhgapo	Campuchia	Indonexia
--------	----------	----	-----	-----------	-----------	---------	----------	-----------	-----------

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá

- **GV dẫn vào bài mới:** Đông Nam Á được coi là “ngã tư đường” của thế giới, Đông Nam Á có vị trí chiến lược quan trọng kết nối giữa Trung Quốc với Ấn Độ và Địa Trung Hải. Từ rất sớm, nơi đây đã hình thành các quốc gia độc lập với các nền văn hóa đặc sắc. Đó là những giá trị mà các cư dân Đông Nam Á cổ xưa để lại, là hành trang để xây dựng cộng đồng ASEAN bản sắc và hội nhập trong hiện tại và tương lai. Vậy có bao giờ các em tự hỏi rằng: Các quốc gia Đông Nam Á hiện nay được hình thành và phát triển từ những vương quốc cổ nào trước đây? Vào thời gian nào? Quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc này ra sao?

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu vị trí địa lí của Đông Nam Á

a. Mục tiêu: Trình bày được vị trí của khu vực ĐNA

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Gv hướng dẫn hs tự học - GV yêu cầu HS quan sát H12.1 Lược đồ các nước ĐNA ngày nay, đọc và khai thác thông tin trong SGK (Tr63-64) để trả lời câu hỏi Trình bày những nét chính về vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên của ĐNA? + Gồm các bộ phận nào? Tên quốc gia ở mỗi bộ phận? + điểm đặc biệt về mặt vị trí địa lí? + Những nét chính về điều kiện tự nhiên?  12.1 Bản đồ các nước Đông Nam Á ngày nay.	<u>I. Vị trí địa lí của Đông Nam Á:</u> - Đông Nam Á nằm ở phía đông nam của châu Á, bao gồm hai khu vực riêng là Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo. - Vị trí địa lí: nằm trên con đường hàng hải nối liền giữa Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương; là cầu nối giữa Trung Quốc, Nhật Bản với Ấn Độ, Tây Á và Địa Trung Hải. - Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, lượng mưa lớn thích hợp cho việc trồng cây lúa nước và nhiều cây hương liệu quý. => <i>“Cái nôi” của nền văn minh lúa nước.</i>

Hoạt động 2: Tìm hiểu sự xuất hiện của các vương quốc cổ từ đầu công nguyên đến thế kỉ VII.

a. Mục tiêu:

- Trình bày được quá trình xuất hiện của các nước vương quốc cổ ở Đông Nam Á trước TK VII

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Quan sát h 12.1 và lược đồ các nước ĐNA hiện đại, em hãy hoàn thành phiếu học tập sau: <table border="1" data-bbox="162 1626 925 1715"> <tr> <th>Tên vương quốc cổ</th><th>Tên quốc gia ngày nay</th></tr> <tr> <td> </td><td> </td></tr> </table> 2. Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á ra đời vào thời gian nào? 3. Dựa vào lược đồ tự nhiên Đông Nam Á, em hãy mô tả điều kiện tự nhiên nơi các vương quốc cổ Đông Nam Á đã ra đời? (điều kiện địa hình, sông ngòi...) Bước 2: HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV Bước 3: HS các trình bày và báo cáo kết quả Dự kiến sản phẩm:	Tên vương quốc cổ	Tên quốc gia ngày nay			<u>II. Sự xuất hiện các vương quốc cổ từ đầu công nguyên đến thế kỉ VII.</u> - Từ những thế kỉ đầu công nguyên một số vương quốc cổ lần lượt ra đời như: Cham-pa, Phù Nam, Pê-gu, Tha-ton... - Vương quốc Phù Nam là vương quốc phát triển thịnh vượng nhất trong bảy thế kỉ đầu công nguyên
Tên vương quốc cổ	Tên quốc gia ngày nay				

Khu vực	Tên các vương quốc cổ	Tên quốc gia ngày nay
Đông Nam Á lục địa	Cham-pa, Phù Nam	Việt Nam
	Pê-gu, Tha- ton	Mi-an-ma
	Đôn Tôn, Xích Thổ	Miền Nam Thái Lan, Malaixia
	Chân Lạp	Cam-pu-chia
Đông Nam Á hải đảo	Tu-ma-sic	Xinh-ga-po
	Ma –lay-u, Ta –ru-ma	In-đô-nê-xi-a

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á ra đời vào thời gian nào?	-Từ những thế kỉ tiếp giáp công nguyên đến thế kỉ VII
Câu 2: Dựa vào lược đồ tự nhiên Đông Nam Á, em hãy mô tả điều kiện tự nhiên nơi các vương quốc cổ Đông Nam Á đã ra đời	+ Điều kiện tự nhiên thuận lợi: có những dòng sông lớn đổ ra biển, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và giao lưu với thế giới bên ngoài. + Sự phát triển kinh tế, kĩ thuật của các tộc người ở Đông Nam Á vào những thế kỉ trước Công nguyên đến đầu Công nguyên, đặc biệt là nghề nông trồng lúa nước và kĩ thuật luyện kim càng ngày càng tiến bộ. Mặt khác, sự giao lưu kinh tế, văn hoá với Ấn Độ, Trung Quốc cũng là nền tảng quan trọng đưa đến sự ra đời các quốc gia sơ kì Đông Nam Á.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá.

Hoạt động 3: Tìm hiểu Sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.

a. Mục tiêu: Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung ghi bảng
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Quan sát hình 12.3 và khai thác thông tin trong sgk Hoàn thành bài tập sau đây:	III. Sự hình thành các vương quốc phong kiến.

1. điền mốc thời gian tương ứng với các sự kiện sau đây:

Đông Nam Á lục địa		Đông Nam Á hải đảo	
Thời gian	Sự kiện	Thời gian	Sự kiện
	Nhiều quốc gia mới xuất hiện ở Đông Nam Á		Sri-vi-giay-a hình thành và phát triển hùng mạnh trên đảo Su-ma-tra
	- Hai vương quốc Đra-va-ra-ti và Ha-ri-pun-giay-a hình thành trên lưu vực sông Mê Nam		Vương quốc Ka-lin-ga phát triển hùng mạnh
	Vương quốc Pa-gan của người Miến ra đời bên dòng sông I-ra-oa-đi		
	Người Việt giành độc lập tự chủ		

2. dựa vào lược đồ 12.3 và lược đồ các nước ĐNA:

Tên các vương quốc phong kiến ở ĐNA từ TK VII đến TK X	Tên quốc gia ngày nay

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung vào PHT số 3

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Đông Nam Á lục địa		Đông Nam Á hải đảo	
Thời gian	Sự kiện	Thời gian	Sự kiện
Thế kỉ VII	Nhiều quốc gia mới xuất hiện ở Đông Nam Á	Thế kỉ VII	Sri-vi-giay-a hình thành và phát triển hùng mạnh trên đảo Su-ma-tra

-Thế kỉ VII thương cảng Óc-eo sục sôi, con đường giao thương chuyển hướng > nhiều quốc gia mới xuất hiện

-Một số quốc gia phong kiến: Pa- gan, Pê- gu, Tha-ton. Ha-ri-pun-giay-a, Đva-ra-va-ti, Cam-pu-chia, Đại Cổ Việt, Chăm-pa, Tu-ma-sic, Sri-vi-giay-a và Ka-lin-ga

-> Sự xuất hiện và phát triển của các quốc gia tạo cơ sở cho sự phát triển của Đông Nam Á thế kỉ X- XV

Thế kỉ VII	- Hai vương quốc Đra-va-ra-ti và Ha-ri-pun-giay-a hình thành trên lưu vực sông Mê Nam	Cuối thế kỉ VIII	Vương quốc Ka-lin-ga phát triển hùng mạnh
Đầu TK IX	Vương quốc Pa-gan của người Miến ra đời bên dòng sông I-ra-oa-đi		
Đầu TK X	Người Việt giành độc lập tự chủ		

2.

Tên các vương quốc phong kiến ở ĐNA từ TK VII đến TK X	Tên quốc gia ngày nay
Pagan, Pequ, Thaton	Mi-an-ma
Ha-ri-pun-giay-a, Đra-va-ti	Thái Lan
Cam-pu chia	Cam-pu chia
Đại Cồ Việt, Chăm-pa	Việt
Tu-ma-sic	Xing-ga-po
Sri-vi-giay-a và Ka-lin-ga	In-đô-nê-xi-a

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi)

GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi (gợi ý)

- **GV nhấn mạnh:** Trên cơ sở những quốc gia cổ với nhiều bộ tộc cùng sinh sống, dần dần đã hình thành những quốc gia lấy một bộ tộc đông và phát triển nhất làm nòng cốt. Bộ máy nhà nước của các vương quốc phong kiến dần được tổ chức quy củ hơn, quyền lực của nhà vua được tăng cường, quân đội, luật pháp ngày càng hoàn thiện.

3. Hoạt động ; Luyện tập

a. Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức bài học để thực hiện nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo. (có thể chọn 1 trong 2 câu hỏi)

Câu 1: Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII có vị trí tương ứng với các quốc gia Đông Nam Á nào ngày nay? Hãy hoàn thành bảng sau cho câu trả lời của em.

Tên các vương quốc cổ	Thuộc lãnh thổ quốc gia hiện nay
Phù Nam	
Champa	
Đại Cồ Việt	
Pa-gan	
Chân Lạp	
Tu-ma-síc	
Sri Vi-giay-a	
Ka-lin-ga	
Bu-tu-an	

Bước 2: HS hoạt động cá nhân và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 2:

Tên các vương quốc cổ	Thuộc lãnh thổ quốc gia hiện nay
Phù Nam	Việt Nam
Chăm-pa	Việt Nam
Đại Cồ Việt	Việt Nam
Pa-gan	Mi-an-ma
Chân Lạp	Lào, Campuchia, Thái Lan
Tu-ma-síc	Xingapo
Sri Vi-giay-a	Indonexia
Ka-lin-ga	Indonexia
Bu-tu-an	Philippin

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động vận dụng:

a. Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức bài học để giải quyết nhiệm vụ trong tình huống học tập mới

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

Câu 1: Sông Mê Công gắn bó với lịch sử của những vương quốc cổ nào? Những vương quốc đó thuộc về các quốc gia nào ngày nay? Tham khảo thêm lược đồ 13.1 và 12.1 cho các câu trả lời của em

Câu 2: Sưu tầm thêm thông tin từ sách, báo, internet về quá trình hình thành của một quốc gia sơ kỳ ở Đông Nam Á mà em thích và chia sẻ với bạn.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- +hs thực hiện nhiệm vụ 1 ở lớp
- + hs thực hiện nhiệm vụ 2 ở nhà, sau giờ học .

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

Câu 1: Sông Mê Công gắn bó với lịch sử của những vương quốc cổ như: Chăm-pa , Phù Nam, Chân Lạp, Đôn Tồn.

- Những vương quốc đó thuộc về các quốc gia ngày nay như:

- + Chăm-pa , Phù Nam: Việt Nam
- + Chân Lạp: Lào, Campuchia, Thái Lan
- + Đôn Tồn: Mianma, Thái Lan

Câu 2: (gợi ý sản phẩm) *Vương Quốc Chăm-pa là một Quốc gia độc lập, tồn tại từ khoảng thế kỷ thứ 7 đến năm 1832 (thế kỷ thứ 18) trên phần đất nay thuộc miền Trung Việt Nam. Cương vực của Chăm Pa lúc mở rộng nhất trải dài từ Quảng Bình, dãy núi Hoành Sơn ở phía Bắc cho đến Bình Thuận ở phía Nam và từ biển Đông cho đến tận miền núi phía Tây của nước Lào ngày nay. Văn hóa Chăm-pa chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, Campuchia và Ấn Độ đã từng phát triển rực rỡ với những đỉnh cao là phong cách Đông Dương và phong cách Mỹ Sơn mà nhiều di tích đền tháp và các công trình điêu khắc đá, đặc biệt là các hiện vật có hình lin-ga vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay cho thấy ảnh hưởng của Ấn giáo và Phật giáo là hai tôn giáo chính của chủ nhân vương quốc Chăm-pa xưa. Chăm-pa hưng thịnh nhất vào thế kỷ thứ 9 và 10 và sau đó dần dần suy yếu dưới sức ép Nam tiến của Đại Việt từ phía Bắc và các cuộc chiến tranh với Đế quốc Khmer. Năm 1471, Chăm Pa chịu thất bại nặng nề trước Đại Việt và nước Chăm-pa thống nhất chấm dứt tồn tại. Phần lãnh thổ còn lại của Chăm-pa tiếp tục bị các chúa Nguyễn thôn tính lần hồi và đến năm 1832 toàn bộ vương quốc chính thức bị sáp nhập vào Việt Nam.*

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 27: BÀI 13: GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VĂN HÓA Ở ĐÔNG NAM Á
TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện các thao tác tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp để thấy được những biểu hiện của sự giao lưu thương mại và văn hóa giữa ĐNA với các nền văn minh khác

b. Năng lực riêng:

- Nhận thức và tư duy lịch sử
- + Trình bày được con đường giao thương trên biển ở khu vực Đông Nam Á.
- + Hiểu được ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đối với sự phát triển của lịch sử khu vực trong 10 thế kỉ đầu Công nguyên
- + Phân tích được những tác động của quá trình giao lưu thương mại và văn hoá đối với khu vực trong 10 thế kỉ đầu Công nguyên.
- + Xác định được chủ quyền Biển Đông thuộc về vương quốc nào ngày xưa và quốc gia nào ngày nay.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: từ sự thật lịch sử về con đường giao thương và giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á, giáo dục chủ quyền biển đảo cho HS.
- Nhân ái: giáo dục tinh thần chia sẻ giữa các nền văn hoá (học hỏi, hoà nhập, không thôn tính, không xâm lược).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án, SGK, SHS Lịch sử và Địa lí 6.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SHS Lịch sử và Địa lí 6.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. PHƯƠNG PHÁP- KỸ THUẬT

Hợp tác, sử dụng phương tiện trực quan, nêu vấn đề.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG : KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV trình chiếu cho HS quan sát hình ảnh và kể cho HS câu chuyện Một thành phố chứa đầy châu báu: Địa điểm di tích Ốc Eo nằm ở chân núi Ba Thê, nay thuộc xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, nay đất bồi đầy nó vào sâu, cách biển 20 km, nhưng ngược về đầu Công nguyên, Ốc Eo nằm ở vị trí “bước một bước ra tới biển” Những năm 40 của thế kỉ XX, nhiều người dân khi làm ruộng nhặt được khá nhiều vật quý như chuỗi vòng đá quý, nhẫn vàng bạc, mặt ngọc, nhìn không khác mấy với những đồ nữ trang trưng bày trên cửa hàng vàng bạc thời nay.



Do vậy, cuối tháng 2 - 1944, chính quyền Pháp đã tổ chức khai quật di tích Ốc Eo mà người đứng đầu là nhà khảo cổ học lừng danh L. Malleret. Một số lượng đồ trang sức rất lớn đã được L. Malleret công bố bao gồm: 1.311 món nữ trang vàng, cân nặng 1.120 gam, sau đó ông còn thu mua lại từ những người đào trộm di tích hàng trăm món, cân nặng được 453 gam, đáng kể có một thỏi vàng nguyên khối nặng đến 378 gam, tức khoảng 10 lạng; số hạt ngọc và đá quý đào và thu lại được là 10.062, trong đó có 779 viên là đào được, còn lại ông thu từ trẻ con nhặt được khi đi theo đoàn khảo cổ. Sau năm 1975, phát hiện thêm khoảng 100 món trang sức vàng, 443 hạt đá quý, hơn 120 con dấu (triện), 2.000 mảnh vàng (có thể là vật cúng đặt ở các đền chùa).

Hình ảnh và câu chuyện trên gợi cho e suy nghĩ gì về lịch sử của các quốc gia ĐNA từ thời kì đầu công nguyên ?

2.. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Quá trình giao lưu thương mại**

a. Mục tiêu: Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại ở ĐNA trong mười TK đầu công nguyên

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG BÀI
Bước 1: GV chuyển giao NV học tập - GV giới thiệu: Vào những thế kỉ đầu Công nguyên, nhu cầu trao đổi hàng hoá giữa Trung Quốc, Ấn Độ và xa hơn là Địa Trung Hải đã mở ra tuyến đường thương mại quan trọng trên vùng biển Đông Nam Á. Thuyền buôn của nhiều nước trên thế giới đã có mặt tại đây, mở ra quá trình giao lưu thương mại giữa Đông Nam Á với thế giới bên ngoài. Nhiệm vụ 1	1. Quá trình giao lưu thương mại - Vào những thế kỉ đầu công nguyên, hoạt động giao lưu thương mại với các khu vực khác đã được tiến hành

- quan sát Lược đồ 13.4 và trả lời câu hỏi: Em hãy xác định trên bản đồ và mô tả con đường mà thương nhân nước ngoài đi qua vùng biển Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên? - quan sát Hình 13.1, 13.2, 13.3 SHS trang 68 và trả lời câu hỏi: Những hiện vật trong các tư liệu đó kể lại chuyện gì đã xảy ra trong lịch sử khu vực những thế kỉ đầu Công nguyên? Nhiệm vụ 2: - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, đọc thông mục I SHS trang 67 và trả lời câu hỏi: + Trình bày hoạt động giao lưu thương mại ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên. + Giao lưu thương mại đã dẫn đến những thay đổi nào ở khu vực Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ 1 Hs thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ 2 Gv theo dõi, hướng dẫn hs khai thác tư liệu hình ảnh và rút ra kết luận Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - hs báo cáo kết quả làm việc Dự kiến trả lời: 1. Con đường thương mại từ Ấn Độ Dương đến TBD qua các đô thị cổ: Ma-ha-ba-li-pu-ham đến Ran-gun, Kra, Pa-lem-bang, Óc eo, Tuyên Châu 2. Nơi đây có nhiều thương nhân của nhiều khu vực đã dừng lại và buôn bán (ảnh 13.1), hoạt động giao lưu thương mại với Trung Quốc (13.2), hoạt động giao lưu đã mang lại sự giàu có, phồn thịnh cho các quốc gia.(13.3) 3. Hoạt động giao lưu thương mại: + cung cấp nước ngọt, lương thực + trao đổi các sản vật: gia vị, hương liệu, sản vật quý 3. Tác động: mang lại sự phồn thịnh cho nền kinh tế, hình thành các thương cảng lớn, thúc đẩy sự giao lưu văn hóa và sự ra đời của các vương quốc cổ ĐNA Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập	+ Là nơi cung cấp nước ngọt, lương thực. + Là nơi trao đổi những sản vật có giá trị như: hồ tiêu, đậu khấu, ngọc trai, san hô, đặc biệt là trầm hương – một mặt hàng có giá trị cao. - Giao lưu thương mại đã thúc đẩy sự ra đời của những trung tâm thương mại tại khu vực Đông Nam Á, dẫn đến sự phát triển nhanh của lịch sử khu vực, tác động trực tiếp đến sự ra đời của những vương quốc cổ nằm trên con đường giao lưu đó.
---	--

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
---	--

Hoạt động 2: Quá trình giao lưu văn hóa

a. Mục tiêu: Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á trong 10 thế kỉ đầu công nguyên .

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao NV học tập - GV giới thiệu kiến thức: Theo chân những con thuyền buôn bán đến từ nước ngoài, văn hoá bên ngoài cũng có mặt ở khu vực Đông Nam Á. Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ, đặc biệt là nền văn hóa Ấn Độ. - Đọc tư liệu 13.5 và Quan sát Hình 13.6, 13.7, 13.8 hãy cho biết nền văn hóa cổ đại nào ở châu Á có ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam Á? 2. Giao lưu văn hóa đã tác động như thế nào đến văn hóa Đông Nam Á? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi. - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. - Nhận xét về quá trình giao lưu văn hóa ở khu vực Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên: cư dân Đông Nam Á tiếp thu văn hoá Ấn Độ một cách hoà bình, trên cơ sở chủ động lựa chọn những yếu tố phù hợp trong quá trình lập quốc và phát triển, chủ yếu trong các lĩnh vực tôn giáo, chữ viết, văn học, nghệ thuật.	2. Quá trình giao lưu văn hóa - Văn hóa Ấn Độ có ảnh hưởng trên nhiều lĩnh vực khác nhau: + Tôn giáo: Ấn Độ giáo, Hin-đu giáo và Phật giáo hoà quyện với tín ngưỡng bản địa + Chữ viết: chữ Phạn trở thành văn tự chính của nhiều vương quốc , sau đó dần cải biến thành chữ viết riêng như chữ Chăm cổ, chữ Khơ-me cổ, chữ Mã Lai cổ,... + Nghệ thuật: khu đền tháp Mỹ Sơn (Việt Nam) và quần thể Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a) là hai công trình kiến trúc tiêu biểu của Đông Nam Á trước thế kỉ X.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức bài học để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SHS trang 70: Nêu một ví dụ cho thấy sự sáng tạo của cư dân Đông Nam Á khi tiếp thu văn hóa Ấn Độ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời: Sự sáng tạo của cư dân Đông Nam Á khi tiếp thu văn hóa Ấn Độ: chữ Phạn trở thành văn tự chính của nhiều vương quốc trong buổi đầu thành lập. Về sau, đã dần cải biến chữ Phạn thành chữ viết riêng như chữ Chăm cổ, chữ Khơ-me cổ, chữ Mã Lai cổ,...

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong tình huống học tập thực tiễn

b. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 70: Dựa vào Lược đồ 13.4, đối chiếu với Bản đồ 12.1, em hãy cho biết con đường thương mại ở Đông Nam Á đi qua những vùng biển, đại dương nào ngày nay.

2. Xác định vùng biển Đông thuộc chủ quyền các quốc gia nào của Đông Nam Á xưa và nay?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời: Con đường thương mại ở Đông Nam Á đi qua những vùng biển, đại dương ngày nay: biển An-da-man ở Đông nam vịnh Ben-ga-, miền Nam Mi-an-ma, miền Tây Thái Lan và miền Đông quần đảo An-da-man thuộc Ấn Độ Dương. Vịnh Ben-gan là điểm bắt đầu của con đường biển nối miền Nam Ấn Độ với eo Kra và bán đảo Ma-lai-xi-a.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

HỌC KÌ II

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Chương V

VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X

Tiết: 28+ 29+ 30

BÀI
14

NHÀ NƯỚC VĂN LANG- ÂU LẠC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc.
- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được ý kiến; có thái độ hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử:
 - + Khai thác và sử dụng được những thông tin, hình ảnh, tư liệu, truyền thuyết để tìm hiểu về hoàn cảnh ra đời của Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.
 - + Khai thác và sử dụng các dữ kiện để hoàn thành sơ đồ tổ chức bộ máy Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.
- Nhận thức tư duy lịch sử:
 - + Nêu được khoảng thời gian thành lập nước Văn Lang, Âu Lạc
 - + Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc.
 - + Nhận xét được tổ chức bộ máy Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.
 - + Nhận xét được điểm mới của bộ máy nhà nước Âu Lạc so với nhà nước Văn Lang.
- Vận dụng:
 - + Vận dụng kiến thức về nhà nước Văn Lang- Âu Lạc để giải thích, mô tả một số sự kiện ,hiện tượng lịch sử trong cuộc sống: lễ hội Đền Hùng, một số phong tục của người Việt Nam
 - + Liên hệ kiến thức địa lí để làm rõ ý nghĩa của sông Hồng với đời sống của người Việt cổ.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Bồi dưỡng lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tình yêu quê hương đất nước, lòng biết ơn các Vua Hùng, An Dương Vương...
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, giấy A0
- Lược đồ, hình ảnh liên quan đến bài học

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học

III. PHƯƠNG PHÁP/ KĨ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, vấn đáp, hợp tác, sử dụng phương tiện trực quan
- Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn, think-pair-share, 321...

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động :Khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo sự tò mò, không khí hứng khởi cho HS , giáo viên dẫn vào bài mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu tranh ảnh hoặc đoạn video (Lễ hội Giỗ tổ Hùng Vương) và đặt câu hỏi:

<https://www.youtube.com/watch?v=Hewjr4dsOjk>

? Thông qua video em hãy cho biết sự kiện trên có tên là gì? Tại sao sự kiện đó lại được tổ chức hàng năm?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả:

Dự kiến sản phẩm:

- Lễ hội giỗ tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch (Giỗ tổ Hùng Vương) được tổ chức hàng năm nhằm tưởng nhớ công ơn các vua Hùng đã có công dựng nước

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới

+ Khái quát nội dung chương 5 ,

+ dẫn dắt vào bài 14

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu về sự ra đời nhà nước Văn Lang

a. Mục tiêu:

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang.
- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>				
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Em hãy kể tên một số truyền thuyết nói về nguồn gốc và thời kì dựng nước của nhân dân ta? Sắp xếp các truyền thuyết đó theo các chủ đề nội dung: dựng nước, làm thủy lợi, chống ngoại xâm? 2. Dựa vào thông tin trong SGK, em hãy hoàn thành bài tập sau: <table border="1" data-bbox="164 1995 991 2130"> <tr> <th colspan="2"><i>NHÀ NƯỚC VĂN LANG</i></th></tr> <tr> <td><i>nhà nước Văn Lang ra đời khi nào?</i></td><td></td></tr> </table>	<i>NHÀ NƯỚC VĂN LANG</i>		<i>nhà nước Văn Lang ra đời khi nào?</i>		<u>I. Nhà nước Văn Lang:</u> <u>1. Sự ra đời nhà nước Văn Lang.</u> - Vào khoảng thế kỉ VI TCN, thủ lĩnh bộ lạc Văn Lang thu phục các bộ lạc khác, lập ra nhà nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ) -> Mở ra thời kỳ dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc
<i>NHÀ NƯỚC VĂN LANG</i>					
<i>nhà nước Văn Lang ra đời khi nào?</i>					

Nước Văn Lang ra đời ở đâu?	
Nguyên nhân ra đời	
Cách thức ra đời	
Nhân vật lịch sử liên quan đến sự ra đời nước Văn Lang	
Sự ra đời của Văn Lang có ý nghĩa gì?	
Theo em những yếu tố cơ sở hình thành Nhà nước Văn Lang trong thực tiễn là gì?	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

-Hs làm việc cá nhân trả lời câu hỏi 1,2

-Hs thảo luận nhóm thực hiện bài tập 3:

Bước 3. Báo cáo- thảo luận:

- Gv chỉ định 2 hs trả lời câu hỏi
- Gv mời đại diện 1 nhóm trình bày kết quả thảo luận bài tập 3 và khoanh vùng địa bàn cư trú cư dân Văn Lang trên lược đồ

Dự kiến sản phẩm:

NHÀ NƯỚC VĂN LANG	
Thời gian ra đời	Thế kỉ VII TCN
Địa điểm ra đời	Phong Châu(Việt Trì—Phú Thọ)
Nguyên nhân ra đời	Do nhu cầu trị thủy, bảo vệ mùa màng, chống giặc ngoại xâm đã thúc đẩy sự liên kết giữa các bộ lạc
Cách thức ra đời	Sự hình thành nhà nước dựa trên tinh thần đoàn kết, ít có sự đấu tranh bạo lực
Nhân vật lịch sử	Thủ lĩnh bộ lạc Văn Lang- Hùng Vương
Ý nghĩa	Mở ra thời kỳ dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc

Cơ sở kinh tế:

- Công cụ đồng phổ biến và bắt đầu có công cụ sắt.
- Nông nghiệp dùng cày với sức kéo khá phát triển, kết hợp săn bắn, chăn nuôi, đánh cá, đúc đồng, làm gốm.
- Có sự phân công lao động giữa nông nghiệp và thủ công.

*** Cơ sở xã hội:**

- Sự chuyển biến kinh tế kéo theo sự chuyển biến về xã hội: Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt, công xã thị tộc tan rã thay vào đó là công xã nông thôn và gia đình phụ hệ.

⇒ Sự chuyển biến kinh tế, xã hội đặt ra yêu cầu mới là trị thủy, quản lí xã hội, chống ngoại xâm. Nhà nước Văn Lang ra đời đã đáp ứng những yêu cầu đó.

Gv nêu câu hỏi mở rộng:

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá.

- HS đọc mục *Em có biết* Tr 73 để biết thêm Hùng Vương thuộc họ Hồng Bàng, dòng dõi “tiên rồng”.

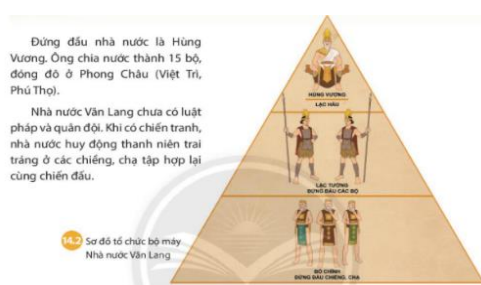
2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về tổ chức nhà nước Văn Lang

a. Mục tiêu:

- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của Gv và HS	Nội dung bài
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhiệm vụ 1: Trò chơi : họ là ai? Hs giải nghĩa các danh từ: Hùng vương, lạc hầu, lạc tướng, quan lang, mị nương, bồ chính Nhiệm vụ 2: Em hãy lựa chọn các từ thích hợp vừa cho để hoàn thành sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang? -Dựa vào sơ đồ, trình bày lại tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang?	2. Tổ chức nhà nước Văn Lang: - Đứng đầu nhà nước là Hùng Vương. Ông chia nước làm 15 bộ, giúp việc cho vua là các Lạc hầu, Lạc tướng. Đứng đầu các chiềng, chạ là Bồ chính. - Nhà nước Văn Lang chưa có luật pháp và quân đội. Khi có chiến tranh, nhà nước huy động thanh niên trai tráng ở các chiềng, chạ tập hợp lại cùng chiến đấu. => <i>Mở đầu thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc.</i>
3. Em có nhận xét gì về tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - hs thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ Gv nhờ cán bộ lớp điều khiển trò chơi “Họ là ai” Bước 3. HS trình bày sản phẩm, báo cáo kết quả hoạt động. Dự kiến sản phẩm: -Hùng vương: người đứng đầu nhà nước Văn Lang - Lạc hầu: chức quan phụ trách việc dân sự (quan văn)	



Lạc tướng: chức quan phụ trách việc quân sự, đứng đầu các bộ lạc Quan lang: con trai hùng vương Mị nương: con gái HÙNG vương Bồ chính: già làng đứng đầu các chiềng chạ (làng xoms) thời HÙNG vương - nhiệm vụ 2: hs hoàn thành sơ đồ Nhiệm vụ 3: đánh giá: Tổ chức Nhà nước Văn Lang đã được hình thành từ Trung ương đến địa phương nhưng còn rất sơ khai, đơn giản, chia làm 3 cấp (chỉ có vài chức quan). - Nhà nước chưa có quân đội, chưa có luật pháp. Nhà nước Văn Lang tuy đơn giản nhưng đã là tổ chức chính quyền cai quản nhà nước. Gv nêu 1 số câu hỏi mở rộng: ? Qua câu chuyện Thánh Gióng cho thấy nếu có chiến tranh thì nhà nước Văn Lang tổ chức quân đội ra sao? (Huy động trai tráng từ các chiềng, chạ cùng đánh giặc) Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi) GV mở rộng và nhấn mạnh: - Sự ra đời của nhà nước Văn Lang đã mở đầu thời kì dựng nước và giữ nước của người Việt; mở đầu cho nền văn minh sông Hồng. Chứng tỏ quốc gia cổ đại của người Việt được hình thành từ sớm, nước Việt Nam có lịch sử và truyền thống lâu đời. Đặt cơ sở cho sự phát triển cao hơn của nhà nước Âu Lạc (ở giai đoạn sau	
---	--

Ngày dạy:

Hoạt động 3: Tìm hiểu về nhà nước Âu Lạc.

a. Mục tiêu:

Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên lược đồ treo tường.

- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhiệm vụ 1: .Theo dõi đoạn video và hoàn thành nhiệm vụ sau: Nhà nước Âu Lạc ra đời trong hoàn cảnh nào? Nhiệm vụ 2: Quan sát hình ảnh, theo dõi vi deo về thành Cổ Loa và hoàn thành phiếu học tập 5W1H	<u>2. Sự ra đời nước Âu Lạc.</u> - Khoảng năm 208 TCN, nhà nước Âu Lạc ra đời, đứng đầu là An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa (Hà Nội). - Phạm vi không gian lãnh thổ được mở rộng hơn thời Văn Lang.

Thành Cổ Loa được xây dựng để làm gì?		- Tổ chức nhà nước: không có nhiều thay đổi so với Nhà nước Văn Lang nhưng quyền lực nhà vua được mở rộng hơn. - Có quân đội mạnh, vũ khí tốt, đặc biệt có thành Cổ Loa.
WHERE: Thành Cổ Loa được xây dựng ở đâu?		
WHEN: Thành Cổ Loa được xây dựng khi nào?		
WHO: Ai sống trong thành Cổ Loa?		
HOW: Thành Cổ Loa được xây dựng như thế nào?		
WHY: Tại sao thành Cổ Loa lại được gọi là 1 “ quân thành”?		
Nhiệm vụ 3: ?Dựa vào những tư liệu hiện vật từ thời Âu Lạc, em hình dung như thế nào về nhà nước Âu Lạc? ?Em có nhận xét gì về tổ chức nhà nước Âu Lạc so với Văn Lang ? Bước 2: Hs làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ 1 Hs làm việc nhóm tổ thực hiện nhiệm vụ 2 Hs làm việc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ 3 Bước 3: HS các nhóm trình bày và báo cáo kết quả. Dự kiến sản phẩm: *Nhà nước Âu Lạc ra đời trong hoàn cảnh:Năm 214 TCn, quân Tần đánh xuống vùng đất sinh sống của người Việt. Người Lạc Việt và Âu Việt chiến đấu chống quân Tần dưới sự chỉ huy của Thục Phán.Năm 208 TCN, tướng giặc là Đồ Thư bị giết chết.Sau KC chống Tần, Thục Phán tự xưng là An Dương Vương, lập ra nhà nước Âu Lạc Nhiệm vụ 2:		
WHAT: Thành Cổ Loa được xây dựng để làm gì?	Thành Cổ Loa được xây dựng là trung tâm của nước Âu Lạc và là phòng tuyến bảo vệ vững chắc	
WHERE: Thành Cổ Loa được xây dựng ở đâu?	Thành Cổ Loa được xây dựng ở Phong Khê (nay là Đông Anh, HN)	
WHEN: Thành Cổ Loa được xây dựng khi nào?	Sau khi lên ngôi và thành lập nước Âu Lạc (208 TCN), An Dương Vương cho xây dựng thành Cổ Loa	
WHO: Ai sống trong thành Cổ Loa?	Gia đình An Dương Vương và các Lạc hầu, Lạc tướng	
HOW: Thành Cổ Loa được xây dựng như thế nào?	Đắp bằng đất, gồm 3 vòng khép kín, chu vi khoảng 16.000m, cao từ 5-10m, cả ba vòng thành đều có hào nước bao quanh	

WHY: Tại sao thành Cổ Loa lại được gọi là 1 “quân thành”?	Là phòng tuyến bảo vệ vững chắc cho nhà nước Âu Lạc
---	---

Nhiệm vụ 3:

-Âu Lạc là một quốc gia có lực lượng quân đội, quốc phòng tổ chức khá chặt chẽ và tương đối hùng mạnh.

-Tổ chức bộ máy nhà nước Âu Lạc cơ bản không có gì khác với nhà nước Văn Lang nhưng chặt chẽ hơn, vua có nhiều quyền thế hơn.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; cho điểm sản phẩm; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi)

- GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi mở rộng

1.Nhà nước Âu Lạc đã kết thúc như thế nào?

? Truyền thuyết Nỏ thần để lại cho nhân dân ta bài học gì trong quá trình dựng nước và giữ nước hiện nay?

3. Hoạt động: Luyện tập

a. Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức bài học để thực hiện nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b. Tổ chức hoạt động:

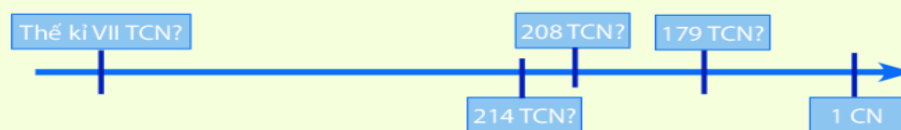
Nhiệm vụ 1: Hs tham gia trò chơi: Nhổ cà rốt

Nhiệm vụ 2:

1. Hoàn thành bảng thống kê các nội dung dưới đây về nhà nước Văn Lang và Âu Lạc:

Nội dung	Nước Văn Lang	Nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	?	?
Đứng đầu nhà nước	?	?
Kinh đô	?	?

2. Em hãy cho biết các mốc thời gian sau gắn với những sự kiện lịch sử quan trọng nào của thời kì Văn Lang, Âu Lạc?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Hs làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ 1

Hs thảo luận theo bàn thực hiện nhiệm vụ 2

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động : Vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: (Có thể giao về nhà học sinh hoàn thành)

Câu 1: Chỉ ra 3 đến 5 thành tựu tiêu biểu của thời đại Văn Lang - Âu Lạc. Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về thành tựu mà em thích nhất.

Câu 2: Dựa vào tranh ảnh sau và các thông tin em tìm hiểu được, hãy đóng vai một hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về khu di tích Đền Hùng hoặc khu di tích thành Cổ Loa.

Câu 3: Từ câu chuyện bọc trăm trứng trong truyền thuyết "Con Rồng cháu Tiên" em hiểu thế nào về hai chữ "đồng bào" và truyền thống "tương thân tương ái" của người Việt?

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ được giao

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: HS có thể lựa chọn theo suy nghĩ cá nhân (Gợi ý)

* Một số thành tựu văn hóa tiêu biểu thời đại Văn Lang - Âu Lạc:

- Hiện vật tiêu biểu cho văn minh Văn Lang - Âu Lạc là Trống đồng.
- Công trình tiêu biểu cho văn minh Văn Lang - Âu Lạc là thành Cổ Loa.
- Lưỡi cày đồng, ngành luyện kim đồng thau

* Giới thiệu về Trống Đồng:

Câu 2: (Tùy theo năng lực của từng HS, khuyến khích HS có khả năng hoặc Khá, Giỏi)

a. Giới thiệu khu di tích Đền Hùng:

- Khu Di tích lịch sử Đền Hùng thuộc thôn Cổ Tích - xã Hy Cương - thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ, là nơi thờ cúng các vua Hùng đã có công dựng nước, tổ tiên của dân tộc Việt Nam. Đền Hùng cách trung tâm thành phố Việt Trì 7km về phía Bắc, cách thủ đô Hà Nội 90km.

- Đền Hùng là di tích lịch sử văn hoá đặc biệt quan trọng của Việt Nam, được xây dựng trên núi Hùng - thuộc đất Phong Châu - vốn là đất kế đô của Nhà nước Văn Lang trước đây. Toàn bộ Khu di tích này có 4 đền, 1 chùa và 1 lăng hài hoà trong cảnh thiên nhiên, có địa thế cao rất ngoạn mục, hùng vĩ.

- Từ chân núi, du khách sẽ được chiêm ngưỡng lần lượt các di tích kiến trúc như: Cổng đền; Đền Hạ; Thiên quang thiền tự; Đền Trung (Hùng Vương Tổ miếu); Đền Thượng và Lăng Hùng Vương; Đền Giếng (tên chữ là Ngọc Tỉnh); Đền Tổ mẫu Âu Cơ; Bảo tàng Hùng Vương.

- Đền Hùng vừa là thắng cảnh đẹp, vừa là một di tích lịch sử - văn hóa đặc biệt quan trọng đối với người Việt Nam. Về với Đền Hùng là về với cội nguồn dân tộc, để tự hào về dòng giống tiên rồng đang chảy trong huyết mạch của mỗi người dân Việt Nam!

b. Giới thiệu khu di tích Thành Cổ Loa:

- Thành Cổ Loa là toà thành có niên đại cổ nhất ở Việt Nam được xây dựng từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên để làm Kinh đô nước Âu Lạc, nay thuộc huyện Đông Anh - Hà Nội.

- Nằm cách trung tâm thành phố Hà Nội chỉ 24km, thế nên di tích thành Cổ Loa là một trong những địa điểm du lịch được nhiều bạn trẻ lựa chọn làm điểm đến dịp cuối tuần. Muốn ghé thăm thành Cổ Loa, các bạn đi theo quốc lộ 1A cũ đến cây số 10 là cầu Đuống. Sau khi qua cầu sẽ tới thị trấn Yên Viên, rẽ trái vào quốc lộ 3, đi thêm 5km đến ngã rẽ vào Cổ Loa. Nhìn từ góc độ địa lý, vị trí của thành Cổ Loa có ý nghĩa rất lớn. Đây là nơi có hai dòng sông huyết mạch giao nước gần Cổ Loa, là đỉnh thứ hai của tam giác châu thổ sông Hồng.

- Thành Cổ Loa được xây dựng kiểu vòng ốc nên được gọi là Loa thành. Tương truyền rằng có 9 vòng thành xoáy tròn ốc, tuy nhiên đến hiện tại chỉ còn 3 vòng. Thành Nội chu vi 1600m, thành Ngoại chu vi 15km, hình dáng khúc khuỷu, bao gồm vô số những công trình kiến trúc độc đáo như Giếng Ngọc, tượng Cao Lỗ, am Mị Châu,....

- Thành Cổ Loa là toà thành cổ nhất và có quy mô, cấu trúc lớn nhất là cấu trúc cũng thuộc loại độc đáo nhất trong số những thành cổ ở nước ta. Là di tích kinh thành của đất nước Âu Lạc từ thế kỷ 3 TCN và nhà nước của vua Ngô Quyền thế kỷ X, hiện nay Cổ Loa đã được công nhận là một trong 21 khu du lịch Quốc gia. Trong khu di tích có các công trình như Đền Thượng, Giếng Ngọc, Đình Cổ Loa, đền thờ An Dương Vương,... mở cửa quanh năm để phục vụ khách du lịch và người tham quan.

Câu 3: Đồng bào: tức là cùng sinh ra từ một bào thai có ý nghĩa tất cả chúng ta, những người con đất Việt, đều mang chung một dòng máu, đều có chung cội nguồn của mình, đều là những người anh em ruột thịt một nhà. “Tương thân tương ái” nghĩa là mọi người cùng yêu thương, đùm bọc, sống hòa thuận, tình cảm với nhau bằng tình thương giữa con người với con người. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta cũng cố gắng giúp đỡ nhau, lá rách ít đùm lá rách nhiều mà không cần mong đợi sự đền đáp.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS, ghi điểm...

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 31+ 32

ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT THỜI KÌ VĂN LANG- ÂU LẠC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao .

- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được ý kiến, sản phẩm của nhóm, đánh giá các sản phẩm của các bạn trong nhóm hoặc của nhóm khác; có thái độ hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng các tư liệu, tranh ảnh, video để tìm hiểu về đời sống vật chất, tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

- Nhận thức tư duy lịch sử:

+ Mô tả được đời sống vật chất, tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

+ Trình bày được những đặc trưng kinh tế, văn hóa dân tộc đã được hình thành từ thời kì này.

- Vận dụng:

+ Giới thiệu về những phong tục tập quán tốt đẹp của cư dân Văn Lang, Âu Lạc hoặc giới thiệu về một lễ hội ở thời Văn Lang (lễ hội đền Hùng, lễ hội Thánh Gióng..)

+ Suu tầm, giới thiệu các phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội của dân tộc Việt Nam hoặc nơi em sống được kế thừa từ thời Văn Lang, Âu Lạc.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Bồi dưỡng lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tình yêu quê hương đất nước, lòng biết ơn các Vua Hùng, An Dương Vương...
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, giấy A0
- Một số hình ảnh minh họa hoặc video, lược đồ liên quan đến bài học.

2. Học sinh:

- Suu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, vấn đáp gợi mở, hợp tác, sử dụng phương tiện trực quan.
- Kỹ thuật: động não, think-pair-share, 321...

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động : Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo sự tò mò, ham học hỏi, giáo viên kết nối vào bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu tranh ảnh hoặc đoạn video về một số hoạt động của cư dân Văn Lang, HS trả lời câu hỏi:

Quan sát tranh và cho biết những cư dân trên đang thực hiện hoạt động gì? Em muốn biết thêm điều gì về đời sống của cư dân Văn Lang- Âu Lạc?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả:

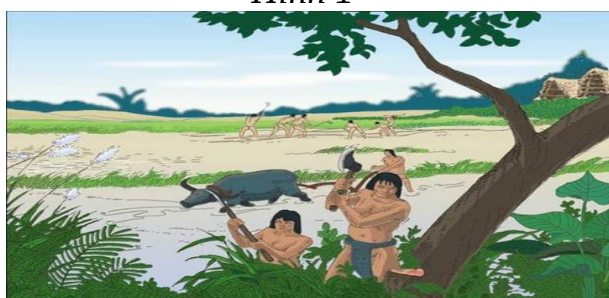
Dự kiến sản phẩm:



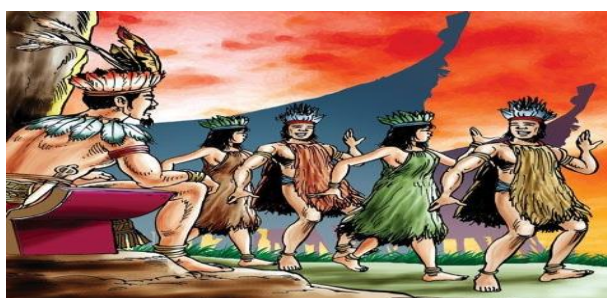
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- Hình 1: nấu bánh chưng, bánh giầy
- Hình 2: giã gạo
- Hình 3: Cày ruộng, khai hoang, chặt cây...
- Hình 4: tham gia lễ hội (múa...)

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài mới

2. Hoạt động : Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu về đời sống vật chất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc

a. Mục tiêu:

- Mô tả được đời sống vật chất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung ghi bảng										
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhiệm vụ 1: Trò chơi giải mã hiện vật Quan sát hình hoa văn trên mặt trống đồng Ngọc Lũ (h 15.1- 15.7), em hãy mô tả những họa tiết hoa văn trên trống đồng?Qua đó cho biết :những tư liệu đó phản ánh điều gì trong đời sống vật chất của cư dân Văn Lang- Âu Lạc? Nhóm 1: quan sát hình 15.1 và 15.2, 15.3 cho biết cư dân Văn Lang, Âu Lạc làm những nghề gì? Công cụ lao động chủ yếu của họ là gì? Nhóm 2: Quan sát họa tiết đầu tiên trên hình 15.1 (hai người giã gạo) và hình 15.5, cho biết thức ăn chủ yếu của cư dân Văn Lang là gì? Họ dùng muối đồng, thạp đồng để làm gì? Nhóm 3: Quan sát họa tiết hình 15.7, cho biết nơi ở cư dân Văn Lang Âu Lạc có đặc điểm gì? Nhóm 4: Quan sát hình 15.1 và hình 15.4, cho biết cư dân Văn Lang Âu Lạc mặc trang phục như thế nào?Họ đi lại bằng phương tiện gì? Nhiệm vụ 2: Dựa vào những thông tin khai thác được, em hãy hoàn thành bảng sau: <table><tr><td>Nghề sx chính</td><td>Ăn</td><td>Mặc</td><td>ở</td><td>Đi lại</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>	Nghề sx chính	Ăn	Mặc	ở	Đi lại						I. <u>Đời sống vật chất:</u> -Cư dân Văn Lang- Âu Lạc chủ yếu trồng lúa nước, sử dụng công cụ bằng đồng,ngoài ra còn chăn nuôi, đánh bắt cá.. -Nghề thủ công: đồ gốm, luyện kim -Thức ăn: cơm tẻ, cơm nếp, làm bánh chưng bánh giầy... -đi lại bằng thuyền, ở nhà sàn, cư trú ở ven sông, biển, sườn đồi... - Trang phục: nam đóng khố, nữ mặc váy ,áo xẻ giữa, có yếm che, cắt tóc ngắn hoặc búi tóc, tết đuôi sam... => <i>Đời sống vật chất của nhân dân ổn định, phong phú ít phụ thuộc vào thiên nhiên so với trước đó.</i>
Nghề sx chính	Ăn	Mặc	ở	Đi lại							

Hình 15.1	-họa tiết 1: hai người giã gạo-> ăn cơm gạo là chủ yếu-> nghề trồng lúa nước phát triển -Họa tiết 2+ 3: nhà ở : nhà sàn mái cong, mái vòm HỌa tiết 4: họ đóng khố, mặc váy, đội mũ lông chim và nhảy múa
Hình 15.2, 15.3	Các vật dụng bằng gốm-> nghề làm gốm phát triển -Thạp đồng-> dụng cụ gao-> nghề đúc đồng phát triển
H 15. 4	Muôi đồng: múc cơm, canh
15.5	Người chèo thuyền-> họ đi lại bằng thuyền
H 15.7	Nhà sàn mái cong: chim đậu trên mái nhà, bên trong có người đang vui đùa -> cuộc sống vui vẻ đầm ấm, gần gũi với thiên nhiên Nhà mái vòm, bên trong có cửa cải -> sung túc

Nhiệm vụ 2:

Ăn	- Thức ăn chính là cơm tẻ, cơm nếp với thịt, cá, cua, ốc, rau, dưa, cà..., biết dùng gia vị, làm bánh, nấu rượu,... - Trong bữa ăn có mâm, bát, muôi,...
Mặc	Nữ mặc váy, nam đóng khố, đi chân đất. Khi có lễ hội, nữ mặc áo và váy dài, nam mặc áo và quần dài, đầu chít khăn cài lông chim, đeo trang sức,...
Ở	Họ làm nhà sàn ở những vùng đất cao ven sông để tránh thú dữ. Nhà sàn có mái cong hình thuyền hay mái tròn hình mũi làm bằng gỗ, tre, nứa, lá,...
Đi lại	Người dân Văn Lang sống ven các dòng sông lớn, phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyền.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; cho điểm sản phẩm; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi chất vấn)

- GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý)

Câu 1: Vì sao người Văn Lang, Âu Lạc thường ở nhà sàn?

Câu 2: Theo em, những công cụ và hoạt động sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp nào ở thời Văn Lang, Âu Lạc còn được lưu giữ và phát triển đến ngày nay? (Ở gia đình em hiện nay có sử dụng những công cụ và hoạt động sản xuất trên không?)

Dự kiến sản phẩm : Câu 1: Người Lạc Việt thường sử dụng nhà sàn vì: cư dân làm nhà ở những vùng đất cao ven sông, ven biển hoặc trên sườn đồi. Họ làm nhà sàn để tránh thú dữ. Nhà có mái cong hình thuyền hoặc mái tròn hình mũi thuyền. Câu 2: - Những công cụ và hoạt động sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp nào ở thời Văn Lang, Âu Lạc còn được lưu giữ và phát triển đến ngày nay: + Công cụ lao động: cuốc, rìu, cày, lưỡi hái (liềm).... + Hoạt động sản xuất: trồng lúa, trồng hoa màu (rau, đậu, bầu bí...), chăn nuôi, đánh bắt cá; đúc đồng, thau, chậu, làm gốm, luyện kim.... - HS suy nghĩ trả lời theo ý kiến cá nhân (có, HS có thể kể 1 số ngành nghề hoặc công cụ lao động được gia đình sử dụng). GV giáo dục HS tình yêu lao động và quý trọng công sức của người lao động	
---	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu về đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

a. Mục tiêu:

- Mô tả được đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Thời Văn Lang, Âu Lạc người Việt có những tín ngưỡng gì? 2. Kể tên một số phong tục tập quán lâu đời của người Việt cổ mà em biết? Những phong tục đó được thể hiện qua những truyền thuyết nào? 3. Sau những ngày lao động mệt nhọc cư dân Văn Lang làm gì? 4. Em có nhận xét gì về đời sống tinh thần của người Việt cổ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs làm việc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ Bước 3 : Báo cáo- thảo luận Gv gọi hs trả lời câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Nhóm 1,2: Tư liệu lịch sử Hình 15.8, 15.9: + Chim bay theo thuyền Đông Sơn là hình ảnh dạt dào cảm xúc được khắc họa trên thạp đồng Đào Thịnh. Những hoạt động quan sát được: nhảy múa, chèo thuyền, giao long, chim bay, người đóng khố, váy, mũ lông chim,... làm bật lên những nét truyền thống và văn hoá lâu đời của người Việt cổ. Hình ảnh các loài chim	II. <u>Đời sống tinh thần:</u> - Tín ngưỡng: thờ cúng tổ tiên, các vị thần trong tự nhiên; biết chôn người chết cùng công cụ lao động. - Có các phong tục tập quán phong phú: ăn trầu cau, nhuộm răng đen... - Tổ chức các hoạt động lễ hội. => <i>Giản dị, chất phác, hòa hợp với thiên nhiên, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo nên tình cảm cộng đồng sâu sắc trong cư dân Văn Lang.</i>

thể hiện cho sự sùng bái thiên nhiên với quan niệm chim chính là tổ tiên của loài người. Ở phía đầu hoặc đuôi thuyền là những con chim hoặc thú bốn chân đang đứng. Xen giữa hai thuyền là những con vật khắc hoạ hình giao long.

+ Hình ảnh, hoa văn cho thấy sự hồn hậu, chất phác, hoà mình cùng thiên nhiên, thích ứng với tự nhiên một cách văn minh.

- Đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:

- Có tục thờ cúng tổ tiên, các vị thần tự nhiên như thần Sông, thần Núi, thần Mặt Trời; người chết được chôn trong thạp, bích, mộ thuyền... Mộ của những người giàu có thường chôn theo những công cụ và đồ trang sức quý giá.

- Họ thích tổ chức các lễ hội, vui chơi như: bơi, đua thuyền, nhảy múa...

- Họ có khiếu thẩm mỹ riêng như nhuộm răng đen, xăm mình vừa làm đẹp vừa tránh được thủy quái...

=> *Giản dị, chất phác, hòa hợp với thiên nhiên, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo nên tình cảm cộng đồng sâu sắc trong cư dân Văn Lang.*

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; cho điểm sản phẩm; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi chất vấn)

- GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, tranh luận, phản biện (gợi ý)

Câu 1: Kể tên 1 số truyện truyền thuyết hoặc lễ hội, phong tục của người Việt thời Văn Lang, Âu Lạc còn được lưu truyền đến ngày nay.

Câu 2: Là 1 học sinh, em sẽ làm gì để giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của cha ông ta thời Văn Lang, Âu Lạc.

Dự kiến sản phẩm:

GV nhấn mạnh Người Việt cổ đã xây dựng nên một nền văn minh đầu tiên, đó là nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc (còn gọi là văn minh sông Hồng). Nền văn minh này có cội nguồn lâu đời của một cư dân nông nghiệp trồng lúa nước ở vùng Bắc bộ và Bắc Trung bộ mang tính bản địa đậm nét, kết tinh trong đó bản lĩnh, truyền thống, cốt cách, lối sống và lễ sống của người Việt cổ: chung lưng đấu cật, đoàn kết gắn bó với nhau trong công cuộc lao động và đấu tranh, tình làng, nghĩa nước mặn nồng, tôn trọng người già và phụ nữ, biết ơn và tôn thờ tổ tiên, các anh hùng, nghĩa sĩ... Qua đó, thấy được những giá trị cốt lõi mà thời Văn Lang - Âu Lạc để lại. Đó là: Tổ quốc, thuật luyện kim, nông nghiệp trồng lúa

nước, phong tục tập quán riêng, bài học đầu tiên về công cuộc dựng nước. Chính những giá trị cốt lõi đó đã tạo dựng, hun đúc nên bản sắc, truyền thống, sức mạnh dân tộc, giúp dân tộc ta vượt qua được thử thách khắc nghiệt hơn 1 000 năm bị Bắc thuộc ở thời kì sau.

3. Hoạt động :Luyện tập :

a. Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: hs tham gia trò chơi nhổ cà rốt

Nhiệm vụ 2: Em hãy cho biết những công cụ lao động nào ở dưới bảng dưới đây tương ứng với các hoạt động trồng lúa nước được thể hiện trong hình 15.1?

	<i>Lưỡi cuốc</i>	<i>Liềm</i>	<i>Rìu</i>
<i>Hình công cụ</i>			
<i>Tên hoạt động</i>	?	?	?

Bước 2: HS hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Nhiệm vụ 2: Những công cụ lao động ở dưới bảng dưới đây tương ứng với các hoạt động trồng lúa nước được thể hiện trong hình 15.1

Hình công cụ	<i>Lưỡi cuốc</i> 	<i>Liềm</i> 	<i>Rìu</i> 
Tên hoạt động	Cuốc xới đất	Cắt lúa, cắt cỏ	Đẽ chặt cây

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động :Vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề trong tình huống thực tiễn.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu hỏi: Em hãy kể 1 truyền thuyết gắn liền với đời sống vật chất ,tinh thần của cư dân Văn Lang- Âu Lạc.

2. Những phong tục nào trong văn hóa Việt Nam hiện nay được kế thừa từ thời Văn Lang- Âu Lạc

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ được giao

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS, ghi điểm...

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI
16

TIẾT 33+ 34+ 35: CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI

PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA VIỆT NAM THỜI KÌ BẮC THUỘC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được một số chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế xã hội, văn hóa ở Việt Nam trong thời Bắc thuộc.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: Tích cực hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm
- Giải quyết vấn đề sáng tạo: phân tích, tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng các tư liệu, tranh ảnh, video để tìm hiểu về các chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Việt Nam thời Bắc thuộc.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng
- Nhận thức tư duy lịch sử:
 - + Nêu được một số chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.
 - + Nhận biết được một số chuyển biến cơ bản về kinh tế và xã hội của người Việt cổ dưới ách cai trị, đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.
- Vận dụng: HS biết cách vận dụng kiến thức viết suy luận ngắn của bản thân về 1 hậu quả từ chính sách cai trị phong kiến phương Bắc đối với nước ta trong thời Bắc thuộc.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Bồi dưỡng lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tình yêu quê hương đất nước, sẵn sàng góp sức xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Chăm chỉ: Tích cực tìm hiểu thông tin về những chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc...
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong học tập và làm việc.
- Nhân ái: sẵn sàng học tập, giúp đỡ các thành viên trong nhóm; biết đồng cảm chia sẻ với nỗi thống khổ của nhân dân dưới ách thống trị ngoại xâm, bước đầu nhận thức được giá trị của độc lập, tự chủ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, giấy A0
- Lược đồ phóng to các đơn vị hành chính nước ta thời thuộc Hán.
- Một số hình ảnh minh họa liên quan đến bài học

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, phát vấn, hợp tác, sử dụng phương tiện trực quan
- Kỹ thuật: phòng tranh, động não, khăn trải bàn, 321, mảnh ghép...

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động: Khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo sự tò mò, không khí hứng khởi cho HS bắt đầu một tiết học mới. Từ đó, giáo viên dẫn vào bài mới.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyên giao nhiệm vụ học tập

- hs tham gia trò chơi :Lật hình đoán tranh

Nhiệm vụ 1:



Hình 1



Hình 2



Hình 3

Câu 1: Vật dụng chính được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp thời Văn Lang – Âu Lạc?

Câu 2: “ món ăn” đặc biệt thường được sử dụng trong lễ gặp mặt, đám cưới, đám hỏi?

Câu 3: Đồ vật nổi tiếng, liên quan đến thần Kim Quy và An Dương Vương?



Nhiệm vụ 2: bức tranh này gợi cho em nhớ đến sự kiện nào? Sự kiện đó tác động ra sao đến lịch sử Việt Nam?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

GV dẫn vào bài mới: Như vậy, sau một thời gian ngắn xây dựng nhà nước Âu Lạc đến năm 179TCN nước Âu Lạc rơi vào tay Triệu Đà. Các triều đại phong kiến Trung Quốc thay nhau cai trị nước ta hơn 1000 năm, sử gọi là thời Bắc thuộc. Vậy, ở thời Bắc thuộc các triều đại phong kiến phương Bắc đã thực hiện những chính sách cai trị như thế nào đối với nhân dân ta? Và kinh tế, xã hội Việt Nam thời kì này có những chuyển biến như thế nào? Cô và các em sẽ cùng tìm hiểu bài 16.....

3. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới:

Nội dung 1: CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tổ chức bộ máy cai trị

a. Mục tiêu: Nêu được một số chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV-HS		Nội dung ghi bảng
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Quan sát hình 16.1 và 16.2 kết hợp khai thác thông tin sgk tr 81, em hãy hoàn thành bài tập sau:		<u>I. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc:</u> <u>a. Tổ chức bộ máy cai trị:</u> - Nhà Hán chia Âu Lạc thành 3 quận (Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam), gộp chung 6 quận của Trung Quốc thành Giao Châu - Năm 678, nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam Đô hộ phủ - Chính quyền từ cấp huyện trở lên đều do người Hán nắm giữ <u>b. Về kinh tế:</u> - Chiếm ruộng đất của nhân dân Âu Lạc - Áp đặt chính sách tô thuế ,lao dịch nặng nề, bắt nhân ta cống nạp nhiều loại vải vóc, hương liệu, sản vật quý như ngà voi, ngọc trai, voi, đồi mồi...
Yêu cầu	Trả lời	
1. thời kì thuộc Hán và thuộc Đường, tên gọi của nước ta là gì?		
2.Thời thuộc Hán và thuộc Đường nước ta có những đơn vị hành chính nào, ai là người đứng đầu?		
3.Cho biết những điểm chung trong cách tổ chức chính quyền cai trị?		
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo- thảo luận: Gv gọi cá nhân hs trả lời các câu hỏi Cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung Dự kiến sản phẩm		
Yêu cầu	Trả lời	

1.Tên gọi nước ta thời kì thuộc Hán và thuộc Đường? 2.Thời thuộc Hán và thuộc Đường nước ta có những đơn vị hành chính nào, ai là người đứng đầu? 3.Cho biết những điểm chung trong cách tổ chức chính quyền cai trị?	Câu 1+ 2: Tên gọi nước ta thời thuộc Hán : Giao Châu(do thứ sử người Hán đứng đầu) gồm các quận (do Thái Thú người Hán đứng đầu), quận chia thành các huyện do Huyện lệnh người Hán đứng đầu, thấp nhất là cấp làng- xã do Tù trưởng, hào trưởng người Việt đứng đầu *Thời thuộc Đường: An Nam đô hộ phủ (do Tiết độ sứ người Hán đứng đầu), gồm các Châu (do Thứ sử người Hán đứng đầu), dưới Châu là Huyện (Huyện lệnh người Hán đứng đầu), thấp nhất là cấp làng xã do Tù trưởng, hào trưởng người Việt đứng đầu	-Bắt các thợ thủ công giỏi - Nắm độc quyền về sắt và muối. => Chính sách vơ vét, bóc lột tàn bạo.
Bước 4: kết luận, nhận định Gv nhận xét, kết luận GV nêu câu hỏi mở rộng ?Nhà Hán gộp Âu Lạc với 6 quận của Trung Quốc thành Giao Châu nhằm mục đích gì? (nhằm thực hiện mưu đồ xóa sổ lâu đài tên nước ta, biến nước ta thành châu, quận của TQ) ? Tại sao ở cấp làng, xã người Hán không trực tiếp cai trị mà lại dùng người Việt? (Chính quyền đô hộ phương Bắc kiểm soát nước ta ngày càng chặt chẽ nhưng vẫn không khống chế được làng xã Việt) Hoạt động 2: a. Mục tiêu: Nêu được một số chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc. d. Tổ chức hoạt động: Bước 1; Giao nhiệm vụ: Quan sát h 16.3, em hãy mô tả những gì em thấy trong hình? Dựa vào h 16.3 và thông tin mục 2, em hãy lựa chọn những cụm từ để hoàn thành sơ đồ chính sách bóc lột về kinh tế đối với nhân dân ta của chính quyền phong kiến phương Bắc? +ruộng đất + bắt dân ta.....các sản vật quý + Nắmvề muối và sắt + tăng cường..... và..... nặng nề + bắt hàng ngàn..... ở Giao Châu đem về nước Bước 2: thực hiện nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn thực hiện nhiệm vụ Bước 3; báo cáo- thảo luận : Gv mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận Các nhóm khác lắng nghe và nhận xét		

Dự kiến sản phẩm	
Quan sát h 16.3, em hãy mô tả những gì em thấy trong hình?	- Những người dân phu đang kéo xe và đội các thùng chở hàng hóa công nạp - quan cai trị cưỡi ngựa đốc thúc dân phu chở hàng công nạp, hấn dùng roi để đánh vào những dân phu
Dựa vào h 16.3 và thông tin mục 2, em hãy lựa chọn những cụm từ để hoàn thành sơ đồ chính sách bóc lột về kinh tế đối với nhân dân ta của chính quyền phong kiến phương Bắc?	+ Sáp nhập Nước ta thành 1 quận của Trung Quốc + chiếm đoạt ruộng đất + bắt dân ta... công nạp các sản vật quý + Nắm độc quyền về muối và sắt + tăng cường chế độ thuế khóa và... lao dịch nặng nề + bắt hàng ngàn thợ thủ công giỏi ở Giao Châu đem về nước
Bước 4: kết luận- nhận định: Gv nhận xét, kết luận Gv đặt thêm 1 số câu hỏi mở rộng: 1. Quan sát 1 số hình ảnh và cho biết: chính quyền đô hộ bắt nhân dân ta công nạp những sản vật gì? 2. Tại sao chúng lại giữ độc quyền về muối và sắt? Dự kiến sản phẩm : 1. Sản vật công nạp gồm ngọc trai, ngà voi, sừng tê, trầm hương..., để khai thác được, nhân dân ta phải lên rừng, xuống biển, có khi phải bỏ mạng 2. Chúng giữ độc quyền muối và sắt vì + Muối là gia vị chính không thể thiếu hằng ngày-> thu lợi nhuận cao + Sắt là vật liệu chính để chế tạo công cụ lao động, vũ khí -> dễ dàng đàn áp nhân dân đấu tranh. Gv kết luận: Các chính sách vơ vét bóc lột kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc đã để lại những hậu quả vô cùng nặng nề cho nước ta: tài nguyên thiên nhiên dần cạn kiệt (những tài nguyên quý hiếm), những người thợ giỏi càng ít dần, ảnh hưởng đến lao động sản xuất của nhân dân, đời sống nhân dân ngày càng khổ cực trăm bề....	

Ngày dạy:

Nội dung 1: CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC (tiếp)

Hoạt động 3: Tìm hiểu chính sách đồng hóa

a. Mục tiêu: Nêu được một số chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.

d. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>								
Bước 1: Giao nhiệm vụ: 1/ Em hiểu thế nào là đồng hóa? 2. Em hãy nêu chính sách đồng hoá của các triều đại phương Bắc đối với nước ta? 3. Tại sao chính quyền phong kiến phương Bắc lại thực hiện chính sách đồng hóa với nhân dân ta? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs làm việc theo bàn thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo- thảo luận: Gv mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung Dự kiến sản phẩm <table border="1" data-bbox="164 925 1058 1697"> <thead> <tr> <th data-bbox="164 925 427 969">Nhiệm vụ</th><th data-bbox="427 925 1058 969">Sản phẩm</th></tr> <tr> <th data-bbox="164 969 427 1014">Đồng hóa</th><th data-bbox="427 969 1058 1014">Đồng nhất về văn hóa</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="164 1014 427 1529">Chính sách đồng hóa</td><td data-bbox="427 1014 1058 1529"> - Thực hiện chính sách đồng hóa dân tộc Việt như: đưa người Hán sang ở cùng với người Việt, bắt nhân dân ta phải theo phong tục, luật pháp của người Hán, tìm mọi cách xóa bỏ những phong tục tập quán lâu đời của người Việt... - Nho giáo, tư tưởng lễ giáo phong kiến Trung Quốc được truyền bá vào Việt Nam.... - Chữ Hán được du nhập nhằm phục vụ cho công cuộc đồng hoá. -> Chính sách thâm độc nhất. </td></tr> <tr> <td data-bbox="164 1529 427 1697">Mục đích</td><td data-bbox="427 1529 1058 1697">Xóa sổ nền văn hóa truyền thống của nhân dân ta, khiến dân ta quên mất tổ tiên nguồn cội, biến nhân dân ta thành người Hán, mất ý thức độc lập dân tộc</td></tr> </tbody> </table>	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Đồng hóa	Đồng nhất về văn hóa	Chính sách đồng hóa	- Thực hiện chính sách đồng hóa dân tộc Việt như: đưa người Hán sang ở cùng với người Việt, bắt nhân dân ta phải theo phong tục, luật pháp của người Hán, tìm mọi cách xóa bỏ những phong tục tập quán lâu đời của người Việt... - Nho giáo, tư tưởng lễ giáo phong kiến Trung Quốc được truyền bá vào Việt Nam.... - Chữ Hán được du nhập nhằm phục vụ cho công cuộc đồng hoá. -> Chính sách thâm độc nhất.	Mục đích	Xóa sổ nền văn hóa truyền thống của nhân dân ta, khiến dân ta quên mất tổ tiên nguồn cội, biến nhân dân ta thành người Hán, mất ý thức độc lập dân tộc	I. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc: a. Tổ chức bộ máy cai trị: b. Về kinh tế: c. Chính sách đồng hóa: - Đưa người Hán sang ở cùng với người Việt, bắt nhân dân ta phải theo phong tục, luật pháp của người Hán, tìm mọi cách xóa bỏ những phong tục tập quán lâu đời của người Việt... - Truyền bá Nho giáo, tư tưởng lễ giáo phong kiến Trung Quốc vào Việt Nam. - Chữ Hán được du nhập nhằm phục vụ cho công cuộc đồng hoá. => Chính sách thâm độc nhất.
Nhiệm vụ	Sản phẩm								
Đồng hóa	Đồng nhất về văn hóa								
Chính sách đồng hóa	- Thực hiện chính sách đồng hóa dân tộc Việt như: đưa người Hán sang ở cùng với người Việt, bắt nhân dân ta phải theo phong tục, luật pháp của người Hán, tìm mọi cách xóa bỏ những phong tục tập quán lâu đời của người Việt... - Nho giáo, tư tưởng lễ giáo phong kiến Trung Quốc được truyền bá vào Việt Nam.... - Chữ Hán được du nhập nhằm phục vụ cho công cuộc đồng hoá. -> Chính sách thâm độc nhất.								
Mục đích	Xóa sổ nền văn hóa truyền thống của nhân dân ta, khiến dân ta quên mất tổ tiên nguồn cội, biến nhân dân ta thành người Hán, mất ý thức độc lập dân tộc								
Bước 4: kết luận- nhận định: Gv nhận xét, kết luận Gv nêu câu hỏi nâng cao: Theo em, trong những chính sách về chính trị, kinh tế và văn hóa-xã hội, chính sách nào thâm độc nhất, vì sao? Chính sách đồng hóa là thâm độc nhất. Vì chúng muốn biến những người Việt trở thành những người Trung Quốc, làm mất đi bản sắc văn hóa của dân tộc ta. Đồng thời, muốn biến nước ta trở thành 1 phần lãnh thổ của Trung Quốc (ép buộc, bắt nhân dân ta phải chấp nhận ngôn ngữ, chữ viết, phong									

tục, tập quán của Trung Quốc và xóa bỏ những phong tục tập quán lâu đời của nước ta)

Câu 5: Chính sách đồng hóa là việc ép buộc, bắt một dân tộc khác phải chấp nhận ngôn ngữ, chữ viết, phong tục, tập quán của dân tộc mình.

NỘI DUNG 2: II. NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

Hoạt động 1: Những chuyển biến về kinh tế

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số chuyển biến cơ bản về kinh tế và xã hội của người Việt cổ dưới ách cai trị, đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV-HS		Nội dung ghi bảng
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Dựa vào thông tin sgk mục II,em hãy hoàn thành bài tập sau		II. Những chuyển biến kinh tế, văn hóa, xã hội: 1. Những chuyển biến về kinh tế: - Trồng lúa là nghề chính - Người dân đã biết đắp đê, làm thủy lợi. + chăn nuôi và trồng nhiều loại cây khác như cây ăn quả, hoa màu..... - Kỹ thuật đúc đồng thời Đồng Sơn tiếp tục được kế thừa và phát triển. Các nghề thủ công mới xuất hiện như làm giấy, làm thủy tinh...; - Hoạt động buôn bán trong và ngoài nước được đẩy mạnh. 2. Những chuyển biến về xã hội: - Một số quan lại, địa chủ người Hán đã bị Việt hóa. - Một bộ phận nông dân bị biến thành nô tì - Tầng lớp hào trưởng bản địa hình thành. - Mâu thuẫn giữa nhân dân Âu Lạc với chính quyền phong kiến phương Bắc ngày càng sâu sắc.
Lĩnh vực	Thành tựu	
Nông nghiệp		
Thủ công nghiệp		
Thương nghiệp		
Nêu nhận xét chung về tình hình kinh tế nước ta thời Bắc thuộc?		
Bước 2:thực hiện nhiệm vụ: Hs làm việc theo nhóm thực hiện nhiệm vụ		
Bước 3: báo cáo- thảo luận: Gv gọi đại diện 1 nhóm trả lời Cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung		
Dự kiến sản phẩm:		
Yêu cầu	Sản phẩm	
Những chuyển biến về kinh tế	-Trồng lúa vẫn là nghề chính , trồng cây ăn quả, hoa màu, dâu và chăn nuôi. - Người dân đã biết đắp đê, làm thủy lợi. - Kỹ thuật đúc đồng thời Đồng Sơn tiếp tục được kế thừa và phát triển. Các nghề thủ công mới xuất hiện như làm giấy, làm thủy tinh...; - Một số đường giao thông thủy, bộ được hình thành; hoạt động buôn bán trong và ngoài nước được đẩy	

	manh. Các thương nhân Trung Quốc, Gia-va, Ấn Độ đến trao đổi, buôn bán. Chính quyền đô hộ nắm độc quyền về ngoại thương.	
Bước 4: Kết luận- nhận định Gv đánh giá, kết luận Việc đồ đồng Đông Sơn vẫn phát triển ở nhiều nơi trên đất nước ta vào thời Bắc thuộc có ý nghĩa như thế nào? (Dù bị phong kiến phương Bắc tìm cách phá hoại, nhưng các hiện vật này chứng tỏ sức sống bền bỉ của nền văn hoá Đông Sơn vẫn được duy trì và phát triển, minh chứng cho cuộc đấu tranh bảo vệ nền văn hoá của dân tộc ta.		

Ngày dạy:

NỘI DUNG 2: II. NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

Hoạt động 2: Những chuyển biến về xã hội

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số chuyển biến cơ bản về xã hội của người Việt cổ dưới ách cai trị, đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>		<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Quan sát h16.6, Em hãy mô tả và nhận xét những chuyển biến quan trọng nhất về xã hội? 2. Theo em, tầng lớp nào sẽ đứng lên lãnh đạo nhân dân lật đổ ách đô hộ? Vì sao? Bước 2: thực hiện nhiệm vụ: Hs làm việc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ Bước 3: báo cáo- thảo luận: Gv gọi đại diện 1 nhóm trả lời Cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung Dự kiến sản phẩm:		<u>II. Những chuyển biến kinh tế, văn hóa, xã hội:</u> <u>1. Những chuyển biến về kinh tế:</u> <u>2. Những chuyển biến về xã hội:</u> - Một số quan lại, địa chủ người Hán đã bị Việt hóa. - Một bộ phận nông dân bị biến thành nô tì - Tầng lớp hào trưởng bản địa hình thành. - Mâu thuẫn giữa nhân dân Âu Lạc với chính quyền phong kiến phương Bắc ngày càng sâu sắc.
Những chuyển biến về xã hội	- Các thành phần trong xã hội thay đổi căn bản so với thời Văn Lang, Âu Lạc. Một số quan lại, địa chủ người Hán đã bị Việt hóa. Tầng lớp trên như Lạc tướng, Lạc hầu và hào trưởng người Việt có thể lực về kinh tế nhưng bị chính quyền đô hộ chèn ép. - Nhiều nông dân công xã bị phá sản trở thành nông dân lệ thuộc hoặc nô tì.	

	- Mâu thuẫn giữa nhân dân Âu Lạc với chính quyền phong kiến phương Bắc ngày càng sâu sắc.
Tầng lớp sẽ đứng lên lãnh đạo nhân dân đấu tranh	Tầng lớp hào trưởng người Việt sẽ đứng lên lãnh đạo nhân dân lật đổ ách đô hộ vì đây là tầng lớp có uy tín và vị thế trong xã hội.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kỹ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi)

GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để HS trao đổi (gợi ý)

Nếu em là người dân Văn Lang, Âu Lạc sống trong thời Bắc thuộc, em có đứng dậy đấu tranh chống lại chính quyền phong kiến phương Bắc không? Vì sao? (Có thể hỏi hoặc để tiết sau)

Dự kiến sản phẩm:

Câu 4: (HS trả lời và giải thích theo suy nghĩ của bản thân.. nhưng cần hướng đến những suy nghĩ tích cực, thể hiện tinh thần yêu nước, căm thù chính quyền đô hộ phong kiến phương Bắc).

- GV có thể mở rộng nhận thức cho HS: Việc tìm thấy đồ gốm ở Luy Lâu cùng với khuôn đúc trống đồng, đồ tùy táng tại đây đã cho thấy, dù bị áp bức, bóc lột nhưng đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Việt cổ vẫn phát triển và đạt được không ít thành tựu nổi bật.
- GV giảng giải thêm những chuyển biến về xã hội và nhấn mạnh Từ khi bị Triệu Đà xâm lược, người Việt từ thân phận làm chủ đất nước thành nô lệ của ngoại bang, mâu thuẫn chủ yếu và bao trùm xã hội lúc bấy giờ là mâu thuẫn giữa nhân dân Âu Lạc với chính quyền phương Bắc. Đó là nguyên nhân làm bùng nổ các cuộc đấu tranh giành độc lập liên tục trong suốt thời kì Bắc thuộc.

3. Hoạt động :Luyện tập:

a. Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức bài học để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo. (có thể chọn 1 trong 2 câu hỏi)

Câu 1: Vẽ sơ đồ tư duy về các chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta trong thời Bắc thuộc theo gợi ý:



Câu 2: Em hãy xác định những chuyển biến sau về kinh tế, xã hội, văn hóa của nước ta trong thời kì Bắc thuộc theo bảng sau:

Lĩnh vực	Chính trị	Kinh tế	Văn hóa
Chuyển biến			

Bước 2: HS hoạt động cá nhân và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1.



Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động :Vận dụng:

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề đặt ra trong tình huống thực tiễn

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

Câu 1: Hãy cho biết những phương thức canh tác, nghề thủ công nào trong thời kì Bắc thuộc vẫn được duy trì và phát triển cho đến ngày nay ở địa phương em (hoặc nước ta ngày nay)

Câu 2: Em hãy hoàn thành bảng dưới đây để rút ra những hậu quả từ chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta?

3. Em hãy hoàn thành bảng dưới đây để rút ra những hậu quả từ chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta.

Lĩnh vực	Thông tin chính sách	Suy luận về hậu quả
Chính trị	Sáp nhập nước ta thành các châu, quận của Trung Quốc, áp dụng luật pháp hà khắc,...	Âm mưu xoá bỏ quốc gia – dân tộc Việt, biến nước ta thành châu, quận của Trung Quốc.
Kinh tế	Chiếm đoạt ruộng đất, lập đồn điền, áp trại.	?
	Bắt dân ta cống nạp sản vật quý; thuế khoá nặng nề; giữ độc quyền sắt và muối	
Xã hội	Cai trị hà khắc, đưa người Hán sang nước ta sinh sống,...	?
Văn hoá	Truyền bá Nho giáo, bắt dân ta thay đổi phong tục, luật pháp theo người Hán, xoá bỏ những tập quán của người Việt,...	?

Bước 2: HS thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm: (gợi ý)

Câu 1: Những cách thức canh tác, nghề thủ công nào trong thời Bắc thuộc vẫn được duy trì, phát triển cho đến ngày nay (địa phương em):

- Hình thức canh tác: công cụ sản xuất làm bằng sắt, dùng trâu bò làm sức kéo, kĩ thuật chiết cành, dùng côn trùng để bắt côn trùng...
- Nghề thủ công: nghề làm gốm, làm mộc, làm thủy tinh, làm mật, làm đường, làm giấy...

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI
17

TIẾT 36, 37, 38: ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC THỜI BẮC THUỘC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của nhân dân Việt Nam trong thời Bắc thuộc

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự giác, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin; chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao trong thảo luận nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: biết thực hiện các thao tác tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp kiến thức

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được những thông tin, hiện vật, tranh ảnh có trong bài.

- Nhận thức và tư duy lịch sử: Giới thiệu được những nét chính về cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc của người Việt.

- Vận dụng:

+ Đánh giá được vai trò của tiếng Việt và các phong tục tập quán trong bảo tồn văn hoá Việt cả ở quá khứ và hiện tại..

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: tự hào về nền văn hóa của dân tộc

- Trách nhiệm: Có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá của dân tộc..

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, giấy A0

- Một số hình ảnh minh họa liên quan đến bài học

-Video (nếu có)

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học

- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP

- Phương pháp: nêu vấn đề, vấn đáp, hợp tác

- Kỹ thuật: phòng tranh, động não, 321, Think-pair-share....

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động : Khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo không khí hứng khởi để HS bắt đầu một tiết học mới. Từ đó, giáo viên dẫn vào bài mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu 4 hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát và trả lời các câu hỏi, hoạt động cá nhân, thời gian 2 phút.

Câu 1: Cho biết đây là những phong tục tập quán nào của người Việt?

Câu 2: Theo em, trong hơn 1000 năm Bắc thuộc, người Việt có giữ được những phong tục tập quán này không?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

Câu 1: Những phong tục tập quán của người Việt: Hình 1: ăn trầu; Hình 2: làm bánh chưng; Hình 3: thờ cúng tổ tiên; Hình 4: nhuộm răng đen.

Câu 2: (HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân, có thể có những ý kiến trái chiều, GV dựa vào đó để đặt vấn đề và dẫn vào bài mới). Gợi ý:

- Theo em, trong hơn 1000 năm Bắc thuộc, người Việt vẫn giữ được những phong tục tập quán này.

GV dẫn vào bài mới: Những hình ảnh trên là 1 số phong tục tập quán của người Việt như ăn trầu, nhuộm răng đen, thờ cúng tổ tiên, làm bánh chưng...những nét đẹp văn hoá này trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc vẫn được nhân dân ta giữ gìn và phát huy. Vậy, người Việt đã làm gì để bảo vệ những giá trị văn hoá truyền thống của mình trước âm mưu “đồng hoá” của phương Bắc. Điều gì đã tạo nên sự kì diệu đó? Cô và các em sẽ cùng tìm hiểu bài 17.....

2. Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu

a. Mục tiêu: Trình bày được cuộc đấu tranh nhằm bảo tồn văn hóa dân tộc

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV-HS		Nội dung ghi bảng
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát H17.1; H17.2; H17.3 và 1 số tranh ảnh liên quan, đọc tư liệu SGK, hoàn thành nội dung PHT số 1		I. Đấu tranh bảo tồn văn hóa dân tộc. - Người Việt Nam luôn có ý thức giữ gìn nền văn hóa bản địa của mình như: + Tiếng Việt vẫn được người dân truyền dạy cho con cháu... + Những tín ngưỡng, phong tục tập quán tiếp tục được duy trì như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên, xăm mình, làm bánh chưng bánh giầy... vẫn được duy trì. => Chính sách đồng hoá bị
	Yêu cầu	
	Sản phẩm	
Câu 1: Những biểu hiện nào cho thấy chính sách đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta đã thất bại?		
Câu 2: Đọc đoạn tư liệu và quan sát H17.3 cho biết: Phong tục ăn trầu có từ thời kì nào trong lịch sử Việt Nam? Thường được sử dụng trong dịp nào? Hiện nay phong tục này còn được duy trì không?		

Câu 3: Những nét văn hoá có từ thời Văn Lang-Âu Lạc vẫn được duy trì trong thời kì Bắc thuộc chứng tỏ điều gì?		thất bại.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập		
- HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành sản phẩm vào PHT số 1		
- Think: HS làm việc cá nhân, thời gian 2 phút		
- Pair: Sau đó, HS trao đổi cặp đôi (bạn bên cạnh), thời gian 3 phút		
- Share: HS được mời chia sẻ, GV gọi ngẫu nhiên theo STT, HS nêu ý kiến không trùng lặp với ý kiến của HS khác, thời gian 2 phút		
Bước 3. HS trình bày sản phẩm, báo cáo kết quả hoạt động.		
Dự kiến sản phẩm:		
Yêu cầu	Sản phẩm	
Câu 1: Những biểu hiện nào cho thấy chính sách đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta đã thất bại?	- Người Việt vẫn nghe - nói, truyền lại cho con cháu tiếng mẹ đẻ. - Những tín ngưỡng truyền thống như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên tiếp tục được duy trì. - Phong tục, tập quán Việt vẫn được giữ gìn như tục nhuộm răng, ăn trầu, búi tóc, xăm mình, làm bánh chưng, bánh giầy	
Câu 2: Đọc đoạn từ liệu và quan sát H17.3 cho biết: Phong tục ăn trầu có từ thời kì nào trong lịch sử Việt Nam? Thường được sử dụng trong dịp nào?	- Phong tục ăn trầu theo ghi chép của Lê Quý Đôn (từ liệu 17.3) vào năm 304 thuộc thế kỉ IV trong lịch sử Việt Nam. (Văn Lang, Âu Lạc) - Thường được sử dụng khi có khách đến nhà chơi hoặc trong lễ hỏi, cưới của người Việt....	

Câu 3: Những nét văn hoá có từ thời Văn Lang-Âu Lạc vẫn được duy trì trong thời kì Bắc thuộc chứng tỏ điều gì?	Mặc dù bị phong kiến phương Bắc tìm mọi cách để thủ tiêu văn hoá của người Việt nhưng nhân dân ta vẫn luôn có ý thức giữ gìn nền văn hoá bản địa của mình. Nhiều phong tục tập quán của người Việt cổ vẫn được duy trì chứng tỏ người Việt đã đấu tranh chống lại chính sách đồng hoá của phương Bắc và chính sách này đã bị thất bại.
---	--

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi)

- **GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý)**

Câu 1: Theo em, việc nhân dân ta truyền dạy tiếng Việt cho con cháu, nghe và nói hoàn toàn bằng tiếng mẹ đẻ chứng tỏ điều gì?

Câu 2: Ngày nay, có 1 số bạn học sinh khi giao tiếp thường “pha” tiếng nước ngoài. Em có suy nghĩ gì về điều này? Từ đó, em rút ra bài học gì?

Câu 3: Những phong tục, tập quán, tín ngưỡng nào của người Việt vẫn còn duy trì đến ngày nay?

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

Câu 1: Việc nhân dân ta truyền dạy tiếng Việt cho con cháu, nghe và nói hoàn toàn bằng tiếng mẹ đẻ chứng tỏ:

- Tiếng Việt có vai trò rất quan trọng trong đời sống, tâm hồn, tư duy của người Việt.

- Khẳng định sức sống mạnh mẽ, lâu bền của tiếng Việt trước những chính sách đồng hoá thâm độc của phương Bắc. Người Việt vẫn luôn có ý thức giữ gìn và phát huy tiếng Việt trong mọi hoàn cảnh dù khó khăn....

Câu 2: Tuy việc sử dụng tiếng lóng cũng có tác dụng nhất định đối với giới trẻ như: khả năng truyền đạt thông tin nhanh, tiết kiệm thời gian (chủ yếu dùng ký hiệu, viết tắt), có những yếu tố sáng tạo... làm cho hoạt động giao tiếp cũng phong phú hơn nhưng việc lạm dụng sử dụng quá đà sẽ đánh mất đi bản sắc dân tộc, mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Vì vậy, trong quá trình giao tiếp chúng ta nên sử dụng tiếng Việt để giúp thông tin truyền đạt được chính xác nhất, dễ nghe, dễ hiểu và góp phần làm cho tiếng Việt ngày càng giàu và đẹp.....

Câu 3: Những phong tục, tập quán, tín ngưỡng nào của người Việt vẫn còn duy trì đến ngày nay như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên, ăn trầu, làm bánh chưng bánh giầy, tổ chức lễ hội, chôn người chết.....

GV mở rộng kiến thức:

- Ăn trầu: là phong tục tương truyền có từ thời Hùng Vương. Trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, đến nay phong tục này vẫn được duy trì và bảo tồn. Trong văn hoá giao tiếp truyền thống của người Việt, miếng trầu như một thông điệp về lòng hiếu khách, một “triết lí siêu ngôn ngữ” để diễn tả tình cảm của con người dành cho nhau. Miếng trầu vì vậy đã đi vào tâm thức người dân Việt với ý nghĩa rất quan trọng như “miếng trầu là đầu câu chuyện” hay đi vào ca dao, thơ ca với nhiều tác phẩm nổi tiếng, như bài thơ Mời trầu của nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương:

“Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi
 Đây của Xuân Hương mới quệt rồi
 Có phải duyên nhau thì thăm lại
 Đứng xanh như lá, bạc như vôi”.

- Xăm mình: là phong tục có từ thời dựng nước. Người Việt cổ sống nhiều trong môi trường sông nước nên tin rằng việc xăm mình sẽ không bị thủy quái làm hại. Tục này tồn tại đến đời vua Trần Anh Tông cuối thế kỉ XIII mới bỏ.

- Mặc váy và yếm: là một nét riêng trong trang phục truyền thống của người phụ nữ Việt. Các chính quyền đô hộ phương Bắc dùng mọi cách bắt người Việt phải theo cách ăn mặc như người Hán nhưng không thành. Người Việt rất tự hào với cái váy mang đậm yếu tố văn hoá bản địa của mình trong so sánh với văn hoá Trung Quốc:

“Cái trống mà thùng hai đầu
 Bên ta thời có, bên Tàu thì không”

Ngày dạy:**Hoạt động 2: Tìm hiểu về sự phát triển văn hóa dân tộc.**

a. Mục tiêu: Nhận biết được sự phát triển của văn hoá dân tộc trong hơn 1000 năm Bắc thuộc.

d. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>		<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Hoàn thành các yêu cầu sau:		<u>II. Phát triển văn hóa dân tộc:</u> Chính quyền đô hộ thi hành chính sách đồng hóa dân tộc ta, nhưng người Việt vẫn ý thức giữ gìn nền văn hoá của dân tộc + Sử dụng Tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ) + Tiếp tục duy trì các tín ngưỡng truyền thống.
<u>Yêu cầu</u>	<u>Sản phẩm</u>	
Câu 1: Trong thời kì Bắc thuộc, nhân dân ta đã làm gì để phát triển văn hóa dân tộc?		

Câu 2: Quan sát H17.4 và mục Em có biết trả lời câu hỏi: Truyền thuyết chùa Dâu cho thấy người Việt đã tiếp thu văn hóa bên ngoài như thế nào để phát triển văn hóa dân tộc?		+ Bảo tồn các phong tục tập quán. => Tiếp thu sáng tạo, có kế thừa và phát triển.
Bước 2: HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV		
Bước 3: HS các nhóm trình bày và báo cáo kết quả (Hs treo sản phẩm lên bảng và xung quanh lớp học)		
Dự kiến sản phẩm:		
Yêu cầu	Sản phẩm	
Câu 1: Trong thời kì Bắc thuộc, nhân dân ta đã làm gì để phát triển văn hóa dân tộc?	- Nhân dân ta đã vừa bảo tồn văn hoá truyền thống vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo những giá trị văn hoá bên ngoài để phát triển nền văn hoá dân tộc trong hơn ngàn năm Bắc thuộc: + Phật giáo, đạo giáo du nhập vào nước ta hòa quyện với tín ngưỡng dân gian. + Chủ động tiếp thu chữ Hán nhưng vẫn sử dụng tiếng Việt, dùng âm Việt để đọc chữ Hán, vì vậy, vốn từ Hán - Việt ngày càng phong phú, đa dạng. + Người Việt đã tiếp thụ một số kĩ thuật tiến bộ của Trung Quốc như làm giấy, dệt lụa, kĩ thuật bón phân bắc trong trồng trọt,... Một số sản phẩm thủ công thời kì này thể hiện khá rõ dấu ấn của sự giao lưu với văn hoá Trung Quốc.	
Câu 2: Quan sát H17.4 và mục Em có biết trả lời câu hỏi: Truyền thuyết chùa Dâu cho thấy người Việt đã	Việt Nam tiếp thu Phật giáo từ hai con đường: đầu tiên trực tiếp từ Ấn Độ sang và sau này là từ Trung Quốc sang, nhưng vẫn có điểm sáng tạo riêng. Truyền thuyết chùa Dâu giải thích tín ngưỡng thờ Tứ Pháp của người Việt. Tứ Pháp gồm Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi	

tiếp thu văn hóa bên ngoài như thế nào để phát triển văn hóa dân tộc?	và Pháp Điện, nghĩa là 4 vị thần: mây, mưa, sấm, chớp. Đó là những vị thần bảo vệ mùa màng và phù hộ cho nông dân. => <i>Tiếp thu có chọn lọc, sáng tạo, kế thừa và phát triển.</i>
---	--

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi)

- GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý)

Câu 1: Trong số những yếu tố văn hoá Trung Hoa được nhân dân ta tiếp thu có chọn lọc, em ấn tượng với yếu tố văn hoá nào? Vì sao?

Câu 2: Nêu những ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo hay những kĩ thuật tiếp thu được từ Trung Quốc còn duy trì đến ngày nay.

Câu 3: Theo em, cần làm gì để giữ gìn và phát triển nền văn hoá của dân tộc?

Dự kiến sản phẩm: (gợi ý)

Những ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo hay những kĩ thuật tiếp thu được từ Trung Quốc còn duy trì đến ngày nay:

- Tư tưởng Nho giáo được xem là hệ tư tưởng có ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài đến xã hội Việt Nam là nền tảng đạo đức giáo dục con người, đóng góp to lớn vào việc tổ chức nhà nước, duy trì trật tự xã hội, phát triển kinh tế, sáng tác văn học trong các triều đại quân chủ như Nhà Lý, Trần, Lê..... Nho giáo từng bước định hình lối sống, sinh hoạt, đạo đức, đời nhân xử thế trong xã hội Việt Nam. Một số tư tưởng của Nho giáo vẫn đóng vai trò trong trật tự xã hội Việt Nam tới ngày nay: tư tưởng phụ quyền, gia trưởng, một số quy tắc lễ nghĩa như mối quan hệ giữa ông bà-cha mẹ- con cái- vợ chồng....

- Một số phát minh về kĩ thuật như làm giấy, chế tạo đồ thuỷ tinh, la bàn....được nhân ta chế tạo và sử dụng rộng rãi hiện nay.... (HS có thể kể tên 1 số đồ dùng được làm từ giấy, thuỷ tinh...)

GV nhấn mạnh:

- Nho giáo do Khổng Tử sáng lập và được du nhập vào nước ta từ thời thuộc Hán. Sĩ Nhiếp, Tích Quang, Nhâm Diên là những Thái thú đã có nhiều nỗ lực truyền bá Nho giáo vào Việt Nam.

Những tư tưởng chủ yếu của Nho giáo về đạo vua - tôi, cha - con, chồng - vợ và việc nhấn mạnh các phạm trù đạo đức như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín đã được các triều đại phong kiến phương Bắc sử dụng làm công cụ tinh thần để cai trị nhân dân ta. - Phong tục lễ tết ở Việt Nam mặc dù được tiếp thu từ Trung Hoa như tết Nguyên Đán, Trung Thu, tết Đoan Ngọ ...nhưng khi vào Việt Nam đã được “bản địa hoá”. Ví dụ: Tết Hàn thực sang Việt Nam trở thành tết Bánh trôi, bánh chay, tết Đoan ngo trở thành ngày tết “giết sâu bọ”, tết Trung thu của người Việt Nam dành cho thiếu nhi trong khi ở Trung Quốc dành cho sum họp gia đình,...	
---	--

3. Hoạt động :Luyện tập:

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa và hoàn thiện về nội dung kiến thức đã được tìm hiểu ở hoạt động hình thành kiến thức mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cặp đôi hoặc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1: Theo em, tại sao khoảng thời gian từ năm 179 TCN đến năm 938 được gọi là thời Bắc thuộc?

Câu 2: Quan sát tư liệu 17.5, em hãy cho biết việc khay gốm Lạch Trường tranh trí hoa văn Đông Sơn kết hợp bởi nghệ thuật tạo hình Trung Quốc thể hiện điều gì?

Bước 2: HS hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Khoảng thời gian từ năm 179 TCN đến năm 938 được gọi là thời Bắc thuộc vì đây là khoảng thời gian Việt Nam bị cai trị bởi các triều đại của phong kiến Trung Quốc, nghĩa là thuộc địa của Trung Quốc.

Câu 2: Quan sát tư liệu 17.5, việc khay gốm Lạch Trường trang trí hoa văn Đông Sơn kết hợp bởi nghệ thuật tạo hình Trung Quốc thể hiện sự tiếp thu có chọn lọc văn hóa Trung Quốc để phát triển văn hóa Việt của người dân trong thời kì Bắc thuộc (Khay gốm Lạch Trường, Thanh Hoá được làm bằng chất liệu đất sét mịn màu nâu trắng. Sự giao thoa văn hoá Hán - Việt được thể hiện qua hoa văn trang trí trên khay gốm: ở giữa khay gốm được trang trí hình ảnh ba con cá chụm đầu vào nhau theo điển tích “Tam ngư châu nguyệt” là chủ đề quen thuộc trong nghệ thuật tạo hình Trung Quốc. Viên ngoài khay được trang trí hoa văn đường tròn tiếp tuyến mang đậm dấu ấn văn hoá Đông Sơn càng tạo cho chiếc khay gốm thêm sinh động.)

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi, HS suy nghĩ và hoàn thành theo yêu cầu của GV.

Câu 1: Giới thiệu về 1 phong tục của người Việt trong thời kì Bắc thuộc vẫn được duy trì đến ngày nay.

Câu 2: Hãy vẽ lại 1 phong tục, tập quán, tín ngưỡng.... trong thời kì Bắc thuộc vẫn được duy trì đến ngày nay mà em ấn tượng nhất

Bước 2: HS thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

Câu 1: (HS có thể lựa chọn 1 trong những phong tục như làm bánh chưng bánh giầy, thờ cúng tổ tiên, ăn trầu...)

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT 36+ 37+ 38: BÀI 17: ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC THỜI BẮC THUỘC

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ, yêu cầu cần đạt

Thông qua bài học, HS cần

- giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của nhân dân Việt Nam trong thời Bắc thuộc.

2. Năng lực

* Năng lực chung:

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học : vận dụng kiến thức bài học để hiểu và lí giải 1 số phong tục tập quán của nhân dân ta ngày nay

*Năng lực lịch sử: Giới thiệu được những nét chính những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc.

3. Phẩm chất

- Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.
- Yêu nước, sẵn sàng góp sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh :

- SHS Lịch sử và Địa lí 6.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. PHƯƠNG PHÁP :

-hợp tác, sử dụng phương tiện trực quan

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG : KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh , GV giới thiệu vào bài mới

b. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS chơi trò chơi Giải mã ô chữ:

Câu 1 (7 chữ cái): Truyền thuyết giải thích về một phong tục có nội dung ca ngợi tình nghĩa vợ chồng, tình cảm anh em.

Câu 2 (7 chữ cái): Tập tục được người Việt cổ sử dụng để làm đẹp và tránh bị thủy quái làm hại.

Câu 3 (9 chữ cái): Tín ngưỡng truyền thống của người Việt để tưởng nhớ về cội nguồn.

Câu 4 (9 chữ cái): Người Việt xem đây là cách làm đẹp và bảo vệ răng.

Câu 5 (7 chữ cái): Nghề rèn đúc kim loại nổi tiếng của người Việt cổ.

Câu 6 (13 chữ cái): Tầng lớp đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc trong thời Bắc thuộc.

Câu 7 (7 chữ cái): Yếu tố này được coi là một tế bào của xã hội.

Câu 8 (8 chữ cái): Tên vị hoàng tử làm bánh chưng, bánh giầy để dâng lên vua Hùng.

Câu 9 (6 chữ cái): Một phong tục phổ biến của người Việt cổ, ngày nay vẫn xuất hiện trong lễ cưới hỏi.



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

- GV đặt vấn đề:

+ Từ khóa Tiếng Việt mà chúng ta vừa giải đáp trong phần Giải mã ô chữ, sau giờ học các em sẽ quay lại để tiếp tục bình luận.

+ Suốt hơn một ngàn năm Bắc thuộc, các chính quyền phong kiến phương Bắc đã thi hành chính sách đồng hoá nhằm thủ tiêu quốc gia, dân tộc Việt. Người Việt đã làm gì để chống đồng hoá, bảo tồn và phát triển những giá trị văn hoá hình thành từ thời dựng nước ?

2. HOẠT ĐỘNG : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đấu tranh bảo tồn văn hóa dân tộc

a. Mục tiêu: giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của nhân dân Việt Nam trong thời Bắc thuộc

b. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG KIẾN THỨC
Bước 1: GV chuyển giao NV học tập Nhiệm vụ 1. Những biểu hiện nào cho thấy chính sách đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta đã thất bại? + Phong tục tập quán? Tiếng nói, ngôn ngữ? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - hs thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. Nhiệm vụ 2:	1. Đấu tranh bảo tồn văn hóa dân tộc -Chính quyền đô hộ thi hành chính sách đồng hóa dân tộc ta, nhưng người Việt vẫn ý thức giữ gìn nền văn hoá của dân tộc: + Sử dụng Tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ) + Tiếp tục duy trì các tín ngưỡng truyền thống. + Bảo tồn các phong tục tập quán truyền thống.

Tham khảo đoạn thông tin trích trong Văn đàn loại ngữ của Lê Quý Đôn, cho biết phong tục ăn trầu đã có từ thời nào trong lịch sử VN? Hiện nay phong tục này còn không?

quan sát Hình 17.1, 17.2.

Hình ảnh đó gợi cho em suy nghĩ gì về văn hóa người Việt?



Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

- GV mở rộng kiến thức:

+ Ăn trầu: là phong tục tương truyền có từ thời Hùng Vương. Trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, đến nay phong tục này vẫn được duy trì và bảo tồn.

“Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi
Này của Xuân Hương mới quệt rồi
Có phải duyên nhau thì thăm lại
Đừng xanh như lá, bạc như vôi”.

+ Xăm mình: là phong tục có từ thời dựng nước. Người Việt cổ sống nhiều trong môi trường sông nước nên tin rằng việc xăm mình sẽ không bị thủy quái làm hại. Tục này tồn tại đến đời vua Trần Anh Tông cuối thế kỉ XIII mới bỏ.

+ Mặc váy và yếm: là một nét riêng trong trang phục truyền thống của người phụ nữ Việt. Người Việt rất tự hào với cái váy mang đậm yếu tố văn hoá bản địa của mình trong so sánh với văn hoá Trung Quốc:

“Cái trông mà thùng hai đầu
Bên ta thời có, bên Tàu thì không”

Gv giao bài tập vận dụng cho hs: học cách tằm trầu cánh phượng, sáng tác 1 bài thơ về chủ đề trầu cau..

Ngày dạy

Hoạt động 2: Phát triển văn hóa dân tộc

a. Mục tiêu: HS giới thiệu được những nét chính về cuộc đấu tranh bảo tồn bản sắc văn hóa thông qua việc tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo những giá trị văn hoá bên

ngoài để phát triển nền văn hoá dân tộc trên một số lĩnh vực: Phật giáo, đạo giáo, chữ Hán, khoa học kĩ thuật.

b. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao NV học tập Hs khai thác thông tin sgk và hoàn thành bài tập: ?Em hãy tìm dẫn chứng để chứng minh rằng nhân dân ta đã tiếp thu có chọn lọc văn hóa Trung Hoa, phát triển văn dân tộc + Nhóm 1; Tiếp thu một số kĩ thuật tiên bộ của Trung Quốc +Nhóm 2: tiếp thu tôn giáo, hòa quyện cùng tín ngưỡng dân gian + Nhóm 3: Chủ động tiếp thu chữ Hán nhưng vẫn sử dụng tiếng Việt, dùng âm Việt để đọc chữ Hán. +Nhóm 4: Tiếp thu một số lễ tết như tết Nguyên đán, Trung thu nhưng đã có sự vận dụng phù hợp với văn hóa người Việt Bước 2:thực hiện nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ Bước 3: báo cáo-thảo luận - GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. - GV mở rộng kiến thức: -Việt Nam tiếp thu Phật giáo từ hai con đường: đầu tiên trực tiếp từ Ấn Độ sang và sau này là từ Trung Quốc sang, nhưng vẫn có điểm sáng tạo riêng. Truyền thuyết chùa Dâu giải thích tín ngưỡng thờ Tứ Pháp của người Việt. Tứ Pháp gồm Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện, nghĩa là 4 vị thần: mây, mưa, sấm, chớp. Đó là những vị thần bảo vệ mùa màng và phù hộ cho nông dân. + Hình 17.5: Chuông Thanh Mai là chuông đồng cổ nhất Việt Nam do Giáo hội Phật giáo TP. Hồ Chí	2. Phát triển văn hóa dân tộc + Phật giáo, đạo giáo du nhập vào nước ta hòa quyện với tín ngưỡng dân gian. + Chủ động tiếp thu chữ Hán nhưng vẫn sử dụng tiếng Việt, dùng âm Việt để đọc chữ Hán + Người Việt đã tiếp thụ một số kĩ thuật tiên bộ : làm giấy, dệt lụa, kĩ thuật bón phân bắc trong trồng trọt

Mình và Trung tâm Sách kỉ lục Việt Nam công bố, là bảo vật quốc gia có niên đại sớm nhất (năm 798) được phát hiện ở Việt Nam. Quai đúc nổi đôi rồng, đầu lưng vào nhau, uốn cong một cách khéo léo tạo thành núm treo chuông. Hình rồng không vảy, đầu to, không bờm, miệng ngậm từ xuống đỉnh chuông. Con rồng này có nét tương đồng với hình tượng rồng khắc trên bia đá cổ nhất Việt Nam là bia Trường Xuân (Thanh Hoá), năm 618. Đây cũng là quả chuông đồng đầu tiên có văn tự được tìm thấy cho đến nay, chứa đựng nhiều thông tin quan trọng cho biết hoạt động, ảnh hưởng của Phật giáo và sự giao lưu văn hoá, xã hội Việt Nam thời Bắc thuộc. Trải qua hàng nghìn năm, chiếc chuông không bị hoen gỉ mà vẫn giữ nguyên được hình dáng, màu sắc ban đầu cho thấy kĩ thuật đúc đồng đỉnh cao của thời kì này.

+ Hình 17.6: Khay gốm (Lạch Trường, Thanh Hoá) được làm bằng chất liệu đất sét mịn màu nâu trắng. Sự giao thoa văn hoá Hán - Việt được thể hiện qua hoa văn trang trí trên khay gốm: ở giữa khay gốm được trang trí hình ảnh ba con cá chụm đầu vào nhau theo điển tích “Tam ngư châu nguyệt” là chủ đề quen thuộc trong nghệ thuật tạo hình Trung Quốc. Viên ngoài khay được trang trí hoa văn đường tròn tiếp tuyến mang đậm dấu ấn văn hoá Đông Sơn càng tạo cho chiếc khay gốm thêm sinh động.

+ nhân dân ta còn tiếp thu, sáng tạo một số có nguồn gốc từ Trung Quốc như tết Hàn thực, tết Đoan Ngọ, tết Trung thu,... nhưng đã có sự vận dụng cho phù hợp với sinh hoạt văn hoá của người Việt. Tết Hàn thực sang Việt Nam trở thành tết Bánh trôi, bánh chay, tết Đoan Ngọ trở thành ngày tết “giết sâu bọ”, tết Trung thu của người Việt Nam dành cho thiếu nhi trong khi ở Trung Quốc dành cho sum họp gia đình,... Đó là nét khác biệt thể hiện sự tiếp thu và Việt hoá văn hoá Trung Quốc của người Việt.

+ GV trích lời tâu của viên quan Lưu An với vua Hán Vũ Đế: “Việt là đất ở ngoài cõi. Dân cắt tóc vẽ

mình, không thể lấy pháp độ của nước đội mũ mang đai mà trị được”. (Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê, Đại Việt sử ký toàn thư (bản dịch), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.147). GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Lời tâu của viên quan đô hộ người Hán cho em biết điều gì?

Ngày dạy:

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức bài học để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SHS trang 87: Những phong tục, tập quán nào được người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời: Những phong tục, tập quán được người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay: thờ cúng tổ tiên, nhuộm răng, ăn trầu, ăn mắm, làm bánh chưng bánh giày.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức bài học để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong tình huống học tập mới

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1; Giao nhiệm vụ:

1. Giới thiệu về 1 phong tục của người Việt trong thời kì Bắc thuộc vẫn được nhân dân ta lưu truyền đến ngày nay

2. Hãy vẽ lại một phong tục của tổ tiên ta còn truyền đến ngày nay mà em thấy ấn tượng nhất

Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: hs trả lời trên lớp

Nhiệm vụ 2: hs thực hiện ở nhà, sau đó mang đến trưng bày trên lớp

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 39,40,41, 42



CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC TRƯỚC THẾ KỈ X

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Giải thích được nguyên nhân các cuộc khởi nghĩa
- Trình bày được những nét chính về diễn biến của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (khởi nghĩa Hai Bà Trưng).
- Nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.
- Lập được biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được ý kiến, sản phẩm của nhóm, đánh giá các sản phẩm của các bạn trong nhóm hoặc của nhóm khác; có thái độ hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm
- Đánh giá được vai trò của các anh hùng trong thời Bắc thuộc đối với lịch sử dân tộc

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử:
 - + Nhận diện, phân biệt, khai thác, sử dụng được các thông tin trong các loại tư liệu văn bản, lược đồ
 - + sử dụng lược đồ để trình bày được diễn biến các cuộc khởi nghĩa
 - + Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - Giải thích được nguyên nhân các cuộc khởi nghĩa
 - Lập được biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu
- Vận dụng:
 - + Phân tích, đánh giá, nhận xét về tinh thần đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta
 - + Đóng vai là 1 nhân vật lịch sử hoặc hướng dẫn viên du lịch...
 - + Phân tích, nhận xét được vai trò, công lao của các anh hùng dân tộc...

3. Phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào về tinh thần bất khuất, “không chịu cúi đầu” của dân tộc, biết ơn các anh hùng dân tộc - lãnh tụ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy những truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, giấy A0
- Lược đồ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu
- Một số hình ảnh minh họa hoặc video liên quan đến bài học

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, dạy học dự án, hợp tác
- Kỹ thuật: phòng tranh, động não, Think-pair-share, khăn trải bàn.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động :Khởi động/ mở đầu:

- a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho hs, gv kết nối vào bài

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Gv chiếu một số bức tranh, yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:



Hình 1



Hình 2

Câu 1: Quan sát tranh và cho biết (đoán xem): Đây là những cuộc khởi nghĩa nào?

Câu 2: Liệt kê 2 điều em biết về những cuộc khởi nghĩa này?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả (thực hiện thi theo nhóm)

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

Câu 1: H1: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (Năm 40); H2: Khởi nghĩa Bà Triệu (Năm 248)

Câu 2: HS trả lời theo sự hiểu biết của bản thân (Gợi ý)

- Thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa

- Tên người lãnh đạo

- Kết quả...

Bước 4; Gv nhận xét, kết nối vào bài

2. Hoạt động : Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng

a. Mục tiêu:

- Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân và nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

d. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Dựa vào hình 18.1, em hãy kể tên các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu chống Bắc thuộc trước thế kỉ X? 2. Dựa vào các hình ảnh, video và thông tin SGK, em hãy nêu nguyên nhân khởi nghĩa Hai Bà Trưng? “Một xin rửa sạch nước thù Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng. Ba kéo oan ức lòng chồng Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này”.	I. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40-43) 1. Nguyên nhân: - Bất bình với chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ phương Bắc. - Trưng Trắc cùng với em là Trưng Nhị đã dựng cờ khởi nghĩa để giành lại quyền tự chủ. 2. Diễn biến: (Sgk) 3. Kết quả:

"Thiếp là cháu gái các Vua Hùng đời trước, hôm nay đau lòng thương dân vô tội, dấy nghĩa trừ tà, nguyện xin các vị thần linh hội họp tại đàn này chứng giám và phù hộ cho thiếp. Thiếp là Trưng Nữ dấy binh dẹp giặc, che chở dân lành, thu phục lại muôn vật cũ của tổ tông, không phụ ý trời, thoả nguyện nơi đền miếu của các bậc đế vương các đời, không phụ sự trông đợi của tổ phụ nơi chín suối."

(Trích Lời thề khắc trên bia đá ở đền thờ Hai Bà Trưng tại Mê Linh, Hà Nội)

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ:

Hs làm việc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo- thảo luận:

Gv gọi 1 hs báo cáo kết quả, cả lớp theo dõi, nhận xét

Bước 4: Kết luận- nhận định:

Gv nhận xét- kết luận về nguyên nhân của kn Hai bà Trưng

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: Dựa vào lược đồ, hãy trình bày tóm tắt diễn biến của cuộc khởi nghĩa?

Dựa vào tư liệu 18.3, em hãy tìm những cụm từ và câu thể hiện ý nghĩa của khởi nghĩa Hai bà Trưng?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- hs thảo luận cặp đôi, trình bày diễn biến trên lược đồ

Bước 3. HS các nhóm trình bày sản phẩm, báo cáo kết quả hoạt động.

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
Diễn biến	- Tháng 3 năm 40, Trưng Trắc cùng em gái là Trưng Nhị đã phát cờ khởi nghĩa ở Hát Môn, tướng lĩnh đều quy tụ về với cuộc khởi nghĩa. - Từ sông Hát, nghĩa quân theo đường sông Hồng tiến xuống đánh chiếm căn cứ quân Hán ở Mê Linh và Cổ Loa (Hà Nội) và Luy Lâu (Bắc Ninh). Thái thú Tô Định chạy trốn về quận Nam Hải (Quảng Đông). - Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc lên ngôi vua, đóng đô ở Mê Linh. - Mùa hè năm 42, nhà Hán đem quân đàn áp. Năm 43, cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại

- Khởi nghĩa thắng lợi và giành được quyền tự chủ trong thời gian ngắn (năm 40 – 42).

- Năm 43, cuộc khởi nghĩa bị thất bại.

4. Ý nghĩa:

+ Chứng tỏ tinh thần đấu tranh bất khuất của người Việt.

+ Tạo tiền đề và cổ vũ cho các phong trào khởi nghĩa giành độc lập, tự chủ sau này.

	Nhân dân thương tiếc, lập đền thờ hai bà ở khắp nơi.	
Kết quả, ý nghĩa	- Kết quả: + Khởi nghĩa thắng lợi và giành được quyền tự chủ trong thời gian ngắn (năm 40 – 42). + Năm 43, cuộc khởi nghĩa bị thất bại - Ý nghĩa: chứng tỏ tinh thần đấu tranh bất khuất của người Việt; tạo tiền đề và cổ vũ cho các phong trào khởi nghĩa giành độc lập, tự chủ sau này.	
Bước 4: GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi) - GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý) Câu 1: Theo em, vì sao cuộc khởi nghĩa này lại được nhân dân khắp nơi hưởng ứng? Câu 2: Theo em, việc nhân dân ta lập đền thờ Hai Bà Trưng ở khắp nơi chứng tỏ điều gì? * Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý) Câu 1: Cuộc khởi nghĩa này lại được nhân dân khắp nơi hưởng ứng vì: - Ách thống trị của nhà Hán đối với nhân dân ta rất tàn bạo, khiến nhân dân khắp nơi đều căm phẫn. - Nhân dân ta không cam chịu cảnh mất nước, sẵn sàng nổi dậy khi có thời cơ.... Câu 2: Việc nhân dân ta lập đền thờ Hai Bà Trưng ở khắp nơi chứng tỏ: - Nhân dân ta kính trọng, biết ơn và ghi nhớ công lao của Hai Bà Trưng đã hi sinh vì độc lập, tự do của đất nước. - Khẳng định tinh thần không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ của nhân dân ta. GV nhấn mạnh: cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là cuộc khởi nghĩa lớn đầu tiên của người Việt ở thời kì Bắc thuộc, tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh quật cường, bất khuất của nhân dân ta nói chung và của phụ nữ Việt nói riêng. Nó đã gieo hạt giống tốt cho chủ nghĩa anh hùng Việt Nam là không sợ kẻ thù dù mạnh đến đâu, “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”. Khởi nghĩa đã cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân; mở đầu thời kì đấu tranh giành độc lập, tự chủ lâu dài, bền bỉ của người Việt.		

Ngày dạy:

Hoạt động 2: Tìm hiểu các cuộc khởi nghĩa khác.**a. Mục tiêu:** Lập được sơ đồ niên biểu các cuộc khởi nghĩa**d. Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của GV-HS				Nội dung ghi bảng																				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Em hãy lập niên biểu các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X theo mẫu : <table><tr><th>Tên khởi nghĩa</th><th>Người lãnh đạo</th><th>Thời gian- địa điểm</th><th>Kết quả</th></tr><tr><td>Khởi nghĩa Bà Triệu</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Khởi nghĩa Lí Bí</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Khởi nghĩa Mai Thúc Loan</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Khởi nghĩa Phùng Hưng</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>				Tên khởi nghĩa	Người lãnh đạo	Thời gian- địa điểm	Kết quả	Khởi nghĩa Bà Triệu				Khởi nghĩa Lí Bí				Khởi nghĩa Mai Thúc Loan				Khởi nghĩa Phùng Hưng				<u>II. Khởi nghĩa Bà Triệu (Năm 248)</u> <u>III. Khởi nghĩa Lý Bí và nước Vạn Xuân (542-602)</u> <u>IV. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan</u> <u>V. Khởi nghĩa Phùng Hưng</u>
Tên khởi nghĩa	Người lãnh đạo	Thời gian- địa điểm	Kết quả																					
Khởi nghĩa Bà Triệu																								
Khởi nghĩa Lí Bí																								
Khởi nghĩa Mai Thúc Loan																								
Khởi nghĩa Phùng Hưng																								
Bước 2: HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ ở nhà, trình bày theo dạng bảng hoặc sơ đồ tư duy Bước 3: HS các nhóm trình bày và báo cáo kết quả (Hs treo sản phẩm lên bảng và xung quanh lớp học) Dự kiến sản phẩm: <table><tr><th>Tên khởi nghĩa</th><th>Người lãnh đạo</th><th>Thời gian- địa điểm</th><th>Chống ách đô hộ của triều đại nào</th><th>Kết quả</th></tr><tr><td>Khởi nghĩa Bà Triệu</td><td>Triệu Thị Trinh</td><td>Năm 248 tại vùng Cửu Chân (Thanh Hóa)</td><td>Chống lại nhà Ngô</td><td>Bà Triệu hi sinh trên núi Tùng</td></tr></table>				Tên khởi nghĩa	Người lãnh đạo	Thời gian- địa điểm	Chống ách đô hộ của triều đại nào	Kết quả	Khởi nghĩa Bà Triệu	Triệu Thị Trinh	Năm 248 tại vùng Cửu Chân (Thanh Hóa)	Chống lại nhà Ngô	Bà Triệu hi sinh trên núi Tùng											
Tên khởi nghĩa	Người lãnh đạo	Thời gian- địa điểm	Chống ách đô hộ của triều đại nào	Kết quả																				
Khởi nghĩa Bà Triệu	Triệu Thị Trinh	Năm 248 tại vùng Cửu Chân (Thanh Hóa)	Chống lại nhà Ngô	Bà Triệu hi sinh trên núi Tùng																				

Khởi nghĩa Lí Bí	Lí Bí	Thái Bình	Chống lại nhà Lương	Kn thắng lợi, Lí Bí lên ngôi, lập ra nước Vạn Xuân -Năm 602, nhà Tùy đem quân xâm lược, nước Vạn Xuân sụp đổ
Khởi nghĩa Mai Thúc Loan	Mai Thúc Loan	Năm 713-722 -Vùng Hoan Châu (Nghệ An-Hà Tĩnh)	Chống lại nhà Đường	Mai thúc Loan lên ngôi vua tự xưng là Mai Hắc Đế -Năm 722 nhà Đường cho quân sang dập tắt khởi nghĩa
Khởi nghĩa Phùng Hưng	Phùng Hưng	Năm 776-791	Chống lại nhà Đường	Năm 791, nhà Đường mang quân sang đàn áp, dập tắt cuộc khởi nghĩa

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi)

Phát phiếu trước khi HS báo cáo sản phẩm và thực hiện sau khi học sinh đã phát vấn xong)

Nhóm	Nhận xét, đánh giá		
	Hình thức trình bày (2đ) (Đẹp, sạch sẽ, chữ rõ ràng...)	Thuyết trình (2đ) (To, rõ ràng, có tính thuyết phục)	Nội dung thảo luận (6đ) (Đầy đủ nội dung)

Gv nêu câu hỏi liên hệ: em hãy giới thiệu**3. Hoạt động : Luyện tập:**

a. Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức bài học để thực hiện nhiệm vụ đặt ra trong bài tập.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo. (có thể chọn 1 trong 3 câu hỏi)

Câu 1: em hãy hoàn thành bảng thống kê các sự kiện chính của cuộc khởi nghĩa Lý Bí và nước Vạn Xuân theo mẫu:

Thời gian	Sự kiện
Mùa xuân năm 542	
Mùa xuân năm 544	
Tháng 5-545	
Năm 550	
Năm 602	

Câu 2: Lập bảng hệ thống về các cuộc khởi nghĩa: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng theo gợi ý sau:

Nội dung so sánh	Hai Bà Trưng	Bà Triệu	Lý Bí	Mai Thúc Loan	Phùng Hưng
Thời gian bùng nổ					
Môi đống đô của chính quyền tự chủ					
Kết quả					
Ý nghĩa					

Câu 3: Dựa vào kiến thức đã học, em có nhận xét gì về tinh thần đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta?

Bước 2: HS hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:**Câu 1:**

Thời gian	Sự kiện
Mùa xuân năm 542	Lý Bí lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa, đánh đuổi Tiêu Tư, chiếm giữ thành Long Biên (Bắc Ninh), làm chủ Giao Châu
Mùa xuân năm 544	Khởi nghĩa thắng lợi. Lý Bí lên ngôi vua, hiệu là Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân
Tháng 5-545	Nhà Lương cử quân xâm lược Vạn Xuân. Sau đó, Lý Nam Đế trao quyền chỉ huy kháng chiến cho Triệu Quang Phục
Năm 550	Sau khi đánh bại quân Lương, Triệu Quang Phục xưng vương (Triệu Việt Vương)

Năm 602	Nhà Tùy đem quân xâm lược, nước Vạn Xuân sụp đổ
---------	---

Câu 2: Bảng hệ thống các cuộc khởi nghĩa

Nội dung so sánh	Hai Bà Trưng	Bà Triệu	Lý Bí	Mai Thúc Loan	Phùng Hưng
Thời gian bùng nổ	Năm 40	Năm 248	Năm 542	Năm 713	Cuối thế kỉ VII
Nơi đóng đô của chính quyền tự chủ	Mê Linh (Hà Nội)		Cửa sông Tô Lịch (Hà Nội)	Vạn An (Nghệ An)	
Kết quả	Giành được quyền tự chủ 3 năm nhưng cuối cùng bị đàn áp.	Giành được quyền tự chủ, dựng nước Vạn Xuân tồn tại gần 60 năm nhưng cuối cùng bị đàn áp	Chiếm được nhiều huyện lỵ, khiến cả Giao Châu chấn động nhưng cuối cùng bị đàn áp.	Giành được quyền tự chủ trong 10 năm nhưng cuối cùng bị đàn áp.	Giành được quyền tự chủ trong 9 năm nhưng cuối cùng bị đàn áp.
Ý nghĩa	Chứng tỏ tinh thần bất khuất của người Việt; cổ vũ các phong trào khởi nghĩa sau này, cho thấy “hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương”	Cho thấy khả năng “tự làm chủ lấy nước mình” (nước Vạn Xuân), để lại nhiều bài học về dựng nước và giữ nước, “mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này”	Không chỉ làm rung chuyển chính quyền đô hộ mà còn góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc, tạo đà cho các cuộc khởi nghĩa sau này.	Một trong những cột mốc quan trọng trên con đường đấu tranh đi đến giải phóng đất nước trong thời kì Bắc thuộc.	Tiếp tục khẳng định quyết tâm giành độc lập, tự chủ của người Việt, mở đường cho những thắng lợi to lớn về sau.

Câu 3: Nhận xét về tinh thần đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta: các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam diễn ra sôi nổi, quyết liệt và bền bỉ; hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ đã diễn ra, thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Điều này cho thấy tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất; đoàn kết đấu tranh của người Việt.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động : Vận dụng:

a. Mục tiêu: hs vận dụng kiến thức bài học để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong tình huống học tập thực tiễn.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

Câu 1: Giả sử em đang học trong một ngôi trường mang tên một trong những vị anh hùng chống Bắc thuộc, em hãy viết thư cho một người bạn để kể về câu chuyện của vị anh hùng đó?

Câu 2: Trong vai hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu một số điểm di tích liên quan đến các nhân vật lịch sử thời Bắc thuộc như Hai Bà Trưng, Lý Bí, Bà Triệu, Phùng Hưng

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: (HS trả lời theo suy nghĩ của cá nhân)

Câu 2: (HS trả lời theo suy nghĩ của cá nhân) gợi ý:

- Giới thiệu đền thờ Hai Bà Trưng (Hà Nội): Nằm cách trung tâm thủ đô Hà Nội 25km về phía Tây Bắc, đền Hai Bà Trưng (thuộc thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) là di tích lịch sử lớn nhất và lâu đời nhất, thờ hai vị nữ anh hùng đầu tiên của dân tộc: Trưng Trắc và Trưng Nhị – những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đánh đổ ách thống trị của nhà Đông Hán vào năm 40 – 43 (sau Công nguyên), giành lại nền độc lập, tự chủ dân tộc. Đền ngự trên một khu đất cao, rộng, thoáng giữa cánh đồng, nhìn ra đê sông Hồng. Tam môn nội, trên cửa chính có bức hoành phi mang dòng chữ “Ly chiếu tứ phương” (ví Hai Bà như ánh sáng chiếu tỏa bốn phương). Theo thuyết phong thủy, khu đất này có hình dáng giống như hình của một con voi trắng đang uống nước (Bạch tượng uyển hồ). Ban đầu ngôi đền được xây dựng bằng tre, lá. Đến triều Đinh (968-980), đền được xây lại bằng gạch. Đền đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo. Năm 1881-1889, đền được trùng tu lớn và đổi hướng lại ban đầu như hướng ngày nay.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT 42: KIỂM TRA GIỮA KÌ II **(Thời gian thực hiện : 60 phút, kết hợp với Địa lí)**

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1.Kiến thức: củng cố, khắc sâu nội dung kiến thức đã học về Chương V: Nhà nước Văn Lang- Âu Lạc, các chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và cuộc đấu tranh bảo tồn phát triển văn hóa, giành độc lập dân tộc của nhân dân ta.

+ Địa lí: Củng cố khắc sâu nội dung kiến thức- kĩ năng về chương 4: Khí hậu và biến đổi khí hậu

2-Năng lực:

a. năng lực chung

-Tự chủ - tự học : Tự giác ôn tập để làm bài tốt

- Giải quyết vấn đề- sáng tạo: Biết thực hiện các thao tác tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp.

b. Năng lực lịch sử-địa lí

- Biết sự hình thành nhà nước Văn Lang Âu Lạc

- Biết về đời sống vật chất, tinh thần của cư dân Văn Lang- Âu Lạc

- Hiểu được quá trình đấu tranh bảo tồn phát triển văn hóa dân tộc và giành độc lập dân tộc của nhân dân ta

-Hiểu được những biểu hiện của biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu

-Biết, hiểu cấu tạo lớp vỏ khí, nguồn gốc các khối khí, đặc điểm các đới khí hậu trên TĐ

-khai thác thông tin từ các nguồn tư liệu lịch sử (lược đồ,bản đồ)

-Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ mới trong đề thi

3.Phẩm chất :

- Trung thực: Nghiêm túc, tự giác làm bài

II. CHUẨN BỊ

1.Gv: Ma trận, bảng đặc tả, Đề bài, đáp án

2.HS: Ôn bài, chuẩn bị dụng cụ học tập

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1.Hoạt động: Mở đầu: Gv nêu yêu cầu đối với giờ kiểm tra: nghiêm túc, trật tự.

2..Bài kiểm tra

2.1.Mục đích đề kiểm tra

Đánh giá kết quả học tập của hs thông qua các chủ đề :Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước công nguyên đến đầu thế kỉ X,Khí hậu và biến đổi khí hậu

-Đánh giá năng lực : giải quyết vấn đề,sáng tạo, tính nhiệt độ trung bình ngày.....

-Đánh giá khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống

-Điều chỉnh quá trình dạy học một cách kịp thời

2.2> Hình thức đề kiểm tra: câu hỏi TNKQ

2.3. ma trận đề kiểm tra

3.Hoạt động : Luyện tập:

Gv nhận xét giờ kiểm tra

4.Hoạt động :Vận dụng

Hướng dẫn chuẩn bị bài 12

Ngày soạn:
Ngày dạy:
Tiết 42,43,44

BÀI
19

BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương. (hs tự học)
- Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự, tự học: Tự đặt mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện, chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin.
- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết đặt câu hỏi trao đổi phản biện; phân tích tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; hình thành được ý tưởng dựa trên những nguồn thông tin đã cho; hứng thú tự do trong suy nghĩ, chủ động ý kiến, phát hiện yếu tố mới tích cực trong những ý kiến khác.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Nói chính xác, đúng ngữ điệu, nhịp điệu, trình bày được nội dung của sản phẩm....

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được những thông tin, hiện vật, tranh ảnh có trong bài dưới sự hướng dẫn của GV.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.
 - + Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.
 - + Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.
- Vận dụng:
 - + Đánh giá công lao của Ngô Quyền đối với lịch sử dân tộc
 - + Vận dụng 1 số kiến thức trong bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Có tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí căm thù giặc ngoại xâm.
- Trách nhiệm: Có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy những truyền thống yêu nước tốt đẹp của dân tộc.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, giấy A0

- Một số hình ảnh minh họa, video (nếu có) liên quan đến bài học

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, phát vấn, hợp tác, sử dụng phương tiện trực quan
- Kỹ thuật: phòng tranh, động não, 321, Think-pair-share, 5W1H, KWL, XYZ....

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động :Khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: tạo không khí hứng khởi để HS bắt đầu một tiết học mới. Từ đó, giáo viên dẫn vào bài mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu 4 hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát và trả lời các câu hỏi, hoạt động cá nhân, thời gian 2 phút.

Câu 1: Những bức tranh này giúp em liên tưởng đến chiến thắng nào trong lịch sử nước ta?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

Bước 2: HS làm việc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Bước 4:

GV dẫn vào bài mới: Trong suốt 1000 năm bị phong kiến phương Bắc đô hộ, nhân dân ta vẫn kiên trì bền chí đấu tranh giành độc lập dân tộc. Truyền thống yêu nước luôn được giữ gìn và phát huy ngày càng mạnh mẽ, là sức mạnh then chốt để dân tộc Việt Nam có thể đứng vững trước các thế lực ngoại xâm hùng mạnh.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc, họ Dương.

a. Mục tiêu: Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Giao nhiệm vụ 1. Cha con Khúc Thừa Dụ đã có những chính sách gì để xây dựng nền tự chủ ? 2. Hãy trình bày tóm tắt diễn biến, kết quả chống quân Nam Hán do Dương Đình Nghệ lãnh đạo? Bước 2: hs thực hiện nhiệm vụ ở nhà Bước 3: hs báo cáo kết quả trên lớp Bước 4: Gv nhận xét, đánh giá.	I. <u>Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc, họ Dương.</u> (hs tự học)

Hoạt động 2: Tìm hiểu Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938

a. Mục tiêu: - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.

- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

d. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>												
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập <table border="1" data-bbox="161 1352 928 2047"> <thead> <tr> <th>Yêu cầu</th><th>Sản phẩm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Câu 1: Quan sát mục Em có biết và cho biết: Ngô Quyền là người như thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Câu 2: Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Ngô Quyền?</td><td></td></tr> <tr> <td>Câu 3: Theo em, quân Nam Hán xâm lược nước ta lần thứ hai nhằm mục đích gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Câu 4: Ngô Quyền đã chuẩn bị kế hoạch cho trận thủy chiến chặn giặc như thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Câu 5 : Theo em, trận địa cọc Bạch Đằng sẽ gây khó khăn gì cho quân giặc?</td><td></td></tr> </tbody> </table> Bước 2: HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.	Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1: Quan sát mục Em có biết và cho biết: Ngô Quyền là người như thế nào?		Câu 2: Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Ngô Quyền?		Câu 3: Theo em, quân Nam Hán xâm lược nước ta lần thứ hai nhằm mục đích gì?		Câu 4: Ngô Quyền đã chuẩn bị kế hoạch cho trận thủy chiến chặn giặc như thế nào?		Câu 5 : Theo em, trận địa cọc Bạch Đằng sẽ gây khó khăn gì cho quân giặc?		II. <u>Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938.</u> a. <u>Kế hoạch đánh giặc:</u> - Năm 938, quân Nam Hán do Hoàng Tháo làm chủ tướng từ Quảng Đông theo đường biển ồ ạt tiến sang xâm lược nước ta. - Ngô Quyền đã chọn sông Bạch Đằng để bố trí trận địa đánh giặc.
Yêu cầu	Sản phẩm												
Câu 1: Quan sát mục Em có biết và cho biết: Ngô Quyền là người như thế nào?													
Câu 2: Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Ngô Quyền?													
Câu 3: Theo em, quân Nam Hán xâm lược nước ta lần thứ hai nhằm mục đích gì?													
Câu 4: Ngô Quyền đã chuẩn bị kế hoạch cho trận thủy chiến chặn giặc như thế nào?													
Câu 5 : Theo em, trận địa cọc Bạch Đằng sẽ gây khó khăn gì cho quân giặc?													

Bước 3: HS các nhóm trình bày và báo cáo kết quả
Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Quan sát mục Em có biết và cho biết: Ngô Quyền là người như thế nào?	Ngô Quyền (898-944), người Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội (cùng làng với Phùng Hưng). Xuất thân trong 1 gia đình quý tộc. Thuở nhỏ đã khôi ngô. Lớn lên, ông là người dũng lược, có sức khỏe phi thường “đáng đi như hổ, sức có thể nâng được vạc”; làm nha tướng của Dương Đình Nghệ, được Dương Đình Nghệ gả con gái và cho quyền quản Ai Châu”.
Câu 2: Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Ngô Quyền?	- Năm 938, quân Nam Hán do Hoàng Tháo làm chủ tướng từ Quảng Đông theo đường biển ồ ạt tiến sang xâm lược nước ta.
Câu 3: Theo em, quân Nam Hán xâm lược nước ta lần thứ hai nhằm mục đích gì?	Mục đích: mưu đồ trả thù lần thất bại trước đó và đã tâm bành trướng, mở rộng lãnh thổ của nhà Nam Hán.
Câu 4: Ngô Quyền đã chuẩn bị kế hoạch cho trận thủy chiến chặn giặc như thế nào?	Ngô Quyền đã chuẩn bị kế hoạch cho trận thủy chiến chặn giặc: - Chọn Sông Bạch Đằng làm nơi quyết chiến với quân giặc. - Sai người đem cọc vạt nhọn đầu bịt sắt đóng ngầm trước ở cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta dễ bề chế ngự, không cho chiếc nào ra thoát
Câu 5: Theo em, trận địa cọc Bạch Đằng sẽ gây khó khăn gì cho quân giặc?	Quân Nam Hán sẽ bị động, bất ngờ, không kịp trở tay. (Giặc không thông thuộc địa hình, không nắm được thủy triều trong khi quân ta làm chủ địa hình, mang thái độ chủ

quan, khinh địch, cậy là nước lớn nên coi thường quân ta).
--

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kỹ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời hạn chế và 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi)

- **GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý)**

Câu 1: Theo em, vì sao Ngô Quyền lại chọn sông Bạch Đằng làm nơi quyết chiến với quân giặc?

Câu 2: Em đánh giá, nhận xét gì về kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền?

Câu 3: Theo em, với kế hoạch đánh giặc trên, liệu Ngô Quyền có thể giành thắng lợi không?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm nơi quyết chiến với quân giặc vì:

- Sông Bạch Đằng chảy giữa thị xã Quảng Yên (Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng). Đây là con đường thủy tốt nhất để đi vào nước ta. Mực nước vùng cửa sông vào lúc thủy triều cao nhất và thấp nhất chênh nhau tới 2-3m. Địa hình xung quanh có nhiều cồn gò, bãi, đầm lầy... giúp bố trí lực lượng quân thủy, bộ cùng chiến đấu chặn giặc.

Câu 2: Em đánh giá, nhận xét về kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền:

- Đây là 1 kế hoạch đánh giặc được nghiên cứu và chuẩn bị tỉ mỉ, chủ động và độc đáo:

+ Phán đoán con đường đi vào nước ta của quân giặc.

+ Chủ động, độc đáo: đón đánh quân xâm lược bằng cách bố trí lực lượng hùng mạnh và xây dựng trận địa bãi cọc ngầm trên sông Bạch Đằng...

Câu 3: (Tùy theo quan điểm cá nhân của HS, GV dựa vào để nhấn mạnh nội dung và chuyển ý)

GV nhấn mạnh: Trước sự xâm lược của quân Nam Hán lần thứ 2, Ngô Quyền đã chủ động lên kế hoạch để đánh giặc. Với kế hoạch độc đáo này sẽ làm quân Nam Hán sẽ bị động, bất ngờ, không kịp trở tay.

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS quan sát H19.4, kết hợp tư liệu SGK (Tr99); hoạt động cặp đôi, kỹ thuật Think-pair-share; thời gian 5 phút. (Hoặc chiếu video)

- Think: HS làm việc cá nhân, thời gian 1 phút

- Pair: Sau đó, HS trao đổi cặp đôi (bạn bên cạnh), thời gian 3 phút

- Share: HS được mời chia sẻ, GV gọi ngẫu nhiên theo STT, HS nêu ý kiến không trùng lặp với ý kiến của HS khác, thời gian 1 phút

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Tìm các từ, cụm từ (gạch chân) có trong đoạn video kết hợp thông tin SGK (Tr99) phản ánh diễn biến của trận đánh trên sông Bạch Đằng.	- Khiêu chiến, nhử quân, giả thua, cho quân đuổi theo, vượt qua bãi cọc ngầm, thủy triều rút, hạ lệnh tấn công, giặc thua, rút ra biển, va vào cọc nhọn, ta đem thuyền ra đánh, giặc hoảng loạn, Lưu Hoàng Tháo tử trận...
Câu 2: Trình bày diễn biến, kết quả của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.	- Cuối năm 938, đoàn thuyền chiến do Lưu Hoàng Tháo chỉ huy tiến vào cửa sông Bạch Đằng. Nhân lúc thủy triều lên, Ngô Quyền cho thuyền nhỏ ra khiêu chiến, nhử quân giặc tiến sâu vào cửa sông. - Lưu Hoàng Tháo cho quân đuổi theo, vượt qua bãi cọc ngầm. - Đợi khi thủy triều rút, Ngô Quyền hạ lệnh tấn công. - Quân giặc thua và phải rút ra biển, thuyền va vào cọc nhọn. Ta đem thuyền ra đánh, quân giặc hoảng loạn nhảy xuống sông. Lưu Hoàng Tháo tử trận. => Trận chiến kết thúc thắng lợi.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời hạn chế và 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi)

- **GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, thảo luận...(Gợi ý)**

Câu 1: Theo em, nét độc đáo trong cách tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện ở những điểm nào?

Câu 2: Đánh giá công lao của Ngô Quyền đối với lịch sử dân tộc.

Câu 3: Theo em, chiến thắng Bạch Đằng có ý nghĩa như thế nào đối với lịch sử dân tộc?

Dự kiến sản phẩm:

b. Diễn biến : (Sgk)

c. Ý nghĩa : Chấm dứt thời Bắc thuộc, mở ra một thời kì mới trong lịch sử dân tộc ta - thời kì độc lập, tự chủ lâu dài.

Câu 1: Nét độc đáo trong cách tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện :

- Ngô Quyền đã phân tích được thế mạnh yếu của quân giặc: quân đông, có lợi thế về chiến thuyền; thế yếu của quân Nam Hán lại là tiến quân đến bằng đường biển nhưng không nắm vững địa hình cụ thể....

- Chọn địa điểm: Ông quyết định chọn khu vực cửa sông và vùng trung lưu, hạ lưu sông Bạch Đằng làm điểm quyết chiến với giặc – chủ động đón đánh quân xâm lược.

- Chiến thuật đánh giặc: Ông huy động quân và dân lên rừng dẫn hàng ngàn cây gỗ dài, đầu đẽo nhọn và bịt sắc đóng xuống dòng sông Bạch Đằng ở những nơi hiểm yếu gần cửa biển, thành một trận địa cọc ngầm. Có quân mai phục hai bên bờ. Ngô Quyền sử dụng thuyền nhỏ, ra dụ quân giặc vào trận địa. Khi nước triều lên, thuyền của địch tiến vào trong hàng cọc “ta dễ bề chế ngự, không có kế gì hay hơn kế đó cả”.

Câu 2: Đánh giá công lao của Ngô Quyền đối với lịch sử dân tộc:

- huy động sức mạnh đoàn kết toàn dân để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.

- Biết tận dụng được vị trí và địa thế của sông Bạch Đằng để đánh giặc.

- Chủ động đưa ra kế hoạch đánh giặc và cách đánh giặc độc đáo, bố trí trận địa cọc ngầm.

- Biết lấy yếu thắng mạnh, đánh bại ý chí xâm lược của kẻ thù, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của phương Bắc và mở ra kỉ nguyên độc lập tự chủ lâu dài cho dân tộc.

Câu 3: Ý nghĩa:

- Trận Bạch Đằng năm 938 đã đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Nam Hán.

- Thể hiện ý chí quyết tâm đấu tranh chống xâm lược của dân tộc ta.

- Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc và mở ra thời đại độc lập đối với dân tộc ta.

- Đánh dấu sự trưởng thành của dân tộc và kết thúc hoàn toàn thời kì đấu tranh giành lại độc lập hàng chục thế kỉ, đưa dân tộc ta bước sang một kỉ nguyên mới.

GV nhấn mạnh: ý nghĩa của Chiến thắng Bạch Đằng năm 938

- đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Nam Hán

- Thể hiện ý chí quyết tâm đấu tranh chống xâm lược của dân tộc ta

- Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc và mở ra thời đại độc lập đối với dân tộc ta

- Đánh dấu sự trưởng thành của dân tộc

- đưa dân tộc ta bước sang một kỉ nguyên mới – kỉ nguyên độc lập tạo nên bước ngoặt lịch sử của dân tộc ta vào đầu thế kỉ X.	
--	--

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa và hoàn thiện về nội dung kiến thức đã được tìm hiểu ở hoạt động hình thành kiến thức mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc nhóm để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1: Điền sự kiện vào các mốc thời gian trong sơ đồ bên dưới? Tại sao những sự kiện đó lại tạo nên bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X?



Câu 2: Trong các sự kiện lịch sử Khúc Thừa Dụ giành quyền tự chủ năm 905, Dương Đình Nghệ đánh tan quân Nam Hán năm 931, chiến thắng Bạch Đằng năm 938, sự kiện nào đã tạo nên bước ngoặt của lịch sử dân tộc đầu thế kỉ X? Vì sao?

Bước 2: HS hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1:

- Năm 905: khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ
 - Năm 907: Khúc Thừa Dụ mất, con trai là Khúc Hạo lên thay, tiến hành nhiều cải cách tiến bộ
 - Năm 931: Dương Đình Nghệ đem quân ra tấn công thành Đại La
 - Năm 938: chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng
- => Những sự kiện đó tạo nên một bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X, chấm dứt thời kì Bắc thuộc, mở ra thời kì mới trong lịch sử dân tộc ta, thời kì độc lập tự chủ dân tộc lâu dài của dân tộc.

Câu 2: Trong các sự kiện lịch sử Khúc Thừa Dụ giành quyền tự chủ năm 905, Dương Đình Nghệ đánh tan quân Nam Hán năm 931, chiến thắng Bạch Đằng năm 938, sự kiện đã tạo nên bước ngoặt của lịch sử dân tộc đầu thế kỉ X: chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã tạo nên bước ngoặt của lịch sử dân tộc đầu thế kỉ X vì nhờ chiến thắng trận Bạch Đằng đã giúp đất nước chúng ta chấm dứt thời Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

-GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi, HS suy nghĩ và hoàn thành theo yêu cầu của GV. (HS có thể lựa chọn 1 trong 3 câu)

Câu 1: Quan sát tranh: Đền thờ và lăng mộ vua Ngô Quyền và trả lời câu hỏi:Việc nhân dân ta lập đền thờ và lăng mộ vua Ngô Quyền nói lên điều gì?

Câu 2: Em hãy tra cứu thông tin để biết hiện nay có những con đường, trường học, làng xã hay di tích lịch sử,... nào mang tên các vị anh hùng dân tộc trong thời Bắc thuộc ở nơi em đang sống.

Câu 3: Viết (khoảng 7-10 câu) về một nhân vật lịch sử trong thế kỉ X mà em yêu thích nhất và chia sẻ với bạn.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Việc nhân dân ta lập đền thờ và lăng mộ vua Ngô Quyền nhằm:

- Để ghi nhớ công lao giữ nước của các vị anh hùng dân tộc.
- Nhân dân ta còn mong muốn muôn đời sau con cháu tự hào với những chiến công lừng lẫy của cha ông, trân trọng quá khứ, biết ơn công lao to lớn của các vị anh hùng dân tộc, phát huy truyền thống....

Câu 2: Hiện nay có những con đường, trường học, làng xã hay di tích lịch sử,... nào mang tên các vị anh hùng dân tộc trong thời Bắc thuộc ở nơi em đang sống.

- Một số con đường, trường học, di tích lịch sử mang tên các anh hùng dân tộc ở huyện Ngọc Hồi/ Tp Kon Tum:

+ Đường Ngô Quyền

+ Trường THCS bán trú Ngô Quyền (Ngọc Hồi)

(Tùy theo địa phương, nơi HS đang sinh sống , HS có thể kể thêm tên các trường học, di tích lịch sử...) ví dụ: (Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định...)

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BÀI
20**

TIẾT 45+ 46+ 47: VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA TỪ THẾ KỈ II ĐẾN THẾ KỈ X

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Vương quốc Chăm-pa.
- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Chăm-pa.
- Nhận biết được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự, tự học: Tự đặt mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện, chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin; hiểu rõ nhiệm vụ của cá nhân, nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao .

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được những thông tin, hiện vật, tranh ảnh, lược đồ có trong bài dưới sự hướng dẫn của GV.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
- Xác định được vị trí của Vương quốc Chăm-pa trên lược đồ Việt Nam.
- Mô tả được sự thành lập, quá trình ra đời và phát triển của Vương quốc Chăm-pa.
- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Chăm-pa.
- Nhận biết được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa.
- Vận dụng: Vận dụng kiến thức trong bài học để phân tích, đánh giá tác động của nền văn hóa Chăm pa đối với cuộc sống hiện tại.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Có tinh thần yêu nước, tôn trọng các di sản văn hóa.
- Trách nhiệm: Có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy những tinh hoa văn hóa Chăm-pa, văn hóa dân tộc.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, giấy A0
- Một số hình ảnh minh họa, video (nếu có), lược đồ liên quan đến bài học

<https://www.youtube.com/watch?v=PoiCEL4rjBI>

<https://vtv.vn/video/con-duong-di-san-van-hoa-cham-pa-gia-tri-con-mai-260920.htm>

2. Học sinh:

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KĨ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, phát vấn, hợp tác, sử dụng phương tiện trực quan
- Kĩ thuật: động não, 321, khăn trải bàn...

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo không khí hứng cho HS, giáo viên dẫn vào bài mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Theo dõi đoạn phim tư liệu về di tích Mỹ Sơn và cho biết đoạn phim em vừa xem nhắc đến quần thể công trình kiến trúc đặc sắc nào ở nước ta?

Công trình này do ai tạo ra, từ khi nào?

Bước 2: HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

Câu 1: Video nói đến di tích Thánh địa Mỹ Sơn, thuộc tỉnh Quảng Nam, do người Chăm Pa xây dựng nên.

GV dẫn vào bài mới: Trên vùng đất miền Trung của Việt Nam ngày nay, đã từng tồn tại vương quốc cổ Chăm-pa. Sự kiện mở đầu cho việc khám phá, tìm hiểu một cách khoa học về một vương quốc cổ - Vương quốc Chăm-pa khi vào năm 1885, một toán lính Pháp đã tình cờ phát hiện khu đền tháp cổ trong 1 thung lũng có đường kính khoảng 2km ở Mỹ Sơn (Quảng Nam) đó là thánh địa Mỹ Sơn. Đây là 1 trong những thành tựu kiến trúc nổi bật của vương quốc Chăm-pa. Vậy, Vương quốc Chăm-pa được hình thành và phát triển như thế nào? Có những hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội và những thành tựu văn hóa tiêu biểu nào? Cô và các em sẽ cùng tìm hiểu Bài 19....

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự ra đời và quá trình phát triển của Vương quốc Chăm-pa.

a. Mục tiêu:

- Xác định được vị trí của Vương quốc Chăm-pa trên lược đồ Việt Nam.
- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Vương quốc Chăm-pa.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Điền vào chỗ trống để hoàn thiện về sự ra đời của Vương quốc - Năm _____, ở huyện _____ một thủ lĩnh địa phương tên là..... Đã lãnh đạo nhân dân đánh phá Châu Thành giành được quyền tự chủ. Tên nước ban đầu: _____ - Thế kỉ _____ đổi thành Chăm-pa - Quan sát hình ảnh 20.1 (Vùng hạ lưu sông Thu Bồn) và lược đồ vị trí sông Thu Bồn, hãy mô tả điều kiện thiên nhiên nơi vương quốc Cham- pa được thành lập? _ Quan sát lược đồ Cham- pa và lược đồ hành chính VN, cho biết lãnh thổ của Vương quốc Chăm-pa tương đương với vùng đất của những tỉnh thành nào trên nước ta ngày nay?	<u>1. Sự ra đời và quá trình phát triển của Vương quốc Chăm-pa.</u> <u>a. Vương quốc Chăm-pa ra đời:</u> - Năm 192, nhân dân huyện Tượng Lâm (quận Nhật Nam) đã nổi dậy lật đổ ách thống trị của nhà Hán, giành độc lập, lập nước Lâm Ấp (sau gọi là Chăm-pa). - Vương quốc Chăm-pa phát triển qua nhiều giai đoạn, gắn liền với vai trò của những vùng đất khác nhau của miền Trung.

Nhiệm vụ 2: (Gv hướng dẫn hs tìm hiểu theo sgk)

Mô tả quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Chăm-pa.



20.2 Sơ đồ quá trình phát triển của vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X

Bước 2. Hs làm việc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3. HS trình bày sản phẩm, báo cáo kết quả hoạt động.

Dự kiến sản phẩm:

Năm 192, ở huyện, Tượng Lâm, một thủ lĩnh địa phương tên là Khu Liên đã lãnh đạo nhân dân đánh phá Châu Thành giành được quyền tự chủ.

Tên nước ban đầu: Lâm Ấp

- Thế kỉ VII đổi thành Chăm-pa

2. Điều kiện tự nhiên: Vùng hạ lưu nơi sông đổ ra biển, vùng đồng bằng duyên hải nhỏ hẹp nhưng có tiềm năng giàu có về biển

Câu 3: tương đương vùng đất Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên ngày nay

Nhiệm vụ 2:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 2: Nêu quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Chăm-pa.	- Thời kì Bắc thuộc, nhà Hán đã thiết lập ách cai trị đối với vùng đất ở phía Nam dãy Hoành Sơn nước ta, đặt tên gọi là quận Nhật Nam. - Năm 192, dưới sự lãnh đạo của Khu Liên, người dân Tượng Lâm (huyện xa nhất của quận Nhật Nam) đã nổi dậy lật đổ ách cai trị ngoại bang, lập ra nước Lâm Ấp (tên gọi ban đầu của Vương quốc Chăm-pa). - Thế kỉ II đến thế kỉ X, vương quốc Chăm-pa trải qua ba vương triều. Các trung tâm quan trọng của vương quốc gắn với những vùng địa lí khác nhau của miền Trung. Cuối thế kỉ IX, lãnh thổ Chăm-pa mở rộng nhất, bao gồm

toàn bộ vùng ven biển, trải dài từ dãy Hoành Sơn (Hà Tĩnh) ở phía bắc đến sông Dinh (Ninh Thuận) ở phía nam.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kỹ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi)

- **GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý)**

Câu 1: So sánh hoàn cảnh ra đời của Vương quốc Chăm-pa với nhà nước Văn Lang – Âu Lạc?

Câu 2: Quan sát H20.2 hoàn thành nội dung theo PHT số 2

Thời gian	Kinh đô	Những vùng địa lí ngày nay có kinh đô
Cuối thế kỉ II		
Đầu thế kỉ VIII		
Cuối thế kỉ IX		
Cuối thế kỉ X		

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: So với nhà nước Văn Lang – Âu Lạc của người Việt thì Vương quốc Chăm-pa ra đời muộn hơn và gắn với với cuộc đấu tranh chống lại ách đô hộ của người Hán, còn Văn Lang – Âu Lạc ra đời sớm hơn và không gắn như với với cuộc đấu tranh chống lại ách đô hộ của người Hán.

Câu 2:

Thời gian	Kinh đô	Những vùng địa lí ngày nay có kinh đô
Cuối thế kỉ II	Si-ha-pu-ra	Duy Xuyên- Quảng Nam
Đầu thế kỉ VIII	Vi-ra-pu-ra	Phan Rang - Ninh Thuận
Cuối thế kỉ IX	In-đra-pu-ra	Thăng Bình- Quảng Nam
Cuối thế kỉ X	Vi-giay-a	Bình Định

GV nhấn mạnh: Cách đây hơn 2000 năm, những cư dân là chủ nhân của nền văn hóa Sa Huỳnh thuộc thời đại đồ sắt đã sinh sống trên dải đất miền Trung Việt Nam. Về sau, người Sa Huỳnh trở thành 1 bộ phận của cư dân Chăm-pa. Chính sách đô hộ và vơ vét tàn bạo cũng như tham vọng

bành trướng lãnh thổ về phía nam của các triều đại phong kiến phương Bắc đã làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta ở khắp các miền với nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra liên tục. Trong đó, cuộc nổi dậy của nhân dân Tượng Lâm dưới sự lãnh đạo của Khu Liên, đã lật đổ ách thống trị của nhà Hán, lập nên nước Lâm Ấp - tên gọi ban đầu của Nhà nước Chăm-pa). Tên gọi đầu tiên của Chăm-pa là Tượng Lâm (1 huyện nằm phía nam của quận Nhật Nam – thuộc tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay).

Hoạt động 2: Tìm hiểu hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội.

a. Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Chăm-pa.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Câu hỏi: Quan sát tranh và cho biết đây là những hoạt động kinh tế nào?  Hình 1  Hình 2  Hình 3  Hình 4  Hình 5  Hình 6 2. Theo em, hoạt động kinh tế nào quan trọng nhất đối với cư dân Chăm-pa? Tại sao?	<u>2. Kinh tế và tổ chức xã hội:</u> <u>a. Kinh tế:</u> Hoạt động kinh tế đa dạng. - Trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm - Sản xuất các mặt hàng thủ công (đồ gốm, trang sức, dụng cụ sản xuất) - Khai thác các nguồn lợi tự nhiên trên rừng (trầm hương, kì nam,...) và dưới biển (cá, tôm, ngọc trai,...). - Buôn bán bằng đường biển.

Bước 2: HS thực hiện kỹ thuật trò chơi, tia chớp (đoán nhanh) hoạt động cá nhân, thời gian 1 phút trả lời câu hỏi 1

_ hs thảo luận nhóm kỹ thuật khăn trải bàn trả lời câu hỏi 2

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá.

Gv đặt thêm câu hỏi nâng cao:

So sánh hoạt động kinh tế của cư dân Chăm-pa và cư dân Văn Lang - Âu Lạc.

Dự kiến sản phẩm

	Chăm-pa	Văn Lang-Âu Lạc
Giống	- Nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa nước, sử dụng sức kéo của trâu bò. Ngoài ra, cư dân còn chăn nuôi, làm các mặt hàng thủ công, đánh cá....	
Khác	- Sự đa dạng trong hoạt động kinh tế của cư dân Chăm-pa - Nghề đi biển và giao thương hàng hải là một trong những nét nổi bật của kinh tế Chăm-pa.	- Nghề đúc đồng, làm gốm phát triển mạnh

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhìn vào hình sau và cho biết Xã hội Chăm – pa có những tầng lớp nào? Mô tả công việc của họ?

2.Em có nhận xét gì về tổ chức xã hội của vương quốc Chăm-pa



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả.

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Xã hội Chăm-pa có những tầng lớp nào? Mô tả công việc của họ?	- Sự đa dạng của nhiều ngành nghề đã tạo nên một xã hội với nhiều tầng lớp khác nhau từ quý tộc đến thường dân. Xã hội Chăm-pa có những tầng lớp: + Vương công quý tộc: vua, quý tộc triều đình, quý tộc tăng lữ. + Quân đội, đại diện thủy quân thuộc vua. + Tu sĩ, vũ nữ thuộc quý tộc tăng lữ. + Tầng lớp thường dân: thợ thủ công, nghệ nhân, ngư dân, nông dân, khai thác lâm sản
Câu 3: Em có nhận xét gì về tổ chức xã hội của vương quốc Chăm-pa.	- Đứng đầu nhà nước là vua, có quyền lực tối cao, giúp việc cho vua là tể tướng và các quan đại thần và bộ máy ở địa phương. - Xã hội Chăm-pa có sự phân chia giàu nghèo gồm các tầng lớp: tăng lữ, quý tộc, dân tự do và 1 bộ phận nhỏ nô lệ. - Số lượng người dân làm nghề trồng lúa (nông dân) và khai thác lâm sản chiếm số lượng đông...

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá.

GV nhấn mạnh: Vua có quyền tuyệt đối với ruộng đất và thần dân. Các vua luôn đồng nhất mình với thần thánh, luôn tự cho mình là “Đấng thiêng liêng” hoặc “Đấng tối cao”... Giúp việc nhà vua có bộ máy quan lại ở trung ương và địa phương. GV liên hệ với kiến thức đã học ở Chương 4: Khi Ấn Độ giáo được người Chăm tiếp nhận, lin-ga trở thành biểu tượng quyền lực nhà vua - người được đồng nhất với một vị thần, gọi là Thần - Vua).

b. Tổ chức xã hội :

- Xã hội gồm các tầng lớp khác nhau từ quý tộc đến thường dân.
- + Vương công quý tộc: vua, quý tộc triều đình, quý tộc tăng lữ.
- + Quân đội, đại diện thủy quân thuộc vua.
- + Tu sĩ, vũ nữ thuộc quý tộc tăng lữ.
- + Tầng lớp thường dân: thợ thủ công, nghệ nhân, ngư dân, nông dân, khai thác lâm sản

Tiết : 46

Ngày dạy:

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số thành tựu văn hóa tiêu biểu.

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>																		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ cho HS Dựa vào thông tin sgk và các hình ảnh 20.5, 20.6, 20.7, em hãy hoàn thành bảng tổng hợp về các thành tựu của văn hóa Chăm theo mẫu sau: <table border="1" data-bbox="162 454 1045 629"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực văn hóa</th><th>Thành tựu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tìm hiểu về thành tựu chữ viết</td><td></td></tr> <tr> <td>Tìm hiểu về tôn giáo, âm nhạc và múa</td><td></td></tr> <tr> <td>Tìm hiểu về kiến trúc, điêu khắc</td><td></td></tr> </tbody> </table> Bước 2: HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV. Bước 3: HS các nhóm trình bày và báo cáo kết quả. Dự kiến sản phẩm: <table border="1" data-bbox="162 801 1045 1254"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu văn hóa tiêu biểu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chữ viết</td><td>Cư dân tiếp thu chữ Phạn của Ấn Độ, sáng tạo chữ viết riêng.</td></tr> <tr> <td>Tôn giáo</td><td>Bà La Môn và Phật giáo</td></tr> <tr> <td>Nghệ thuật</td><td>Múa Chăm và âm nhạc, phục vụ các nghi lễ tôn giáo</td></tr> <tr> <td>Kiến trúc, điêu khắc</td><td>(Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đồng Dương, các tháp Chăm...)</td></tr> </tbody> </table> Các nhóm khác nhận xét, đánh giá kết quả;. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi). Bước 4: GV nhận xét, đánh giá, kết luận - GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý) Câu 1: Em có ấn tượng nhất với thành tựu văn hóa nào? Hãy giới thiệu thêm những thông tin mà em sưu tầm được về thành tựu văn hóa đó? Câu 2: Nền văn hóa Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X chịu ảnh hưởng của nền văn minh nào mà em đã được học ? Câu 3: Theo em, những thành tựu văn hóa Chăm-pa đã có đóng góp như thế nào cho trang sử nước ta? Dự kiến sản phẩm: Câu 1: hs trình bày theo ý kiến cá nhân Câu 2: Những thành tựu văn hóa của người Chăm chịu ảnh hưởng từ nền văn hóa Ấn Độ từ chữ viết đến tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội. Cùng với sự đa dạng về tín ngưỡng, tôn giáo là những công trình kiến trúc, điêu khắc nổi tiếng như Thánh địa Mỹ Sơn....thể hiện kĩ thuật và trình độ cao của	Lĩnh vực văn hóa	Thành tựu	Tìm hiểu về thành tựu chữ viết		Tìm hiểu về tôn giáo, âm nhạc và múa		Tìm hiểu về kiến trúc, điêu khắc		Lĩnh vực	Thành tựu văn hóa tiêu biểu	Chữ viết	Cư dân tiếp thu chữ Phạn của Ấn Độ, sáng tạo chữ viết riêng.	Tôn giáo	Bà La Môn và Phật giáo	Nghệ thuật	Múa Chăm và âm nhạc, phục vụ các nghi lễ tôn giáo	Kiến trúc, điêu khắc	(Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đồng Dương, các tháp Chăm...)	III. Một số thành tựu văn hóa tiêu biểu: a. Chữ viết: sáng tạo ra chữ viết riêng (Chăm cổ) trên cơ sở chữ Phạn. b. Tôn giáo: du nhập Phật giáo, Ấn Độ giáo góp phần tạo nên những thành tựu xuất sắc trong lĩnh vực nghệ thuật. c. Âm nhạc và múa: để phục vụ các nghi lễ tôn giáo, nên tạo ra một tầng lớp đông đảo nhạc công, vũ nữ. d. Kiến trúc, điêu khắc: nhiều công trình kiến trúc, các tác phẩm điêu khắc vẫn được bảo tồn đến ngày nay. => Đặc sắc, phong phú, đa dạng...
Lĩnh vực văn hóa	Thành tựu																		
Tìm hiểu về thành tựu chữ viết																			
Tìm hiểu về tôn giáo, âm nhạc và múa																			
Tìm hiểu về kiến trúc, điêu khắc																			
Lĩnh vực	Thành tựu văn hóa tiêu biểu																		
Chữ viết	Cư dân tiếp thu chữ Phạn của Ấn Độ, sáng tạo chữ viết riêng.																		
Tôn giáo	Bà La Môn và Phật giáo																		
Nghệ thuật	Múa Chăm và âm nhạc, phục vụ các nghi lễ tôn giáo																		
Kiến trúc, điêu khắc	(Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đồng Dương, các tháp Chăm...)																		

người Chăm xưa (về uy nghiêm, thần bí đã hàm chứa rất nhiều giá trị nghệ thuật, kiến trúc độc đáo, xây dựng bằng gạch đất nung, phản ánh trình độ một dân tộc có nền văn hóa cao) Ngoài ra, đời sống tinh thần của người Chăm rất phong phú đa dạng, nhiều lễ hội gắn với đời sống hiện thực và sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo là phần không thể thiếu đối với văn hóa Chăm-pa.

Câu 3:

- những thành tựu văn hóa Chăm-pa đã có đóng góp to lớn cho trang sử nước ta

+ làm đa dạng, phong phú thêm cho nền văn hóa dân tộc

+ nhiều di tích còn lại đến ngày nay có giá trị quý giá cho nghiên cứu lịch sử

+ thánh địa Mỹ Sơn được UNESCO công nhận là di sản văn hóa TG (1999) giúp quảng bá nền văn hóa Vn, các di tích giúp phát triển du lịch

GV nhấn mạnh: Văn hóa dân tộc Chăm không chỉ mang những nét đặc trưng khác biệt, độc đáo của người dân Chăm mà nó còn là một phần quan trọng tạo nên sự độc đáo cho nền văn hóa dân tộc Việt Nam.

3. Hoạt động : Luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố nội dung kiến thức, hs vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc nhóm để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1: Lập bảng tóm tắt những nét chính về sự ra đời, phát triển, phạm vi lãnh thổ, hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội của vương quốc Chăm-pa.

Yêu cầu	Nội dung chính
Quá trình hình thành và phát triển	
Phạm vi lãnh thổ	
Hoạt động kinh tế	
Tổ chức xã hội	

Câu 2: Theo em, biểu giữ vai trò gì trong đời sống kinh tế của cư dân Champa xưa?

Câu 3: Những hoạt động kinh tế nào vẫn được cư dân miền Trung Việt Nam ngày nay chú trọng?

Bước 2: HS hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Bảng tóm tắt những nét chính về sự ra đời, phát triển, phạm vi lãnh thổ, hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội của vương quốc Chăm-pa.

Yêu cầu	Nội dung chính
Quá trình hình thành và phát triển	- Cuối thế kỷ II, nhân dân Tượng Lâm giành độc lập, giành quyền tự chủ, lập nước Lâm Ấp. Khoảng thế kỉ VII, tên nước đổi thành Chăm-pa. - Về sau, Lâm Ấp tiếp tục mở rộng lãnh thổ về phía Nam, kéo dài đến Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay.
Phạm vi lãnh thổ	Từ dãy Hoàng Sơn đến Phan Rang, Bình Thuận.
Hoạt động kinh tế	- Sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, một năm hai vụ. - Nghề làm gốm, xây dựng, khai thác lâm sản, đóng thuyền, đánh bắt cá... cũng phát triển. - Chăm-pa trở thành cầu nối trao đổi, buôn bán thường xuyên của các thương nhân Trung Quốc, Ấn Độ...
Tổ chức xã hội	- Vua đứng đầu vương quốc - Bộ máy được tổ chức từ trung ương đến địa phương

Câu 2: Biển giữ vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế của cư dân Champa xưa. Biển cung cấp cá, tôm, thủy hải sản cho con người, là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi sản vật với thuyền buôn đến từ nước ngoài.

Câu 3: Những hoạt động kinh tế vẫn được cư dân miền Trung Việt Nam ngày nay chú trọng: làm nông nghiệp, đánh bắt cá, tôm...

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Tiết 47:

Ngày dạy:

4. Hoạt động vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1 : Hãy thiết kế sơ đồ tư duy về những thành tựu của văn hóa Cham-pa

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm

Bước 3: Các nhóm trưng bày sản phẩm. Các nhóm nhận xét sản phẩm lẫn nhau theo kĩ thuật 3-2-1: 3 lời khen- 2 góp ý- 1 câu hỏi

Các tiêu chí đánh giá

+ nội dung

+ Hình thức

+ cách trình bày

Bước 4: Gv nhận xét, đánh giá sản phẩm các nhóm

Nhiệm vụ 2:

1. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu nào của vương quốc Chăm vẫn được bảo tồn đến ngày nay? Di tích văn hóa Chăm nào được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới?

2. Theo em, cần phải làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích?

3. Trong vai hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu về một trong những thành tựu văn hóa của Chăm-pa (như đền, tháp, phù điêu, vũ điệu...).

Bước 2: HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Câu 1: - Để bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử cần:

- + Giữ gìn sạch sẽ các di sản văn hóa, địa phương.
- + Đi tham quan hoặc tìm hiểu thông qua in-ter-nét về các di tích lịch sử, di sản văn hóa
- + Không vứt rác bừa bãi khi đến các di tích lịch sử, văn hóa
- + Tổ giác kẻ gian ăn cắp các cổ vật di vật
- + Tham gia các lễ hội truyền thống.
- + Nhắc nhở, tuyên truyền với về tầm quan trọng và ý nghĩa của di sản văn hoá....

Câu 2:

Thánh địa Mỹ Sơn, với hơn 70 đền tháp xây dựng bắt đầu từ giữa thế kỉ VII. Các vua Chăm trước đây chọn Mỹ Sơn để đóng đô có lẽ do tính chất thiêng liêng của vùng đất để tôn thờ thần thánh và cũng do đây là vị trí phòng ngự tốt trong trường hợp kinh đô Trà Kiệu bị đe dọa. Theo văn bia để lại, tiền thân của nó là một ngôi đền làm bằng gỗ từ thế kỉ thứ IV để thờ thần Di-va Bha-dre-xve-ra. Nhưng đến khoảng cuối thế kỉ VI, một cơn hoả hoạn đã thiêu cháy ngôi đền gỗ. Sau đó vào đầu thế kỉ VI, vua Sam-bhu-vac-man (trị vì từ năm 577 đến năm 629) đã dùng gạch để xây dựng lại ngôi đền còn tồn tại đến ngày nay. Các triều vua sau đó vẫn tiếp tục tu sửa lại các đền tháp cũ và xây dựng các đền tháp mới để thờ các vị thần. Mỹ Sơn là khu thánh địa quan trọng nhất của dân tộc Chăm suốt từ cuối thế kỉ IV đến thế kỉ XV. Giá trị của các di tích ở Mỹ Sơn còn được thể hiện qua nghệ thuật điêu khắc, chạm nổi trên gạch, trên đá với những hình ảnh sống động về các vị thần, tu sĩ, vũ nữ, hoa lá, muông thú và các vật tế lễ,... Với những giá trị lịch sử văn hoá, thẩm mỹ, Thánh địa Mỹ Sơn đã được UNESCO bình chọn là Di sản văn hoá thế giới năm 1999.

Tượng phật Đồng Dương

Tượng phật Đồng Dương có kích thước lớn (cao: 120 cm; rộng: 38 cm) thuộc phong cách Đồng Dương, với kỹ thuật đúc đặc biệt, đạt trình độ cao. Tượng đứng trên bệ hai cấp, tóc xoắn ốc, tai dài, khuôn mặt tròn, đầy đặn, giữa trán có khắc vòng tròn, lông mày cong, mũi thon, cổ 3 ngón, vai để trần, mặc áo choàng nhiều nếp gấp. Hai tay đưa ra phía trước theo cử chỉ Vitarkamudra, tay phải vịn nhẹ đầu vạt áo choàng. Tượng mang phong cách nghệ thuật Amaravati, ngoài hình dáng cân đối, hài hòa, kỹ thuật tạo y phục rất tinh tế, mềm mại làm toát lên vẻ đẹp uy nghiêm, huyền bí của Đức Phật. Tượng Phật Đồng Dương có giá trị đặc biệt liên quan đến một giai đoạn Phật giáo ở Champa phát triển hưng thịnh nhất, đó là thời kỳ thuộc triều Indravarman II, còn gọi là “Vương triều Đồng Dương” hay “Vương triều Phật giáo”. Tượng Phật Đồng Dương được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm bởi giá trị nghệ thuật và yếu tố giao lưu văn hóa Ấn Độ khá đậm nét trên tác phẩm này. Tượng Phật Đồng Dương là tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu của Văn hóa Chăm Pa, được nhiều nước trên thế giới lựa chọn để trưng bày giới thiệu về văn hóa Việt Nam, là điểm nhấn quan trọng trong các cuộc triển lãm. Hiện nay, bức tượng phật Đồng Dương đang được lưu giữ tại bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 48,49,52

VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Mô tả được sự thành lập của Vương quốc Phù Nam.
- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.
- Nhận biết được một số thành tựu tiêu biểu của Vương quốc Phù Nam trong lịch sử.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự, tự học: Tự giác, chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: sử dụng ngôn ngữ kết hợp với tư liệu lịch sử để trình bày ý kiến trong hợp tác nhóm, Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp,
- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết đặt câu hỏi trao đổi phản biện; phân tích tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; hình thành được ý tưởng dựa trên những nguồn thông tin đã cho.

b. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được những thông tin, hiện vật, tranh ảnh, lược đồ có trong bài dưới sự hướng dẫn của GV.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
- Xác định được vị trí của Vương quốc Phù Nam trên lược đồ Việt Nam.
- Mô tả được sự thành lập, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam.
- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.
- Nhận biết được một số thành tựu tiêu biểu của Vương quốc Phù Nam trong lịch sử.
- Vận dụng: Vận dụng 1 số kiến thức trong bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn. (Mối liên hệ giữa văn hóa Phù Nam với văn hóa Nam Bộ ngày nay).

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Có tinh thần yêu nước, tôn trọng các di sản văn hóa, tự hào về vùng đất Nam Bộ xưa- cửa ngõ giao lưu văn hóa thế giới của khu vực Đông Nam Á.
- Trách nhiệm: Có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy những tinh hoa văn hóa Óc Eo.
- Chăm chỉ: Cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, giấy A0
- Một số hình ảnh minh họa, video (nếu có), lược đồ liên quan đến bài học

2. Học sinh:

- Suu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học
- SGK, vở ghi...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KĨ THUẬT

- Phương pháp: nêu vấn đề, phát vấn, hợp tác, sử dụng phương tiện trực quan, dự án
- Kĩ thuật: động não, 321, Think-pair-share

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động/ mở đầu:

a. Mục tiêu: Tạo không khí hứng khởi để HS bắt đầu một tiết học mới. Từ đó, giáo viên dẫn vào bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

* **Cách 1:** GV chiếu 1 đoạn phim “Đất Phương Nam”, yêu cầu HS quan sát và trả lời các câu hỏi, hoạt động cá nhân, thời gian 2 phút. (Trước khi HS xem đoạn video, GV phát giấy ghi nhớ/note và đọc câu hỏi)

Câu 1: Quan sát, theo dõi đoạn video và cho biết: Đoạn video trên nói về vùng đất nào của nước ta?

Câu 2: Em biết gì về vùng đất trên? (Thu thập 1 số thông tin về vùng đất này qua đoạn video)

* **Cách 2:** GV chiếu tranh ảnh, yêu cầu HS quan sát và trả lời các câu hỏi, hoạt động cá nhân, thời gian 2 phút.

Câu 1: Quan sát và cho biết nội dung của những bức tranh sau.

Câu 2: Em thử đoán xem, chúng ta đang đi du lịch đến vùng đất nào của Việt Nam.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm: (Gợi ý)

Câu 1: Nội dung của những bức tranh:

(H1): Cảnh buôn bán tấp nập trên sông (Chợ nổi)

(H2): Đồng lúa chín vàng, trĩu bông

(H3): Đầm sen vào mùa hoa nở

(H4) Cảnh sông nước và những rừng dừa ven bờ

Câu 2: (HS có thể dựa vào tranh ảnh, sự hiểu biết và năng lực của bản thân để dự đoán)

- Chúng ta đang đi du lịch đến vùng đất Nam Bộ của Việt Nam.

GV dẫn vào bài mới: Nam Bộ ngày nay là 1 trong 3 vùng đất ở Việt Nam (Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ). Trước đây, những cư dân đầu tiên của vùng đất này bắt đầu tìm đến các gò đất nổi trên vùng trũng sông nước mênh mông để dựng nhà, trồng lúa, trồng khoai. Không chỉ tìm cách thích ứng với điều kiện tự nhiên để tồn tại và phát triển, cư dân Phù Nam còn xây dựng được một vương quốc với những thành tựu phát triển rực rỡ nhất khu vực Đông Nam Á trong 7 thế kỉ đầu Công nguyên. Vậy, Vương quốc Phù Nam được hình thành và phát triển như thế nào? Có những hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội và những thành tựu văn hóa tiêu biểu nào? Cô và các em sẽ cùng tìm hiểu Bài 21....

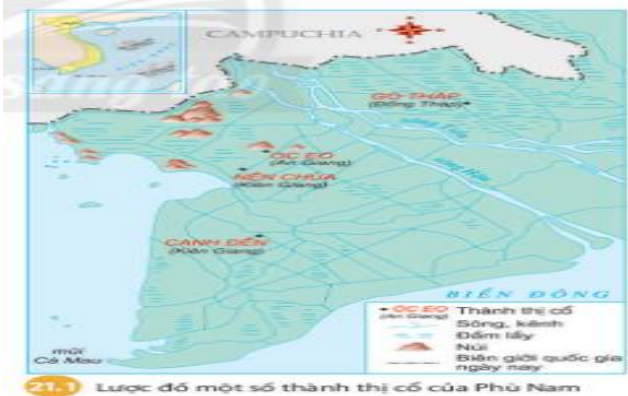
2. Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Tìm hiểu quá trình hình thành, phát triển và suy vong của Phù Nam.

a. Mục tiêu:

- Xác định được vị trí của Vương quốc Phù Nam trên lược đồ Việt Nam.
- Mô tả được sự thành lập của Vương quốc Phù Nam.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhiệm vụ 1: - GV yêu cầu HS quan sát lược đồ Các quốc gia cổ ở Đông Nam Á, kết hợp 1 số tranh ảnh liên quan, đọc tư liệu SGK (Tr92) 1. Vương quốc Phù Nam ra đời khi nào? Vị trí của vương quốc Phù Nam xưa kia nằm trên vùng đất của nước ta hiện nay? 2. Quan sát lược đồ 21.2 và tư liệu phần “em có biết”, hãy mô tả điều kiện tự nhiên nơi vương quốc Phù Nam ra đời?  Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs làm việc theo bàn thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Gv mời đại diện 2 nhóm + xác định vị trí của vương quốc Phù Nam + Mô tả đặc điểm tự nhiên vùng đất nơi Phù Nam ra đời Dự kiến sản phẩm:	I. Quá trình hình thành, phát triển và suy vong của Phù Nam. - Vương quốc Phù Nam ra đời khoảng thế kỉ I - Địa bàn chủ yếu: trên vùng đất Nam Bộ ngày nay - Óc Eo (An Giang, Việt Nam) và Ăng-co Bo-rây (Cam-pu-chia) là những trung tâm chính trị, kinh tế quan trọng. (- Quá trình phát triển - phát triển hùng mạnh khoảng thế kỉ III - V; đến thế kỉ VI thì suy yếu; bị người Chân Lạp xâm chiếm và sụp đổ vào đầu thế kỉ VII)

-Vị trí: chủ yếu vùng đất Nam Bộ và nhiều vùng đất thuộc 1 số nước ĐNÁ Việt Nam, như đông nam Campuchia, Thái Lan, Lào, Malaysia)

- Điều kiện tự nhiên: + Có mạng lưới sông ngòi dày đặc và lượng lớn phù sa bồi đắp hằng năm của hệ thống sông Đồng Nai, sông Cửu Long.

+ Vị trí nằm sát biển, đường bờ biển dài với những vịnh biển. Phần lớn vùng đất này thường bị ngập vào mùa mưa khi nước sông Mê Công dâng lên và bị xâm nhập mặn từ biển vào mùa khô.

Các nhóm nhận xét , bổ sung về nội dung, kĩ năng lược đồ của nhóm trình bày

Hệ thống các thành thị: Óc Eo (An Giang); Nền Chùa và Cạnh Điền (Kiê Giang), Gò Tháp ở Đồng Tháp. Đặc điểm chung: các thành thị đều được xây dựng trên bờ kênh ngập nước, cách biển từ 2-10km và nối với nhau bằng những con kênh

Bước 4:

Gv nhận xét, kết luận

Nhiệm vụ 2: Mô tả quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam

(Hs tự học theo sgk và thực hiện ở nhà)

Dự kiến sp : - Khoảng thế kỉ I, Vương quốc Phù Nam ra đời.

- Từ thế kỉ II đến thế kỉ V, Phù Nam là quốc gia phát triển nhất trong khu vực Đông Nam Á. Thời gian này, Phù Nam là trung tâm kết nối giao thương và văn hoá giữa các cộng đồng dân cư trong khu vực với Ấn Độ, Trung Quốc.

- Từ thế kỉ III, Phù Nam bắt đầu mở rộng lãnh thổ, nhiều lần còn chinh phục các xứ lân bang.

- Thế kỉ VI, Phù Nam bắt đầu suy yếu và bị Chân Lạp thôn tính.

- Đầu thế kỉ VII, vương quốc Phù Nam sụp đổ.

- GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý)

Câu 1: So sánh hoàn cảnh ra đời của Vương quốc Phù Nam với Vương quốc Chăm-pa?

Câu 2: Quan sát mục Em có biết và H21.1 hãy kể tên và xác định hệ thống các thành thị Phù Nam. Đặc điểm chung của các thành thị này là gì?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: So với Vương quốc Chăm-pa thì Vương quốc Phù Nam ra đời muộn hơn và suy vong sớm hơn (TK I-TK VII), Chăm-pa ra đời sớm hơn và suy vong muộn hơn (TK II-X).

GV nhấn mạnh: Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I gắn liền gắn với những thành thị chủ yếu nằm bên bờ biển, xây dựng trên những dải đất cao của vùng trũng mênh mông cùng với sự phát triển của văn hoá Óc Eo (giống như văn hoá Đông Sơn với Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc, văn hoá Sa Huỳnh với Nhà nước Chăm-pa). Sự ra đời của Phù Nam được phản ánh qua truyền thuyết về Hồn Điểu và Liễu Diệp (cùng giống như huyền thoại Con Rồng, cháu Tiên lập nước Văn Lang). Từ thế kỉ III đến thế kỉ V, Phù Nam là quốc gia phát triển nhất trong khu vực Đông Nam Á, là trung tâm kết nối giao thương và văn hoá giữa các cộng đồng dân cư trong khu vực với Ấn Độ, Trung Quốc. Thế kỉ VI, Phù Nam bắt đầu suy yếu và bị Chân Lạp thôn tính vào thế kỉ VII. Các thành thị cổ nổi tiếng một thời như Óc Eo (An Giang) cũng đột ngột biến mất.

Hoạt động 2: Tìm hiểu hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội.

a. Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Quan sát các tư liệu hình ảnh, hãy nêu những hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Phù Nam? 2. Nêu những hoạt động chính của thành thị Óc Eo? Những tầng lớp dân cư nào trong xã hội cư trú ở Óc Eo trước khi cảng thị này sụp đổ?  Bước 2: Hs thảo luận nhóm (kỹ thuật khăn trải bàn) thực hiện nhiệm vụ.	<u>2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội:</u> <u>a. Hoạt động kinh tế:</u> - Người Phù Nam làm nhiều nghề khác nhau như: trồng lúa nước, chăn nuôi gà, lợn, đánh bắt thủy hải sản, làm đồ thủ công như đồ gốm, trang sức, đồ đựng bằng thủy tinh, luyện đồng và rèn sắt, chế tạo công cụ sản xuất, vũ khí,... - Ngoại thương đường biển rất phát triển thông qua các cảng thị, tiêu biểu là Óc Eo.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả**Dự kiến sản phẩm:**

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 2: Hãy cho biết những hoạt động kinh tế chính của cư dân Phù Nam.	- Phần lớn cư dân Phù Nam sống bằng nghề trồng lúa. Cư dân Phù Nam có thể “gieo (lúa) một năm, gặt hái ba năm”. - Nhiều sản phẩm thủ công nghiệp độc đáo thể hiện đặc trưng của vùng văn hoá sông nước vẫn còn tồn tại đến ngày nay. - Nghề đánh bắt thủy hải sản rất phát triển. - Đặc biệt, người Phù Nam rất giỏi nghề buôn bán. Không chỉ trao đổi hàng hoá để tiêu dùng trong nước, người Phù Nam còn buôn bán với các thương nhân nước ngoài đến từ Trung Quốc, Chăm.. thông qua các cảng thị, tiêu biểu là Ớc Eo.
Câu 3: Nêu những hoạt động chính của thành thị Ớc Eo. Những tầng lớp cư dân nào trong xã hội cư trú ở Ớc Eo trước khi nó sụp đổ.	- Những hoạt động chính của thành thị Ớc Eo là buôn bán, trao đổi hàng hoá. - Những tầng lớp cư dân trong xã hội cư trú ở Ớc Eo trước khi nó sụp đổ: thương nhân, thợ thủ công Phù Nam và thương nhân nước ngoài.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý).

- GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý)

Câu hỏi

1. Quan sát 1 số hình ảnh sản phẩm thủ công của Phù Nam, em hãy lựa chọn 2 từ ngữ để miêu tả cảm hoặc nêu cảm nhận của em về các sản phẩm thủ công đó?
2. So sánh hoạt động kinh tế của cư dân Phù Nam và cư dân Chăm-pa?

Dự kiến sản phẩm:

	Chăm-pa	Phù Nam
Giống	- Nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa nước, sử dụng sức kéo của trâu bò. Ngoài ra, cư dân còn chăn nuôi, làm các mặt hàng thủ công, đánh cá....	

Khác	- Nông nghiệp trồng lúa, công cụ sắt và sức kéo trâu bò, đã biết sử dụng guồng nước - Các nghề thủ công khai thác làm thổ sản khá phát triển, đóng gạch, kĩ thuật xây tháp đạt trình độ cao.	- Sản xuất nông nghiệp, kết hợp làm nghề thủ công, đánh cá và buôn bán... - Ngoại thương đường biển phát triển hơn.
------	---	--

GV nhấn mạnh: Hoạt động kinh tế của cư dân Phù Nam khá phong phú. Đó vừa là nền kinh tế sản xuất tại chỗ, sự tinh tế của đồ trang sức bằng kim loại và đá quý; đồ gốm (Hình 21.2. Bình gốm Đây là loại bình có vôi thân hình cầu, phình tròn ở giữa, thu nhỏ ở cổ và đáy bình. Miệng bình loe cong. Kích thước của bình khá lớn, nhiều chiếc có hoa văn khắc vạch tam giác hay sóng nước ở thân. Có chiếc tô màu đỏ (thổ hoàng) hay tô màu đen chì rất đẹp. Điều đáng lưu ý là những bình Ken-di thường được tìm thấy trong các phế tích đền tháp, hầu hết bị gãy vôi, dấu vết cho thấy sự “cố ý” đập gãy rời vôi khỏi thân bình. Vì vậy nhiều khả năng cho biết đây là di vật dùng trong các nghi lễ tôn giáo Bà La Môn, những chiếc vôi bình mang bóng dáng ngẫu tượng Lin-ga - tượng trưng cho thần Si-va;

H21.3 không chỉ minh chứng cho sự phát triển của thủ công nghiệp vừa có hoạt động kinh tế buôn bán trong nước và với nước ngoài. Những sản phẩm này đã cho thấy sự phát triển sôi động trong phát triển thương nghiệp Phù Nam. Đây là đặc điểm khác biệt khá rõ so với kinh tế của Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS quan sát thông tin SGK (Tr93), hoạt động cá nhân, thời gian 4 phút.

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Em hãy kể tên những tầng lớp trong xã hội Phù Nam. Những tầng lớp đó làm công việc gì?	
Câu 2: Xã hội Phù Nam có nét tương đồng nào với xã hội Chăm-pa?	.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV.

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Yêu cầu	Sản phẩm
---------	----------

Câu 1: Em hãy kể tên những tầng lớp trong xã hội Phù Nam. Những tầng lớp đó làm công việc gì?	- Xã hội Phù Nam có nhiều tầng lớp: Quý tộc, nông dân, thương nhân, thợ thủ công. + Quý tộc và phần lớn thương nhân, thợ thủ công sống trong các thành thị. + Thợ thủ công làm nghề kim hoàn, làm đồ trang sức, tạc tượng. + Thương nhân buôn bán và trao đổi sản vật, hàng hoá	b. Tổ chức xã hội : - Xã hội có nhiều tầng lớp: quý tộc, thương nhân, thợ thủ công và nông dân. + Quý tộc và phần lớn thương nhân, thợ thủ công sống trong các thành thị. + Thợ thủ công làm nghề kim hoàn, làm đồ trang sức, tạc tượng. + Thương nhân buôn bán và trao đổi sản vật, hàng hoá
Câu 2: Xã hội Phù Nam có nét tương đồng nào với xã hội Chăm-pa?	- Là nhà nước quân chủ chuyên chế: vua đứng đầu vương quốc và có quyền lực cao nhất; dưới vua là hệ thống quan lại trong một hệ thống chính quyền có nhiều cấp bậc. - Sự hình thành của tầng lớp thương nhân.	

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý).

GV nhấn mạnh: Tổ chức nhà nước ở Phù Nam trong khoảng hai thế kỉ đầu sau khi thành lập còn đơn giản và lỏng lẻo nhưng từ thế kỉ III dần được hoàn thiện. Vua là người đứng đầu và có quyền lực cao nhất; dưới đó là hệ thống quan lại giúp việc cho vua với nhiều cấp bậc. Xã hội Phù Nam được phân chia thành năm thành phần chính: quý tộc, tăng lữ, thương nhân, thợ thủ công và nông dân. Sự tinh tế của đồ trang sức bằng kim loại và đá quý không chỉ minh chứng cho sự phát triển của thủ công nghiệp và ngoại thương mà còn cho thấy thành thị, nơi sinh sống của những tầng lớp cư dân khác nhau, đã giữ vai trò quan trọng trong tổ chức xã hội của Phù Nam.

Ngày dạy:

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số thành tựu văn hóa tiêu biểu.

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số thành tựu tiêu biểu của Vương quốc Phù Nam trong lịch sử.

b. Tổ chức hoạt động:

<u>Hoạt động của GV-HS</u>	<u>Nội dung ghi bảng</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS dựa vào H21.4; H21.5; H21.6; H21.7, mục Em có biết và thông tin trong SGK kết hợp với sự hiểu biết của HS hoàn thành dự án. + Tên dự án: Phù Nam-tinh hoa văn hóa Óc Eo.	<u>3. Một số thành tựu văn hóa:</u> - Ở nhà sàn, làm nhà trên kênh rạch, xây thành thị ở những vùng đất nổi, đi lại chủ yếu bằng mảng, ghe thuyền. - Chữ Phạn đã du nhập vào Phù Nam.

+ GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu ở nhà những nội dung sau: (Hs có thể lựa chọn các hình thức báo cáo như: sơ đồ tư duy, áp phích, tập san, thiết kế bài trình bày trên máy tính...)

Bước 2: hs làm việc theo nhóm thực hiện nhiệm vụ ở nhà

Bước 3: HS trình bày và báo cáo kết quả (dán sản phẩm trên bảng và xung quanh lớp học)

Dự kiến sản phẩm:

Nhiệm vụ	Sản phẩm
Tìm hiểu và nhận xét về những thành tựu văn hóa Phù Nam.	- Người Phù Nam ở nhà sàn, làm nhà trên kênh rạch, xây thành thị ở những vùng đất nổi, đi lại chủ yếu bằng mảng, ghe thuyền. - Chữ Phạn đã du nhập vào Phù Nam. - Hin-đu giáo và Phật giáo đều được du nhập từ Ấn Độ và phát triển ở Phù Nam. Thế kỉ V- VI, Phật giáo chiếm ưu thế. Nhiều pho tượng Phật bằng đủ chất liệu, đá, đồng và đặc biệt là gỗ vẫn còn tồn tại đến ngày nay. - Bên cạnh một nền nghệ thuật kim hoàn tinh tế, phát triển cao, Phù Nam còn nổi tiếng với những bức chạm nổi trên đá, đất nung .=> Đời sống văn hóa phong phú và đa dạng...

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; GV nhận xét, đánh giá. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 321: cho 3 lời khen; 2 lời góp ý và 1 câu hỏi).

- GV đặt thêm câu hỏi hoặc HS có thể đặt 1 số câu hỏi để trao đổi, phản biện (gợi ý)

Câu 1: Theo em, nét văn hóa nào của cư dân Phù Nam còn được lưu giữ trong đời sống của người Nam Bộ hiện nay?

Câu 2: Là HS em cần làm gì để giữ gìn và phát huy những thành tựu văn hóa Phù Nam?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Nét văn hóa của cư dân cổ Phù nam còn được lưu giữ trong đời sống của người Nam Bộ hiện nay như ở nhà sàn, nhiều nơi vẫn còn di chuyển bằng ghe thuyền, bia Đồng Tháp Mười khắc bằng chữ Phạn vẫn còn khá nguyên vẹn, nhiều pho tượng Phật bằng đủ chất liệu, đá, đồng và đặc biệt là gỗ, một số sản phẩm kim hoàn và nhiều bức phù điêu vẫn còn tồn tại đến nay.

Câu 2: (Gợi ý)

- Hin-đu giáo và Phật giáo đều được du nhập từ Ấn Độ và phát triển ở Phù Nam.

- Nghệ thuật kim hoàn tinh tế, phát triển cao...

=> **Phong phú và đa dạng**

- Đi tham quan trong các bảo tàng Nam Bộ hoặc tìm hiểu thông qua in-ter-nét về các thành tựu văn hóa của người Phù Nam.

- Tuyên truyền với mọi người về văn hóa Phù Nam cổ, quảng bá những hình ảnh, nét đẹp văn hóa của người Nam Bộ đối với bạn bè quốc tế...

GV nhấn mạnh: Văn hóa Phù Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nền văn hóa Ấn Độ, tiêu biểu là Hin-đu giáo và Phật giáo (giống Chăm-pa) thể hiện qua những đền thờ, tượng Phật, các loại phù điêu, lá vàng được tìm thấy ở hầu hết các di chỉ khảo cổ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Điều này, chứng minh sự du nhập khá sớm của những yếu tố văn hóa, văn minh Ấn Độ và sự ảnh hưởng của nó đến đời sống tinh thần của cư dân Phù Nam, góp phần tạo nên đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, văn hóa khá đa dạng và phong phú.

Ngày dạy:

3. Hoạt động luyện tập :

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa và hoàn thiện về nội dung kiến thức đã được tìm hiểu ở hoạt động hình thành kiến thức mới.

b. Tổ chức hoạt động:

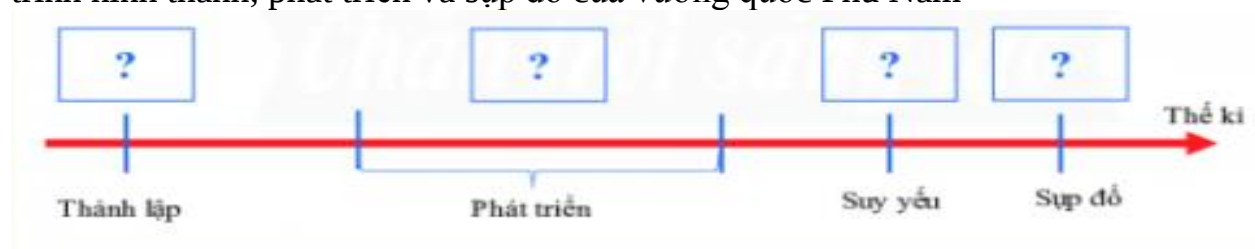
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc nhóm để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1: Lập bảng tóm tắt những nét chính về sự ra đời, phát triển và suy vong, phạm vi lãnh thổ, hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội của vương quốc Phù Nam.

Yêu cầu	Nội dung chính
Quá trình hình thành, phát triển và suy vong	
Phạm vi lãnh thổ	
Hoạt động kinh tế	
Tổ chức xã hội	

Câu 2: Em hãy xác định các mốc thời gian (theo thế kỉ) trong sơ đồ bên dưới về quá trình hình thành, phát triển và sụp đổ của vương quốc Phù Nam



Bước 2: HS hoạt động nhóm và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Bảng tóm tắt những nét chính về sự ra đời, phát triển, phạm vi lãnh thổ, hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội của vương quốc Phù Nam.

Yêu cầu	Nội dung chính
Quá trình hình thành, phát triển và suy vong	- Vương quốc Phù Nam ra đời khoảng thế kỉ I; phát triển hùng mạnh khoảng thế kỉ III - V; đến thế kỉ VI thì suy yếu; bị người Chân Lạp xâm chiếm vào đầu thế kỉ VII. - Óc Eo (An Giang, Việt Nam) và Ăng-co Bo-rây (Cam-pu-chia) là những trung tâm chính trị, kinh tế quan trọng.
Phạm vi lãnh thổ	Địa bàn chủ yếu là khu vực Nam Bộ nước ta hiện nay. Thời kì đỉnh cao, phạm vi của Phù Nam được mở rộng, có thể bao gồm nhiều vùng đất thuộc một số nước Đông Nam Á ngày nay.
Hoạt động kinh tế	- Người Phù Nam làm nhiều nghề khác nhau như: trồng lúa nước, chăn nuôi gà, lợn, đánh bắt thủy - hải sản, làm đồ thủ công như đồ gốm, trang sức, đồ đựng bằng thủy tinh, luyện đồng và rèn sắt, chế tạo công cụ sản xuất, vũ khí,... - Ngoài ra, họ rất giỏi nghề buôn bán (ngoại thương) không chỉ trao đổi hàng hoá để tiêu dùng trong nước, người Phù Nam còn buôn bán với các thương nhân nước ngoài đến từ Trung Quốc, Chăm.. thông qua các cảng thị, tiêu biểu là Óc Eo.
Tổ chức xã hội	- Nhà nước quản chủ chuyên chế: vua đứng đầu vương quốc và có quyền lực cao nhất; dưới vua là hệ thống quan lại trong một hệ thống quan lại với nhiều cấp bậc. - Xã hội phân thành 5 thành phần chính: quý tộc, tăng lữ, thương nhân, thợ thủ công và nông dân.

Câu 2: Các mốc thời gian (theo thế kỉ) trong sơ đồ về quá trình hình thành, phát triển và sụp đổ của vương quốc Phù Nam

- Thành lập: khoảng thế kỉ I.
- Phát triển: từ thế kỉ III đến thế kỉ V.
- Suy yếu: thế kỉ VI.
- Sụp đổ: khoảng đầu thế kỉ VII

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

4. Hoạt động vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện :

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi, HS suy nghĩ và hoàn thành theo yêu cầu của GV. (HS có thể chọn 1 trong 2 câu)

Câu 1: Sự ra đời và phát triển của các quốc gia cổ trên lãnh thổ Việt Nam (nước Văn Lang, Âu Lạc, Vương quốc Chăm-pa và Vương quốc Phù Nam) có vị trí, ý nghĩa lịch sử như thế nào?

Câu 2: Trong vai hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu về một nét văn hóa của Nam Bộ ngày nay mà em ấn tượng.

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày sản phẩm, kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Từ khoảng thế kỉ VII TCN đến những thế kỉ đầu Công nguyên, trên lãnh thổ Việt Nam đã hình thành các quốc gia cổ như: Văn Lang (sau đó là Âu Lạc); Chăm-pa và Phù Nam. Sự ra đời và phát triển cùng với đó là những thành tựu văn hóa đặc sắc của các quốc gia này đã:

- + Cho thấy lịch sử dựng nước từ sớm và lâu đời của dân tộc Việt Nam.
- + Tạo cơ sở cho sự hình thành quốc gia dân tộc Việt Nam sau này.
- + Góp phần quan trọng trong việc tạo dựng nên những giá trị truyền thống cốt lõi, định hình bản sắc văn hóa dân tộc.

Câu 2: HS có thể lựa chọn những nét văn hóa độc đáo của Nam Bộ (chợ nổi Nam Bộ)



Chợ nổi Nam Bộ ngày nay

Đất nước Việt Nam nhỏ bé nhưng vô cùng đa dạng về địa hình và văn hóa. Xuôi về phía Nam sông nước, ta sẽ chiêm ngưỡng một miền ôn hòa, chân chất, giàu tình người và những loại hình văn hóa đặc biệt. Đến với Miền Tây bạn không chỉ được thưởng thức những món ăn ngon đặc sắc, những danh lam thắng cảnh nổi tiếng mà còn được ghé thăm một khu chợ đặc biệt – chợ nổi.

Gọi là chợ nổi, vì chợ họp trên sông. Giữa một vùng sông nước bao la là hàng trăm chiếc ghe, xuồng của người quanh vùng về đây tụ tập mua bán. Chợ họp suốt cả ngày, nhưng nhộn nhịp nhất là vào buổi sáng. Thuyền, ghe tập nập đi lại, luồn lách trên mặt nước. Tiếng chào mời mua bán, tiếng cười nói gọi nhau, tiếng ồn ã của động cơ... làm vang động cả một vùng, quang cảnh nhộn nhịp và sôi động. Trên thuyền chất đầy hàng hoá, nhiều nhất vẫn là trái cây, mùa nào thức nấy: chôm chôm, xoài, cam, quýt, bưởi, măng cụt, sầu riêng..., sản vật của vùng sông nước kênh rạch như cá, rùa, rắn, cua, tôm, chim đồng, bông súng, rau tươi... Chủ nhân của ghe, thuyền treo lủng lẳng một vài thứ trái cây, hàng hoá hay một bảng hiệu quảng cáo trên chiếc sào nơi thuyền của mình, cái cao cái thấp, cái thẳng cái nghiêng trông thật lạ mắt. Các loại dịch vụ ăn uống, hớt tóc, may vá... cũng diễn ra ngay trên ghe, xuồng, rất tiện dụng và đường như thỏa mãn mọi nhu cầu mua sắm sinh hoạt đời thường của người dân vùng này.

Các chợ nổi lớn của miền Tây như Phụng Hiệp, Phong Điền, Cái Răng (Cần Thơ), Cái Bè (Tiền Giang)... Phần lớn nông sản hàng hoá ở đây được bán cho những thương nhân rồi từ đó được chuyển tới các nhà máy chế biến thực phẩm, hoa trái hay

chờ ra tận Hà Nội và các địa phương miền Bắc. Chợ nổi là nét sinh hoạt văn hoá độc đáo của người dân vùng châu thổ sông Cửu Long.

Chợ nổi là nét văn hóa đặc thù của vùng sông nước miền Tây phóng khoáng và nghĩa tình. Nếu có đặt chân đến vùng đất Tây Nam Bộ, bạn hãy đừng quên ghé thăm và trải nghiệm nét độc đáo riêng nơi đây để hòa vào nếp văn hóa đặc sắc nơi đây.

Bước 4: HS các khác nhận xét, đánh giá kết quả; bổ sung; GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi và ghi điểm cho HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết : ÔN TẬP CUỐI KÌ II

1. Kiến thức:

Hệ thống kiến thức cơ bản ở chương 5: VN từ khoảng TK VII trước công nguyên đến đầu TK X (các bài 19,20,21)

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ, lắng nghe, phản hồi tích cực khi làm việc nhóm.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự giác chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe, phản hồi tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin
- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết phân tích, so sánh, tổng hợp kiến thức về thành tựu của các nền văn hóa cổ đại

b. Năng lực lịch sử:

- Tìm hiểu lịch sử:
 - + Khai thác và sử dụng được thông tin của một số loại tư liệu lịch sử dưới sự hướng dẫn của Gv
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Trình bày được bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ thứ X ở nước ta.
 - + Trình bày được sự thành lập, tổ chức xã hội và những thành tựu văn hóa của cư dân Cham Pa và Phù Nam
- Vận dụng: vận dụng kiến thức đã học trong các bài 19,20,21 để giải thích, mô tả những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực ôn tập, cố gắng trong các hoạt động học tập, để đạt kết quả tốt.
- Trung thực: có tính chính xác, trung thực trong quá trình học tập và cuộc sống

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Sơ đồ và bảng hệ thống kiến thức.

- Hệ thống câu hỏi thảo luận.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Sách vở, đồ dùng học tập
- Ôn tập, chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của GV

III. PHƯƠNG PHÁP:

Sơ đồ tư duy, dạy học theo dự án, nêu vấn đề

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động Mở đầu

a. Mục tiêu:

Tạo hứng thú cho hs, hs nhận định được nhiệm vụ của giờ ôn tập

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:

Hs quan sát 3 hình ảnh và cho biết mỗi hình ảnh này liên quan đến nội dung bài học nào?



Bước 2:

Thực hiện nhiệm vụ: hs quan sát ảnh và thực hiện nhiệm vụ (làm việc cá nhân)

Bước 3:

Gv gọi 1-2 hs báo cáo kết quả. Cả lớp theo dõi, nhận xét

Bước 4: gv kết nối vào nd ôn tập, yêu cầu hs nêu nhiệm vụ của giờ ôn tập: Hệ thống hóa, củng cố kiến thức về các bài 19,20, 21

2. Hoạt động : Ôn tập

a. Mục tiêu:

Hs Hệ thống kiến thức cơ bản ở chương 5: VN từ khoảng TK VII trước công nguyên đến đầu TK X (các bài 19,20,21)

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

Em hãy thiết kế sản phẩm trình bày về 1 trong 3 nội dung sau:

1. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng (Nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa)
2. Vương quốc Cham pa (sự hình thành, hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội, thành tựu văn hóa)
3. Vương quốc Phù Nam (sự hình thành, tổ chức xã hội, hoạt động kinh tế, thành tựu văn hóa)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

-Hs thảo luận thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, theo hình thức dự án học tập.

Gợi ý sản phẩm: Tranh vẽ+ kể chuyện, sơ đồ tư duy, bảng tổng hợp kiến thức, bộ sưu tập ảnh...

Gv đưa ra tiêu chí đánh giá sản phẩm

Tiêu chí/ Mức độ	Nội dung	Hình thức	Cách trình bày
Mức 1 (9-10 đ)	Nội dung đầy đủ, ngắn gọn súc tích	Hình thức đẹp,sáng tạo	Trình bày lưu loát, tự tin
Mức 2 (7-8 đ)	Nội dung đầy đủ nhưng chưa ngắn gọn	Hình thức trình bày đẹp nhưng chưa thể hiện tính sáng tạo	Trình bày rõ ràng, ko sai chính tả
Mức 3 (từ 6đ trở xuống)	Nội dung chưa đầy đủ, chưa súc tích	Hình thức chưa đẹp, bản, lem nhem	Trình bày chưa tự tin, còn ngập ngừng, nói nhỏ

Bước 3: các nhóm trình bày sp, cả lớp chấm điểm dựa theo tiêu chí đánh giá gv đã nêu

Dự kiến nd sản phẩm

Nguyên nhân	Diễn biến	Kết quả	Ý nghĩa
Do Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ để đoạt chức Tiết độ sứ, sau đó cầu cứu quân Nam Hán đánh ta	Kế hoạch của Ngô Quyền: - Ngô Quyền vào thành Đại La (Tống Bình) bắt giết Kiều công Tiễn, khân trưng chuẩn bị chống xâm lược. - Chủ động đón đánh quân Nam Hán. - Ngô Quyền bố trí trận địa: Xây dựng cửa sông Bạch Đằng thành một trận địa cọc ngầm. - Cuối năm 938 đoàn thuyền chiến của quân Nam Hán do Lưu Hoằng Tháo chỉ huy kéo vào bờ biển nước ta. - Lúc này thủy triều đang dâng cao. Ngô Quyền cho quân đánh nhẹ như quân Nam Hán tiến sâu vào bãi cọc ngầm ma không biết. - Khi nước triều bắt đầu rút, Ngô Quyền dốc toàn lực lượng đánh quật trở lại. Quân Nam Hán kháng cự không nổi chạy ra biển	- Trận Bạch Đằng của Ngô Quyền kết thúc thắng lợi.	* Ý nghĩa: - Đề bẹp ý chí xâm lược của kẻ thù. - Chấm dứt hoàn toàn ách đô hộ hơn 1000 năm của các triều đại phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập lâu dài cho dân tộc.

	- Quân Hán rối loạn, thuyền xô vào bãi cọc vỡ tan tành. Hoàng Tháo bị giết tại trận. - Vua Nam Hán, được tin bại trận hoảng hốt rút quân về nước		
--	---	--	--

Vương quốc Chăm pa

Yêu cầu	Nội dung chính
Quá trình hình thành	- Cuối thế kỷ II, nhân dân Tượng Lâm giành độc lập, giành quyền tự chủ, lập nước Lâm Ấp. Khoảng thế kỉ VII, tên nước đổi thành Chăm-pa.
Phạm vi lãnh thổ	Từ dãy Hoành Sơn đến Phan Rang, Bình Thuận.
Hoạt động kinh tế	- Sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, một năm hai vụ. - Nghề làm gốm, xây dựng, khai thác lâm sản, đóng thuyền, đánh bắt cá... cũng phát triển. - Chăm-pa trở thành cầu nối trao đổi, buôn bán thường xuyên của các thương nhân Trung Quốc, Ấn Độ...
Tổ chức xã hội	- Vua đứng đầu vương quốc - Bộ máy được tổ chức từ trung ương đến địa phương
Thành tựu văn hóa	- Chữ viết : trên cơ sở chữ Phạn sáng tạo ra chữ Chăm - Tôn giáo: Phật giáo, Bà la môn - Nghệ thuật: Múa hát, âm nhạc - Kiến trúc, điêu khắc: đền thờ, tượng Phật (khu di tích Mỹ Sơn)

Vương quốc Phù Nam

Yêu cầu	Nội dung chính
Quá trình hình thành	- Vương quốc Phù Nam ra đời khoảng thế kỉ I, Địa bàn chủ yếu là khu vực Nam Bộ nước ta hiện nay - Óc Eo (An Giang, Việt Nam) và Ăng-co Bo-rây (Cam-pu-chia) là những trung tâm chính trị, kinh tế quan trọng.
Hoạt động kinh tế	-trồng lúa nước, chăn nuôi gà, lợn, đánh bắt thủy - hải sản, làm đồ thủ công như đồ gốm, trang sức, đồ đựng bằng thủy tinh, luyện đồng và rèn sắt, chế tạo công cụ sản xuất, vũ khí,...buôn bán với các thương nhân Trung Quốc, Chăm.. thông qua các cảng thị, tiêu biểu là óc Eo.
Tổ chức xã hội	- Nhà nước quản chủ chuyên chế: vua đứng đầu vương quốc và có quyền lực cao nhất; dưới vua là hệ thống quan lại trong một hệ thống quan lại với nhiều cấp bậc. - Xã hội phân thành 5 thành phần chính: quý tộc, tăng lữ, thương nhân, thợ thủ công và nông dân.
Thành tựu văn hóa	-Đời sống vật chất : làm nhà sàn, nhà trên kênh rạch, đi lại bằng ghe, thuyền - chữ viết : chữ Phạn -Tôn giáo ; Hin đư giáo và Phật giáo -Điêu khắc : tượng Phật

Bước 4: Gv nhận xét, bổ sung, đánh giá

3. Hoạt động : Luyện tập

a. Mục tiêu:

Hs vận dụng kiến thức đã học trong 3 bài để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong bài tập

b. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ: hs làm bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Từ thế kỉ VII, nước Lâm Ấp đổi tên thành

A. Cham-pa. B. Pê-gu. C. Phù Nam. D. Sri Vi-giay-a.

Câu 2: Người lãnh đạo nhân dân Tượng Lâm nổi dậy khởi nghĩa, chống lại ách cai trị của nhà Hán (năm 192) là

A. Lý Bí. B. Hai Bà Trưng. C. Khu Liên. D. Bà Triệu.

Câu 3: Vương quốc Lâm Ấp ra đời trên cơ sở nào dưới đây?

A. Kỹ thuật đúc đồng của người Việt cổ phát triển ở trình độ cao.
B. Thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống nhà Hán của nhân dân Tượng Lâm.
C. Thắng lợi của chiến thắng Bạch Đằng năm 938 do Ngô Quyền tổ chức.
D. Thành tựu của nền văn hóa Óc Eo ở vùng Nam Bộ của Việt Nam.

Câu 4: Tên gọi ban đầu khi mới thành lập của Vương quốc Cham-pa là

A. Phù Nam. B. Văn Lang. C. Âu Lạc. D. Lâm Ấp

Lãnh thổ Vương quốc Cham-pa chủ yếu thuộc khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

A. Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ

Sản vật nổi tiếng nhất của vương quốc Cham-pa là

A. vàng. B. ngà voi. C. nhung hươu. D. trầm hương.

Hai tôn giáo nào của người Ấn Độ được du nhập vào Cham-pa?

A. Hồi giáo và Thiên Chúa giáo. B. Ấn Độ giáo và Hồi giáo.
C. Phật giáo và Ấn Độ giáo. D. Thiên Chúa giáo và Phật giáo

Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Cha-pa là

A. sản xuất nông nghiệp. B. sản xuất thủ công nghiệp.
C. khai thác thủy – hải sản. D. buôn bán qua đường biển.

Đô thị nào dưới đây là một trong những trung tâm chính trị, kinh tế quan trọng của Vương quốc Phù Nam?

A. Pa-lem-bang. B. Pi-rê. C. Óc Eo. D. Trà Kiệu.

Địa bàn chủ yếu của vương quốc Phù Nam là khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

A. Tây Nguyên. B. Tây Bắc. C. Đông Bắc. D. Nam Bộ

Trong quá trình giao lưu buôn bán quốc tế, người Phù Nam đã chủ động tiếp nhận các tôn giáo nào từ Ấn Độ?

A. Phật giáo và Đạo giáo. B. Nho giáo và Thiên Chúa giáo.
C. Phật giáo và Ấn Độ giáo. D. Đạo giáo và Nho giáo.

Tượng Phật và thần Visnu được tìm thấy tại các di chỉ văn hóa Óc Eo đã phản ánh điều gì về văn hóa Phù Nam?

A. Không có sự giao lưu, tiếp xúc với các nền văn hóa trên thế giới.
B. Phù Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc từ văn hóa Trung Quốc.

- C. Người Phù Nam đã sáng tạo ra Phật giáo và Hin-đu giáo.
 - D. Phật giáo và Ấn Độ giáo sớm được du nhập vào Phù Nam.
- Ở Vương quốc Phù Nam, dấu ấn của đời sống sông nước được thể hiện như thế nào?
- A. Có tín ngưỡng đa thần, tiêu biểu là thờ thần Mặt Trời.
 - B. Phật giáo và Ấn Độ giáo sớm được du nhập vào Phù Nam.
 - C. Làm nhà sàn trên kênh rạch, đi lại chủ yếu bằng mảng, ghe thuyền.
 - D. Nghề tạc tượng các vị thần, Phật rất phát triển, mang phong cách riêng.

4.Hoạt động : Vận dụng:

a.Mục tiêu: hs vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong tình huống thực tiễn

b.Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Tìm dẫn chứng về những nét văn hóa của cư dân ChamPa và Phù Nam vẫn còn tồn tại đến ngày nay?

Bước 2: hs thảo luận theo bàn thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Hs báo cáo kết quả

Bước 4: Gv nhận xét, kết luận

